

## Tác Giả và Tác Phẩm

### Lê Đạt (1)

#### Tiểu sử

Tên thật: Lê Công Đạt. Sinh ngày 9.10.1929 tại A Lữ, Yên Bái.

#### Tác phẩm

Trước Nhân văn, tập thơ: *Thế giới này là của chúng ta, Bài thơ trên ghế đá, Cửa biển* (in chung cùng Trần Dần, Văn Cao, Hoàng Cầm)



Phố cổ - tranh Bùi Xuân Phái (1920-1988)

### Mục Lục

#### Bài Haiku – 2

Lê Đạt và Bóng Chữ – Đặng Tiến – 6

Bức tranh có ma - 10

Câu chuyện văn nghệ đêm giao thừa...– Thụy Khuê – 16

Tượng Balzac - 19

Những đoàn khúc Lê Đạt – Phạm Xuân Nguyên – 25

Lê Đạt, người hiền - Nguyễn Ngọc - 32

Nhân văn, "người và việc" Hoàng Khởi Phong - 34

#### Phụ đính Wikipedia:

Phong Trào Nhân Văn Giai Phẩm  
Nhân Văn Giai Phẩm với Lê Đạt

(Tim bài đọc: ở "Keyboard", nhấn nút "F5", đánh số trang, rồi "Enter")

## Bài Haiku

*Hương thấp gọi ba lần không đáp lửa*

*Hồn có nhà hay bát mộ đi xanh...*

Tướng quân Yoda là shogun lấy lòng một thời. Ông bỗng chán cảnh binh đao rửa tay gác kiếm, gửi lại quyền binh cho người em ruột, rút lui vào một tu viện chính ông cất công xây dựng ngay trong quần thể dinh cơ của mình. Cung viện không đồ sộ, tráng lệ như cung shogun nhưng cũng đường bệ, u hoặc, oai nghiêm không kém gì những tu viện lớn ở Kyoto.

Tướng quân đã cho người đi sưu tập nhiều tác phẩm của các bậc đại danh họa, trong đó có những bức nổi tiếng thời đó như bức: *Con chó có tính Phật không? Chơi đàn không dây, Hoàng Bá đánh ngã Nghĩa Huyền và Nghĩa Huyền bạt tai Hoàng Bá* v. v. ... Yêu những tác phẩm hội họa đến mức Yoda kể cũng vào loại người xưa nay hiếm. Sớm sớm sau khi thức giấc, ông sửa sang mũ áo tề chỉnh đến cúi rạp đầu chào các bức tranh rồi ngồi ngay ngắn tư thế hoa sen, thiền mặc với cổ nhân, đôi mắt lim dim như cất khỏi những phức lụy của cõi tục, để đối thoại với vô cùng. Ông thường dạy các môn đồ: "Các con hãy hội kiến đại họa phẩm như hội kiến một đại vương hậu Phải cúi đầu trước kiệt tác và nín thở chờ đợi nghe nó nói ..."

Chẳng bao lâu tu viện của ông trở thành một nơi hành hương nổi tiếng vùng Nagoya. Đám đông, sùng đạo có, tò mò có, từ khắp nơi kéo tới. Yoda nay trở thành một thượng tọa danh tiếng còn lấy lòng hơn cả thời trận mạc kia, nhất cử nhất động đều khoan thai, dịu dàng đã có một thời ... máu đỏ đầu rơi nơi cung kiếm. Tu viện của ông sạch như lau cũng như nét mặt thuần khiết và nghiêm cẩn của ông ... Tưởng chừng như không có chỗ nào khuất tất cho một tạp niệm; một chút nhả hay dung tục ẩn bụi. Có thể nói đây là một diện mạo công khai toàn phần. Một người đã nhất chặt đứt mọi tơ vương với hoa hậu và đám tỷ thiếp, người xoàng nhất cũng quyền rũ hơn bất cứ một geisha hảo hạng nào nơi kinh kỳ, người ấy phải có một tấm lòng thuần khiết ở mức thượng đỉnh.

Chiều chiều trên con tòng lộ, nơi ông mặc tư về lẽ trầm luân của thế sự, con họa mi trống nhiều lần đã phải bỏ dở bản tình ca ba mươi sáu điệu, e làm kinh động những ý thức siêu đẳng của bậc cao tăng.

Tu viện có một thư viện đặc biệt quý giá. Tướng quân đã cử người sang tận Trường An mua bản sao có đánh số của bộ Kinh Phật toàn tập do thầy Đường Tăng cùng Tôn Ngộ Không và Trư Bát Giới thỉnh từ Tây Trúc về. Khu sách về đạo thiên cũng chiếm mấy kệ đầy ắp, nhưng như chúng ta đã biết, những đại thiên sư thường hiếm khi trước tác nên phần lớn chỉ là sách chuyên khảo của các nhà thiền học.

Ngoài ra còn có bộ đồ trà thiên hạ vô song, men chảy mỏng như lá lúa, thuộc một nghệ thuật gốm đã thất truyền.

Hình như đáng tối cao cũng chứng cho lòng thành của người kiếm sĩ đã dốc lòng chuyển nghiệp nên những hạt mộng bỗng nảy mầm nơi trái tim quen với sự sát phạt, như bầy chim ngậm những chồi xanh thả mùa xuân phủ bóng rợp lục chiến trường trụi ngày xưa. Tướng quân Yoda bỗng làm thơ ... Và thơ ông được truyền tụng chẳng kém gì những chiến tích thừa trước. Chỉ ít lâu sau ông đã trở thành trưởng môn của trường phái thơ Nayoga một cách hết sức dân chủ tuy chẳng thông qua bỏ phiếu kín. Mọi người thành thật tín nhiệm ông và bầu ông

bằng tấm lòng thành im lặng của mình. Ông có thừa tiền để tự xuất bản, nhưng thấy không cần phải làm việc đó, vì giới mộ điệu tại Nayoga ai mà chẳng thuộc của ông ít nhất trên một bài ... Nỗi ao ước lớn của Yoda là gặp được Basho, người tu sĩ lang thang kiêm nhà thơ danh tiếng nhất thời đó. Mà gặp Baso có khi còn khó hơn gặp Hoàng Đế, vì Hoàng Đế tuy cao sang mà còn có địa chỉ. Basho thì vô định như một đám mây ma cà bông vào một ngày thu nổi gió.

Yoda đã cho người đi khắp nơi cố tìm mua một bức chân dung của Basho. Không được cái may hội ngộ thì cũng gặp nhau qua nét vẽ cho thỏa lòng ngưỡng vọng. Nhưng tìm hoài không đâu có. Hình như Basho mặt mũi quá xoàng để có thể ghi lại được bằng nét vẽ. Thiên hạ đồn rằng một lần có một nhóm họa sỹ mướn một tài Basho đã khẩn khoản mời nhà thơ tới để vẽ một bức chân dung. Basho vốn tính cả nể và thích rượu mà nhóm họa sỹ kia đều là những nghệ sỹ nổi danh và càng nổi danh hơn về cái khoản tử sỹ. Điều kiện lại hấp dẫn, Basho không phải ngồi bất động làm người mẫu mà cứ thoải mái hành tửu trong lúc các họa sỹ hành nghề. Một chục nhà danh họa vẽ Basho, người nào cũng khăng khăng phác thảo Basho của mình mới đích thực. Và trong khi mọi người tranh luận hăm hở về Basho đích thực thì ông Basho bằng xương bằng thịt sau khi đã tu hết rượu, bản thân mình cũng chẳng biết đích thực là thế nào đã lặng lẽ bỏ đi. Trôi chuyênh khoáng gió như thế này ai lại hóa đại ngồi một chỗ khi con đường trước mặt tung tăng như một lời mời viễn du.

Cuộc vẽ bỏ dở và mãi cho đến giờ Basho vẫn chưa có chân dung.

"Người thì thậm xấu hát thì thậm hay". Ai đã có được bức chân dung Trương Chi? Không biết Basho có thậm xấu như Trương Chi không nhưng thơ Basho quả thậm hay. Đã bao lần Yoda đọc lại bài Haiku của Basho:

*Trong đại im  
Tiếng để ăn vào  
Thớ đá ...*

Theo trí nhớ uyên bác của Yoda thì chưa có nhà thơ nào nói tới cõi đại im kia.

Chỉ non một chục chữ. Ôi ước gì mỗi chữ như một chiếc hộp, ta có thể tháo nắp ra xem bên trong nó chứa đựng những gì mà tinh vi mà ảo diệu đến vậy... Ước gì trong những giờ thiền định của mình, Yoda chỉ một lần đạt tới cõi "đại im" kia

Đã nhiều đêm Yoda theo dõi những chữ của bài thơ như người cổ sơ theo dõi chòm thất tinh lấp lánh trên nền trời... thậm hỏi về ý nghĩa cuộc đời: Trong cõi "đại im" mệnh mông... những ngôi sao, những con chữ cứ lấp lánh... lấp lánh mãi... hàng nghìn tín hiệu ánh sáng thăm thẳm nghĩa.

Cho nên khi được tin Basho đang quanh quất ở địa phương, Yoda lập tức ra lệnh cho các môn đồ chia các ngã đi kiếm bằng được người kỳ sỹ mời về tu viện.

Một nhóm tam tam may mắn gặp Basho đang ngủ dưới một gốc cây bàng già, cả người toát ra mùi sake, quần áo sộc sịch, mặt mũi dung tục như một nông phu. Chẳng lẽ một kẻ tục tử như thế kia lại là một nhà thơ Basho lừng danh ? Người môn đồ tâm phúc của Yoda đã hỏi đi hỏi lại ông già quán gần đó: "Có đúng ông này là nhà thơ Baso không ?" Ông già quán trả lời thật thà: "Không biết có phải là nhà thơ Baso không, nhưng ông ta đúng là Baso thường nợ tiền rượu của lão".

Người môn đồ thất vọng. Chẳng lẽ nhà thơ Basho lại đi uống rượu chịu ? Nhưng vốn biết tính sự phụ rất mực nghiêm khắc, anh ta cứ cho vống cái thùng cha say rượu có tên Basho kia về.

Nhìn con người bụi bặm rơi đầy tạp chất trên nền gạch như gương của tu viện, nằm ngủ chảy cả dãi xuống nệm quý, Yoda không khỏi băn khoăn. Đây có phải đích thực Basho không?

Nhưng kìa nhà thơ đã tỉnh giấc. Yoda trân trọng lấy bộ đồ trà cực quý như ta đã biết, hai tay nâng bát trà lên ngang mày cung kính mời khách. Chừng say rượu nên khát nước, Basho cầm bát trà, chẳng cần để ý đến loại men quý cũng chẳng cần đáp lễ, uống đánh ực một cái. Và chẳng đợi chủ nhân tiếp thêm, ông tự tay múc trà uống thêm hai bát nữa như phờng ngu ằm. Người đầy công hàm dưỡng như Yoda mà cũng phải nhịu mày. Kẻ phàm phu này là nhà thơ Basho thật ư ? Nhưng nom ông uống hồn nhiên và ngon lành quá đến nỗi người ta có thể nghĩ tất cả những nghi thức uống trà đều là trò rắc rối thiên hạ bịa ra để làm phiền nhau một cách vô tích sự. Yoda hơi dao động. Đây là kẻ tục tử hay một đại thánh nhân đạt tới mức bình thường tâm mà đại thiên sư Cổ Đức đã gói gọn trong một lời kệ nổi tiếng: "Khi đói ta ăn, khi mệt ta ngủ ?" Uống nước xong, vẻ đã đỡ khát, Basho ngược nhìn những bức họa phẩm. Ông cười hí hí như trẻ thơ. Không những thế, khi đến bức tranh *Hoàng Bá đánh ngã Nghĩa Huyền và Nghĩa Huyền bạt tai Hoàng Bá*, ông còn giơ tay tát thêm cho Hoàng Bá một cái về hết sức thú vị: "Cho hấn một cái tát nữa".

Dung tục hết chỗ nói, nhưng...

Nhưng câu hỏi quái ác: "Dung tục hay thánh nhân." "thánh nhân hay dung tục" cứ vọng động mặt hồ vốn tĩnh lặng của một tâm hồn dày công tu luyện đã gần tới bậc thượng thừa.

Yoda cách đó ít ngày có sáng tác một bài Haiku đặc biệt ưng ý:

*Con chuồn chuồn ngô*

*Bút hai cánh*

*Quả ớt*

Bài thơ được các thi sĩ trường phái Nagoya cực lực tán thưởng. Nó không những đột ngột về mặt nghệ thuật mà còn thâm sâu về mặt tư tưởng. Chỉ mấy dòng thơ ngắn mà diễn được vòng luân hồi và thuyết vạn vật nhất thể của đạo Phật.

Yoda đã chép bài thơ trên một mảnh giấy lụa siêu hạng, nét bút tung hoành như đường kiếm tuyệt luân. Tướng quân nửa cung kính, nửa tự hào đưa Basho. Ông ta liếc mắt xem qua rồi từ từ đưa ngược tờ giấy.

Thế này thì quá lắm! Chắc Basho giả đứt đuôi đi rồi. Chẳng lẽ làm thơ lại không biết chữ, lại đọc ngược?

Cố nén bực tức nhưng vẫn không rữ bỏ được hết gay gắt, Yoda nói:

- Ngài đọc ngược ...

Tướng quân bỗng rùng mình. Ông cảm thấy như mắt Basho lấp lánh những ánh trắng biếc của thú thần kiếm. Đúng không? Hay đó chỉ là một ảo giác? Yoda chưa kịp xác định thì đã nghe thấy Basho nói thản nhiên, chẳng biết nghiêm túc hay bông lơn:

- Ngược thế mới thuận.

Và ông lấy bút viết nguệch ngoạc:

*Quả ớt*

*Chấp hai cánh  
Chuồn chuồn ngô*

Yoda cầm tờ giấy lạng người Chao ôi! chỉ một cái đảo ngược mà đường trường vạn thủy thiên sơn có khi trọn đời tu dưỡng ông chưa chắc đã vượt qua nổi

Ông triền miên trong ý nghĩ, thương cho cái sát kiếp còn quá nặng căn của mình. Khi ông bừng tỉnh thì Basho đã biến mất tự bao giờ.

Tướng quân gọi người môn đồ tâm phúc:

- Basho đại nhân đâu? Người chạy đi tìm ngay về cho ta.

Người môn đồ hốt hải chạy tới chỗ người gác cổng vừa thờ vừa hỏi:

-Basho đại nhân đâu?

Người gác cổng ngơ ngác:

- Đại nhân nào? Có phải cái lão đạo sĩ say rượu hồi nãy không? Chết, lão ta ăn cắp cái gì của tướng quân... Tôi biết ngay mà... Nom lão gian lắm... Tôi đã khám bị rồi. Chỉ toàn một thứ giẻ rách với một bình rượu.

Rồi hấn giậm chân xuống sàn nhà bình bịch:

- Khổ quá, tôi quên không khám bình rượu ... Chắc lão ta xoay thứ mỹ tửu của tướng quân!

Người môn đồ ngắt lời:

- Ông ta có gọi lại gì không?

Người gác cổng gãi tai:

- Có... Có ... Lão ta có gọi lại một tờ giấy bản thì tôi quảng đây không biết bay đâu ...

Người môn đồ nghiêm nét mặt:

- Người tìm ngay ... nếu mất thì ăn đòn...

Người gác cổng giơ tay lên trời:

- Khổ quá, cậu không tin tôi sao. Chỉ có tờ giấy trắng hạng bét không có chữ.

Trước nét mặt làm li của người môn đồ, lão gác cổng đành lúi húi bò tìm các xó nhà, các gầm ghế ... Tìm mãi mới thấy.

Thì ra hấn nói đúng. Chỉ có một tờ giấy thứ phẩm ... chưa viết. Người môn đồ đem vào dâng thầy. Yoda cầm mảnh giấy trắng trơn, suy nghĩ rất lung... Rồi thấy ông từ từ đứng dậy, treo mảnh giấy bên những đại họa phẩm... Ông đứng ngắm một hồi lâu. Bỗng ông ôm bụng cười. Cười ngặt nghèo như cả đời ông chưa bao giờ được thỏa chí một bữa cười ngon như vậy...

Trích trong tập "Hèn đại nhân"

## Lê Đạt và *Bóng Chữ* Đặng Tiến



Lê Đạt

*J'ai reculé les limites du cri*  
Paul Eluard, 1940

*Bóng Chữ* tập thơ Lê Đạt từ ngày xuất bản, 1994, đến nay, đã gây nhiều dư vang và dư luận, một hiện tượng hiếm hoi trong lĩnh vực thơ, và đáng mừng vì chúng tỏ ngày nay còn có nhiều người lưu ý đến thi ca. Cuộc thảo luận, kéo dài non một năm nay, tuy chưa mở ra được những nẻo đường mới, chưa giải phóng những tiềm năng sáng tạo dồn nén trong thơ từ nhiều thập niên qua, trước một nền thi ca thế giới thường xuyên đổi mới, vẫn là một tiến bộ. Những giáo điều đang thay đổi, vẫn là giáo điều nhưng cũng có đổi thay.

*Bóng Chữ* là một tác phẩm quan trọng tâm huyết của một tác gia đã làm thơ non nửa thế kỷ.

*Thế Giới Đây Là Của Chúng Ta* tập thơ đầu tay của Lê Đạt đã xuất bản từ 1955, sau đó là *Bài Thơ Trên Ghế Đá*, 1957. Nhưng cùng với nhiều bạn thơ khác như Hoàng Cầm, Trần Dần, Văn Cao cùng in chung một tập thơ *Cửa Biển*, nhà thơ Lê Đạt dính vào phong trào Nhân Văn Giai Phẩm nên bị trừ yếm suốt non ba mươi năm. Dư luận ít nhắc đến Lê Đạt, tư liệu về anh cũng không nhiều.

Theo kỷ yếu của Hội nhà văn, Lê Đạt tên thật là Đào Công Đạt, sinh ngày 10.9.1929 tại làng Ấ Lữ, tỉnh Bắc Giang, bên bờ sông Thương, gần Yên Thế. "*Đất quê cha tôi / đất quê Đề Thám*" (*Bóng Chữ*, tr. 7), anh lớn lên tại "*một tỉnh thượng du bụi đỏ / Bên Âu Lâu sông Hồng*" (tr.14) và hiện sống tại Hà Nội, "*9 gác Lãn Ông / Lòng xanh xuân chờ*" (tr. 84).

*Bóng Chữ* còn mang đậm nhiều chi tiết khác trong đời sống thực sự của tác giả. Tập thơ không phải trò chơi chữ chập chờn như đã có người nói mà là ám ảnh của một đời dài gian lao, lận đận.

\*

Tập thơ gồm 108 bài, phần nhiều thơ ngắn, hai câu, năm mươi câu ; dăm bài dài nhất chỉ độ trăm câu. Hai mươi bài thơ (ngắn) làm từ 1965 đã in chung với thơ Dương Tường trong tập 36 *Bài Tình* (1989). Bài *Cha Tôi* làm từ 1956. Đoạn văn xuôi *Nhân Con Ngựa Gỗ* là tuyên ngôn của trường phái thơ Lê Đạt, trích đoạn một bài báo đã đăng trên tạp chí Tác Phẩm Mới số 3-1992 trong đó tác giả xác định quan điểm sáng tác : "*thơ phải cô đúc, đa nghĩa. Đa nghĩa vì câu thơ mang nặng lịch sử chữ, hoạt động ở nhiều tầng văn hoá, cả trong ý thức lẫn vô thức người viết (...)* Nói như Valéry chữ trong thơ và văn xuôi tuy giống nhau về hình thức nhưng khác nhau về giá trị (...) Nhà thơ làm chữ chủ yếu không phải ở nghĩa " tiêu dùng " nghĩa tự vị của nó mà còn ở diện mạo, âm lượng, độ vang vọng, sức gợi cảm của chữ trong tương quan hữu cơ với câu thơ và bài thơ" (tr. 50). Điều này hiển nhiên và không mới, các nhà văn nhà thơ phương Tây đã nói cách đây hàng trăm năm, nhóm *Xuân Thu Nhã Tập* tại Việt Nam đã vang vọng từ 1942 (in lại tại Hà Nội 1992). Từ thời Kháng chiến chống Pháp gian nan (1949) Nguyễn Đình Thi đã viết : "*Chữ và tiếng trong thơ phải còn có một giá trị khác, ngoài giá trị ý niệm.*

Người làm thơ chọn chữ và tiếng không những vì nghĩa của nó, cái nghĩa thế nào là thế ấy, đóng lại trong một khung sắt. Điều kỳ diệu của thơ là mỗi tiếng mỗi chữ, ngoài cái nghĩa của nó, ngoài công dụng tên của sự vật, bỗng tự phá tung ra, mở rộng ra, gọi đến chung quanh nó những cảm xúc, những hình ảnh không ngờ, toả ra chung quanh nó một vùng ánh sáng động đậy. Sức mạnh nhất của câu thơ là ở sức gọi ấy". Nguyễn Đình Thi đã dùng một hình ảnh cụ thể, đúng và đẹp : " Mỗi chữ như một ngọn nến đang cháy, những ngọn nến ấy xếp bên nhau thành một vùng ánh sáng chung. Ánh sáng không những ở đầu ngọn nến, nó ở tất cả chung quanh những ngọn nến. Ý thơ không những trong những chữ, nó vây bọc chung quanh. Người xưa nói : thi tại ngôn ngoại. " (1)

Về địa hạt này, bản thân tôi cũng đã có đóng góp nhiều bài. Thơ là gì ? Thơ hay và văn hay. (2)

### I. Lăm rằm nắng cúc

Bóng Chữ của Lê Đạt ghi lại lịch sử một đời người, qua buồn vui một cá nhân, giữa thăng trầm của dân tộc, và trăn trở của một nghệ sĩ thường xuyên tra vấn ngôn ngữ. Ba yếu tố ấy quyện vào nhau làm nền cho tập thơ, nhưng thành phần thứ ba, những thí nghiệm ngôn ngữ có phần khúc mắc, che lấp tình, ý của tác giả, dễ làm người đọc lạc hướng và lạc lối. Sự thật Lê Đạt chỉ tạo rung cảm mới bằng một vài thủ pháp : đảo ngữ, ẩn ngữ, nhấn mạnh vào ngữ âm, khai thác tính đa nghĩa trong từ vựng, sử dụng điển cố văn học một cách rộng rãi, từ tục ngữ, ca dao đến thi pháp nước ngoài. Khai thác kinh nghiệm những người đi trước, từ Baudelaire, Maiakovski đến thơ siêu thực và hiện đại Pháp, tiếp cận những lý thuyết văn học, ngữ học và nhân học mới, Lê Đạt thực tâm muốn làm mới thơ mình. Nói theo ngôn ngữ phê bình hiện đại, thì Lê Đạt khai thác triệt để khả năng văn học của ngôn ngữ về hai mặt từ hệ (*paradigme*) và từ tổ (*syntagme*), lịch đại (*diachronie*) và đồng đại (*synchronie*). Thơ Lê Đạt, dù cầu kỳ, cũng không thoát khỏi bốn cạnh của ô vuông đó.

Thử đọc một câu thơ Lê Đạt :

*Liều đầu cành độc thoại đoạn trường xanh*

(Tỏ Tình, tr. 35)

Chữ nghĩa, mặc nhiên, nhắc tới cuộc chia ly trong Chinh Phụ Ngâm :

*Liều dương biết thiếp đoạn trường này chẳng*

(Dương liễu na tri thiếp đoạn trường)

Chữ độc thoại sâu sắc : con người hỏi cây liễu về nỗi lòng mình, còn cây liễu thì... hỏi ai ? Lê Đạt đã nói lên được niềm cô đơn câm nín của những cuộc đời không có tiếng nói, hay có tiếng nói mà không ai nghe, không ai hiểu.

Chữ xanh trong " *đoạn trường xanh* " rất hay vì nhắc lại ý " *đoạn trường tân thanh* ", và tạo cho hai chữ " *tân thanh* " một ý nghĩa khác với Nguyễn Du.

Vấn một chữ liễu :

*Cầu nước chảy bóng chiều xuân tha thướt*

*Xanh Thanh minh em thổi liễu vô hình*

(bài Nguyễn Du, tr.112)

Câu thơ nhắc đến Kiều, đoạn tả Thanh minh :

*Dưới dòng nước chảy trong veo*

*Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha*

và có lẽ cần nhớ thêm cầu thệ thủy với quán thu phong của Ôn Như Hầu. Trong Kiều, khi chàng Kim ngoái lại nhìn, còn thấy Thủy Kiều, dần dần hình ảnh cô gái nhoà đi trong dáng liễu, nhưng vẫn còn dáng liễu và ánh nắng. Trong Lê Đạt, hạnh phúc qua đi là mất hết.

Một chữ liễu khác :

*Cười tít ông già gốc liễu  
Ở ẩn còn trông bích đào*  
(bài Đào Uyên Minh, tr.102)

Đào Tiềm, tự là Uyên Minh có bài ký kể *Chuyện Ông Già Năm Cây Liễu*, lánh đời, ẩn dật bên cạnh năm cây liễu. Câu thơ Lê Đạt tinh quái ở một chữ " còn " đối lập " ở ẩn " với " bích đào ", ý nói tránh tục lụy mà vẫn còn mê nhan sắc. Chữ *cười tít* thân mật, hài hước, ngụ ý : trông liễu, trông cúc hay bích đào, mê say cái này hay cái khác ở đời, cũng vậy thôi.

Người xưa có chuộng cánh chim chiều trên núi Nam San như Đào Tiềm hay yêu cô gái hái sen như Bạch Cư Dị :

*Cô gái trộm hái sen về ủ tuổi  
Lông khuy cài gió thổi một dòng hương*  
(bài Bạch Cư Dị, tr.104)

Ngày nay thích cái quần *jin xố dài* cũng vậy thôi.  
Bài thơ về Hồ Xuân Hương vốn vẹn hai câu :

*Xuân chẳng buồn hương,  
Sao bướm vượt đường  
Kìa hoa leo tường là hoa dâm bụt*  
(bài Hồ Xuân Hương, tr.112)

Câu sau cấu trúc theo đồng dao lại dựa trên hình ảnh leo tường theo cổ văn (Mạnh Tử, Tống Ngọc...) gọi cảnh trai gái vụng trộm, nhưng người đọc không cần hiểu đến ngành đến ngọn như thế, cũng đoán ra được ý. Và hay nhất là chữ " *dâm bụt* ", một loài hoa dại " *không trông mà mọc* " tươi thắm, lộ liễu, nở trên những hàng rào bờ giậu : đã bụt rồi mà vẫn còn... dâm. Ranh mãnh không kém Xuân Hương. Một lối đối lập như vậy nhưng đau thương hơn :

*Ai xui em đẹp em xinh  
Ba lần con thiếu gáy*  
(Mới Tuổi, tr.25)

Đau đớn vì một chữ " *thiếu* " : con gà, bộ phận sinh dục bị phé thải, mà vẫn còn tình yêu, vẫn còn thể thiết " *gáy* ". Tiếng gọi tình tuyệt vọng, " *nào nùng* " hơn tiếng gà trong thơ Lưu Trọng Lư. Ba lần là tiếng gọi hồn :

*Hương thấp ba lần không đáp lửa  
Hồn có nhà hay bát mộ đi xanh*  
(Thanh Minh, tr.134)

Thơ Lê Đạt thường đòi hỏi người đọc phải suy nghĩ về từ ngữ, ngay cả trong những đề tài thờ ỉ sự :

*Tuổi Việt Minh thu bằm sáu bển cờ hồng  
Áo bướm phố truyền đơn  
Nắng râm má bông thơm mười chín*  
(Tuổi Việt Minh, tr.100)

Hai câu đầu dễ đoán : Hà Nội ba mươi sáu phố phường, vào những ngày cách mạng mùa thu tràn ngập cờ hồng. Và truyền đơn bướm bướm bay như những tà áo, Hàng Đào, Hồ Gươm đã một thời nổi tiếng. Nhưng còn " *má bông* " ? Ở đây phải biết câu tục ngữ : tháng tám nắng râm trái...bưởi, chị em với...bông ! Từ đó, lộ ra ý " *tháng tám* " và " *mười chín* " là ngày Hà Nội cướp chính quyền 19-8-1945. Dĩ nhiên ai hiểu *tuổi mười chín thơm đôi má hay má chín như trái bông*, cũng không sao.



Thu Nhà Em là một bài thơ hay và trong sáng :

Anh đến mùa thu nhà em  
Nắng cúc lăm rằm vũng nhỏ  
Mà cho đầy rửa lông mày  
Nông nổi heo may từ đó  
Mưa đêm tuổi nổi ao đầy  
Đôi cốm đường thon ngõ cỏ  
Bướm lượn bay hoa ngày  
Tin phấn vàng hay thuở gió  
Tóc hong mùi ca dao  
Thu rất em và xanh rất cao  
(Thu Nhà Em, tr.26)

Âm điệu bay nhẹ trên những cánh thơ sáu chữ nhiều âm bằng, nhiều chữ em và vần m. Một câu thơ cô đúc :

*Nắng cúc lăm rằm vũng nhỏ*

Chữ " lăm rằm " không có trong từ điển, có lẽ do Tản Đà sáng tạo trong bài Gửi Chị Hàng Cau (1916) :

*Ai đang độ ấy lăm rằm mắt*

Tản Đà tạo ra từ " lăm rằm " trên nhiều cơ sở : tiếng Việt đã có những chữ na ná : " lăm tằm " và " lăm râm " : *mưa lăm râm ướt đầm lá hẹ* trong ca dao. Lại có :

- *Cô nào con mắt lá rằm*

*Đôi mày lá liễu đáng trăm quan tiền*

- *Cổ tay em trắng như ngà*

*Đôi mắt em liếc như là dao cau*

Bài thơ Tản Đà gửi cô hàng cau, và gợi hình ảnh đôi mắt tình tứ. Trong câu thơ Lê Đạt, chữ *lăm rằm* tả ánh nắng lăm tằm, lăm rằm trên vũng nước, mà đồng thời gợi tác dụng của đôi mắt : hình ảnh toàn bài thơ phản ánh ca dao :

*Trên trời có đám mây xanh*

(...)

*Đừng rửa lông mày chết cá ao anh*

Trong thơ Lê Đạt " *vũng nhỏ* " nhắc lại đôi mắt, vào một ngày thu biêng biếc : nước phải thật trong và trời phải thật xanh, như trong thơ Nguyễn Khuyến, lại có thêm nắng cúc vàng hanh ấm áp.

Bình thường không ai nói " nắng cúc " mà chỉ nói trà cúc, rượu cúc : do đó màu nắng dậy lên chất men ngây ngất. Cảm giác ấy, ta có gặp trong văn xuôi : " *Buổi sáng mùa đông ngây ngất vào lối 10 giờ* " (Thanh Tâm Tuyền, *Bếp Lửa*, tr.11) hay thơ Huy Cận : *Chỉ biết trời xanh là ta say*. Người xưa nói : *thu ẩm hoàng hoa tửu* là ám chỉ rượu cúc. Lê Đạt không nói gì về rượu, người đọc vẫn ngây ngất ngây, cho đến câu cuối :

*Tóc hong mùi ca dao*

*Thu rất em và xanh rất cao*

Câu thơ trước chỉ vồn vện năm chữ mà nói lên được năm cảm giác của ngũ quan. Câu dưới biến từ loại (*nature grammaticale*) thành từ tính (*qualificatif*). Chữ " *rất* " biến " *em* " thành tính từ, trong khi chữ " *xanh* " trở thành thể từ. Không gian từ hữu thể như tan biến, như thăng hoa thành vô thể, trong " *quãng trời hình như không có màu nữa, cao lên và rộng mông mênh* " (Nhất Linh, trong *Đôi Bạn*, tr. 211).

*Thu Nhà Em* là một bài thơ hay và hàm súc. Bình luận sẽ không cùng khi đã biết rằng :  
*Nông nổi heo may từ đó...*

## Bức tranh có ma

*Đường nắng cánh sen đèn hội má  
Vườn màu hoa con gái bướm phù dâu*

Van Gogh vẽ miệt mài không ngơi tay. Ông cảm giác đang bơi trên một dòng sông nước xiết, ngừng lại sẽ chìm ngấm, vĩnh viễn nằm dưới đáy tối.

Những quệt màu bùng bùng chạy trên mặt toan như những tia nham thạch miệng một hỏa diệm sơn phun lửa.

Liệu màu sắc có dẫn ông tới thế giới mong đợi, nơi không còn Gauguin, người bạn tri kỷ đã phản bội ông.

"Ngày mai tôi sẽ trở về Paris..?" Gauguin hạ những chữ tàn nhẫn như lưỡi dao một đao phủ.

"Sao cậu hứa ở với mình đến hết mùa xuân. Mình van cậu, đừng đi. Cậu đi, mình ở đây với ai? Đừng đi, Gauguin... ở lại. Ở lại. Dù một tháng, dù một tuần... cậu không biết mình cô đơn thế nào? Mình cần cậu thế nào?"

Gauguin gạt tay bạn dứt khoát bước ra cửa.

"Thằng phản bội, tao sẽ giết mày."

Ánh nắng Provence lấp lóa trên lưỡi dao cạo dài. Van Gogh vừa chạy vừa thét. Gauguin từ từ quay lại, lừng lững dọa nạt như một pho tượng ăn thịt người trong những tà giáo phương Đông. Hai mắt hắn cháy đỏ như lửa địa ngục... Lạy Chúa! Nó trở thành ma quỷ rồi. Van Gogh đứng sững. Bóng Gauguin xa dần trên con đường chói nắng...

Gauguin! Quay trở lại ? Đừng đi, đừng đi... Trong một cơn tuyệt vọng, Van Gogh lấy dao cạo cắt luôn tai mình... Vẽ, vẽ đi chỉ ngừng lại một giây là những hình ảnh ma quái lại ùa về dồn dập dọa nạt. Van Gogh bóp mạnh những tuyp màu chảy tràn cả xuống đất... Vẽ... vẽ... Không thì điên, không thì chết. Chỉ màu sắc may ra có thể cứu được Van Gogh giây phút hoạn nạn này.

Quệt màu da cam hơn hớn chạy trên toan vẽ, thách thức ánh nắng đang chứa chan vào xuân... Những bông hoa mào gà chói đỏ. Đâu như có lần một người bạn nào đó cho Van Gogh biết các nhà thơ Đường bên Trung Quốc từng gọi loại hoa này là mỹ nhân thảo... Ốc tưởng tượng các nhà thơ Tàu thật tuyệt vời!

Những thân cây mào gà mảnh mai mới quỳ rũ mới đàn bà làm sao? Ước gì Van Gogh được ngập lặn trong đó, vĩnh viễn ở đó, không bao giờ trở về nữa.

Ông cầu xin màu sắc dẫn đường. Liệu chúng có dẫn ông như một người bạn đồng hành trung thành tới một ga hẻo lánh của rục rờ, của thơ nhỏ, nơi có một người yêu ông thật lòng. (Ồ, người đó cũng chẳng cần đẹp lắm). Người đó đừng phản bội ông như Gauguin, đừng xua đuổi ông như cô gái nước Anh kiêu kỳ...

Nhưng màu sắc vẫn chưa đến... Van Gogh hành hạ những tuýp vẽ. Màu ộc trên palét đỏ như vũng máu tươi. Ông đâm bút trong vũng màu, quệt máu lên mặt toan. Ông hồi hải, cuống quýt, tưởng như không còn chủ động được nữa. Màu sắc kéo tay ông vào cuộc màu hoang dại cuồng nhiệt. Van Gogh chạy theo hồn hển muốn đứt hơi.

Cánh đồng hoa mỹ nhân hiện dần trên mặt toan day dứt kỳ lạ, tưởng chừng như Van Gogh không vẽ phong cảnh bên ngoài mà mãi mê phong cảnh tâm hồn mình, những màu sắc tự sự cả một tuổi hoa niên đã qua, chồng chất những vệt đời, những khao khát, những áp ứ chết yểu. Những tầng màu bồi lên nhau những tầng kỷ niệm.

Van Gogh bỗng nghe có tiếng hát. Cánh đồng vắng tuyệt không bóng người.

Thì ra những hòa sắc màu da cam, các manh, xanh cô ban (cobalt) đang hát. Một bài hát xa vời và an lành như một bài thánh ca.

Van Gogh mỉm cười. Một cơn gió nhẹ thổi. Mặt ông bỗng thư giãn, bình yên lạ lùng. Cơn điên đã đi qua. Ave

Maria!

\*\*\*

Van Gogh thanh thần bước vào tiệm cà phê quen. Một người cao lớn bỗng xô ra giang tay chặn cửa. Sao Gauguin lại ở đây? Sao đi đâu ông cũng không thoát nổi hẳn?

- Ông đi ra ngay, không tôi gọi đội xếp.

Một giọng phụ nữ từ phía sau:

- Ô hay Jean! Sao con lại làm thế?

Một bà đứng tuổi trong quầy hàng chạy ra đon đả:

- Mời ông vào.

Thì ra đó không phải Gauguin là Jean, con bà chủ tiệm cà phê, Célestine. Bà đẩy người con trai lực lưỡng và càu nhàu sang một bên lấy lối cho Van Gogh.

Đã hơn một năm nay từ ngày tới thị trấn Ariles hầu như ngày nào Van Gogh cũng có mặt ở tiệm cà phê này.

Ông chọn một bàn vắng trong góc tối, nơi ông có thể buồn một mình, không sợ ai quấy rối. Chao ôi ! Buồn chỗ đông người dẫu sao cũng vui hơn buồn gác trọ hiu quạnh. Ông ngồi hàng giờ trước ly rượu ngải... Nghĩ đến cuộc đời bị hất hủi. Ngay từ khi lọt lòng... Tên Vincent Van Gogh bố mẹ đặt cho là tên người anh bất hạnh vừa mở mắt nhìn ánh sáng đã vĩnh viễn nhắm lại vào cõi đêm bất tận... Nhiều buổi trưa Vincent quanh quẩn bên mộ anh, cúi đầu trên tấm bia chữ khắc đậm nét. "Ở đây yên nghỉ Vincent Van Gogh." Và bỗng tự hỏi "Vincent dưới mồ và Vincent bên mồ, ai là Vincent thật?"

Cỏ xanh lay động dưới cây trúc bá lá khẽ reo hát. Vincent sống bỗng thềm Vincent chết. "Ở dưới đó chắc bình yên."

\* \* \*

Người ta thường chê Van Gogh hay lui tới đám gái chơi rẻ tiền, và buộc tội ông có những thích thú bệnh tật. Ngay Théo, người em ruột thương anh hết lòng cũng hơn một lần thắc mắc "Thiếu gì người mà anh cứ phải lui tới những nơi đó?"

Vincent cười một mình chua chát. Đúng, thiếu gì người... Nhưng vấn đề là người ta có thương mình không? Những Ursula, những Kett những cô gái dịu dàng con nhà tử tế đều khước từ một cách quyết liệt tình yêu chân thật của chàng trai rụt rè.

"Không... Không đời nào tôi thêm yêu anh!"

Chỉ có những cô gái chơi bất hạnh, xấu xí (Vincent cũng không dám mon men những cô gái chơi ít nhiều có nhan sắc) là không xua đuổi ông. Không ai hiểu rằng Vincent thêm yêu và thấp thỏm bị hắt hủi đến mức nào!

Người thiếu phụ đầu tiên chấp nhận tình yêu của ông là Clasina, một cô gái điểm mặt rỗ, cao lớn, tàn tạ. Nhưng vào lúc tàn canh chợt tỉnh trong bóng tranh tối tranh sáng thấy một thân thể đàn bà, dù người đó có đui què, nằm bên còn hơn là thức giấc cô đơn giữa cái trống lạnh mênh mông của chiếc nệm giường trắng như tấm vải liệm.

Ông bỗng nhớ cảng La Haye, một thành phố ẩm ướt, một vòm trời ám khói thấp tè trên những quán bia ồn ào. Đường phố ngổn ngang những thủy thủ say rượu vừa chệnh choạng đi vừa hát. Ôi! Cái tiếng hát người say nghe buồn đến đứt ruột. Và những bóng người dạng chân đứng đái góc cột đèn vắng để giải thoát những vại bia nốc vô tội vạ và những khối sầu mẫn tính. Xa xa là biển

và những hồi còi ú ớ thảm thiết với tiếng xích tàu sóng vỗ loảng xoảng một đoàn năm tháng khổ sai.

Nhưng đây cũng là nơi đầu tiên Van Gogh được yêu. Clasina là một gái điểm nghèo. Căn nhà nhỏ bé, trống trơn. Nàng có hai đứa con nhỏ. Lúc mẹ tiếp khách, đứa chị dắt đứa em ra bãi rác nhặt những chai bia, những đồ hộp, những con búp bê cụt đầu hay què chân xây dựng những thiên đường tưởng tượng đồ em. Những hôm trời mưa, hai chị em tha thẩn chơi dưới bức tranh Đức Mẹ

Đồng Trinh ố bụi, bức tranh độc nhất trong ngôi nhà. Cạnh những tiếng chửi thề âm ỉ. những âm thanh tục tĩu từ phía sau tấm rèm.

Clasina là một thiếu phụ kỳ lạ. Hình như người nào dám sống thành thật đều kỳ lạ. Cô uống rượu như một chiếc thùng không đáy... Hay nói theo kiểu cô: Uống rượu như một chiếc váy. Cô đã từng đọ cốc với những tay nhậu lì lợm nhất. Và hát những bài có thể đổ tai các bà xơ. Đã có lần Van Gogh chứng kiến tận mắt cảnh Clasina trừng phạt một thủy thủ quật tiền. Tên thủy thủ cao lớn đã bị Clasina đấm ngã và lột trần, chỉ còn thiếu chiếc xi líp, lão đảo chạy trên đường tuyết.

- Cái đồ đàn ông đ... quật lẽ ra phải thiên cho tiết giống!

Cũng chính cái người thiếu phụ ghê gớm ấy...

Van Gogh vẫn còn nhớ... ông đang lang thang trên bờ biển bần thiu, bơ vơ như một cái vỏ ốc luân lạc. Không biết nghĩ thế nào ông bước xuống biển lằng lặng lội về phía ngọn hải đăng chói sáng như một vùng đất hẹn, một quyển rữ... Bỗng nghe có tiếng chân lội bì bõm phía sau và tiếng gọi thất thanh:

- Anh Vincent... Anh Vincent...

Van Gogh chưa kịp quay đầu lại thì đã thấy Clasina nắm chặt lấy tay:

- Anh điên à, đi đâu ra đây? ... Khổ... em tìm anh suốt, sao đến một tuần rồi anh không tới.

Van Gogh lấp bắp:

- Tôi không có tiền.

Ông bỗng thấy Clasina lùi lại, hai mắt trợn đỏ, tay nắm chặt như muốn nắm cho ông một quả. Van Gogh bất giác lấy tay che mặt. Chỉ thấy Clasina thờ dài rồi lăm lăm nắm tay ông xềnh xệch lội đi như người mẹ lôi đứa con hư về nhà đánh đòn.

- Khổ, chân anh lạnh thế này thì đến ốm mất. Clasina quỳ xuống, hai tay ôm lấy chân ông ủ ấm, áp má vào đó, giọng bé bỏng như muốn khóc:

- Anh có biết em cần anh đến thế nào không?

Rồi nàng bé Van Gogh lên lòng. Người thanh niên rét lạnh như một hải đồng bị cai sữa quá sớm rúc đầu vào bộ ngực đồ sộ, nhàu nát của người gái chơi, ngủ lúc nào không biết...

Ru hời hời ru... Trong giấc ngủ đung đưa, hình như ông nghe thấy tiếng ru của mẹ.

Sau buổi đó Van Gogh vẽ chân dung Clasina trong bức ký họa được đời sau biết tới dưới tiêu đề "Sầu." Clasina đã ôm lấy bức tranh nức nở. Lần đầu tiên Van Gogh thấy nàng khóc xối xả như vậy. Và cứ để nước mắt ràn rụa. Clasina nghẹn ngào úp mặt vào tay Van Gogh.

"Sao anh lại biết em thời con gái?"

\* \* \*

Nước mắt Van Gogh ứa ra lúc nào không biết, lặng lẽ rơi vào ly rượu ngải đắng. Van Gogh lén lút lau nước mắt, như một kẻ gian. Nhìn dòng nước mắt lăn trên gò má gầy người trẻ tuổi, bà chủ quán khẽ chép miệng. "Hắn là con người này phải đau khổ lắm mới đến tiệm cà phê khóc một mình."

Từ ngày Van Gogh giết hụt Gauguin, cả cái thị trấn bé nhỏ này không còn dung được ông nữa. Một thằng điên như vậy không nhốt nó lại còn đợi đến bao giờ?" Và hai vợ chồng Jean, con trai bà cà phê đã hơn một lần định cấm cửa "thằng điên."

- Nó chỉ đem xúi quẩy vào nhà mình chứ béo bỏ gì? Lại còn uống chịu nữa!

Nhưng bà Célestine đã có một thái độ kiên quyết không ngờ:

- Ngày nào tôi còn làm chủ tiệm cà phê này thì không một người khách nào bước chân vào đây

bị xua đuổi.

Nhìn mặt tường lâu ngày bẩn bụi, ám khói, bà lẩm bẩm:

- Nghe nói anh ta làm thợ vẽ, không biết có quét vôi được không?

\*

Thị trấn ngày càng khó sống đối với Van Gogh. Ông nhận được nhiều thư đe dọa và đã mấy lần bị đám trẻ con ném đá. Nhà hội họa quyết định rời bỏ Arles.

Không một sợi dây tình cảm nào níu chân Van Gogh lại đây. Cô gái điếm Rachel, khi Van Gogh trân trọng đem đến tặng vành tai bê bết máu phong bao trong một mảnh giấy điều đã thét lên ù té chạy và từ ngày đó đã vĩnh viễn xa lánh ông.

À còn bà Célestine. Bà đã cư xử nhân đạo với ông, hơn nữa ông còn nợ tiền rượu của quán. Van Gogh không muốn bỏ đi như một thằng ăn quịt. Nhưng trả nợ thì phải có tiền mà Van Gogh lần cả túi trong túi ngoài chỉ còn đúng có năm mươi xu. Ông đành đem bức tranh Cánh đồng hoa mào gà đến gán nợ.

Nhìn bức tranh sù sì gớm ghiếc. bà Célestine không muốn nhận nhưng bà không đành phạt lòng người bất hạnh. Người đàn bà tốt bụng đưa cho Van Gogh mười quan và chúc ông lên đường may mắn.

Bức tranh của Van Gogh được treo ở một chỗ khuất che một khoảng tường lở vôi. Và bức tranh sẽ yên sống cuộc đời bụi bặm của nó nếu một bữa kia, một cơn gió chướng không bắt thỉnh linh thổi rơi chiếc đèn dim cả tiệm cà phê trong bóng tối.

Bỗng một tiếng kêu thất thanh "Ma!..." khiến mọi người dựng đứng tóc gáy. Cũng may đều là cánh đàn ông cả. Khi chủ quán thay đèn và không khí đã trở lại yên ổn cùng với ánh sáng, mọi người xúm quanh ông chủ hàng xén, người đã kêu thấy ma. Mặt ông vẫn còn tái xanh. ông trở về phía bức tranh:

- Tôi thấy nó bay lập loè ở đây... Một con, hai con rồi hàng chục con nhảy múa.

Ông rùng mình tợp một hơi rượu mạnh và yêu cầu thêm một ly nữa. Một khách đùa dai. "Hay bố mày say rượu, thần hồn nát thần tính." Một ngọn gió chướng lại nổi lên làm chiếc đèn chao đảo, chao đảo rồi phụt tắt. Lần này đến lượt ông khách đùa dai hét lên:

- Cứu tôi với, cứu tôi với! Ma! Ma!

Đèn lại được thắp sáng. Mọi người đến gần bức tranh. Trên mặt toan bám bụi, những chấm màu sù sì lung linh đỏ dưới ngọn đèn bị gió thổi lắc lư nom càng ma quái.

Hôm sau người ta được tin Van Gogh nằm tại một nhà thương điên gần đó đã bắn vào ngực tự sát và qua đời đúng lúc trận gió chướng ủa vào quán cà phê.

\*

Jean lúc này đã là chủ tiệm cà phê, bàn với vợ cho bức tranh ma quỷ kia vào lò đốt. Nhưng vợ Jean không nghe :

- Vải còn tốt lại i được phủ một lớp sơn dày không thấm nước, để che chuồng gà cũng được, tội gì lại đem đốt.

Sau một hồi bàn bạc, hai vợ chồng thấy tiện nhất là đem cất tạm bức tranh vào phòng bà Célestine.

Vợ Jean nhún vai:

- Bà cụ cũng sắp ra ma rồi, nó có về rước đi cũng chẳng sao!

\*

Sau khi Van Gogh bỏ thị trấn đi được mấy ngày thì bà Célestine bị một cơn tai biến não và nằm liệt giường đã hơn nửa năm.

Tuổi già là một gánh nặng. Lại còn nằm đấy thì đúng là một tội nợ cho con cháu, thử thách lòng kiên nhẫn và hiếu thảo của chúng. Giá như sau khi liệt độ một tháng mà bà vui lòng qua đời thì có thể là vợ chồng Jean cũng rửa những giọt nước mắt thương mẹ một cách thanh thản. Nhưng bà Célestine không biết điều. Bà sống quá hạn cho phép của lòng biết ơn. Liệt nhưng bà "có liệt ăn liệt đãi ỉa đâu, ai mà dọn mãi được?"

Bà Célestine vô tình đã trở thành một đứa trẻ sơ sinh trong tay một cụ dì ghẻ ác nghiệt.

"Người ta còn bận tâm hàng trăm thứ ai có thì giờ đâu mà chăm sóc bà mãi được."

Không có gì ái ngại bằng cảnh một đứa con trai râu ria tắm cho một bà mẹ già. Nó lóng ngóng, nó vụng về, nó làm sao ấy. Có lẽ chính vì thế mà sau một hai lần cố gắng làm việc báo hiếu đó, Jean đã "quên" nó đi. Bà Célestine muốn chết. Nhưng chết nhiều khi cũng khó lắm, khó lắm.

Lấy lý do bà "ăn nhiều lại ỉa nhiều," vợ chồng Jean rút khẩu phần ăn của bà xuống một bữa. Mà một bữa cũng hạn chế. Bà tuy liệt và không nói được nhưng óc bà chưa liệt hẳn. Bà vẫn hiểu và chứng kiến một cách bất lực sự tàn tạ của mình. Mắt bà suốt ngày cầu khẩn van xin. Nhưng trong cuộc sống ồn ào này, quát tháo, nguyên rửa ầm ĩ hay vật nài đến mỗi miếng còn chẳng ăn ai, hưởng hồ là nói một cách thảm lặng bằng mắt.

Đêm lạnh và cô đơn. Gió xi xô một ngoại ngữ quái dị. Chúa thì ở xa và có lẽ cũng cô đơn như bà. Hai người gần bà nhất là vợ chồng Jean thì sau khi hoàn thành bổn phận duy trì nòi giống đã ôm nhau ngủ say. Bà kêu ú ớ không thành tiếng.

Bà bỗng thấy những đốm lửa lập lòe từ bức tranh phía tường đối diện.

Có phải người họa sĩ điên đã nghe tiếng kêu cứu câm của bà. Cả một cánh đồng hoa mào gà rực lên dưới ánh nắng... không phải, có lẽ đó là ánh trăng thì đúng hơn. Bà mặc một chiếc váy mới chấm đỏ, tóc bà tết một con bươm đỏ. Bà vừa tung tăng vừa hát. Bà đang tràn trẻ dậy thì và biết mình đẹp. Tiếng sáo, tiếng trống rộn ràng. Đám con gái làng váy đỏ trong hoa đỏ. Điệu Pharangdon

nhộn nhịp quá. Bà nhúc nhúc chân, cả người rạo rức, bà phải đi nhanh đến đồng hoa đỏ cho kịp. Người ấy đã hẹn bà.

Ồi! Cái chập môi đầu tiên. Hai người ôm lấy nhau, quần lấy nhau giữa một đồng hoa lửa. Bà bỗng kêu thét lên. Cả trời hoa, cả đồng sao chao đảo bỗng bành như sắp bước vào một ngày sáng thế. Bà rướn người, nhắm mắt lại trong một hạnh phúc tuyệt vời.

Hôm sau, khi nghe tiếng chồng gọi thất thanh trong phòng bà Célestine, vợ Jean te tái chạy tới. Hai người trở mắt nhìn bà cụ gục đầu vào bức tranh lia đời, miệng còn chưa tắt một nụ cười.

Vợ chồng Jean run run:

- Làm thế nào bà cụ liệt còn bò được đến chỗ bức tranh.

Jean làm dấu chữ thập

- Đúng là bức tranh có ma.

HẬU TỪ

Bức tranh "Cánh đồng hoa mào gà" nghe đâu công ty Christies bán đấu giá 12 triệu đô vào những năm 70.

## Câu chuyện văn nghệ đêm giao thừa với nhà thơ Lê Đạt Thụy Khuê

Đêm giao thừa Bính Tuất chúng tôi có dịp nói chuyện văn nghệ tản mạn với nhà thơ Lê Đạt, và như thường lệ, nhà thơ luôn luôn có những ý kiến độc đáo, những kinh nghiệm thực tiễn, những nhận định sâu sắc về tình hình văn học nói chung và những người viết trẻ nói riêng. Chúng tôi ghi lại buổi nói chuyện này (đã phát thanh trên đài RFI ngày, 28/1/2006) để gửi đến bạn đọc Hợp Lưu.

**Thụy Khuê:** *Thưa anh Lê Đạt, nói chuyện văn nghệ giao thừa như đêm nay, thì chúng ta nên hướng về những đề tài gì?*

**Lê Đạt:** Tôi thấy thế này chị ạ, mình không nên quá phân biệt ngày Tết với ngày thường. Ngày Tết người ta thường chúc nhau những gì? Người ta chúc nhau sang năm nhiều sức khỏe này, rồi thì phát tài bằng năm bằng mười năm ngoái, đó là tục lệ của ngày Tết; nhưng nếu về thơ mà chúng ta cũng lại bắt chước chúc nhau là làm thơ hay gấp năm, gấp mười năm ngoái thì chắc còn phải đợi... hơi lâu! (cười).

**T.K.:** *Vậy xin phép tiếp tục câu chuyện thơ với anh ở chỗ đã... bị bỏ dở từ mấy năm nay! Thưa anh, có một vấn đề mà chắc anh cũng đã để ý từ lâu, đó là vấn đề "nhà thơ và thời thế", nhà thơ phải sống thế nào với thời đại của mình, thưa anh?*

**L.Đ.:** Tôi xin trả lời thế này. Ngày xưa anh Vũ Hoàng Chương có mấy câu thơ rất nổi tiếng:

*Lũ chúng ta đầu thai lắm thế kỷ*

*Bị quê hương ruồng bỏ, giống nói khinh.*

Và nhiều người cũng khóc than cho thân phận nhà thơ: không hợp thời và người ta nêu lên vấn đề "tài mệnh tương đố", chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau và thường mong cho thời đại "Nghieu Thuấn" trở lại. Theo tôi, đối với người làm thơ, chẳng có thời đại "Nghieu Thuấn" nào cả. Làm chữ một cách nghiêm túc tức là phải chấp nhận thân phận lỗi thời. Vấn đề là lỗi thời phía trước hay phía sau mà thôi. Tôi rất không ưa những nhà thơ thời trang vì đó là nhà thơ a dua và không giúp ích gì cho phong trào phát triển thơ ca cả.



**T.K.:** *Vậy thưa anh, vấn đề mấu chốt nhất trong văn nghệ bây giờ là gì?*

**L.Đ.:** Tôi cho vấn đề quan trọng nhất bây giờ là vấn đề phê bình tức là đối thoại giữa các người làm nghề (văn) với nhau. Ở Việt Nam hầu như không có phê bình. Người ta không phê bình gì cả, thỉnh thoảng đánh nhau một trận rồi lại thôi. Và trên báo người ta in những bài điểm sách chẳng có giá trị gì cả, toàn là tăng bốc nhau, khen ngợi nhau, chẳng giúp ích gì cho văn học nghệ thuật cả. Mà một phong trào văn học nghệ thuật không có phê bình thì không thể nào tiến bộ được. Không biết Hội Nhà Văn sẽ làm thế nào, các người hoạt động văn nghệ sẽ làm thế nào, để tạo được một không khí phê bình lành mạnh. Từ trước đến nay, các nhà phê bình với các nhà sáng tác, vốn đã có thành kiến với nhau rất sâu sắc rồi. Chị có nhớ câu của Anton Chekov, người lịch sự như thế, mà cũng phải nói là nhà phê bình là đám ruồi đốt con ngựa, hút máu con ngựa trong lúc con ngựa đang hết hơi, hết sức để leo dốc. Và các nhà phê bình cũng không ưa gì nhau cả. Vì thế không có không khí đối thoại tử tế trong văn học nghệ thuật. Nếu mà không có đối thoại thì không có dân chủ. Không có dân chủ thì không thể nào tiến bộ được. Tôi cho cái đó là rất quan trọng.

**T.K.:** *Thưa anh, như thế thì phía sáng tác nên có thái độ thế nào đối với phê bình?*

**L.Đ.:** Nhà sáng tác cũng phải hiểu cái khó nhọc của nhà phê bình. Ngày xưa, anh Tuân rất ghét nhà phê bình. Anh ấy có nói rằng: cái ao ước suốt đời của anh ấy là khi chết, không muốn chôn bên cạnh mộ một nhà phê bình. Tôi thấy không đúng. Nhà phê bình cũng có cái khó khăn của người ta, không ai bắt nhà phê bình lúc nào cũng phải đúng cả. Nhà phê bình có quyền sai. Quyền sai ấy là nhân quyền. Đó là quyền thiêng liêng nhất của con người. Con người có quyền sai, có quyền lầm. Nhưng người ta yêu cầu các nhà phê bình phải thực tâm, phải tử tế và phải trung thực. Cái đó thì nhất định phải yêu cầu được. Anh có thể sai được, nhưng sai với thành thật thì rất hoan nghênh, nhưng anh đã có ý đồ trước thì không thể chấp nhận được. Thêm một điểm nữa: người ta thường chê đánh nhau bằng tay chân là vũ phu và vô văn hóa, tôi cho rằng đánh nhau bằng ngòi bút, cũng là vũ phu và vô văn hóa. Anh phê bình một cách quá đáng, cũng là vũ phu và vô văn hóa.

Trong năm mới, không biết tôi có dịp nào để tiếp xúc với giới văn nghệ Việt Nam nhiều hơn trước không, nếu đài của chị có thể chuyển được lời của tôi đến họ thì tôi rất hoan nghênh, nếu những người làm văn nghệ Việt Nam cố gắng ngồi với nhau và phê bình nhau một cách tử tế và lịch sự như những người có văn hóa.

**T.K.:** *Trong năm vừa qua anh có dịp tiếp xúc thường xuyên với giới văn nghệ ở Việt Nam không, thưa anh?*

**L.Đ.:** Tôi phải nói thế này: trong một thời gian dài tôi ốm đau và cũng đã già rồi, đọc cũng khó, nên không thể tiếp xúc đầy đủ với anh em ở Việt Nam; Tuy vậy, tôi thấy về thơ vẫn tiến triển bình thường nhưng không thấy được khuôn mặt nào mới cả. Vẫn là những khuôn mặt cũ, kể cả những anh em trẻ, nhưng tôi thấy có một không khí đòi hỏi thay đổi. Cách đây ít lâu tôi có nghe nói ở thành phố Hồ Chí Minh có một số anh em trẻ, cả nam lẫn nữ, xông xáo lắm trong vấn đề văn nghệ, trong vấn đề thơ; nhưng tôi không tiếp xúc được với họ thành ra không biết họ như thế nào; Nhưng về nguyên tắc tôi hoan nghênh vấn đề xông xáo trong thơ phú, trong sáng tác. Riêng có một việc, tôi đề nghị với chị như thế này: trong văn xuôi Việt Nam, tôi vừa đọc được một nhà văn trẻ tuổi, nhà văn nữ mà tôi rất thích. Chị Nguyễn Ngọc Tư đấy, tác phẩm của chị ấy là Cánh đồng bất tận. Nếu chị xem rồi, thì chị nên phê bình và góp ý kiến tốt với chị ấy. Đó là một người trẻ tuổi mà đã có một cái già dặn, có một bản lĩnh vững và nhân dịp Tết này tôi xin chúc chị ấy tiếp tục con đường của chị đi, và vững bước mà tiến được.

**T.K.:** *Ở thời đại báo chí và thông tin đại chúng rất phát triển như bây giờ, anh thấy những cái đó đem lại hiệu quả gì cho văn nghệ, thưa anh?*

**L.Đ.:** Người ta thích diễn. Người ta thích diễn ghê lắm. Ca sĩ diễn đã đành, diễn viên đã đành. Nhưng tôi thấy các nhà văn, nhà thơ, các nhà sáng tác, đáng nhẽ ra họ phải làm việc một cách âm thầm hơn, thì tôi thấy cũng thích diễn lắm. Nhân đây tôi nghĩ mãi đến câu chuyện cổ của Việt Nam, đó là tích anh Trương Chi “người thì thậm xấu hát thì thậm hay”. Tôi cho rằng người sáng tác bao giờ cũng phải xấu hơn cái tác phẩm của mình. Một người sáng tác mà đẹp trai hay đẹp gái hơn tác phẩm của mình thì tôi rất nghi ngờ cho tương lai của anh, chị ấy. Tôi nhớ câu nói của Jabès: Tôi không là gì cả, tại vì tôi là người kể chuyện và câu chuyện là tất cả. Người sáng tác phải quên mình đi, phải núp sau sáng tác của mình hơn là dựa vào sáng tác của mình để khoe khoang và đề cao mình một cách quá đáng. Tôi rất thích truyện Trương Chi hiểu theo nghĩa ấy.

**T.K.:** *Thưa anh, như vậy anh khuyên các nhà văn, nhà thơ trẻ nên làm như thế nào?*

**L.Đ.:** Tôi muốn nói với tất cả những anh em, nhà văn trẻ, nhà thơ trẻ, như lời một người bạn tôi, tôi không khuyên ai cả, tức là thế này, cái việc mình xuất hiện đã khó khăn, đưa một cái tên lên báo chí đã rất khó, nhưng tôi cho rằng cái khó khăn nhất chờ đợi nhà văn, nhà thơ, chính là cái tiếp tục. Cái tiếp tục là khó. Xuất hiện đã khó rồi nhưng không thể khó bằng tiếp tục được. Muốn tiếp tục như thế là anh phải có sự lao động cần cù, tận tâm tìm tất cả mọi thứ. Người ta có thể lóa mắt vì một vài câu thơ, một vài hình ảnh mà anh đưa ra, nhưng cứ tiếp tục mãi thì có thể là anh không còn gì nữa. Cho nên cái tiếp tục ấy tôi cho, mới là quan trọng. Mà tôi sợ rằng một số anh em, cả trẻ lẫn già, ở Việt Nam chưa bận tâm nhiều đến việc tiếp tục. Anh muốn tiếp tục thì anh phải học tập rất chuyên cần. Văn nghệ là một hoạt động văn hóa, thì anh phải trau dồi lớp văn hóa, vốn văn hóa của anh chứ. Nếu bây giờ mình không trau dồi văn hóa, mình được một vài tác phẩm, mà mình đã “nghỉ ngơi” rồi, thì tôi cho đó là một sự nghỉ ngơi rất đáng tiếc. Bản thân tôi có biết được một số anh em cả trẻ lẫn già, có những bắt đầu rất tốt nhưng rồi sau không đi được nữa, thì tôi thấy cảnh nửa đường, nửa đoạn của người làm thơ hoặc viết văn như thế thật đáng tiếc. Chính là vì họ không chịu lao động một cách kiên trì và lao động ấy dứt khoát phải là lao động văn hóa.

**T.K.:** Thưa anh, theo anh thì nhà thơ có cần có một quan niệm thơ không?

**L.Đ.:** Người ta thấy tôi thích thiền thì có một anh có tặng tôi một tập thơ và nói rằng: Thấy anh thích thiền thì chắc anh xem thơ thiền này thì anh sẽ thích lắm. Tôi trả lời thế này: Tôi không thích thơ thiền. Tôi cũng không thích thơ “sản xuất” hay là thơ tình yêu hay thơ ... gì cả. Thơ không có tính từ gì là tôi thích nhất. Thơ không thôi là được rồi. Tôi không thích một thứ thơ nào bị tha hóa bởi một yêu cầu khác. Kể cả thơ hiện đại, tôi cũng không thích thơ hiện đại. Thơ hậu hiện đại? Tôi cũng không thích thơ hậu hiện đại. Cứ thơ thôi, anh làm được bao nhiêu thì anh làm. Anh chưa làm đã bị một băng hiệu treo trên lưng như thế, thì làm sao mà thơ hay được. Tất cả những thơ nào mà có một tính từ đi sau là tôi... rất không thích. Thơ không cũng đủ lắm rồi, mệt lắm rồi (cười). Người ta thường nói một cách văn chương: nhà thơ là một người hành hương, ý muốn nói con đường của người làm thơ là con đường thiêng liêng, con đường rất dài. Nhưng tôi thấy như thế chưa đủ, nếu muốn hành hương cũng được, nhưng nên thêm một điểm này nữa là một hành hương đăng trí. Khi anh làm thơ, hình như anh gập đất Thánh ở trong một câu thơ nào đó, anh quên đi và suốt đời anh nên đi tìm chỗ đó thì thơ mới khá được. Tôi rất sợ những nhà thơ nào thuộc đường quá. Tôi rất phục nhưng không bao giờ tôi muốn theo anh ta cả. Tôi muốn đi hết con đường của mình và mình lạc vào chỗ nào đó. May ra mình được vài câu thơ hay, thì tốt nhất. Người làm thơ mà không đi lạc, suốt đời đi đúng đường, thì tôi cho rằng thơ không thể nào hay được. Cũng như là người ta không thể tìm đến những đảo nguyên, thiên thai bằng những bản đồ địa chính được. Cái đó chắc không có.

**T.K.:** *Thưa anh, chắc là thế nào anh cũng đọc những báo Tết; thưa anh, anh nghĩ gì về thơ Tết đăng trên báo năm nay?*

**L.Đ.:** Tôi vẫn nói với chị như thế này: tôi sợ nhất những bài thơ Tết trên báo, tại vì báo nào cũng phải đăng thơ Tết cả và ông nhà thơ nào cũng có nhiệm vụ phải để ra một bài thơ Tết. Tôi thấy nó giống nhau lắm chị ạ, và cái đó là một điểm rất đáng buồn, không biết làm thế nào cả. Nhất là bây giờ, không biết ở các nước có thể không nhưng ở Việt Nam có tình trạng như thế này người ta coi thơ là cái gì phù phiếm lắm, rất phù phiếm, thường thường là đăng vào cho nó đầy trang, có vẻ trang trí thôi, cho nên những thơ Tết ấy, tôi tin là chị cũng không nên chờ đợi nhiều quá ở đó.

**T.K.:** *Thưa anh, nhiều người tự hào là người Việt Nam nào cũng biết làm thơ, anh nghĩ sao về ý kiến này?*

**L.Đ.:** Tôi thấy đó cũng là một ưu điểm nhưng đồng thời cũng là một nhược điểm. Nói người Việt Nam nào cũng làm thơ tức là thích thơ và yêu thơ. Nhưng từ một nhà thơ tự nhiên, trời cho như thế, đến nhà thơ chuyên nghiệp khác nhau rất xa, chị ạ. Anh có thể có dăm bài lục bát, nghe có vẻ du dương, hay dăm sáu câu thơ nghe có vẻ điệu nghệ một tí hay được vài câu nghe thích một tí, cái đó chưa phải là nhà thơ. Tôi vẫn cho thơ là một lao động rất nghiêm túc. Tôi biết nhiều người không thích tôi, bởi tôi vẫn cho làm thơ chính là phu chữ. Dân tộc nào chẳng thích thơ. Nhưng một "dân tộc thơ" rất nguy hiểm. Nếu là trạng thái tự nhiên trời cho thì chắc dân tộc ấy không thể có thơ hay được.

**T.K.:** *Trước khi từ giả xin anh một lời chúc thính giả RFI trong đêm giao thừa ạ.*

**L.Đ.:** Tôi nhờ chị một việc không biết chị có sẵn sàng giúp đỡ tôi không. Đã lâu lắm, tôi không nói chuyện với thính giả đài RFI, tại vì cũng đau ốm quá, nhiều việc quá; hôm nay nhân dịp Tết được trở lại nói chuyện với thính giả, tôi nhờ chị gửi đến thính giả một bài thơ xuân rất ngắn của tôi mà người ta gọi là haikâu đấy, có được không ạ?

**T.K.:** *Như thế thì hay quá.*

**L.Đ.:** Xin chị nghe nhé, tôi nói rất chậm, -tôi hay có bệnh nói nhanh-:  
*Em về phía sang xuân thế kỷ  
Tín hiệu anh một lũy thừa chờ.*

**T.K.:** *Xin thành thật cảm ơn nhà thơ Lê Đạt.*

## Tượng Balzac

*Tượng khổng lồ, mộ giáy đá vô danh*

Có phải đời sống con người quá vất vả, cực nhọc dày vò, nên ai cũng hy vọng, cũng đinh ninh rằng khi chết mình sẽ được yên nghỉ.

Balzac là một trong số những người đó.

Ông đã phải làm "mọi" cho đám nhà văn thị trường sản xuất đủ các thứ truyện bá láp mà giới văn học thường gọi chung là "tiểu thuyết của người gác cổng" để sinh nhai.

Thiên hạ nghĩ rằng chỉ có làm cu ly ba tê mới cực nhọc.

Viết văn cũng cực nhọc, cũng phu phen chẳng kém gì. Đi khuân vác về, mệt, có thể làm một tộp rượu rồi lăn ra ngủ giấc ngủ của "kẻ công chính," chuẩn bị sức cho ngày hôm sau. Người viết văn không được cái yên ổn ấy... thường sống những đêm ân hận, dằn vặt,... Mình đã bôi bẩn những trang giấy thật trong trắng kia để làm gì? Sao mình lại mài mòn bộ óc, tiêu xài hoang

phí những giấc mộng đẹp tuổi trẻ để viết những trang sách mà ngày mai, ngày kia... người ta sẽ vứt vào sọt rác...

Để đổi lấy những đồng nhuận bút chết đói!!

Ôi! Cái nghề văn...

Không ai tính được những đêm thắp thò của Balzac, những giấc ngủ hoảng loạn, chập chờn đầy ác mộng, như giấc ngủ một kẻ bất lương.

Ngay cả khi đã nổi tiếng... và trở thành một trong những nhà văn hàng đầu của thế kỷ XIX... cuộc sống của ông cũng chẳng nhàn nhã vui thú gì. Chưa viết xong một tiểu thuyết đã phải lập tức nghĩ đến cốt một tiểu thuyết khác.

Balzac suốt đời khao khát một chút điều kiện để có thể viết một tác phẩm văn học "như mình thích." Ôi! ước gì mình có 500,000 quan... mình sẽ để thời giờ chuốt lại từng câu văn, đéo gọt từng chi tiết... sửa đi sửa lại cho đến khi không còn sửa được nữa... một kiệt tác, cỡ một bức tượng của Michel Ange... nó sừng sững tồn tại với thời gian và cạnh tranh với quyền lực vô biên của

tạo hóa.

Balzac không phải không kiếm được nhiều tiền... Nhưng ông tiêu còn nhiều hơn... tiền cho mình... tiền cho bạn... cho cả đám người không quen biết thường cộng sinh trên lưng những người lương thiện. Và Balzac lại kéo cày, lại phải viết vội... viết như bỏ củi, để đến lúc sửa morát lại đập xóa, lại thêm bớt, làm tình làm tội đám thợ sắp chữ...

Và giữa tuần trăng mật với người yêu, thành hôn sau hàng chục năm trời xa cách thương nhớ... một nữ bá tước đẹp, trẻ và nhiều tiền ở một nước Nga huyền thoại đầy tuyết trắng, thì Chúa lại bắt ông đi.

Với hàng tấn trang viết lặc lè thò trên lưng, làm sao

người ta có thể sống lâu được...

Viết... viết... buồn ngủ lại nốc cà phê... lại đắp nước lạnh vào mặt... để lại viết. Balzac thờ dài mệt mỏi.

"Tôi chết vì ba vạn tách cà phê..."

Cái chết của Balzac thật rôm rả. Tang lễ đồ sộ. Có cả vòng hoa của Hoàng Đế Napoléon III lúc đó còn làm tổng thống nước Cộng Hòa. Ngay những kẻ thù của ông cũng viết những lời ai điếu có thể là thành thật. Người chết rồi còn nguy hiểm cho ai nữa. Cả những nhà phê bình bản bụng nhất cũng bỏ phiếu suy tôn Balzac làm nhà đại văn hào đầu bảng của thế kỷ XIX.

Xã hội có thói quen xử đẹp với người đã chết. Đó là một mỹ tục cần duy trì. Nhưng bao giờ thì xã hội tập được thói quen xử đẹp với người còn sống nó là một đòi hỏi còn cấp thiết hơn và đạo lý hơn. Xóa hộ nhau cái vết chàm mà mấy câu thơ xưa đã in sâu lên mặt nền văn minh vốn mỏng manh của nhân loại.

Sống thì chẳng chịu cho ăn

Đến khi chết xuống làm văn tế ruồi

Người ta hò hởi nghĩ việc tạc tượng Balzac.

Nghệ sĩ được giao phó trách nhiệm quang vinh này là một viện sĩ ưu tú Chapu.

Phải một người được trọng vọng, một nghệ sĩ có tước hiệu như vậy mới xứng đáng với Balzac.

Chapu làm việc miệt mài trong sáu năm... Không ai có thể chê trách lương tâm nghề nghiệp của vị viện sĩ này. Mọi việc đương tốt đẹp thì bỗng Chapu lăn đùng ra chết.

Chẳng lẽ cái số vất vả vẫn đeo đuổi Balzac sang phía bên kia mồ. Cũng may là Chapu đã hoàn thành tượng khuôn bằng thạch cao. Pho tượng thật uy nghiêm và tỷ mỹ, xứng đáng với một đại văn hào. Ai cũng khen đẹp. Có người còn nói "Đẹp hơn cả Balzac lúc sống..." Chapu cẩn thận đến từng chi tiết... kể cả cái nốt ruồi bên má phải nhà văn.

Chỉ còn việc đúc đồng nữa là xong. Nếu... không có một người phản đối. Một người, nhưng người đó lại là chủ tịch Hội những người viết văn. Điều này cũng quan trọng vừa thôi. Ở nước Pháp thiếu gì hội những người viết văn... và chẳng có ai ăn lương của hội này cả... Nhưng người đó lại là Emile Zola, trưởng môn phái tự nhiên, một nhân vật nổi tiếng trong giới văn lâm đương thời. (Tại Pháp, giới văn lâm còn mạnh hơn giới võ lâm nhiều). Và một lời nói thông minh điểm đúng huyết có khi còn đánh gục đối thủ ngon hơn một chưởng đặc sản.

Zola nhận xét: "Pho tượng giống một Balzac chết hơn là một Balzac sống Chúng ta không nên bắt nhà văn phải chết một lần thứ hai." Và Zola đề nghị mời Rodin, một nhà tạc tượng "trẻ" (mặc dầu đã ngoài ngũ tuần).

Đề xuất trên không phải không gặp nhiều ý kiến phản đối. Rodin dẫu sao cũng chỉ là một nghệ sĩ trơn, mới nổi. Ông không có bằng cấp và không có đuôi tước hiệu.

Zola thắng thế, nhưng Rodin phải làm giấy cam đoan sẽ hoàn thành tượng trong 18 tháng.

Vốn là một độc giả ngưỡng mộ Balzac, Rodin hăm hở bắt tay vào việc. Ông lặn lội về quê nhà văn để tìm hiểu nhân vật... Tài liệu thật đáng nản. Hầu như không có gì ngoài một số tấm ảnh chụp đã mờ. Thời đó nghệ thuật nhiếp ảnh đang chập chững những bước đầu tiên. Và Balzac chẳng có những chiến tích ly kỳ. Tài sản ông để lại chỉ là mấy hòm bản thảo, chữ xấu như ma lem, lại

chứa nặng chứa thật tựa những lá bùa phù thủy. Ông chết quá sớm để kịp làm vĩ nhân khi còn sống... để thiên hạ kịp gom góp những kỷ vật về ông

Mọi người chỉ thống nhất ở một điểm: Balzac có một hình thể mà giới chuyên môn thường gọi là "bội bạc đối với nghệ thuật điêu khắc. Cái đầu thì to xù. Người thì thấp. Chân thì bé. Như một con nòng nọc."

Một nhà hội họa đương thời đã nhận xét:

"Balzac sinh ra dành cho giới biếm họa hơn là giới họa sĩ chân dung."

Rodin đã đi khắp vùng tìm những người mẫu. Ông cũng đã moi được một ông thợ may quen của nhà văn hào, lúc đó đã già nhưng vẫn còn nhớ được số đo của người quá cố. Rodin thuê ông may những bộ y phục Balzac ưa mặc lúc sinh thời, khoác lên những người mẫu ở đủ các tư thế. Và Rodin hết ký họa lại phác nặn. Chán phè.

Hình như những phác thảo càng cố gắng gần với Balzac bằng xương bằng thịt... lại càng xa với hình ảnh Balzac trong đầu của nhà nặn tượng bất hạnh kia...

Lại xóa, lại đập... Lại thử những người mẫu giống hơn, trong những tư thế ưu đãi hơn.

Mười tám tháng vèo qua.

Thiên hạ đã bắt đầu xì xào.

Và còn người nghệ sĩ kiêu hãnh kia, suốt đời không chịu khuất phục nói khó với ai, phải khẩn khoản, phải vật nài xin gia hạn một năm nữa.

Rodin lại sục sạo đi tìm người mẫu... lại nặn... lại đập... Và một năm nữa lại đi qua...

Thế này thì quá lắm.

Người ta không còn xì xào nữa... Người ta công khai la ó.

Người ta viết trên báo chỉ trích thái độ vô trách nhiệm, sự lười biếng của người nặn tượng thiếu lương tâm... Một số người trong ban điều hành Hội còn công khai tỏ ý muốn đưa Rodin ra tòa đòi bồi thường vì đã vi phạm hợp đồng. Cuộc cãi cọ được nuôi dưỡng bởi vô số những lá thư quần chúng khắp nơi biểu thị lòng phẫn nộ của những người dân bình thường. Zola phải từ chức. Và Rodin phải ký quỹ 100,000 phrăng để được gia hạn thêm một năm nữa...

Từ cuộc họp sóng gió trở về tìm sự yên ổn tạm thời trong không khí quen thuộc của xưởng điêu khắc và vòng tay người yêu thì... người yêu đã bỏ đi "vì không thể sống mãi như thế này. Nếu ở lại thì tôi sẽ phát điên mất" - Claude

Thì cho điên luôn một thể... Rodin đập phá những pho tượng không thương tiếc... Và cái xưởng vốn ấm áp kia bỗng ghê rợn, ngổn ngang xác tượng, chẳng khác gì một huyết chôn người tập thể.

Những chuyện nơi riêng tư ấy lập tức được phanh phui trên báo chí. Và một nhà phê bình mỹ thuật nọ còn đoán chắc rằng sẽ không có tượng Balzac vì Rodin sắp phát điên.

Rodin xa lánh mọi người. Ông lấy một thanh rằm lớn chèn cửa xưởng điêu khắc lại, làm lủi đi cửa sau.

Và ông vẫn đi tìm...

Vào một đêm mất ngủ, Rodin bỗng nhớ tới một nhận xét của nhà thơ Lamartine về Balzac "Hồn nhà văn sung mãn đến mức có thể đỡ cả thân hình nặng nề của ông một cách nhẹ nhàng..."

Rodin dậm chân: "Đúng là mình ngu lâu thật... mình cứ tìm cách thể hiện phần xác nặng nề của Balzac trong lúc điểm chủ yếu của ông lại là phần hồn..."

Có lẽ Rodin điên thật rồi... Có ai lại tạc tượng hồn của một người.

Tượng vốn là một nghệ thuật cụ thể với những hình khối nhìn thấy được, sờ mó được trong những chất liệu rắn như đá, gỗ, kim loại... làm sao có thể tạc được một linh hồn trừu tượng.

Những ý kiến nghịch lý ấy cứ tra tấn, cứ hành hạ Rodin hoài.

Biết đâu một nghệ thuật lớn lao lại chẳng ra đời từ những nghịch lý điên rồ ấy.

Đôi khi Rodin đổ tội cho quá trình tự học của bản thân. Minh đọc linh tinh nhiều thứ quá ... Một người được đào tạo chính quy hẳn là tâm hồn sẽ chuẩn mực hơn...

đỡ điên loạn hơn...

Và sẽ yên ổn, sẽ giàu có, sẽ được trọng vọng, kiêu viện sĩ Chapu chẳng hạn... Nhưng để làm gì?

Làm nghệ thuật, nói như Michel Ange, là ký một hợp đồng với ma quỷ... Một nghệ sĩ ít nhiều như một phù thủy... Non tay ấn quyết có thể bị âm binh quật chết...

Thì Rodin cũng sắp bị vật chết đây...

Ông phì cười... Bao nhiêu đêm chập chờn, nửa tỉnh nửa mê... suy nghĩ lan man như vậy...

Và thời gian cứ trôi qua...

Rodin xem lại nhật ký sáng tác... Ông chợt lưu ý mộtchi tiết...

Hôm đó, khi lục lại phòng riêng của nhà văn... ông tìm thấy trong một xó tẩm áo ngủ Balzac khi sống vẫn thường mặc làm việc, hôi rích và rách nát... Khi rũ ra, gián bay vù vù đến phát khiếp...

Ừ, tại sao ông lại không tạc tượng Balzac trong chiếc áo ngủ kia... Nó sẽ cho nhà đại văn hào cái khắc khổ của một tu sĩ... cái trang trọng của một hoàng đế La Mã ... và cái khổ sai của một tên tội đồ...

Làm sao Rodin lại có thể quên chi tiết trên được. Ông mua những tấm vải rộng choàng lên người mẫu và thuê thợ lấy thạch cao ướm ném vào vải, hy vọng khi khô nó sẽ tạo thành những nếp áo, những gợn sóng thích hợp...

Và ông lại vẽ, lại nặn, lại xoa, lại đập,... hàng tháng trời, cho đến khi chọn được tư thế và dạng áo thích hợp- Balzac đứng chụm chân, khoanh tay trước ngực, đầu ngẩng lên nhìn một điểm rất xa.

Mùa hè năm ấy... ông đem pho tượng đến trưng bày tại Phòng triển lãm Mỹ thuật sang trọng của thủ đô Paris...

Chưa đến giờ khai mạc mà giới tao nhân mặc khách, giới quý tộc, trai thanh gái lịch thủ đô đã kéo đến chật

ních...

Rodin mở tấm vải trùm bức tượng... Một tiếng ồ nổi lên trong cử tọa. Giữa ánh sáng đèn chói lọi pho tượng nom mới xù xì, xấu xí, ma quỷ làm sao!

Đến mức này thì quá lắm... Sau phút sửng sốt là một bùng nổ phẫn nộ... Pho tượng vẫn lù lù ở đó, quái gở, lẫm liệt, lạ lùng, hỗn xược như một thách thức...

"Đúng là một quái thai ngâm dấm..."

Bậc mệnh phụ vừa thốt lời nhận xét trên hình như cảm thấy câu nói quá kinh tởm với cái miệng xinh đẹp của mình phải chạy vội vào nhà toilet.

"Một con ngọm bất thành nhân dạng..."

Cơ lũ phản đối dữ dội đến mức Ban điều hành Hội những người viết văn. tập thể đã đặt Rodin làm tượng, phải tức khắc ra một bản công bố với lời lẽ quyết liệt.

"Chúng tôi hoàn toàn không thấy một chút gì của Balzac trong pho tượng quái gở kia... và đòi hỏi Nhà tạc tượng phải trả lời trước công luận."

Báo chí sặc mùi đấu tố như những năm 93, 94 dưới thời Robespierre. Ngày nào cũng có đăng những thư phản đối lên án của độc giả từ hang cùng ngõ hẻm nước Pháp.

"Người ta không thể lạ m dụng nghệ thuật để bôi nhọ nước Pháp..."

"Đó là hành động xúc phạm tổ quốc..."

Có thư còn đi xa hơn:

"Phải xét xem trong dòng máu của Rodin có máu Do Thái không"...

Một bức thư dài phản đối được đăng chữ lớn trên trang nhất tất cả các báo thủ đô, dưới có ký tên nhiều nhân vật nổi tiếng như Rochefort, Anatole France v.v...

Điều làm cho chính bản thân Rodin cũng không khỏi động tâm là trong số những nghệ sĩ mà nhà tạc tượng rất kính trọng... như nhạc sĩ Debussy, họa sĩ Lautrec. Một số nhà từ thiện còn đề nghị làm việc công đức quyên tiền mua bức tượng đem đặt trước nhà thờ Notre Dame, có Đức tổng giám mục đến làm lễ như trong một lễ trực quỷ thời Trung Cổ...

Chưa bao giờ Rodin thấy mình cô đơn như lúc này...

Hình như một mình ông chống chọi với cả nước Pháp...

Rodin không hiểu rằng đa số muốn tạc tượng một Balzac đã chết, một xác Balzac được thánh hóa để sùng bái...

Còn bản thân Rodin thì lại muốn tạc tượng một hồn Balzac sống, không ngừng trò chuyện với thời đại, với trời đất...

Thật là một sự hiểu lầm tai hại...



Nhiều người quen cũ của Rodin trông thấy ông từ xa bỗng đổi vía hè...

Và thừa thốt đã có lần nhà tạc tượng bị ném đá...

Rodin phải chọn lúc tối trời để đưa pho tượng về nhà như chôn chui tử thi một kẻ bị trọng tội đáng nguyên rủa hay một bệnh nhân dịch hạch.

Rodin không cần soi gương cũng biết tóc mình đang bạc với tốc độ của một con tuấn mã phi nước đại.

Thì ai bảo Rodin dây vào Balzac làm gì... Con người sinh ra với một ngôi sao quả tạ chiếu mệnh... suốt đời thao thức trần trọc. .. đến chết cũng không được yên giấc.

\* \* \*

Pho tượng Balzac được đặt ở ngoài vườn... Và Rodin cố tình quên nó đi... Cho đến một hôm, một nhà nhiếp ảnh trẻ tuổi người Mỹ, Edward Steichen, đến thăm xưởng điêu khắc vào một đêm sáng trăng, và xin phép được chụp ảnh khu vườn.

Khi rửa ảnh, Steichen chọn riêng một tấm đưa cho Rodin. Pho tượng Balzac lù lù nổi lên giữa cỏ rậm và hoa dại đẹp một cách kỳ quái. Steichen say sưa: "Hệt một thiên thạch." Rodin lẩm bẩm "một thiên thạch..." Ông nhớ ra rồi. Cách đây nửa thế kỷ, một nhà thơ già cũng đã nói đầu Balzac không phải là đầu người... Đó là đầu của một thiên thạch."

Có phải cái nhìn của nhà thơ càng già càng nhích gần tuổi trẻ không? Tại sao ông lại đại dốt đem cái đồng thu lu ấy đến trưng bày lại một phòng triển lãm xinh đẹp và sang trọng?

Đêm đó, Rodin lại mất ngủ. Ông lần ra vườn ngắm pho tượng. Nó sừng sững đứng dưới ánh trăng đồ sộ, cô đơn như một mộ đại thạch vùng Bretagne hay những tượng đá khổng lồ vô danh thời tiền sử còn sót lại trên đảo Pâques...

Cầu Chúa nó cũng sẽ sống cuộc đời lâu dài và kỳ lạ của những tác phẩm vô danh kia trong cuộc đời thoát bất tận với Vô Cùng.

## Những đoản khúc Lê Đạt Phạm Xuân Nguyên



*Đám tang nhà thơ Lê Đạt đã cử hành sáng thứ sáu 25.4.2008 tại Hà Nội. Chúng tôi giới thiệu dưới đây một loạt bài về Lê Đạt của nhà phê bình văn học Phạm Xuân Nguyên.*

Người “phu chữ” Lê Đạt đã dừng chân trên công trường chữ sản xuất thơ ca. Trong “bộ tứ” nhà thơ thường được nhắc đến của thời Nhân Văn – Giai Phẩm, ông là người ra đi thứ ba, sau Phùng Quán, Trần Dần. Cả bốn ông rồi ra đều được trao tặng giải thưởng nhà nước về văn học nghệ thuật. Nhưng hơn hết, Lê Đạt, cùng với Hoàng Cầm, tuổi trời còn cho sống để được sống lại đời thơ của mình trong dòng chảy văn học chung của dân tộc, để được phát lộ mình dấu muộn màng trong sự vận động mới của văn học nước nhà.

Lê Đạt trở lại với thi đàn sau gần ba mươi năm im tiếng là khắc ghi ngay ấn tượng của mình đối với giới thơ và công chúng yêu thơ. Lê Đạt của thời *Cha tôi* (1956) đã biết không cam chịu cảnh sống “*Rũ đầu chết ngạt trong bùn / Năm tháng mài mòn bao nhiêu khát vọng*”. Lê Đạt của thời *Bài thơ trên ghé đá* (1957) đã biết yêu tự do cho mỗi cảm xúc, tư tưởng. Khi ấy, Lê Đạt đang là một nhà thơ trẻ với tất cả sự hăng say và mạnh mẽ của tuổi trẻ cùng với một lòng tin chân thành và lãng mạn của một thế hệ vừa làm xong một cuộc kháng chiến thần thánh giải phóng đất nước. Ba mươi năm sau, khi đất nước làm một cuộc đổi mới, Lê Đạt đã ở tuổi lên lão, nhưng thơ ông nấu nung trong lò cừ tâm trí văn hóa của một người biết sống và biết đọc đã làm bất ngờ cả những người vốn chờ đợi. Không kể lớp trẻ như ông, hoặc trẻ hơn ông thời trước, họ đã bị kinh ngạc. Tập thơ *Bóng chữ* (1994) của Lê Đạt như một tuyên ngôn, như một thách thức người làm thơ và người đọc thơ.

*Tuổi lú lẫn ngược nhằm ga trẻ dại  
Hay ngây ngô không biết lối về già  
Thơ thân chữ ngã ba*

Những câu thơ không dễ đọc do sự phối trí khác lạ âm và thanh, chữ và nghĩa, cùng với một tuyên bố nhà thơ là “phu chữ”, người làm thơ không thể chỉ biết tiêu thụ cái nghĩa tự vị của từ như trong từ điển, đã khiến nhiều người hoang mang, lo lắng. Chữ hay là bóng chữ mới là cốt yếu của thơ. Có người đọc thơ Lê Đạt ngộ ra những khả năng, những chân trời mới của thơ. Có người, trái lại, đọc thơ ông mà thấy như lạc lối. Một cuộc tranh luận đã bùng ra quanh *Bóng chữ*. Nhiều người đọc, và khá nhiều người làm thơ, đã phải nghe giảng giải thơ là gì, thơ là thể nào, như để có một chiếc chìa khóa mở cửa vào thơ Lê Đạt. Trong khi gây đột biến đó cho làng thơ, Lê Đạt vẫn âm thầm, miệt mài sự lao động chữ như khổ sai mà lại như khoái cảm của mình cho thơ. Mặc ai bàn tán, khen chê, ông cứ thẳng một đường mình đi. Làm thơ không thôi, ông còn viết truyện mượn những câu chuyện có thực trong đời các văn nhân thi sĩ cổ kim đông tây muôn đời để lật trở những vấn đề luôn là mối bận tâm hàng đầu của những ai đã trót dan díu với chữ, với thơ, đã nguyện làm phu chữ đến trọn đời. Ngay cả khi có những bạn trẻ gần đây đem ý “phu chữ” của ông đối lập một cách trật hệ thống với ý “máu chữ” của một nhà thơ khác để trách móc, phỉ báng ông, ông không chấp nê, không lấy làm điều. Với ông, được làm thơ, được sống với thơ, được cùng thơ thỏa khát vọng phiêu lưu cùng chữ và nghĩa, thế là đã đủ mãn nguyện, đã sung sướng được sinh ra đời làm một người sáng tạo.

Đọc Lê Đạt ở bất cứ cái gì ông viết ra nói ra, dù đó là thơ, là truyện, là bài tản mạn hay bài trò chuyện, tôi luôn bị ấn tượng bởi cách nói, cũng tức là phản ánh cách tư duy, của ông. Một cách tư duy và một cách nói ra thành lời những điều tư duy in đậm cái nét riêng không thể lẫn trộn của Lê Đạt. Nó khiến người đọc không thể thờ ơ những điều ông nghĩ, ông nói. Nó khiến Lê Đạt vẫn hiện đại đồng hành cùng lớp trẻ đầu thế kỷ XXI. Nó khiến người ta phải nhìn lại thơ bằng con mắt duy lý, ngoài sự thành kính, đam mê, và cảm xúc. Ông không ngừng sục sạo các ngõ ngách của từ và tiếng, của chữ và lời, không ngại làm mới và không sợ bị coi là khác lạ. Cho nên mới có thơ *Haikau* mang thi hiệu Lê Đạt. Có phải nhờ thế những bài thơ ông viết ở buổi mới khi thành công đã lập tức được thừa nhận và trở thành như cổ điển. Thơ Lê Đạt cổ điển trong vẻ hiện đại, đẹp trong sự tân kỳ. Tưởng nhớ ông, hãy cùng đọc lại một bài thơ thành công nhất của ông.

### **Bóng chữ**

*Chia xa rồi anh mới thấy em  
Như một thời thơ thiếu nhỏ  
Em về trắng đầy cong khung nhớ  
Mưa mấy mùa mây mấy độ thu  
Vườn thức một mùi hoa đi vắng  
Em vẫn đây mà em ở đâu  
Chiều Âu Lâu bóng chữ động chân cầu*

Cái mùi hoa đi vắng mà vẫn làm thức vườn, cái sự em ở đâu khi em vẫn ở đây – đó chính là bóng chữ của Lê Đạt, chính là thơ ông.

### **Người “phu chữ” đã nằm xuống**

Hai tiếng “phu chữ” từ khi được Lê Đạt nói ra đã trở thành thông dụng, thành một thứ câu cửa miệng trong giới thơ và cả trong công chúng. Không dễ được như vậy nếu nó không được đảm bảo bằng chính cả cuộc đời lao động nghệ thuật thơ, lao động chữ của ông. Đối với Lê Đạt, cũng như với các thân hữu văn chương của ông Hoàng Cầm, Trần Dần, Dương Tường, làm thơ là làm chữ, là phải khổ công luyện chữ để bắt những con chữ bình thường, đơn giản với nghĩa tiêu dùng hàng ngày bật ra những nghĩa mới, những vẻ đẹp bất ngờ từ sự tương cận, cọ sát, va chạm của chúng khi đứng cạnh nhau trong một trường liên kết và liên tưởng do chính nhà thơ đưa chúng vào. Từ những bài thơ mang nặng tính hiện thực thời kỳ đầu, trải hơn ba mươi năm âm thầm đọc và học, tìm và thử trong thế giới con chữ Việt, khi hoàn cảnh lịch sử mở cửa cho ông trở lại thi đàn vào thập niên 1980, Lê Đạt đã có vàng luyện từ quặng của mình đem ra trình trước thơ. Hai tập *Bóng chữ* (1994) và *Ngó lời* (1997) của ông thực sự đã gây bất ngờ đột phá. Người đọc bước vào thơ ông với tâm trạng vừa thích thú, tò mò, vừa e dè, hoang mang. Nhưng có một điều chắc là họ đã được nhận một khoái cảm khác lạ từ những phá cách kết cấu câu chữ đưa lại những kết hợp mới của từ mà người “phu chữ” Lê Đạt đã dày công tìm tòi, thử nghiệm. Đây là mùa thu “*Nắng cúc lấm rấm vũng nhỏ*”. Đây là sông quê “*nắng mười tám má bờ đê con gái*”. Đây là mối tình “*mùa xuân phẫn phẫn lòng đường*”. Đây là tỏ tình “*liều đầu cành độc thoại đoạn trường xanh*”. Ông có hẳn một kiểu thơ Haikû, chỉ từng cặp thơ thôi nhưng mỗi lần đọc là đưa lại một khám phá, mỗi lần nhìn con chữ là lại thấy một công phu sáng tạo. Tưởng như ông gò mình vào giới hạn tối thiểu của hai dòng thơ, nhưng đây là cách ông tự thử thách năng lực thơ của mình thông qua thử thách các khả năng biến hoá, thay đổi của chữ, để trong một diện tích tối thiểu chữ đạt được tối đa năng lượng cảm xúc thơ.

*Xuân bắt đầu tàu nhanh xanh thức ngủ  
Tình tặng bo toa đổ đoạn bạc đầu  
Ngực dự hương thơm đêm mùi tuổi chín  
Mắt lá tre đàng ngâm mộng ba giảng  
Máy nhắn chim tin tìm mê lộ số  
Lòng khác tình tìm đổi số lạng thinh*

Thế hệ nhà thơ của Lê Đạt càng cao tuổi càng trẻ, trẻ trong tư duy, cảm xúc, trẻ trong cách sống. Có lẽ cái trẻ ấy của Lê Đạt đến từ tri thức ông thu nhận và tích lũy được qua sách vở tự học và từ những trải nghiệm đường đời nhiều gian truân và khổ nạn. Ông chơi nhiều với các nhà thơ trẻ, cổ vũ họ tìm tòi, khám phá, thách thức họ khẳng định mình, với ông trước thơ tất cả đều bình đẳng trong những nỗ lực sáng tạo không ngừng.

Hai tập sách gần đây nhưng đã thành ra là cuối cùng của Lê Đạt : tập truyện *Mi là người bình thường* và tập thơ *U75 từ tình* vẫn rưng rục một nỗi khát vọng sống, khát vọng thơ, vẫn nguyên khí chất Lê Đạt. “*Trong tình yêu người ta thường tiêu hai thứ tiền. Và nhà thơ bao giờ tim cũng*

*chỉ tệ mạnh. Riêng có từ vốn nặng lòng. Thơ chính là từ tình, cũng có nghĩa tự tình tức là yêu đơn thương, yêu thất tình, yêu bóng. Đó là nỗi sầu vạn cổ cũng là thách thức và niềm lạc quan ngoan cố của nhà thơ*". Lê Đạt có nhiều câu nói với nhiều cách nói khác lạ và ấn tượng như vậy về thơ, nghề thơ và về nhà thơ.

Bây giờ Lê Đạt, người "phu chữ", đã nằm xuống, sau "một đời lao lực, một đời thơ". Những người đọc từ nay chỉ còn gặp ông trong "bóng chữ", và nghe ông trong "ngó lơ". Và họ biết ơn ông đã làm cho họ biết quý yêu chữ, trân trọng chữ, không chỉ là để làm thơ. Nhưng đặc biệt là nhà thơ, như Lê Đạt: "*Nhà thơ là người lao động ở môi trường tâm áp cao mà không có bồi dưỡng độc hại để sản xuất giống đặc chủng cho những mùa tình bội thu*". Đó là niềm kiêu hãnh của Lê Đạt.

### **Bay cho cao, bay cho xa**

Đó là tiếng kêu mạnh mẽ, tin tưởng của người thơ trẻ Lê Đạt hơn năm mươi năm trước, vào giữa thập niên 1950, khi đất nước vừa ra khỏi cuộc chiến tranh lần thứ nhất phân chia hai miền, nửa miền Bắc bắt tay vào công cuộc kiến thiết mới cuộc sống và tâm hồn con người. Cái mới là đòi hỏi thường trực của kiếp nhân sinh, càng là đòi hỏi lớn của thơ ca nghệ thuật, và càng là đòi hỏi cấp thiết của tuổi trẻ. Tuổi hai mươi phải dũng cảm phá bỏ ràng buộc của những lễ quen thói cũ, phải không cam chịu kiếp sống an phận thủ thường làm thui chột mọi khả năng sáng tạo. *Những kiếp người sống lâu trăm tuổi / Y như một chiếc bình vỡ / Càng sống càng tối / Càng sống càng bé lại*. Trong bản hòa tấu những tiếng thơ khao khát làm mới mình, làm mới thơ để dâng hiến cho cuộc đời và đất nước từ giai phẩm mùa xuân 1956, Lê Đạt đã cất tiếng kêu gọi :

*Mới ! Mới !*

*Luôn luôn Mới*

*Bay cho cao*

*Bay cho xa*

*Trên những vết già nua cũ kỹ*

*Trên lề đường han rỉ*

*Vượt ngày hôm nay*

*Vượt ngày mai, ngày kia,*

*Vượt mãi...*

Tiếng kêu ấy đã theo ông đi trọn cuộc đời làm người và làm thơ. Bị hoạn nạn, gặp khó khăn, nhưng ông không bao giờ bỏ tiếng kêu ấy lại phía sau. Đó chính là tiếng thơ của Lê Đạt. Ông, cùng với Trần Dần, Đặng Đình Hưng, là ba nhà thơ trong phong trào Nhân Văn cách tân mạnh mẽ, quyết liệt nhất của thơ Việt nửa sau thế kỷ XX.

Cách tân thơ của Lê Đạt là ở Chữ. Ông có thể mượn câu nói của một nhà thơ Pháp để nói về mình: *Hãy đập vào chữ anh dùng, thiên tài là ở đấy ! ("Hãy đập vào trái tim anh, thiên tài là ở đấy" – A. Musset)*. Khi văn chương là ngôn ngữ, mà thơ lại là sự tập trung xoáy sâu vào ngôn ngữ, và ngôn ngữ hiện hình trên trang giấy bằng chữ, thì sao người làm thơ lại không trăn trở, vắn xoay sống chết với chữ để bắt từng con chữ biểu phát ra những ánh chiếu khác lạ về âm sắc, nghĩa lý. Lao động chữ là một thứ lao động khổ sai nhưng tự nguyện, đau đớn nhưng khoái cảm. Lê Đạt không tự gọi mình và không cho gọi mình là thi sĩ. Ông chỉ nhận mình là "phu chữ". Nội hai chữ này thôi đã nổi lên cái chất Lê Đạt. Sự lấp ghép, kết hợp "phu" và "chữ" đã tạo ra một từ mới, một khái niệm mới, một hình dung mới, biểu đạt được công phu từ vì thơ của người thơ. Nói tới Lê Đạt, vì vậy, trước hết và trên hết, là nói tới một người lao động chữ và nghĩa. Ông đã từng viết như một tuyên ngôn: "*Nhà thơ làm chữ chủ yếu không phải ở nghĩa "tiêu dùng", nghĩa tự vị của nó, mà ở diện mạo, âm lượng, độ vang vọng, sức gợi cảm của chữ trong tương quan hữu cơ với câu thơ, bài thơ*". Ông quan niệm : *Mọi câu thơ hay đều kỳ ngộ /*

*Hắn phải siêng năng, có lòng thành / và nhất là biết chờ / người đẹp vô chữ bước ra / giờ các con phe đi ngủ.*

*Bóng chữ* (1994) tập thơ đưa ông tái xuất văn đàn là kết quả của mấy chục năm im lặng đọc, và nghĩ, và viết, vượt lên trên những hệ lụy khó nhọc của đời sống khốn khổ vây níu mình. Lê Đạt trở lại đã không tụt hậu, đã vẫn mới, vẫn đủ năng lượng đốt cháy mình cho thơ, vẫn ở hàng đầu những người khổ sai và hạnh phúc vì chữ. Tập thơ lập tức gây dư luận, tạo dư chấn, và để dư âm.

*Anh đến mùa thu nhà em  
Nắng cúc lăm rằm vũng nhỏ  
Mà cho đầy rửa lông mày  
Nông nổi heo may từ đó  
Mưa đêm tuổi nổi ao đầy  
Đồi cốm đường thon ngõ cỏ  
Bướm lượn bay hoa ngày  
Tin phấn vàng hay thuở gió  
Tóc hong mùi ca dao  
Thu rất em và xanh rất cao*

Mùa thu đã được nói quá nhiều trong thơ ca dân tộc và nhân loại, nhưng bài thơ hay này của Lê Đạt là minh chứng cho một chân lý trong công việc sáng tạo: không có đề tài cũ, chỉ có người thơ không biết làm mới đề tài. Lê Đạt đã sử dụng và sai khiến các con chữ một cách sáng tạo tài tình để đưa tặng người đọc một bức tranh thu tinh tú vừa rất cao dao truyền thống vừa rất tân thời, hiện đại. Có thể tìm được trong tập *Bóng chữ* nhiều câu hay và khác lạ mang đúng “thi hiệu” Lê Đạt như vậy. *Sớm hạ búp sen đôi gió / Sóng đồng buồm nhấp nhô thom / Tóc liễu trường tân thơ cổ / Trời xanh cò ban rất Đường (Vào hè). Chữ khép lối đôi chim non câu ngủ / Trang tâm xuân cau chưa mở nụ ngà / Bến cửa ngực đèn lòng ga trắng rồi / Ngõ trắng bờ mờ mây nổi / U ú thiên hà tàu nhỏ khói ngã ba (Mới tuổi).*

Tác phẩm giờ đây trở thành cuối cùng của Lê Đạt là tập *U75 từ tình*. Một tập sách như tổng kết cả một đời thơ lao lực đam mê của Lê Đạt khi tập hợp trong đó có những phần của các tập thơ trước và đặc biệt có những “*Đoản ngôn*” là những suy nghĩ, nhận xét của riêng ông, những câu truyện ông lấy ra từ cuộc đời các danh nhân đồng tây kim cổ, tất cả đều xoáy vào chủ đề thơ ca và cuộc sống. Đó như một kiểu di chúc nghệ thuật của Lê Đạt. Ông đã ra đi sau khi vừa hoàn thành một cuộc hành trình dọc ngang đất nước hào sảng và thanh thản. Động lại với đời một hình ảnh Lê Đạt có tiếng cười to, đôi mắt hóm hình, và khuất sau đó những âm thầm vật lộn trên trang viết. Tưởng nhớ Lê Đạt, cách tốt nhất là hãy học theo tinh thần của ông: “*Cái mới thường vượt biên không có giấy thông hành*”.

#### **“Phó thường dân” nhà thơ**

Lê Đạt xuất hiện trong các tập sáng tác giai phẩm mùa xuân, mùa thu năm 1956 bằng những bài thơ đầy nhiệt huyết công dân, đầy tinh thần cống hiến cho đất nước, cho thơ ca, khi đất nước vừa tắt khói lửa một cuộc chiến tranh và nửa nước đang trong cơn say lãng mạn. Mang tinh thần hừng hực như nhà thơ Nga V. Mayakovsky – một kiểu mẫu thơ hồi ấy ông và các bạn ông noi theo – Lê Đạt viết thơ *Gửi kế hoạch nhà nước 1956* để thúc giục phải nhanh hơn, mạnh hơn, quyết liệt hơn cho sự nghiệp xây dựng cuộc sống mới.

*Thực dân làm mười hai năm  
Ta hoàn thành trong bốn tháng  
Mỗi ngày thi đua cách mạng*

*Bằng mấy chục ngày thường  
Ta nắm cổ thời gian  
Quất cho phi nước đại.  
Kéo ngày mai gần lại  
Thúc vào lưng cuộc đời  
Mở máy đến chân trời cộng sản*

Ông thấy sứ mệnh của thơ là phải tham gia trực tiếp vào cuộc sống, phải đào luyện những con người là chủ nhân mới của đất nước. Làm thơ đối với người thơ Lê Đạt hồi tuổi thanh niên ấy cũng là một thứ lao động vinh quang. Nhà thơ tự nguyện được điều động, phân công để thơ có ích cho đời.

*Em ơi !  
Anh thức thâu đêm suốt sáng  
Moi óc làm thơ  
Moi tim làm thơ  
Như người thợ  
Chui xuống lòng hầm mỏ  
Moi than moi lửa  
Đốt sáng cuộc đời*

*Anh muốn Đảng gọi anh đến nơi  
Hội ý về cuộc sống  
Điều động anh vào Bộ Tâm hồn quần chúng  
Giúp Trung ương  
Xây dựng  
Những con người*

Con người mang sẵn trong mình ý chí và khát vọng cái mới như vậy đã bị đặt vào một hoàn cảnh sống nghiệt ngã, cùng với các bạn hữu cầm bút của mình, trong suốt hơn ba chục năm. Nhưng chính ý chí và khát vọng đó đã thôi luyện ông, đã giúp ông nghĩ suy bằng cái đầu của mình và đứng vững trên đôi chân của mình, vượt qua thử thách, hoạn nạn, và chiến thắng bằng Thơ.

Lê Đạt là Lê Đạt ở thơ, một thứ thơ đã được chưng cất qua lò lửa văn hoá đông tây kim cổ mà ông nhóm lên từ trong gian khổ, mà ông đã kiên trì giữ lửa không để lụi tắt qua gió mưa cuộc đời, để khi được đưa ra ánh sáng thứ thơ đó đã tỏa một mùi hương thơ của người thơ Lê Đạt. *Bóng chữ, Ngó lời, U75 từ tình* – những tập thơ của ông, là thành quả của một đời lao động thơ cật lực của một người tự nguyện làm “phu chữ” để đưa đến cho người đọc những âm nghĩa mới lạ, tinh ròn của tiếng Việt. Hai chục năm trở lại đời sống bình thường của văn học, Lê Đạt đã để lại một dấu ấn riêng của mình trong sáng tác thơ, trong quan niệm thơ, trong hành xử thơ. Thơ Lê Đạt – ba tiếng này đã là một dấu chỉ, một “thi hiệu”, một mời gọi và thách thức. “*Tôi tôn trọng những nhà thơ sinh sự với văn phạm để tạo ra sự sinh của ngôn ngữ*” – Lê Đạt phát ra nhiều những châm ngôn như vậy để người đọc có cái chỉ hiệu bước vào thế giới thơ ông.

*Đường về nhà em ba mươi sáu ngõ  
Nêông liễu hồ tóc gió ngã tư  
Xuân lưa mưa mini mùa én đỏ  
Khăn bay cờ lòng phỏ lay mơ*

Lê Đạt và những người đồng hội đồng thuyền với ông từ giữa thế kỷ XX đã kiên quyết khởi lên một cuộc cách tân thơ Việt, đoạn tuyệt với Thơ Mới (“*thành tựu của họ đòi hỏi ta phải thử những thành tựu khác*” – ông nói), đi tìm những cách biểu hiện mới cho thơ, tạo lập những giá trị chuẩn mực mới của thơ. Những tháng năm chìm trong bóng tối và im lặng ông đã cưỡng chống lại số phận bằng cách vùi mình vào những con chữ đến từ nhiều ngõ ngách văn hoá để tích hợp, hội tụ, hấp thụ và biến cải chúng thành một vốn văn hoá lớn của mình, và trên nền tảng đó ông xây cất một ngôi nhà thơ riêng. Những sáng tạo đổi mới thơ của Lê Đạt, cũng như của Trần Dần, Đặng Đình Hưng, đã đóng góp quan trọng cho tiến trình hiện đại của thơ Việt, và nói riêng đó là dấu chỉ giá trị của một phong trào văn học đã đẩy lên cách nay hơn nửa thế kỷ. Ông vừa làm một cuộc hành trình lên Tây Nguyên, xuyên miền Trung, vào Sài Gòn và bay ra Hà Nội. Chuyến đi kết thúc bằng sự yên nghỉ đời đời như một sắp đặt của số phận.

Nhưng có lẽ ở bên kia thế giới ông sẽ cảm ơn số phận, vì nào ta có chọn được số phận của ta đâu. Số phận đã cho ông trở thành nhà thơ Lê Đạt chứ không phải thành một nhà nào khác như lẽ ra có thể. Để ông có thể “xưng danh” một cách bình thường và kiêu hãnh rất Lê Đạt:

*Phó thường dân phổ nhô vô danh vô giai thoại  
Thành tích mấy trang giấy sồn mấy câu thơ bụi núi Vô Sơn*

Thế là đủ, với ông – nhà thơ Lê Đạt.

### Tiền đưa



Trước mặt chúng ta ở đây, lúc này, nhà thơ Lê Đạt đang ở ga cuối của một hành trình.

*Vòng hoa viếng nhà thơ Lê Đạt của Diễn Đàn  
do hai nhà văn Nguyễn Ngọc và Phạm Xuân Nguyên  
thay mặt.*

Ông đã dừng lại, sau một chuyến đi thực tế ngỡ đâu là cuối đời, lên Tây Nguyên, về miền Trung, vào Sài Gòn. Chuyến đi của một đoàn các văn nghệ sĩ, trí thức tới một vùng đất cao nguyên đang là mối trăn trở, bận tâm lớn của đất nước hôm nay. Lê Đạt tham gia đoàn hăm hở, vui vẻ, nhiệt huyết, mặc dù sức khỏe ông đã sút kém. Ông đi chuyến đi này như một cuộc hành hương, một cuộc hành trình, để ngắm và ngắm thêm về kiếp sống, kiếp người.

Ông đã dừng lại, sau một chuyến đi cuộc đời trải nhiều khúc quanh. Lê Đạt đã từng làm việc ở Ban tuyên huấn trung ương đảng cộng sản Việt Nam, ở bộ phận thư ký cho tổng bí thư đảng Trường Chinh trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Lê Đạt khi hoà bình về trên nửa nước đã biết nhận ra rất sớm những kiếp người “*Hai vai nhô lên / Đầu lún xuống / Như không mang nổi cuộc đời*” để rồi đánh mất mình trong “*mùi ẩm mốc, tiếng mọt kêu cọt kẹt*”, từ đó ông kêu gọi giải phóng con người, giải phóng thơ ca. *Từng từng giọt mồ hôi / Đắm bản đồ chính sách / Anh mở lối giữa cuộc đời góc ngách / Ốc anh là một công trường / Mỗi dòng thơ là một cây số mới / Trên con đường đi tới Xã hội / Ngày mai / Một tiếng sừng tương lai / Nổ vào đầu dĩ vãng.* Lê Đạt đã lâm tình thế sau vụ Nhân Văn – Giai Phẩm ba mươi năm có lẽ chìm trong bóng tối và im lặng, khi đó chỉ có thơ cứu chuộc được ông.

Ông đã dừng lại, sau một chuyến đi thơ ca khổ ải như vác cây thánh giá lên đồi Sọ và vinh quang như được phục sinh. Thơ đã cho ông tiếng nói làm một công dân chính trực, làm một

con người đứng thẳng, và làm một nhà thơ “phu chữ”. Thơ đã chứng tỏ và trình bày ông cho Công Lý, cho Chân Lý, cho cái Đẹp. Thơ đã đưa ông đồng hành cùng dân tộc và tuổi trẻ ở thời buổi mới nhiều vận hội nhưng cũng lắm bất trắc, cam go. Với chữ và thơ Lê Đạt là người tình chung, là kẻ tận hiến.

Ông đã dừng lại, sau những chuyến đi, sau một hành trình có quanh co, khúc khuỷu nhưng nhất quán, để bây giờ trước mặt chúng ta là một Lê Đạt – con người, một Lê Đạt – nhà thơ, với nghĩa đầy đủ của từ này.

Giờ phút chia tay ông ở ga cuối cuộc hành trình này, chúng tôi – những người cùng thế hệ ông, những người bạn vong niên của ông, những người đồng tâm đồng chí cùng ông, những người đọc thơ ông, như hãy còn nghe rõ tiếng ông cười sảng khoái và giọng ông vang to khi nói ra những điều gan ruột cho thơ, cho cuộc sống, cho con người. Ông đã sống trọn một cuộc đời nhân văn nghệ thuật. Ông đã khép mắt lại, nhưng chúng tôi ghi nhớ điều khác biệt ông đã chỉ ra : *“Người quân tử dùng mắt để nhìn / Kẻ tiểu nhân dùng mắt để nhòm”*.

*Hà Nội 21 – 22 - 23 /4/ 2008*

## **Lê Đạt, người hiền Nguyễn Ngọc**

Trong tiến trình văn hóa và tư tưởng của chúng ta từ khoảng năm bảy chục năm nay có một hiện tượng rất đáng chú ý, chừng nào đó thậm chí có tính quy luật. Đó là hiện tượng về vai trò, vị trí và hành xử của người trí thức trong xã hội. Trí thức Việt Nam tuy nhỏ, có thể không bằng được ở một số quốc gia lớn và độc lập lâu đời, nhưng có đặc điểm nổi bật là hết sức yêu nước. Cũng dễ hiểu thôi, họ là trí thức của một dân tộc bị mất nước hàng thế kỷ, chính vì là trí thức nên trong họ nổi đau và nổi nhục mất nước càng sâu đậm, thống thiết. Mà cách mạng của ta, rồi tiếp liền sau đó là kháng chiến, trước hết và chủ yếu là cách mạng và chiến tranh giải phóng dân tộc. Cho nên tuyệt đại đa số trí thức Việt Nam, những người ưu tú nhất trong số họ, đều đi với cách mạng và kháng chiến, số người vì lý do này khác không cùng đi hoặc không đi được đến cùng rất ít.

Nhưng trí thức thì bao giờ cũng vậy, ở đâu cũng vậy, đối với họ khát vọng sâu xa nhất, lâu dài nhất, sống còn nhất là tự do. Độc lập và tự do không phải bao giờ cũng hoàn toàn là một, nhất là khi cuộc chiến đấu vì độc lập ở trong điều kiện khó khăn, khốc liệt như chúng ta đã phải đối mặt lâu dài vừa qua, và tự do là tự do cho đến tận từng con người, từng cá nhân. Trong điều kiện đó, khối tuyệt đa số trí thức của chúng ta đi với cách mạng và kháng chiến đã có một hành xử tuyệt đẹp: họ tự nguyện tạm dẹp lại những yêu cầu về tự do vốn là lẽ sống của họ, vì đòi hỏi cấp thiết hơn của cách mạng và chiến tranh giải phóng dân tộc. Trong lực lượng chung đó nổi bật vai trò của trí thức văn nghệ sĩ, không phải vì họ “giỏi” hơn, sâu sắc hơn, nhưng vậy đó, cuộc sống đã giao cho họ chức năng đặc biệt là suy nghĩ và phát ngôn của xã hội. Cho nên cũng chính trong trí thức văn nghệ sĩ, chịu khó quan sát kỹ và tinh ý đôi chút, sẽ không khó nhận thấy thỉnh thoảng ít nhiều biểu hiện của mâu thuẫn tiềm ẩn được tạm dẹp lại vừa nói trên. Cuộc tranh luận về cái gọi là “nghệ thuật và tuyên truyền” ngay giữa thời kháng chiến chống Pháp, trong đó Tô Ngọc Vân - họa sĩ tài năng nhất và cũng tâm huyết nhất, người đã hy sinh trong chiến dịch Điện Biên Phủ - phải chịu nhận phần thua, là một trong những bằng chứng... Nghĩa là “tạm dẹp lại” vì nghĩa lớn của đại cuộc, nhưng về cơ bản không mất đi, không yên, không thể yên. Nó tất sẽ bùng dậy mỗi khi yêu cầu độc lập dân tộc bớt căng ...



Tôi nghĩ cần hiểu cái gọi vụ Nhân văn Giai phẩm, và anh Lê Đạt, một trong những nhân vật trung tâm của sự kiện đó, trong bối cảnh lịch sử và xã hội ấy. Nó diễn ra sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp đã kết thúc thắng lợi, tức là khi vấn đề dân tộc đã được giải quyết một bước lớn - và sau năm 1975 khi vấn đề độc lập dân tộc đã được giải quyết về cơ bản thì lại có hiện tượng tương tự, lần này rộng lớn, sâu và dai dẳng hơn. Nghĩa là quả có một quy luật thật. Hoặc nói rõ hơn, trong người trí thức Việt Nam đi với cách mạng và kháng chiến ít nhiều đều có một “giàng xé” bên trong, mà họ phải vượt qua, và mỗi người đã vượt qua một cách khác nhau. Anh Lê Đạt đã vượt qua theo cách của anh, riêng anh, để trở nên một Lê Đạt như chúng ta biết, rất ít nói và rất khiêm nhường, rất súc tích cả trong lối sống lẫn trong phát ngôn bởi rất từng trải, chỉ những người thật từng trải qua trầm luân đắng cay lắm mới có được, thâm trầm và nhân hậu trong cuộc sống, sâu sắc và uyên thâm trong tri thức, chín chắn mà mới mẻ, luôn mới mẻ và dồi dào đến lạ trong sáng tạo. Như một Người Hiền.

Trong một bài viết gần đây trên tạp chí Tia Sáng, anh Cao Huy Thuần có nói rất hay về hai kiểu ứng xử khác nhau của người trí thức trước những tình thế phức tạp và tế nhị của thế cuộc: kiểu André Malraux và kiểu Albert Camus[1]. Tôi nhớ chỉ vài tuần trước khi anh Lê Đạt mất, cũng chính ở tòa soạn Tia Sáng, chúng tôi có trao đổi với nhau về hai cách hành xử của hai nhà trí thức lớn đó. Hôm ấy anh Lê Đạt bảo Camus triết để hơn, anh trọng Camus hơn, về tư tưởng, cả về nhân cách lẫn tài năng mà anh cho là đều lớn hơn. Thậm chí, vốn rất cẩn trọng, vậy mà anh không ngại tỏ ý chê Malraux ... Song, lạ vậy, trong cuộc đời thật của mình, đối mặt với những chọn lựa lớn mấy mươi năm dài, theo tôi anh Lê Đạt đã hành xử theo cách Malraux chứ không phải theo cách Camus. Hoặc đúng hơn, anh đã bị giàng xé trong chọn lựa giữa kiểu Malraux và kiểu Camus, và đã đi từ Malraux đến Camus. Rất có thể đây là một trường hợp khá điển hình về người trí thức Việt Nam trong cách mạng, điển hình không phải vì nó phổ biến, mà vì nó là biểu hiện tập trung tấn kịch căng thẳng đến sâu thẳm của người trí thức.

Thái độ của Malraux, trong chiến tranh Tây Ban Nha năm 1936, là đứng hẳn, quyết liệt, triệt để, thật sự như một người anh hùng về phía tiến bộ, mặc dầu ông biết rất rõ trong chính phía tiến bộ ấy cũng chắt chứa không ít những sai trái, bậy bạ, thậm chí cả tội ác. Vì sự hữu hiệu sống còn tức thời cấp bách của cái Tiến bộ, ông đã cắn răng giữ im lặng trước những sai trái, cả tội ác ấy. Hy sinh một phần lương tâm vì một đại nghĩa cấp thời.

Camus thì khác: ông dứt khoát chỉ đứng về phía mà ông gọi là phía lương tâm, không chấp nhận, không tha thứ cho bất cứ điều gì trái với lương tâm, dù ở phía bên nào.

Bi kịch của cuộc đời anh Lê Đạt, mà anh thật nhân hậu, khoan dung và mĩa mai, mĩa mai cuộc đời và tự mĩa mai số phận của chính mình, gọi là “một tai nạn nghề nghiệp”, là sau khi “giữ im lặng” vì đại nghĩa kiểu Malraux trong những điều kiện khắc nghiệt của chiến tranh, anh đã chuyển sang kiểu Camus và sẵn sàng trả giá đắt vì nó, như anh nói vậy mà hóa ra là trong một ngày gần cuối đời. Kiểu Camus mà anh coi là kiểu sống, kiểu hành xử lý tưởng của người trí thức.

Trong ba người đứng đầu Nhân văn Giai phẩm, theo tôi Lê Đạt có một vai trò và vị trí riêng biệt. Trần Dần, như có người đã gọi, là “thủ lĩnh trong bóng tối”, người cầm cờ, tuyên ngôn và hành động. Hoàng Cầm thì rất tài năng mà cũng rất bản năng. Anh đến với cuộc đấu tranh cho lẽ phải bằng cảm nhận thuần nghệ thuật và thuần bản năng. Thậm chí đây là một nghệ sĩ lớn mà yếu đuối. Lê Đạt có lẽ là người có ý thức sâu sắc, rõ rệt hơn cả về con đường đi của mình, của nhóm, cũng là con đường đi của người trí thức, người nghệ sĩ chân chính trong những điều kiện khắc nghiệt của chuyển động lịch sử và xã hội đầy éo le của đất nước thời anh sống. Và anh hiểu điều đó vừa bằng một tâm hồn và một tài năng nghệ sĩ không hề nhỏ, vừa bằng một tri thức khổng lồ về văn hóa văn minh dân tộc và nhân loại mà anh kiên trì chiếm lĩnh suốt đời.

Hồi làm việc ở Hội Nhà Văn, tôi biết Hội sở hữu một thư viện không lớn lắm nhưng có một số sách hết sức quý do Sứ quán Pháp ở Hà Nội tặng. Tôi thường mò xuống đấy, có khi lang thang suốt ngày giữa cái kho báu tuyệt vời ấy. Buồn thay, kho sách vô giá lại thường vắng tanh. Hôm nào tôi cũng chỉ gặp ở đấy duy nhất có một người cùng lang thang: anh Lê Đạt.

Tôi biết anh đã lâu nhưng thân anh chính là từ dạo ấy. Bạn sách. Anh ấy là một con một sách, suốt đời. Anh sống đắm mình suốt đời trong trí tuệ lớn của toàn nhân loại. Từ đó tìm lấy chọn lựa sống và viết cho mình trên đời này. Những anh em thường tụ hội nhau ở tạp chí Tia Sáng đều biết rõ con người rất thường lẫn khuất và hết sức giản dị ấy lại là một cuốn tự điển sống hầu như bất tận. Cả về tri thức đông tây kim cổ, lẫn trải nghiệm muôn mặt cuộc đời.

Có lẽ rồi chúng ta sẽ dần dần nhận ra điều này: khoảng trống anh vừa để lại cho chúng ta hôm nay là một khoảng trống chẳng biết bao giờ mới lấp được của một nhà hiền triết, người đã gian nan mà nhẹ nhàng đi qua những tình thế chẳng hề đơn giản và dễ dàng của đất nước gần ngót một thế kỷ qua.

[1] Xem bài "Giữa đất và trời" của Cao Huy Thuần – Tia Sáng số 8 – 20-4-2008

## Nhân văn, "người và việc" Hoàng Khởi Phong

(Nhân dịp Lê Đạt, Hoàng Cầm cho biết sẽ nhận "Giải thưởng Nhà nước" về những cống hiến văn học của những người đã cấu thành vụ án Nhân văn)

### 1.

Câu chuyện *Nhân văn* bắt đầu từ năm 1956, khi miền Bắc vì áp lực của Trung Cộng, mô phỏng cuộc cách mạng xã hội ở Trung Quốc, ông Hồ Chí Minh tuyên bố cho mọi người, mọi nhà được lên tiếng qua khẩu hiệu: "Bách hoa tề phóng, bách gia tranh minh - Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng", thì một số người cầm bút ở miền Bắc gồm: Phan Khôi, Nguyễn Hữu Đang, Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo, Đào Duy Anh, Hữu Loan, Trần Dần, Phùng Quán, Văn Cao, Lê Đạt, Phùng Cung, Hoàng Cầm, Trần Lê Văn, Hoàng Tích Linh, Sĩ Ngọc... đã nhân cơ hội này tập hợp lại, dựng nên tờ báo *Nhân văn*, đồng một lúc nhà thơ Nguyễn Bính tập kết từ Nam ra Bắc một mình một chợ với tờ *Trăm hoa*.

Vào thời điểm đó việc chia đôi đất nước qua Hiệp định Genève vừa được chấn tròn hai năm, việc di cư của đồng bào miền Bắc vào Nam, cũng như đồng bào miền Nam ra tập kết ngoài Bắc vừa hoàn tất vồn vẹn một năm. Đoàn quân chiến thắng từ chiến khu Việt Bắc trở về tiếp thu Hà Nội, còn đang ngầy ngất vì hào quang kháng chiến. Những người nhìn xa lo kiếm cho mình một chỗ ngồi, một chỗ dựa, một căn nhà... thì các văn nghệ sĩ vốn nhiều mơ ước, lại bị kiềm chế quá lâu trong guồng máy của chiến khu trong thời chiến, bây giờ qua lời tuyên bố "Trăm hoa đua nở" của ông Hồ, ai nấy đều thờ ra một cái nhẹ nhõm. Những người làm văn nghệ có thể mơ hồ về tài năng của mình, nhưng họ cũng đủ tinh tế và nhạy cảm để nhìn thấy những điều diễn ra trước mắt, khi một sắc lệnh liên quan đến giới văn nghệ, được phổ biến vào ngày 15.12.1956. Thật ra những người cầm trịch cho guồng máy văn nghệ của nhà nước cũng chỉ phổ biến sắc lệnh này bằng miệng, trong một cuộc họp báo ở Phòng Thông tin tại phố Tràng Tiền. Sắc lệnh được ban hành bằng miệng này chỉ là nhắc lại một sắc lệnh đã được phổ biến bằng văn bản, vào tháng 10.1954, khi Hà Nội mới được tiếp thu sau 100 ngày ngổ cửa cho dân chúng di cư. Nội dung của sắc lệnh này bao gồm năm điểm:

- *Không được chống chính phủ*
- *Không được xúi giục nhân dân và bộ đội làm loạn*
- *Không được nói xấu các nước bạn*
- *Không được tiết lộ bí mật quân sự*
- *Không được đăng tải các bài vở phương hại đến thuần phong mỹ tục.*

Có một cái gì đó bất ổn trong nội dung năm điểm cấm này, đó là chưa kể tới điều cấm thứ ba không được nói xấu nước bạn" đầy khôi hài, mà lại có nhiều chất nô lệ cũng như phụ thuộc vào những nước nào được gọi là bạn.

Thành thử trước lời tuyên bố "Trăm hoa đua nở" của ông Hồ, những người làm văn nghệ đã từng nằm gai nếm mật trong chiến khu Việt Bắc hiểu được một điều, mà chính cụ Phan Khôi đã thú nhận: văn nghệ cam chịu phục vụ cho chính trị. Điều mà nhóm *Nhân văn* cũng như *Trăm hoa* của Nguyễn Bính nhắm tới là mong mỗi chính trị đừng có xen vào chuyên môn của văn nghệ. Câu chuyện *Nhân văn* ban đầu khởi đi chỉ giản dị như thế.

Như vậy *Nhân văn*, "Người và Việc" đã khởi đi từ năm 1956, cho tới nay hơn nửa thế kỷ đã qua đi. Việc thì mỗi ngày mỗi đề thêm ra, đến độ không một ai có thể kiểm kê được có bao nhiêu sự kiện đã xảy ra liên quan tới hai chữ *Nhân văn*? Có bao nhiêu cuốn sách, có bao nhiêu bài viết, có bao nhiêu văn thư, có bao nhiêu chỉ thị bằng chữ và bằng miệng, chĩa mũi dùi vào các thành viên của *Nhân văn*. Còn Người nói chung có hai loại: một là người của chế độ, và loại Người còn lại là những Người hình thành nên nhóm *Nhân văn*. Người của chế độ thì cứ lớp này văn tuồng, lớp khác tiến ra. Người người lớp lớp tiến lên như tên một tác phẩm của Trần Dần, trong khi đó đạo quân *Nhân văn* vồn vện không đầy một trung đội. Qua nửa thế kỷ hiện nay chỉ còn lại vài ba người, mà trong đó Nguyễn Hữu Đang chỉ mới nằm xuống chưa đầy hai tuần lễ, thì Lê Đạt và Hoàng Cầm trong một cuộc phỏng vấn dành cho báo điện tử của nhà nước là *VietNamNet*, nhân dịp hai nhà thơ và nhà văn này được trao tặng giải thưởng nhà nước đã cho biết: "... Đây là một cử chỉ đẹp, cho dù đã muộn. Nhưng muộn còn hơn không..."

Trước đó, ông Đỗ Chu, một thành viên của hội đồng giải thưởng chuyên ngành văn học, đã phát biểu: "... Có thể đây là lời xin lỗi của nhà nước đối với các anh..."

Ông Đỗ Chu quả là kiệm lời, không nói *lỗi* đó là cái gì, và vì sao mà năm 1988, nghĩa là sau hơn ba chục năm bị trừ dập đến độ sống không sống được, chết chẳng chết cho, những người liên quan tới *Nhân văn* đã được phục hồi hội tịch Hội Nhà văn, mặc dù sự phục hồi này theo những người am tường cho biết thì cũng chỉ phục hồi một nửa. Nghĩa là không có văn bản nào xác nhận đã được xoá bỏ các biện pháp kỷ luật, chỉ ngầm cho một số người được vào lại biên chế của nhà nước, với số lương khiêm tốn. Năm 1988 nhiều người trong vụ *Nhân văn* còn sống, những tên tuổi làm nên *Nhân văn* ngoại trừ Phan Khôi đã mất trước đó nhiều năm, nhưng Văn Cao, Phùng Quán, Trần Dần, Phùng Cung, Nguyễn Hữu Đang... mặc dù sống như những con ma trôi ngay giữa ban ngày, nhưng vẫn còn hiện diện giữa phố phường Hà Nội. Thế rồi mãi 19 năm sau nữa, năm 2007 mới có giải thưởng của nhà nước dành cho những đóng góp văn học của Hoàng Cầm và Lê Đạt.

Phải chăng nhà nước muốn làm hơn thế nữa, muốn tặng cho nhiều người xứng đáng hơn trong vai trò chủ chốt của nhóm *Nhân văn*, nhưng đã vấp phải những cái lưng thật thẳng, những tảng đá hết sức kiên trì như Nguyễn Hữu Đang, Hữu Loan, Phùng Quán... nên vì đó mà mọi việc còn phải chờ cho tới khi những tảng đá kiên trì này đã lặn hết dốc đời. Phải chăng những cái lưng thật thẳng đó đòi hỏi mọi việc phải được minh bạch, như những câu thơ của Phùng Quán, trong bài thơ "Lời mệ dặn":

*"... Yêu ai cứ bảo rằng yêu*

Ghét ai cứ bảo là ghét...  
Tôi muốn làm nhà văn chân thật  
Chân thật trọn đời  
Đường mật công danh không làm ngọt được lưỡi tôi  
Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã  
Bút giấy tôi ai cướp giết đi  
Tôi sẽ dùng dao khắc văn trên đá".

## 2.

Là một học sinh khá xuất sắc của ban Toán, cái duyên văn tự đến với tôi vào mùa hè năm 1959. Năm đó tôi học đệ tam không phải thi cử, mà lại con nhà nghèo không có phương tiện để đi chơi đây đó. Thú vui duy nhất của tôi trong mùa hè này là coi cạp đá banh, và lên nhà anh cả tôi đọc sách. Lần đầu tiên đến với chữ nghĩa, tôi không hiểu may hay rủi có hai cuốn sách đeo theo tôi suốt đời là cuốn *Giờ thứ 25* của nhà văn Rumania Constant Virgin Gheorghiu, và cuốn *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* của học giả Hoàng Văn Chí. Dù bất cứ thời gian nào, bất cứ ở đâu nếu tôi có một cái kệ để sách, thì trên cái kệ có hai cuốn sách này, và tôi thường lấy ra đọc lại trong những lúc bị đời bầm dập.

Khi đọc hai cuốn sách này lần đầu, tôi là một học sinh mới 16 tuổi, chưa đủ trí khôn để cảm nhận đầy đủ giá trị văn học của cả hai tác phẩm, song trong lòng tôi là những cơn chấn động mạnh. Có lẽ cái duyên văn tự đến với tôi không phải là những tác phẩm thuần túy văn học, nên vì đó mà đời văn của tôi cũng trải qua, và trả giá khá nhiều cho những suy nghĩ mà tôi bắt được từ trong thơ của Phùng Quán, từ thái độ sống của Trần Dần. Trọn thời trai tráng của tôi, những bài thơ đầu đời được làm rải rác đó đây trên chặng đường quân ngũ, tôi noi dấu theo vết bánh xe mà Trần Dần, Phùng Quán đã từng đi qua.

Với tôi Trần Dần, Phùng Quán là hai cây bút tiêu biểu mà tôi nghĩ: trong một chế độ như miền Bắc, nếu không sản xuất được những nhà văn như nhóm *Nhân văn*, thì số phận của dân chúng ở ngoài đó còn nhiều phần cay đắng hơn. Thành thạo trong những lúc nhàn rỗi việc quân, nghĩ về văn chương và chữ nghĩa, tôi nghiệm ra một điều: mặc dù là một sĩ quan của miền Nam, đang tập tễnh cầm bút, tôi gần gũi với các tác giả trong *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* hơn là phần đông các tác giả của miền Nam. Thật ra tôi cũng chẳng có nhiều tác phẩm của họ để đọc, chỉ thấy rằng những người của *Nhân văn* dường như đã đứng ở thế bồi thủy, tựa lưng vào bờ sông để hành sử tự cách nhà văn của mình, mà trước mặt là cả một đạo quân của guồng máy cai trị đang âm ỉ xốc tới. Cũng trong lúc đó thì ở miền Nam, có thật nhiều người cầm bút rất nổi tiếng, khi cầm bút chỉ mong làm vui lòng các độc giả, viết những cuốn sách bán chạy vì đáp ứng đúng thị hiếu của người đọc, hơn là nghĩ đến một tác phẩm có thể sống lâu được với thời gian.

Thế rồi đời sống cứ trôi đi, chiến tranh cứ lớn mạnh. Cho tới một đêm cuối tháng Tư năm 75, tôi leo lên con tàu HQ8 của Hải quân Quân lực Việt Nam Cộng hòa, hành lý vốn vẹn có một bộ quần áo trên người, một bộ trong túi xách tay cùng một cuốn sách duy nhất là cuốn *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*, và trong túi vốn vẹn có 20 đô la, do mẹ tôi đã vét hết tiền nhà đổi được cho tôi dần túi mang đi. Cho dù phải sống xa quê hương, tôi vẫn tin rằng một chế độ có bạo tàn tới đâu chẳng nữa, nhưng nếu còn sản xuất được những người cầm bút như Nguyễn Hữu Đang, Trần Dần, Phùng Quán... thì tôi vẫn có quyền hy vọng một ngày nào đó tôi sẽ quay về. Thành thử ngoài hành trang gọn nhẹ tôi đã viết ở trên, món hành trang nặng nhất mà tôi mang đi, chính là lòng cảm phục những người đã dựng nên tờ *Nhân văn*.

Năm 1995 Phùng Quán mất, trong tay tôi vốn vẹn chỉ có một cuốn *Trăm hoa đua nở trên đất*

*Bắc*, một cuốn *Trăng hoàng cung* của Phùng Quán, nhưng được in ở hải ngoại (mà tôi nghĩ đây là một tác phẩm không lấy gì làm hay lắm), một bài viết của Phùng Quán về Đoàn Phú Tứ trong số *Xuân Văn Học* 1995, và một vài bài báo liên quan tới Phùng Quán. Chỉ với một ít tư liệu nhỏ nhoi đó, tôi đã mất mười giờ liền để hoàn tất bài viết "Một vì sao *Nhân văn* vừa tắt". Sau khi bài viết được đăng tải trên tờ *Hợp Lưu*, tôi nhận được thư của bà Vũ Bội Trâm, cảm ơn về những tình cảm đặc biệt mà tôi đã dành cho chồng bà.

Sau khi Phùng Quán mất, chẳng bao lâu sau là Văn Cao, kế đó là Trần Dần, và chỉ một thời gian ngắn sau khi Trần Dần nằm xuống, nhà xuất bản *Văn nghệ* ở Cali cho phát hành cuốn nhật ký *Ghi* của ông. Nói cho đúng cuốn sách có thể chỉ gồm ghi chú ngắn, về "Người và Việc" đã xảy ra giữa những người cầm trịch chính trị và văn nghệ ở ngoài Bắc, với những Người trong nhóm *Nhân văn*. Những trang nhật ký của Trần Dần đã được gia đình chuyển ra ngoại quốc, và được nhà văn Phạm Thị Hoài biên tập.

Vốn trong lòng lúc nào cũng tâm phục với những người của *Nhân văn*, cuốn *Ghi* đến với tôi như là một liều thuốc quá mạnh, với đầy đủ những vị cay, đắng, chua, chát, mặn. Vị nào cũng quá đỗi, đến độ tôi vốn là người đọc sách nhanh, mà không thể nào đọc nổi cỡ hai chục trang một lần. Cứ đọc độ mười trang, tôi lại phải ngừng lại, ngẫm nghĩ, mường tượng ra những sự việc và những cảnh đời, những con người mà Trần Dần đã ghi lại. Cảm giác của tôi khi đọc được nửa cuốn *Ghi*, hết như một thanh niên mới lớn bị tình phụ. Ngoại trừ Hữu Loan đã bỏ về quê đi thò xe, Nguyễn Hữu Đang bị bỏ tù, những người còn lại chỉ bị kỷ luật. Có nghĩa là chỉ bị kiểm thảo, đuổi ra khỏi hội nhà văn, rút biên chế, cưỡng bách lao động, học tập, chỉ định nơi cư trú... Chẳng lẽ những tính danh mà có một thời tôi đã coi như là chỉ dấu cho đời văn của mình, những Trần Dần, Phùng Quán, Hoàng Cầm, Lê Đạt, Phùng Cung... lại có lúc cư xử với nhau tệ hại như thế sao?

Để nuốt cho được chén thuốc quá đắng này, tôi viết một bài ngắn đăng tải trên tờ *Việt Tide*, và cho rằng đó chỉ là những ghi chú nhỏ, như những nguyên liệu thô, mà chỉ có chính người ghi lại là Trần Dần mới có thể biết rõ cách sử dụng các nguyên liệu thô này như thế nào, để từ một đồng ghi chú bầy nhầy đó trở thành một tập tài liệu, hay một tác phẩm.

Trước khi Phùng Quán mất chừng hai năm, một thân hữu của tôi về thăm quê hương, khi trở ra anh mời một số bằng hữu đến ăn một bữa cơm thân mật tại nhà, chỉ cốt khoe anh có giao tình với Văn Cao, là em kết nghĩa của Hoàng Cầm. Anh lục lọi mang ra một cuốn băng video, trong đó có cảnh Hoàng Cầm "hét thơ", anh mang ra những bản photo copy các bài thơ của Hoàng Cầm và của Văn Cao, với những lời đề tặng cực kỳ thân ái. Những thước phim cho tôi thấy có một cái gì đó đầy kịch tính, bởi vì những lời đề tặng cực kỳ thân ái đó được dùng cho bất kỳ ai đến thăm, như một sản phẩm được trao đổi giữa người viết và người đọc, mà chế độ cai trị không cho phép những người viết này được in ấn, xuất bản nên không có sách được bày bán trong các tiệm sách.

Sau khi Phùng Quán mất độ vài năm, tôi qua Âu châu lần đầu. Thăm Thế Giang ở Đức, chia với Thế Giang một số câu chuyện liên quan tới Trần Dần, ghé Pháp thăm vợ chồng Trần Vũ, để được nghe người ta bàn ra, tán vào về cách ứng xử của nhà thơ Lê Đạt, một nhân vật trong nhóm *Nhân văn*, được nhà nước cho sang Pháp chơi, cư ngụ tại nhà chị Thụy Khuê, một thân hữu của tạp chí *Văn học*. Thành thử trước khi chính thức uống chén thuốc *Ghi* quá đắng của Trần Dần, tôi đã được ném khai vị một số câu chuyện của vị của một nhân vật *Nhân văn* mà tôi đã hằng tâm phục thời trai trẻ.

Chỉ biết rằng theo những câu chuyện mà tôi nghe được, trong thời gian Lê Đạt ở Paris, lúc nào ông cũng ăn mặc như một tu sĩ tại gia, suốt ngày nằm ở trong phòng riêng. Mỗi khi có khách tới

viếng, gia chủ phải vào thỉnh ra phòng khách. Đó là chưa kể gia chủ mỗi buổi sáng trước khi đi làm, đã tề nhị để lại một số tiền trên bàn ăn, để đề phòng khách có đi đâu chơi thì có sẵn tiền xe. Suốt một tháng trời ở Paris, hình như Lê Đạt ít khi ra ngoài, và mỗi khi ra ngoài thì đã có người đưa kẻ đón, thế nhưng tiền xe thì mỗi ngày vẫn cứ nhận. Chắc có lẽ nhà thơ cho rằng với những năm tháng bị đầy đoạ vì vụ *Nhân văn*, người hải ngoại có bổn phận chiều đãi, đền bù và ông có quyền thụ nhận những gì người ta dâng cúng. Ở nước Mỹ cũng có nhiều người vẫn đinh ninh rằng những năm tháng bị cầm tù trong các trại tù cải tạo, là một thứ quyền bất khả tư nghị, và những người đi trước phải có nghĩa vụ nào đó, trách nhiệm nào đó để đền đáp cho những năm tháng bị đoạ đầy này.

Khi viết những dòng chữ này, một lần nữa tôi đọc lại cuốn *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*, đọc thêm cuốn *Ba phút sự thật* của Phùng Quán mà tôi mới mua trong chuyến về thăm nhà mới đây, tất nhiên tôi cũng đọc lại cuốn *Ghi* của Trần Dần, nhưng cuốn này tôi chỉ đọc nhẩy cóc mà thôi. Tôi vẫn giữ đầy đủ lòng kính trọng những người đã làm nên *Nhân văn*, nhưng chen vào đó là lòng thương cảm vô bờ bến. Lần đầu đọc cuốn *Ghi* tôi bị "sốc", nhưng nhiều năm đã qua đi, cái chết của các ông Nguyễn Hữu Đang, của Đoàn Phú Tứ, của Văn Cao, Phùng Quán, Trần Dần, Phùng Cung... và đời sống của những nhân vật này trong những năm bị sao chổi quét trên đầu, đã khiến cho tôi thấy chén thuốc *Ghi* coi vậy mà rồi tôi cũng nuốt được.

### 3.

Bản tin được phổ biến trên nhiều báo trong nước cũng như hải ngoại cho tôi biết: bốn tác giả Hoàng Cầm, Lê Đạt, Phùng Quán và Trần Dần được nhận Giải thưởng Nhà nước. Trong số bốn người được nhận giải này có hai người đã nằm xuống là Phùng Quán và Trần Dần, thành thử hai người này không có cơ hội để trả lời cho tờ báo điện tử *VietNamNet*. Nhưng nếu Trần Dần và Phùng Quán còn hiện diện trên đời, tôi tin cả hai sẽ làm nhà nước không mấy hài lòng. Hai người còn sống là Hoàng Cầm và Lê Đạt thì mau mắn trả lời sẽ nhận giải thưởng trị giá 60 triệu đồng Việt Nam này.

Trong bản tin của tờ *Việt Tide*, tôi nhìn thấy ảnh Lê Đạt và Hoàng Cầm tươi cười hả hê. Nếu không được coi cuốn video Hoàng Cầm "hét thơ" mà một thân hữu của tôi, một bác sĩ và là em kết nghĩa của Hoàng Cầm đem qua Mỹ cho coi vào đầu thập niên 90, nếu không được nghe những chuyện kể về một nhà thơ *Nhân văn* qua thăm bên Pháp, chắc là trong hai lần ghé Hà Nội vào năm 2005 và 2006 để đi một vòng Bắc Việt, tôi đã có dịp gặp gỡ Hoàng Cầm và Lê Đạt. Ít nhất trong hai lần về Hà Nội này, trong hai lần ghé thăm để thắp hương trên bàn thờ Phùng Quán, tôi đã được gợi ý gặp gỡ Hoàng Cầm và Lê Đạt, nhưng không hiểu sao tôi ngần ngại rồi quả quyết quay về.

Có lẽ dư âm của cuốn *Ghi*, của những thước phim Hoàng Cầm "hét thơ", và cách hành xử của Lê Đạt ở Paris là những ấn tượng quá mạnh, khiến tôi nghĩ mình nên đứng lại ở một khoảng cách đủ xa, để chiêm ngưỡng các nhân vật này, như tôi đã từng chiêm ngưỡng họ trong thời gian tôi còn ở quân đội. Thái độ mau mắn trả lời "nhận" giải thưởng nhà nước của Hoàng Cầm và Lê Đạt, khiến cho tôi nghĩ nên ghi lại những những gì tôi đã đọc về cái "sống" và cái "chết" của những nhân vật đã tạo nên biến cố *Nhân văn*, trước khi có một vài suy nghĩ liên quan tới việc "nhận" hay "không nhận" một giải thưởng được nhà nước trao quá muộn màng sau hơn nửa thế kỷ.

Vì không phải là một bài khảo cứu, tôi chỉ ghi tóm tắt về cuộc đời và cái chết của một vài nhân vật tiêu biểu cho nhóm *Nhân văn* gồm: Phan Khôi, Phùng Quán, Văn Cao, Trần Dần, Nguyễn Hữu Đang và một nhân vật còn sống là nhà thơ Hữu Loan. Ngoài ra trong bài viết này, tôi chỉ nêu lên một vài chi tiết nhỏ liên quan tới các tác phẩm của những nhân vật này, bởi vì toàn bộ

các sáng tác của nhóm *Nhân văn* đã được đăng tải và lưu trữ ở rất nhiều nơi.

\*\*\*

Người nằm xuống sớm nhất của nhóm *Nhân văn* là cụ Phan Khôi. Ông cũng là đại diện duy nhất của phe cựu học, nguyên là một cậu Tú nho học, sinh năm 1887, và là một nhân vật nổi bật trong buổi giao thời giữa hai nền văn chương Hán Nôm và văn chương Quốc ngữ. Năm 1907 cụ Phan ra Hà Nội, tham gia phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục với cụ Lương Văn Can. Trong *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* của học giả Hoàng Văn Chí xuất bản năm 1959 ở miền Nam, và mới đây trong tác phẩm *Nhớ cha tôi* của bà Phan Thị Mỹ Khanh xuất bản ở Đà Nẵng năm 2001, người đọc biết được một điều cụ Phan là một nhà nho yêu nước, nhưng cụ chẳng những không thích mà còn ghét cộng sản, mặc dù con trai cụ là Phan Thao, là một cán bộ cao cấp của cộng sản trong Ủy ban Trung bộ. Theo Hoàng Văn Chí, cụ lớn tiếng đả kích đường lối sát máu của cộng sản thi hành ở Quảng Nam quê cụ, khi Việt Minh cướp chính quyền ở đây vào năm 1945. Để dàn xếp cho cụ, đích thân Hồ Chí Minh đã viết thư mời cụ ra Hà Nội hợp tác, nhưng kỳ thực là giao cụ cho Phan Bội là em thúc bá của cụ, và là Trung ương Ủy viên Thứ trưởng Bộ Nội vụ phụ trách quản thúc.

Trong một bài viết được đăng tải trong cuốn *Nhớ cha tôi*, Thiều Sơn, một nhân vật sau cụ Phan chừng mười tuổi cho biết: "*Ông (Phan Khôi) có một người con là Phan Thao. Con là một cán bộ ở cấp bậc cao. Cha thì ghét cộng sản. Chồng cộng nhưng cũng khảng khái, không thần phục thực dân, không chịu mang tiếng theo giặc. Hai cha con cãi nhau kịch liệt, rồi con không thuyết phục được cha. Nó nói: "Chồng cộng là quyền của cha, nhưng đây là toàn dân kháng chiến. Không lý cha có thể đặt mình dưới sự kiểm soát của giặc".*

Theo học giả Hoàng Văn Chí, cụ Phan Khôi có mặt trong vùng kháng chiến vì hoàn cảnh ép buộc, do đó người ta không lấy làm lạ ngay trong thời kháng chiến cụ đã có những bài thơ ngắn bầy tỏ ý kiến của mình, dùng tài văn của mình để viết một câu chuyện trong đó cụ gọi một loại cây mà người Bắc gọi là "cây cứt lợn" còn trong Nam gọi là "cây chó đẻ" là "cỏ cộng sản". Để rồi từ "cỏ cộng sản" cụ viết là cụ đã gặp một ông già người Thổ, gọi cái cây này là "cỏ cụ Hồ". Ông già người Thổ đó cho biết: Từ ngày cụ Hồ về lãnh đạo cách mạng, thấy cỏ này mọc rất nhiều, nên người dân địa phương gọi là "cỏ cụ Hồ", vì thứ cỏ này xuất hiện cùng một lúc với cụ Hồ thì gọi là "cỏ cụ Hồ".

Cụ Phan là một cây bút lý luận trụ cột của *Nhân văn-Giai phẩm*, mà trong đó bài viết đáng kể nhất là "Phê bình lãnh đạo văn nghệ", truyện ngắn "Ông Năm Chuột", "Ông binh vôi", cùng một số thơ. Năm 70 tuổi cụ làm một bài thơ tự trào, trong đó có hai câu:

*...Lên bảy mươi rồi mẹ nó ơi  
Thọ ta, ta chúc lọ phiền ai...*

Bài thơ tuy không xuất bản, nhưng được Nguyễn Công Hoan làm một bài thơ họa lại như sau:

*Nhấn bảo Phan Khôi khôn kiếp ơi  
Thọ mi, mi chúc chớ hồng ai  
Văn chương! Đủ mẹ thằng cha bạc  
Tiết tháo! Tiên sư cái mẽ ngoài  
Lô-dịch, trước cam làm kiếp chó  
Nhân văn, nay lại hít gì voi  
Sống dai thêm tuổi, cho thêm nhục  
Thêm nhục cơm trời, chẳng thấy gai.*

Chỉ cần đọc bài thơ này, đủ hiểu đời sống của cụ Phan Khôi như thế nào, sau khi chế độ ra tay đàn áp nhóm *Nhân văn*. Cụ vẫn còn may mắn hơn nhiều người trong nhóm, vì chế độ nể mặt

Phan Bội và Phan Thao là hai cán bộ cao cấp, bản án dành cho cụ Phan Khôi tương đối nhẹ. Cụ không phải chịu đựng những trừng phạt thể xác như Trần Dần, Phùng Quán, Phùng Cung... mà chỉ bị quản thúc tại gia. Cụ mất năm 1959, nghĩa là chỉ ba năm sau khi vụ *Nhân văn-Giai phẩm* ra đời. Những người của Hà Nội thời đó cho biết: trong đám tang của cụ chỉ có lều tều vài người thân trong nhà, đẩy một chiếc xe như xe bò chở quan tài cụ ra nghĩa địa. Không có một vòng hoa, không có một lời ai điếu. Đó là chưa nói tới có một hai người con, vì e ngại cho tiền đồ của mình mà không dám đưa tang bố.

\*\*\*

Năm 1995 Phùng Quán mất vì căn bệnh ung thư. Trong *Nhân văn* ông là người lính xung kích trẻ tuổi nhất, nhưng lại là người nhanh chân nhất biến khỏi cuộc đời vào năm 62 tuổi. Vào thời điểm này nước Việt đã mở cửa về kinh tế, và cởi trói cho văn nghệ được vài năm, rồi lại trói lại. Khi mở cửa và cởi trói thì có những lời tuyên bố được rêu rao trên toàn bộ các hệ thống báo chí, truyền thanh và truyền hình. Nhưng khi trói lại thì chỉ là những văn thư nội bộ, các biện pháp kỷ luật hành chính, hay âm thầm tịch thu sách, báo. Tuy nhiên lời tuyên bố cởi trói cho văn nghệ của ông Nguyễn Văn Linh đã ảnh hưởng phần nào tới quyết định phục hồi hội tịch Hội Nhà văn cho các nhân vật trong nhóm *Nhân văn-Giai phẩm* vào năm 1988. Tuy được phục hồi hội tịch, chỉ có nghĩa là từ nay Phùng Quán được viết bằng bút hiệu của mình, không phải viết văn chui như trước. Ngay sau khi được thả lỏng, Phùng Quán như một con chim muốn bay vút lên không trung, ông thường xuyên đi đó đây. Khi thì về Thái Bình thăm Nguyễn Hữu Đăng, lúc thì về thăm Hữu Loan ở Thanh Hoá, rồi về quê nội ở Huế, rồi vào Đà Lạt chơi với nhóm Bùi Minh Quốc, Hà Sĩ Phu và những chuyến đi này có khi kéo dài cả hai ba tháng trời. Thời gian này ông hít lấy cái không khí tự do cho no bùng phổi, tạm quên việc xuất bản sách cho chính mình, ngoại trừ một số nhà xuất bản tự tìm tới với Phùng Quán để in những tác phẩm của ông, còn chính ông thì để tâm thiết tha vào việc khác. Nên vì vậy mà mọi chi tiêu trong đời sống hằng ngày của gia đình Phùng Quán, vẫn hoàn toàn nằm trong số lương giáo viên cấp 3 ít ỏi của bà vợ.

Khi Phùng Quán mất, mặc dù giới văn nghệ đã bị trói lại, song ảnh hưởng của việc cởi trói còn mạnh, nên đám tang ông được hàng ngàn người yêu thơ ông, cũng như các bạn văn, bạn chiến đấu, bạn câu cá trộm đã đưa ông đến nơi an nghỉ cuối cùng, không đến nỗi hắt hiu như đám ma cụ Phan Khôi hơn hai chục năm trước, khi việc đàn áp *Nhân văn* còn đang bùng bùng sát khí. Như vậy trong suốt 32 năm từ 1956 tới 1988, bị ra khỏi biên chế nhà nước, thoát đầu là lao động cải tạo tại những công, nông trường rải rác trên lãnh thổ miền Bắc, Phùng Quán còn được lãnh một số tiền phụ cấp hằng tháng không bao giờ đủ dùng cho bản thân mình. Vài năm sau, Phùng Quán là người hoàn toàn không có một công ăn việc làm nào. Cuộc đời Phùng Quán từ sau cải tạo lao động cho đến khi được phục hồi hội tịch hội nhà văn, đã được ông tự tả bằng sáu chữ: "*Rượu chiu - cá trộm - văn chui*", có nghĩa là ông thường xuyên uống rượu mua chiu của những người quen, ông là tay câu cá trộm chuyên nghiệp ở các hồ nuôi cá quốc doanh như ở Hồ Tây, Hồ Bảy Mẫu, Hồ Hạ-le. Về lao động trí óc, ông viết văn chui dưới rất nhiều bút hiệu ma. Thậm chí có những người chưa bao giờ cầm bút viết một câu văn, nhưng nhờ cho mượn tên mà giờ đây tự nhiên có tác phẩm. Rồi đời sống trôi đi, vài người trong số này đã quên bằng việc cho Phùng Quán mượn tên, và tưởng chừng rằng chính mình đã viết nên một cuốn sách, rồi ra vào khệnh khạng in hết một nhà văn thực thụ.

Ông thú nhận đã câu trộm tới bốn tấn cá, để nuôi mình, bán để phụ tiền mua gạo, cải thiện bữa ăn cho vợ con, và phụ thêm thức ăn với một bà mẹ nuôi. Tưởng cũng nên nhắc lại ông lập gia đình với bà Vũ Bội Trâm, một giáo viên cấp ba của trường trung học Chu Văn An Hà Nội, nhưng vì hoàn cảnh mà bà vợ vẫn ở với gia đình, trong khi đó ông ăn ở tại nhà bà mẹ nuôi. Dù đã có với nhau hai mặt con, ông vẫn cứ phải ăn, ở với bà mẹ nuôi hàng chục năm trời, và chỉ được sống chung dưới một mái nhà với vợ con một thời gian không quá mười năm trước khi



qua đời.

Phùng Quán cũng thú nhận về "văn chui", ông đã viết lời cho mấy chục cuốn truyện bằng tranh cho nhà xuất bản Kim Đồng, dưới những bút hiệu ma do nhà xuất bản tự ý đề tên. Có lần ông đã mượn đại cả tên Thanh Tịnh để dưới các quyển truyện bằng tranh này, khi truyện in xong, ông mang đến biếu Thanh Tịnh, và được nghe Thanh Tịnh nói một câu chí tình: "Anh đã chẳng có gì để giúp cho em, thì cho em mượn một cái tên".

Sau Phùng Quán một thời gian không lâu, đến lượt Văn Cao trở về với lòng đất. Nếu như Phùng Quán đến với *Nhân văn* như một tay xung kích trẻ, cả trong văn giới cũng như đời thường, thì Văn Cao là một tên tuổi chói lọi trong vòm trời văn nghệ. Ông là tác giả bài "Tiến quân ca" tức là quốc ca của miền Bắc. Đó là chưa kể những bản nhạc lừng danh khác như "Trường ca sông Lô", "Tình ca trung du", "Không quân Việt Nam", "Hải quân Việt Nam" và một số ca khúc hàng đầu trong thời kỳ phôi thai của âm nhạc Việt Nam như "Thiên thai", "Suối mơ", "Buồn tàn thu", "Khối tình Trương Chi", mà những bản nhạc sau của ông không được trình diễn ở miền Bắc, vì bị quy là sản phẩm của tiểu tư sản, lãng mạn, uỷ mị không phù hợp với không khí của thời chiến và của đường lối sáng tác xã hội chủ nghĩa.

Văn Cao đã từng ở trong Ban Âm sát Thành, đã từng cầm súng giết người, nghĩa là không phải là một người làm văn nghệ bình thường mà là người cách mạng đầy sắt máu nếu cần. Trước khi tham gia *Nhân văn-Giai phẩm*, Văn Cao đã từng được cho đi tham quan Mạc Tư Khoa, và từ đó người ta nghe được những ý tưởng thất vọng của ông về thiên đường xã hội chủ nghĩa. Không một ai phủ nhận được vị trí chói lọi của Văn Cao trong âm nhạc, nên khi ông hoà mình vào nhóm *Nhân văn*, ảnh hưởng của ông với quần chúng thường ngoạn rộng lớn hơn nhiều. Trong mấy số báo ngắn ngủi của *Nhân văn*, ông đã đóng góp chỉ hai bài thơ "Anh có nghe không" và "Những ngày báo hiệu mùa xuân". Khác hẳn với lời ca trong các bản nhạc khi thì hào hùng, đầy tình tự dân tộc, tràn trề sức sống vươn cao trong các bản nhạc được cho phép hát. Hay là những hình ảnh lãng mạn, trữ tình của những bản nhạc không ai cấm, nhưng không một ai muốn trình diễn. Giọng thơ của Văn Cao giờ đây u uất gói gắm những bão táp ẩn trong lòng ông, và trong lòng người.

Vì ảnh hưởng của Văn Cao quá lớn trong quần chúng, nên việc trừng phạt ông tương đối nhẹ hơn. Ông bị đình chỉ công tác trong ngành nhạc, bị đưa đi thực tế lao động một thời gian như là một lời cảnh cáo, rồi sau đó được tha về Hà Nội. Từ đó cho tới năm 1975 ông không hề viết một bản nhạc nào, ông nhận trình bày bia cho tờ *Văn nghệ*, như là một công việc để kiếm cơm. Năm 1976, sau đúng hai chục năm im lặng, ông viết một bản nhạc đầu tiên, được đăng trên một tờ báo ở trong nước, nhưng ngay lập tức tờ báo bị tịch thu, và không một ai được nghe bản nhạc này cho tới năm 1995, tức là gần hai chục năm sau, không khí chính trị đã bớt ngộp, mới được trình diễn trước công chúng. Đó là bản nhạc "Mùa xuân đầu tiên".

Sau hơn hai chục năm không soạn nhạc, bài hát này có thể không hay bằng những sáng tác trước kia của Văn Cao, nhưng đó là một bài ca thức tỉnh lòng người. Khi mà cả nước vào trong thời điểm đầu sau 75, toàn bộ những người sáng tác văn, thơ, nhạc, kịch của nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa ngoạc miệng ra kêu gào chiến thắng, ca tụng chiến thắng. Không thiếu gì những truyện ngắn, truyện dài, thơ được viết bởi trí tưởng tượng nghèo nàn, lại thiếu học vấn với những chiến công thật và giả, như là những truyện khoa học giả tưởng, mà nếu dùng phân tâm học để phân tích các truyện ngắn này, người ta còn thấy đó là sản phẩm của những đầu óc bệnh hoạn. Chỉ riêng mình Văn Cao viết về hoà bình bằng những lời ca man mác u hoài và đầy nước mắt: "... Từ đây người biết thương người, từ đây người biết yêu người... Giọt nước mắt trên vai anh, giọt nước mắt trên vai em - Mùa xuân êm ấm ấy chưa có về đâu, gà gáy trưa bên ven sông... Từ đây người biết quê hương...".

Lời ca của Văn Cao trong bài hát này vào những năm 77 ấy quả là lạc điệu, và người ta cảm phổ biến. Lời ca như những cái gai nhọn đâm vào mắt những người ngồi trên chót vót của quyền uy, lời ca như cảnh tỉnh những người đang trong cơn lên đồng vì say men chiến thắng, nhưng nó chính là tiếng lòng của toàn dân. Từ năm 77 cho đến khi ông mất, Văn Cao không hề viết thêm một nốt nhạc nào, một dòng thơ nào. Ông uống rượu nhiều, nên hình ảnh ông mà tôi thấy trên một cuốn video dành riêng cho nhạc của ông, bên cạnh những ca sĩ măng tươi mơn mớn và là những giọng ca hàng đầu của thời điểm đó như Ánh Tuyết, Hồng Nhung, Văn Cao là một ông già rúm ró đến thảm hại. Mặc dù suốt đời tôi chưa bao giờ được nhìn thấy Văn Cao bằng xương bằng thịt, nhưng tự đáy tâm tôi cảm thấy gần gũi với ông hơn nhạc sĩ Phạm Duy, người chỉ trú ngụ cách tôi một hai bloc đường, và một năm đôi lần tôi gặp mặt trong những dịp sinh hoạt của tờ báo *Người Việt*. Tôi phải ghi chú ở đây một điều: Nếu so sánh những gì Phạm Duy và Văn Cao để lại cho đời, thì gia tài của Phạm Duy đồ sộ hơn, nhưng thái độ khệnh khạng kẻ cả của Phạm Duy đã đẩy tôi lùi xa ông ra. Về tài hoa thì chưa chắc ai hơn ai, nhưng Phạm Duy thì may mắn đủ điều so với Văn Cao.

Đám tang của Văn Cao được thu hình để cho vào cuốn video thứ hai của ông, mà ở đó tôi thấy những bài điệu văn bày tỏ lòng xót thương của loài cá sấu. Nào có hề chi, khi ông còn sống, chính những giọt nước mắt ấy đã từng đầy đọa ông, khiến cho ông sống không ra hình thái một con người, thế nhưng khi ông mẫn xuống cũng lại chính những tên giả hình đó đến khóc mướn thương vay. Nhưng quan trọng hơn cả là bên cạnh và đằng sau xe tang, là một đoàn người dài lê thê, dễ chừng có tới hàng vạn người, chứng tỏ rằng khi nằm xuống ông đã để lại cho đời lòng thương tiếc khôn nguôi. Nào có sá gì trăm vòng hoa giả trá, cùng ngàn lời ai điệu đái bôi.

\*\*\*

Sau Văn Cao đến lượt Trần Dần nằm xuống. Tôi nhớ lại lần đầu khi đọc *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*, thái độ sống không khuất phục của Trần Dần khiến cho ông là người tôi cảm phục nhất. Ông sinh năm 1924, được kết nạp vào Đảng từ năm 1951, nhưng cũng sớm đánh mất niềm tin tưởng của ông vào Đảng cũng như của Đảng đối với ông, khi ông được điều về làm công tác viết báo cho Cục Quân huấn thuộc Trung ương. Không chịu nổi bầu không khí lúc nào cũng ngột ngạt, ông xin đổi ra mặt trận, tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ. Chứng kiến cảnh quân kháng chiến ào ạt tấn công vào thành lũy kiên cố của quân Pháp, cũng như cái chết thảm của họa sĩ Tô Ngọc Vân, ông viết tác phẩm *Người người lớp lớp*, và cũng nhờ tác phẩm này ông được Đảng tin nhiệm trở lại, cho đi tham quan Trung Quốc. Nhưng khi từ Trung Quốc trở về, ông đã cùng một số nhà văn khác gửi lên Trung ương một kiến nghị, yêu cầu hạn chế sự can dự của cán bộ chính trị vào văn nghệ.

Cũng đúng vào thời gian này Trần Dần tự tiện lấy vợ, bất chấp sự can thiệp của Đảng. Mặc dù là đảng viên nhưng bản chất nghệ sĩ đã khiến cho ông không chịu nổi luyến ái quan Mác-xít, nên thẳng tay từ chối nhiều lần Đảng xây dựng cho ông với các nữ đồng chí khác. Sau cùng ông đã xin ra khỏi Đảng để lấy cho kỳ được người thiếu nữ mà ông yêu quý. Việc đại đột nhất của ông là viết bài phê bình và đã kích tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu, nhân vật cảm trịch và đứng ở hàng chót vót của giới văn nghệ miền Bắc. Thế là ông đã đụng đến cái vẫy ngược của thú dữ, nên bị bắt giam ở một nhà giam trên Việt Bắc, trong khi bà vợ trẻ đang bụng mang dạ chửa, mà toàn bộ gia đình bên vợ đã di cư vào Nam. Có thể nói Trần Dần mới chính là linh hồn của nhóm *Nhân văn*, ông đóng góp bài cho tất cả các số báo *Nhân văn*, với khá nhiều bút hiệu mà trong đó hai bài thơ quan trọng nhất là "Nhất định thắng" và "Hãy đi mãi", ký bằng tên thật của ông, khiến cho người đọc cảm nhận như đây không hẳn là thơ, mà là lời tuyên chiến của ông đối với bọn giả hình đang chễm chệ trên đầu quần chúng.

Vốn là kiện tướng của cả nhóm, trong cuốn *Ghi* của ông, người đọc thấy đủ những đắng cay nghiệt ngã ập đến với ông trong thời gian bị kỷ luật. Từ hành xác, cho tới uy hiếp về tinh thần,

ly gián ông với các bạn trong nhóm, khiến người nọ ngờ vực người kia. Đã có lần ông phần chí tự tử, nhưng sau khi được cứu sống ông đã cho biết ông phải sống để làm thơ ca tụng con người. Và quả là trong cuốn *Ghi*, người đọc đã nhận biết được ông đã sống như thế nào. Trần Dần không phải là loại người thúc thủ chịu đòn, ông nghiêng rằng chịu đựng những trận đòn thù, nhưng thỉnh thoảng cũng có những đòn phản công ngoạn mục. Ông không hề mất tinh thần vì bị vây đánh tứ tứ phương tám hướng. Khi người ta muốn ông phải cúi gằm xuống để sống, ông ngước mặt lên chịu đựng, nhìn đời và sống như thể một con người.

Ông khác với Phùng Quán một điều: với Phùng Quán thì Đảng có thể tốt, chỉ có những người đảng viên xấu, làm hoen ố xã hội chủ nghĩa, trong khi đó Trần Dần nhìn Đảng Cộng sản nghiêm khắc hơn nhiều. Nếu nổi đau thể xác của cả hai tương đương, thì về mặt tinh thần Phùng Quán bị đau hơn một tầng, bởi ông còn một lòng tin tưởng vào chủ nghĩa xã hội và con người cộng sản. Nổi đau của Phùng Quán là sự oan ức mà ông phải gánh chịu, chỉ vì muốn làm tốt cho Đảng, trong khi đó thì với Trần Dần, đã yên hẳn một bề. Chính vì vậy mà đám tang Trần Dần tuy có đông người tham dự, nhưng có thể nói rất nhiều người đi sau xe tang của ông là người của chế độ. Vừa để làm cảnh đẹp cho màn chót của một vở kịch đời, vừa để phản ứng khi hữu sự. Vài năm sau khi ông nằm xuống, những ghi chú của ông được nhà văn Phạm Thị Hoài biên tập lại và cuốn *Ghi* ra đời. Đây chính là một đòn phản công cuối cùng của ông, mà ở đó người đọc có thể thấy được toàn bộ một vở kịch, mà trước đó người ta chỉ nhìn thấy những góc độ rất nhỏ, qua chủ quan của mỗi cá nhân. Tất nhiên *Ghi* cũng có cái nhìn chủ quan riêng của Trần Dần, song ông ghi lại toàn bộ mọi sự kiện, trong khi các nhân vật khác trong vụ hoặc là né tránh, hoặc là sợ hãi quá mà không dám ngoái đầu nhìn lại. Từ những sự kiện lớn tương đương với nhiều mạng người, cho đến những điều nhỏ li ti như cái kim, sợi chỉ đều được ông ghi lại với ngày tháng đầy đủ, bằng một giọng văn ngắn, gọn, sắc và lạnh. Ông cung ứng cho những thế hệ sau một cái nhìn toàn diện về bối cảnh, diễn tiến, hậu quả và ảnh hưởng của phong trào *Nhân văn*. Ông vẽ cho thế hệ sau bức tranh toàn cảnh của xã hội chủ nghĩa, với đầy đủ cái tính ác của xã hội này. Ông phơi bày cho mọi người thấy cái tâm địa, cái bản chất của những con người trong chế độ, kể cả chính mình.

\*\*\*

Mới đây nhất là cái chết của ông Nguyễn Hữu Đang vào tháng 2.2007. Nào có gì đáng ghi lại cho cái chết của một ông lão chỉ thiếu 6 năm nữa là chẵn tròn trăm tuổi, nhất là khi còn sống ông không ở trong một chức vụ cao quý nào. Chẳng những thế ông còn tự ý bước ra khỏi hàng ngũ lãnh đạo, nhập thân vào một nhóm nhỏ chưa quá một trung đội, để mơ đội đá vá trời. Đối với Nguyễn Hữu Đang, tôi chỉ muốn ghi lại ông đã sống như thế nào kể từ khi trận bão *Nhân văn* bắt đầu nổi lên trên các mặt hồ ở Hà Nội.

Đối với một guồng máy tổ chức mà chức vụ "thủ kho" đôi khi to hơn "thủ trưởng", thì cái quá khứ Thứ trưởng Bộ Tuyên truyền, Bộ Thanh niên, hay Thị trưởng đầu tiên của thành phố Hà Nội vào những năm 1945 thì ăn thua gì, hưởng hồ những chức vụ có tiếng mà không có miếng như Chủ tịch Hội Truyền bá Quốc ngữ, Trưởng ban Tổ chức Ngày Độc lập thì lại càng không đáng kể. Đã thế lại còn bị bắt bỏ tù 17 năm trời, bị quản chế ba năm, và sau đó là hai chục năm trời đổi vỏ bao thuốc lá lấy cóc nhái, làm thức ăn, chui rúc lọ mọ nơi cái trái của một chuồng lợn ở vùng quê Thái Bình, thì ngay cả khi còn sống cũng không ăn thua gì hưởng hồ lại chết.

Vì vậy khi ông Nguyễn Hữu Đang mất, vài tờ báo in trong nước đưa tin chiếu lệ, nhưng không một tờ báo điện tử nào như *VietNamNet* có được vài dòng. Nhiều người cho rằng các báo điện tử của nhà nước không đưa tin, cốt để giấu người Việt hải ngoại được ngày nào hay ngày ấy về cái chết của ông Nguyễn Hữu Đang. Tôi không nghĩ như vậy. Người cộng sản làm gì cũng có nguyên tắc, có chỉ thị. Chẳng thế mà triết gia Trần Đức Thảo, một nhân vật khác của *Nhân văn* khi sống cũng chẳng hơn ông Nguyễn Hữu Đang bao lắm, nhưng vì là triết gia nổi tiếng ở

Pháp trước khi về Việt Nam vào đầu thập niên 50, nên vào lúc cuối đời ông Trần Đức Thảo được nước Pháp mời qua làm một bản nghiên cứu triết học gì đó. Ông chết ở bên Tây, tro cốt mang về Việt Nam cả hai tháng trời, để chờ quyết định là được để ở nghĩa trang Mai Dịch hay Văn Điển. Sống đã như ma xó, thì chết chôn ở đâu mà chẳng được.

Cũng cần ghi chú là trong thời gian chờ đợi gần hai tháng đó, hũ tro cốt của ông theo Phùng Quán cho biết, đã phải trả tiền thuê chỗ là năm ngàn đồng mỗi ngày. Trờ lại với ông Nguyễn Hữu Đang, trong cuốn *Ba phút sự thật* của Phùng Quán, tôi đọc được một bài ký ghi lại chuyến đi thăm Nguyễn Hữu Đang của Phùng Quán, vào thời gian đầu thập niên 90, khi đó Nguyễn Hữu Đang đang ở Thái Bình, đã dời khỏi cái trái của chuồng lợn hợp tác xã, dọn về ở trong cái trái của nhà bếp tập thể của một ngôi trường tại đây. Phùng Quán được Nguyễn Hữu Đang đãi cơm với hai món đặc sản chả cóc băm viên, món thứ hai là chả nhái băm viên có mì chính. Nguyễn Hữu Đang cho biết mười mấy năm nay nhờ bồi dưỡng thường xuyên với hai món đặc sản này, mà lúc nào ông cũng khoẻ. Có khi còn khoẻ hơn Phùng Quán là người trẻ hơn ông hai chục tuổi chẵn.

Trong bài ký, Phùng Quán hỏi: “*Thế nhưng cóc nhái đâu ra mà anh bồi dưỡng thường xuyên như thế*”, rồi Nguyễn Hữu Đang trả lời: “*Phải biết huy động lực lượng quần chúng, tức là các cháu thiếu nhi. Biết các cháu ở đây thích chơi vỏ bao thuốc lá, mỗi lần lên thị xã Nam Định chơi, tôi nhất nhạnh về, đổi chác cho các cháu lấy cóc nhái. Cũng có tiêu chuẩn hẳn hoi. Một vỏ bao ba số, đổi 3 con cóc hoặc 5 con nhái... Mọi tháng tôi chỉ cần ba, bốn chục cái vỏ bao thuốc lá là thừa chất đạm, mà lại là loại đạm cao cấp...*”. Thật là đau lòng cho "kinh tế" của một khối óc lớn.

Để biết rõ về con người Nguyễn Hữu Đang, tôi ghi lại thật vắn tắt đôi dòng tiểu sử của ông. Ông sinh năm 1913, theo học sư phạm từ năm 1932-1936. Năm 1937 tham gia Mặt trận Dân chủ Đông Dương, 1938-1945 tham gia rồi làm Chủ tịch Hội Truyền bá Quốc ngữ, 1943 gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương. Trong đại hội Tân Trào 1945, khi thành lập chính phủ lâm thời ông được đề cử Thứ trưởng Bộ Tuyên truyền, rồi Bộ Thanh niên. 1946-1954 Trưởng ban Tuyên truyền Tổng bộ Việt Minh. 1954-1958 Biên tập viên báo *Văn nghệ*. Cuối năm 1956 biên tập báo *Nhân văn*, cộng tác với các giai phẩm. Bị bắt giam năm 1958. Năm 1960 bị kết án 17 năm tù. Được trả tự do năm 1973. 1989 được phục hồi một phần hội tịch Hội Nhà văn. 1990 được hưởng lương hưu trí. Từ năm 1993 về sống tại Hà Nội.

Chẳng biết ông ăn lương hưu trí bậc mấy, chỉ biết rằng ông có một cuốn sổ tiết kiệm gửi tiền ở nhà băng, phòng xa những khi hữu dụng. Khi Phùng Cung muốn in một tập thơ, nhưng không có khả năng chi phí ấn loát, Nguyễn Hữu Đang đã đưa toàn bộ số tiền ông dành dụm trong nhiều năm trời cho Phùng Cung đi in thơ.

#### 4.

Đọc xong tiểu sử của Nguyễn Hữu Đang, biết ông chưa bao giờ có vợ, rất nhiều lần tôi tự hỏi: Ông thương tiếc cõi đời chó má này làm chi mà sống dai thế. Sống một cuộc đời không ra dạng con người, mà lại chỉ có một mình một bóng, không có bổn phận trách nhiệm với ai, thì sao không tìm một lối đi thanh thản cho mình, như một giấc ngủ say. Ông có gì để tha thiết, tiếc nuối cuộc sống này? Mà nào có phải cuộc sống, nào có phải trần gian? Nơi ông trú ngụ chính là địa ngục, với ngạ quỷ trá hình người.

Mà không phải chỉ có một mình Nguyễn Hữu Đang sống dai, đa số những người dính líu tới *Nhân văn* đều khá thọ so với tuổi thọ trung bình của nước Việt. Ngoại trừ Phùng Quán mất sớm ở tuổi ngoài 60, theo thứ tự thời gian từ Phan Khôi, Trần Đức Thảo, Phùng Quán, Văn

Cao, Trần Dần, Phùng Cung... ai nấy đều mất khi bước qua ngưỡng cửa bầy chục. Nguyễn Hữu Đang khi mất 94. Giờ đây còn lại ba người còn sống là Hoàng Cầm, Lê Đạt đều bước vào tuổi 80, và sau cùng Hữu Loan đã bước qua ngưỡng cửa chín chục. Tôi cứ băn khoăn mãi về sự sống dai của những người đã quá quen với đầy ải, khổ đau này. Phải có một lý do nào đó để họ tồn tại bằng mọi giá?

Hiện nay những tên tuổi lớn của *Nhân văn* còn lại ba người là Hữu Loan, Hoàng Cầm và Lê Đạt. Tôi tự hỏi tại sao Giải thưởng Nhà nước lại phát cho bốn người mà trong đó hai người đã chết là Phùng Quán và Trần Dần? Tại sao không để cho người chết được yên nghỉ, bằng cách bớt đi hai giải cho người đã khuất, nhưng thêm một giải thưởng cho người còn sống là Hữu Loan. Qua thắc mắc này tôi nghĩ chắc Hữu Loan cũng được đề nghị nhưng từ chối.

Đúng vậy, Hữu Loan, tác giả bài thơ tình "Màu tím hoa sim", một bài thơ mà bất cứ một người lính Việt Nam nào, cả Nam lẫn Bắc đều thuộc vài câu đó là một người có cái lưng thật thẳng. So với Nguyễn Hữu Đang, Hữu Loan nào có thua kém gì.

Theo "Hữu Loan tự phỏng vấn" được đăng tải trên talawas, ông sinh năm 1916, kém Nguyễn Hữu Đang ba tuổi, theo học Quốc ngữ rất sớm và đồng thời hoạt động cách mạng ngay từ thời còn là học sinh trung học từ năm 1936 cho tới 1942. Từ 1943-1945 ông về quê đi cấy, đánh cá làm Việt Minh và khởi nghĩa ở ngay huyện nhà. Cũng trong năm ấy, trong Ủy ban Lâm thời Tỉnh, ông giữ chức Trưởng ty cho bốn ty gồm: giáo dục, thông tin, công chính và thương chính, để rồi chán lại về quê đi cấy, đánh cá nuôi bố mẹ già. Năm 1954 khi Việt Minh về tiếp quản thủ đô Hà Nội, ông nhận được điện gọi ra làm biên tập viên báo *Văn nghệ*, được vào biên chế Hội Nhà văn, rồi tham gia *Nhân văn* rồi lại chán những điều trước mắt, về quê đi cấy và đi thờ từ năm 1958. Hiện nay vẫn cư ngụ ở quê nhà thuộc tỉnh Thanh Hoá. Ít nhất trong vài dòng tiểu sử do chính Hữu Loan cung cấp, người đọc bắt được hai lần ông chán, và mỗi lần chán là bỏ về quê đi cấy, đánh cá, đi thờ, mà lần sau kéo dài từ năm 1958 tới nay là gần một nửa thế kỷ.

Cũng vẫn trong bài tự phỏng vấn này, Hữu Loan tiết lộ một điều là ông tham gia Việt Minh, lần đầu bỏ về thì bố mẹ giận, lần thứ hai thì con cháu oán. Thậm chí con trai ông tên Cường, thi đại học thừa điểm đi nước ngoài, nhưng đến trường trong nước cũng không được học, mà người ta lại cho một tên Cường nào đó gần giống tên con ông được thay vào chỗ xuất ngoại của con ông. Con cháu oán trách, giận hờn vì những người hoạt động Việt Minh trong vùng quê ông đều là đàn em ông cả, đều đã từng được ông sắp đặt chức vụ, giờ đây ai nấy đều ăn sung mặc sướng, nhà lầu xe hơi. Chỉ riêng mình ông là cơ cực bần hàn, may mà chỉ bị kỷ luật sơ sơ chưa đến nỗi vào tù ra khám như Nguyễn Hữu Đang, Trần Dần.

Có một đứa cháu diên tiết đã rửa ông: *"Ông là ngu nhất, ông bảo ông mẩu mực. Cái mẩu mực ấy đem mà vắt cho chó nó ăn. Chả đứa nào nó thương ông. Ông tự làm khổ ông, rồi khổ lây sang con cháu"*. Lúc đó Hữu Loan lại phải đầu dụ con cháu: *"Thôi tao van xin chúng mày, nếu mẩu mực mà lại được ngay ô tô với nhà lầu, thì chúng tranh nhau chết để làm mẩu mực, chứ chả đến phần tao..."*.

Lần thứ hai Hữu Loan bỏ về nhà chính là sau khi học tập vì vụ *Nhân văn*, khi Nguyễn Hữu Đang bị tố là đầu sỏ phản động, các học viên xúm nhau lại làm kiến nghị lên Trung ương yêu cầu xử tội, thì Hữu Loan là người duy nhất đã ký vào bản kiến nghị với lời ghi chú như sau: *"Khi Nguyễn Hữu Đang hoạt động với tôi, tôi thấy Nguyễn Hữu Đang là người có tài có đức, tội trạng mới đây của Nguyễn Hữu Đang tôi chỉ tai nghe, mắt không thấy, nên không có kết luận - Ký tên Hữu Loan"*.

Trong bài tự phỏng vấn này, bà vợ ông còn cho biết: Lần cuối còn có hai anh cán bộ đến nhà

vận động ông ở lại. Họ nói từ sáng đến trưa, ông nhà tôi cầm cái bút lên bẻ làm đôi, bảo: "*Làm cán bộ, làm nhà văn khó lắm. Viết vừa lòng nhà nước thì dân chửi cho, viết vừa lòng dân thì có thể đi tù như chơi. Thôi tôi về đi cây*".

Cứ như thế, suốt mấy chục năm trời nhà thơ Hữu Loan đi thò đá, cùng với ba người con trai lớn, có khi phải thức dậy từ 3 giờ sáng, kéo ba chuyến xe cải tiến đá từ trên núi xuống, bán cho các thuyền buôn rồi các con mới ăn bát cơm độn để chạy bộ 7 cây số đi học. Cứ như thế hai vợ chồng nhà thơ nuôi đủ 10 người con từ năm 1958 cho tới nay, nghĩa là chỉ thiếu một năm là chẵn tròn nửa thế kỷ.

Sau cùng còn lại hai người là Hoàng Cầm và Lê Đạt, hai nhân vật đã mau mắn trả lời "nhận" giải thưởng của nhà nước, mà qua lời ông Đỗ Chu nào đó thì phần thưởng này dành cho những đóng góp văn học của *Nhân văn*.

Về Hoàng Cầm thì không một ai phủ nhận được tài năng và những đóng góp của ông với thi ca qua những bài thơ lừng danh như "Bên kia sông Đuống", "Đêm liên hoan.." trong thời kháng chiến, "Em bé lên sáu tuổi" (trong *Nhân văn-Giai phẩm*) và đặc biệt là những vở kịch thơ, do đó những đóng góp của ông xứng đáng để nhận một giải thưởng về văn học. Tôi không phải là người quá khích đòi hỏi mọi nhà văn, nhà thơ phải sống kiên cường, không khuất phục như Trần Dần. Do đó tôi cảm thông với những hành động của Hoàng Cầm, đã được Trần Dần ghi lại trong cuốn *Ghi*. Nhà văn, nhà thơ vốn là những con người yếu đuối nên sợ khổ, sợ tù, sợ chết, là chuyện bình thường. Hoàng Cầm không phải là Trần Dần, Phùng Quán, Nguyễn Hữu Đang, Hữu Loan... do đó không thể đòi hỏi ông hành xử như những tính danh vừa nêu trên. Đòi hỏi như thế thì cũng chẳng khác gì những người đã đầy đoạ *Nhân văn* trong nửa thế kỷ qua.

Với Lê Đạt thì khác. Nếu như giải thưởng nhà nước dành cho những đóng góp văn học, chúng ta thử kiểm điểm thành tích văn học của Lê Đạt. Trước tiên nếu những giá trị văn học ấy liên quan đến *Nhân văn-Giai phẩm*, thì đóng góp của Lê Đạt không có gì là đáng kể, ngoài bốn câu thơ mà cụ Phan Khôi đã dùng để dẫn vào cái truyện "Ông bình vôi". Suy luận của học giả Hoàng Văn Chí khi thực hiện cuốn *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* cho rằng bốn câu thơ này ám chỉ ông Hồ, càng già càng nhỏ lại, càng kém đi. Tôi cho cách suy luận này khá mơ hồ. Tôi không được đọc đủ nguyên bản các cuốn *Giai phẩm*, nhưng trong *Trăm hoa đua nở* của cụ Hoàng Văn Chí, thì hình như Lê Đạt chỉ đóng góp vồn vẹn bốn câu thơ này, do đó trong phần mục lục của cuốn sách, không thấy một phần nào dành riêng cho các sáng tác của Lê Đạt. Ông đã trả giá cho bốn câu thơ này bằng nhiều năm đầy ải, nhưng bù lại ông cũng hưởng lộc khá nhiều do bốn câu thơ này. Nếu kể cả những sáng tác sau này của Lê Đạt, gồm một tập văn *Hèn đại nhân*, mà tôi đã viết bài giới thiệu vào khoảng giữa thập niên 90, khi còn giữ phụ trang văn học của tờ *Người Việt*. Tôi còn nhớ như in nội dung bài giới thiệu này, và cho là ông đã khéo sử dụng thủ pháp "ý tại ngôn ngoại" viết những mẩu chuyện về những nhân vật ngoại quốc, nhưng thật ra là để nói chuyện Việt Nam. Đó là một cuốn sách hay, nhưng đóng góp về văn học của nó thì không có gì là cao. Gần đây dư luận ồn ào lên với tập thơ *Bóng chữ* của Lê Đạt. Nhiều người cho là ông đang cách tân thơ, tôi không nghĩ như vậy. Về điểm này thì cả Trần Dần sau khi chống trả mãnh liệt với đời, về già cũng hay cổ võ việc làm cách tân thơ, nhưng có lẽ cả Trần Dần, Lê Đạt, cũng như Phùng Cung trong tập *Xem đêm* chưa có một thành tựu nào đáng kể trong ngôn ngữ thi ca mới, mà cả ba đã nhiều lần thử nghiệm.

Sau cùng tôi quay trở lại với ông Đỗ Chu, thành viên của hội đồng giải thưởng chuyên ngành văn với lời phát biểu: "*Có thể đây là lời xin lỗi của nhà nước đối với các anh...*". Vậy thì *lỗi* đó là *lỗi* gì, cần phải nói thẳng ra.

Thật ra thì chẳng nói người ta cũng biết: *lỗi* đó là cách hành xử của nhà nước với *Nhân văn*,

những người đại dột tưởng nhà nước chủ trương “Trăm hoa đua nở - Trăm nhà đua tiếng” thật, tưởng nhà nước chống tham ô lãng phí thật, chống tệ sùng bái cá nhân thật, nên đã hăm hở xông vào những nơi xú ối, những mong giúp nhà nước dọn sạch những nơi cần dọn. Nào ngờ không phải vậy. Khi mà cả nước nói dối, như ông Hà Sĩ Phu đã nói *"Nói dối là quốc sách"*, thì càng háng hái nói thật bao nhiêu, càng háng hái dọn dẹp bao nhiêu thì càng nhiều tội bấy nhiêu. Đó là chưa kể những cái bẫy đã được những người sợ lung lay chỗ ngồi của mình, đào sẵn chờ các nhà văn sập hố. Dễ thường có cả trăm, ngàn cái bẫy trong cuốn *Ghi* của Trần Dần. Thế rồi để che đậy những lỗi lầm nhỏ, người ta mắc phải những lỗi lầm lớn hơn. Để làm mất đi những cái hố đã đào, người ta khoét to những cái hố đào sẵn.

Cứ lỗi to chòng lên lỗi nhỏ, cứ hố lớn phủ lên hố con, mãi rồi cũng có lúc thời thế đổi thay, và người ta phải một lần nhìn lại những biến cố đã đi vào lịch sử. Cách tuyên bố của ông Đỗ Chu giống như đánh bùn sang ao, sập xí sập ngẫu cho qua chuyện. Miễn là có vài nhân vật thành danh của *Nhân văn* đứng ra nhận lãnh giải thưởng của nhà nước, là đã có thể xoa tay đóng lại một hồ sơ tồn đọng quá lâu.

Tôi ngờ rằng sau khi tuyên bố cời trói cho văn nghệ, cho phục hồi hội tịch nhà văn của những người can dự vào *Nhân văn-Giai phẩm*, các nhân vật như Nguyễn Hữu Đang, Trần Dần, Phùng Quán, Hữu Loan... đều được tiếp xúc về giải thưởng này, thế nhưng đã không đạt được một sự biểu đồng tình nào. Từ năm 1988 cho tới 2007 là 19 năm trường, trong 19 năm đó thời gian đã cướp đi khá nhiều khuôn mặt tiêu biểu của *Nhân văn*, một nhóm người không lấy gì làm nhiều nhân số. Theo thứ tự thời gian từ năm 1993, thần chết đã đến viếng Trần Đức Thảo, Phùng Quán, Văn Cao, Trần Dần, Phùng Cung và mới nhất vào đầu năm 2007 là Nguyễn Hữu Đang. Chỉ sau khi an táng Nguyễn Hữu Đang vài tuần ngắn ngủi, Hoàng Cầm và Lê Đạt có tên trong danh sách những người được giải thưởng nhà nước, khiến tôi ngờ rằng nhà nước đã không thể chờ đợi lâu hơn nữa. Chờ nữa thì có khi phải lên thiên đàng, hay xuống địa ngục để phát giải thưởng này, do đó phải đành phải hài lòng với hai người tuyên bố nhận giải thưởng này. Nếu nói như ông Đỗ Chu, coi như là lời xin lỗi của nhà nước đối với anh em *Nhân văn*, thì tại sao lại không phát giải này cho cả Hữu Loan, người mà tôi tin rằng sự đóng góp cho văn học ít nhất cũng bằng nếu không muốn nói là nhiều hơn Lê Đạt.

Nhiều người ở hải ngoại cho là dứt khoát phải từ chối, bớt quá khích hơn thì cho là chỉ nhận giải với một đồng danh dự, nhưng phải có một văn bản xin lỗi chính thức của nhà nước. Có người còn dè bủ chê bai ít, có bốn chục triệu chưa đầy ba ngàn đô chẳng bỏ bèn gì. Phải ba ngàn đô la ở nước Mỹ hiện nay chẳng làm được cái gì, không đủ tiền đặt cọc mua một cái xe mới, thế nhưng ở trong nước số tiền này là một gia tài không nhỏ, tương đương với bốn cây vàng. Và vì vậy tôi lại khâm phục Nguyễn Hữu Đang thêm một tầng nữa, khi toàn bộ gia tài của ông trong sổ tiết kiệm, công lao chắt chiu dành dụm bốn năm trời vốn vẹn được 4 triệu đồng (độ 250 đô la), ông đưa cả cho Phùng Cung để in thơ.

Tôi cho là Hoàng Cầm, Lê Đạt có thể nhận giải, dẫu cho giải chỉ là một, hai, năm, bảy triệu đồng, chứ đừng nói là tới 40 triệu đồng. Vẫn có thể nhận giải ngay cả khi nhà nước không chịu đưa ra một văn bản chính thức xin lỗi, với điều kiện là trong buổi lễ trao giải, dưới sự chứng kiến của nhiều người trong và ngoài văn giới, và nếu được phát biểu sau khi nhận giải, phải nghiêm trang xác định với mọi người hiện diện, về lời xin lỗi không đúng cách và quá muộn màng của nhà nước. Nếu chỉ im lặng nhận giải, tươi cười chụp hình đăng báo, trả lời phỏng vấn một cách chung chung cho qua chuyện, thì có lẽ tôi cần ghi lại đây bài thơ đã làm cho cuộc đời Lê Đạt có quá nhiều chông gai và lấm đoạn trường. Bởi vì bài thơ đó không chỉ đúng với ông Hồ, mà đúng với mọi người kể cả tác giả của nó là Lê Đạt:

*"Những kiếp người sống lâu trăm tuổi  
Y như một cái bình vôi*

*Càng sống càng tôi  
Càng sống càng bé lại"*

Viết tới đây thì tôi có thể hiểu tại sao những người như Nguyễn Hữu Đang, Hữu Loan, Trần Dần và cả Hoàng Cầm, Lê Đạt có nhiều sức sống mãnh liệt đến như vậy. Với một đất nước như Việt Nam trong giai đoạn lịch sử vừa qua, họ sống không phải chỉ là sống, mà để làm nhân chứng kể cả vật chứng cho những điều ác đang khổng chế cái thiện. Họ càng sống dai, thì cái lỗi càng lộ lộ. Họ càng chịu đau thương, thì rồi mới có ngày mọi người phải nhìn thấy cái ác và điều quái.

Nếu quả đúng như thế thì tôi cầu chúc cho Hữu Loan sống lâu trăm tuổi. Năm nay ông đã 91. Cách ông tự phỏng vấn, rồi tự trả lời cho biết ông còn rất minh mẫn, và nhìn trong hình ông còn khoẻ lắm. Trong tình hình này chín năm nữa mọi sự phải rõ ràng, không thể mập mờ đánh lộn con đen, như cách ông Đỗ Chu xin lỗi những người dính líu tới *Nhân văn*.

\*\*\*

**Phụ đính Wikipedia:**

## Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm Bách khoa toàn thư mở Wikipedia

**Phong trào Nhân Văn - Giai Phẩm** là phong trào có xu hướng chính trị, đòi tự do dân chủ của một số văn nghệ sĩ và trí thức Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Khởi xướng đầu năm 1955 và bị chính thức dập tắt vào tháng 6 năm 1958.

Cơ quan ngôn luận của phong trào này là *Nhân Văn*, Một tờ báo văn hóa, xã hội, có trụ sở tại 27 Hàng Khay, Hà Nội, Lâm Phan Khôi làm chủ nhiệm và Trần Duy làm thư kí toà soạn, cùng với tạp chí *Giai Phẩm*, Hình thành nên nhóm Nhân Văn-Giai Phẩm.

Trọng tạp chí *Giai phẩm Mùa xuân* được ấn hành tháng Giêng năm 1956, làm nhà thơ Hoàng Cầm và Lê Đạt chủ trương, về sau bị tịch thu, có bài *Nhất định thắng* của Trần Dần, Miêu tả hoàn cảnh đời sống miền Bắc xã hội chủ nghĩa trong những ngày đầu đất nước chia cắt, tác giả bài thơ bị qui kết chống phá, "bôi đen" chế độ,<sup>[1]</sup> với những câu thơ nổi tiếng:

*Tôi bước đi  
không thấy phố  
không thấy nhà  
Chỉ thấy mưa sa  
trên màu cờ đỏ*

Tháng 8 năm 1956, Phan Khôi có bài *Phê bình lãnh đạo văn nghệ*, Đăng trong *Giai phẩm Mùa thu*.

Trong số ra mắt ngày 20 tháng 9 năm 1956, Bán nguyệt san *Nhân Văn* đã đăng ngay trên trang nhất bài "Chúng tôi phỏng vấn về vấn đề mở rộng tự do và dân chủ". Người được phỏng vấn đầu tiên là luật sư Nguyễn Mạnh Tường. Ông nêu hai nguyên nhân khiếm khuyết về dân chủ thời bấy giờ:

1. *Đảng viên Lao động và cán bộ thi hành chính sách thiếu tinh thần dân chủ. Do đó xa lia quần chúng, Và tạo ra tình trạng đối lập quần chúng với mình. Để sửa đổi, cần xây dựng quan điểm quần chúng cho [đảng viên](#) và cán bộ, Và yêu cầu Trung ương Đảng và Chính phủ đảm bảo sự thi hành triệt để các [tự do](#) dân chủ.*



2. *Quần chúng chưa thấm nhuần tinh thần chủ nhân ông trên đất nước, do đó chưa tranh đấu đòi thực hiện dân chủ. Để sửa chữa, ta cần xây dựng ý thức dân chủ cho quần chúng.*

Loạt bài được dự định tiếp tục với bác sĩ Đặng Văn Ngữ, Nhà sử học Đào Duy Anh, Nhà văn Nguyễn Đình Thi ... nhưng cho đến số cuối cùng được ra mắt là số 5, ngày 20 tháng 11 cùng năm, *Nhân Văn* chỉ có thể công bố bài phỏng vấn Đặng Văn Ngữ và Đào Duy Anh.

*Nhân văn* số 3 ra ngày 15 tháng 10 đăng bài của Trần Đức Thảo về mở rộng dân chủ, phát triển phê bình trong nhân dân. Trần Duy cũng góp tiếng nói đấu tranh cho tự do dân chủ trong *Nhân văn* số 4 ra ngày 5 tháng 11 năm 1956. Trong số cuối cùng, số 5 báo *Nhân văn*, Nguyễn Hữu Đang nhận xét về những điều bảo đảm tự do dân chủ trong Hiến pháp Việt Nam 1946 và so sánh với tình hình thực tế lúc bấy giờ.

Ngày 15 tháng 12 năm 1956, Ủy ban hành chính Hà Nội ra thông báo đóng cửa báo *Nhân Văn*. Số 6 không được in và phát hành. Tổng cộng *Nhân Văn* ra được 5 số báo và *Giai Phẩm* ra được 4 số báo (Tháng Ba, Tháng Tư, Tháng Mười và Tháng Chạp 1956) trước khi phải đình bản.

Sau đó, hầu hết các văn nghệ sĩ tham gia phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm bị đưa đi học tập cải tạo về tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Một số bị treo bút một thời gian dài: Lê Đạt, Trần Dân, số khác không tiếp tục con đường văn chương sự nghiệp, thậm chí có người bị giam giữ trong một thời gian dài và tiếp tục bị giám sát trong nhiều năm sau khi mãn tù như trường hợp Nguyễn Hữu Đang. Dư luận chung thường gọi đây là "Vụ án Nhân Văn-Giai Phẩm".

### Một số văn nghệ sĩ trong phong trào

- Chu Ngọc
- Đào Duy Anh
- Đặng Đình Hưng
- Hoàng Cầm
- Hoàng Huế
- Hoàng Tích Linh
- Hoàng Tố Nguyên
- Hoàng Yến
- Hữu Thung
- Huy Phương
- Lê Đại Thanh
- Lê Đạt
- Nguyễn Hữu Đang
- Nguyễn Khắc Dực
- Nguyễn Mạnh Tường
- Nguyễn Thành Long
- Nguyễn Văn Tý
- Như Mai
- Phan Khôi
- Phan Vũ
- Phùng Quán
- Quang Dũng
- Sĩ Ngọc
- Thanh Bình
- Thụy An
- Trần Công
- Trần Dân
- Trần Đức Thảo
- Trần Duy
- Trần Lê Văn
- Trần Thiếu Bảo
- Trần Thịnh
- Trương Tửu
- Tử Phác
- Vĩnh Mai
- Văn Cao
- Yên Lan
- Cao Xuân Huy
- Đỗ Đức Dục
- Phùng Cung
- Hữu Loan

Bị xử phạt nặng nhất là Thụy An và Nguyễn Hữu Đang. Bà Thụy An bị kết tội làm gián điệp với kết án: "mù phù thủy hiện nguyên hình rắn độc", bị kết án 15 năm tù cùng với Nguyễn Hữu Đang trong phiên tòa ngày 21/1/1960 tại Hà Nội. Mãi đến năm 1973 hai người mới được ra tù nhưng bị quản thúc thêm một thời gian nữa.

### Việc dập tắt phong trào

Tổ Hữu, Khi ấy là Ủy viên Trung ương Đảng Lao Động Việt Nam, phụ trách về công tác văn hóa văn nghệ, tuyên truyền được coi là người dập tắt phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm. Trong cuốn *Qua cuộc đấu tranh chống nhóm phá hoại "Nhân Văn - Giai Phẩm" trên mặt trận văn*

nghệ, Nhà xuất bản Văn Hoá, 1958, mà ông là tác giả, Tố Hữu đã nhận định về phong trào này và những người bị coi là dính líu như sau:

*Lật bộ áo "Nhân Văn - Giai Phẩm" thối tha, người ta thấy ra cả một ổ phản động toàn những gián điệp, mật thám, lưu manh, trọt-kit, Địa chủ tư sản phản động, quần tụ trong những tổ quý với những gái điếm, bàn đèn, sách báo chống cộng, phim ảnh khiêu dâm; (Trg 9 Sđd)..*

*Trong cái công ty phản động "Nhân Văn - Giai Phẩm" ấy thật sự đủ mặt các loại "tính biệt": từ bọn Phan Khôi, Trần Duy mật thám cũ của thực dân Pháp đến bọn gián điệp Thụy An, từ bọn trọt-kit Trương Tửu, Trần Đức Thảo đến bọn phản Đảng Nguyễn Hữu Đang, Trần Dân, Lê Đạt. Một đặc điểm chung là hầu hết bọn chúng đều là những phần tử thuộc giai cấp địa chủ và tư sản phản động, và đều ngoan cố giữ lập trường quyền lợi giai cấp cũ của mình, cố tình chống lại cách mạng và chế độ;. (Trg 17 Sđd)..*

Báo cáo tổng kết vụ "Nhân Văn - Giai Phẩm" cũng do Tố Hữu viết có kết luận về tư tưởng chính trị và quan điểm văn nghệ của phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm như sau:

### **Những tư tưởng chính trị thù địch**

1. *Kích thích chủ nghĩa cá nhân tư sản, bôi Nhọ chủ nghĩa cộng sản.*
2. *Xuyên tác Mâu thuẫn xã hội, khiêu khích nhân dân chống lại chế độ và Đảng lãnh đạo.*
3. *Chống lại chuyên chính dân chủ nhân dân, chống lại cách mạng xã hội chủ nghĩa.*
4. *Gieo rắc chủ nghĩa dân tộc tư sản, gai vào đầu óc sô-Vành chống lại chủ nghĩa quốc tế vô sản.*

### **Những quan điểm văn nghệ phản động**

1. *Nhóm "Nhân Văn - Giai Phẩm" phản đối văn nghệ phục vụ chính trị, thực tế là phản đối văn nghệ phục vụ đường lối chính trị cách mạng của giai cấp công nhân. Chúng đòi "tự do, độc lập" của văn nghệ, rêu rao "sứ mạng chống đối" của văn nghệ, thực ra chúng muốn lái văn nghệ sang đường lối chính trị phản động.*
2. *Nhóm "Nhân Văn - Giai Phẩm" phản đối văn nghệ phục vụ công nông binh, nêu lên "con người" trừu tượng, thực ra chúng đòi văn nghệ trở về chủ nghĩa cá nhân tư sản đòi truy.*
3. *Nhóm "Nhân Văn - Giai Phẩm" Hán học đã kích nhen văn nghệ xã hội chủ nghĩa, nhất là văn nghệ Liên Xô, đã kích nhen văn nghệ kháng chiến của ta. Thực ra, chúng phản đối chế độ xã hội chủ nghĩa, chúng đòi đi theo chế độ tư bản chủ nghĩa.*
4. *Nhóm "Nhân Văn - Giai Phẩm" phản đối sự lãnh đạo của Đảng đối với văn nghệ, chúng đòi "trả văn nghệ cho văn nghệ sĩ", thực ra chúng đòi đưa quyền lãnh đạo văn nghệ vào tay bọn phản cách mạng.*

### **Một góc nhìn khác**

Trong cuốn *Đêm giữa ban ngày*, Tác giả Vũ Thư Hiên đã ghi chép những bình luận được cho là của Văn Cao về "tác giả" của việc dập tắt phong trào Nhân văn - Giai phẩm.

*Tố Hữu ấy à? Không, không phải đâu. Cần phải công bằng. Tố Hữu có không ưa mình, có làm khổ mình thật, do lòng đố kỵ mà ra. Mình cũng ghét cái thằng bang nhàn lắm ấy. Nhưng có thể nào nói thế ấy. Tố Hữu chỉ là kẻ thừa hành thôi. Nói gì thì nói, trong lòng Tố Hữu vẫn còn một chút gì của nhà thơ chứ. Bề ngoài thì thế đấy - Tố Hữu lãnh đạo cuộc đánh từ đầu chí cuối. Người ta tưởng vụ Nhân văn - Giai phẩm nổ ra là bởi*

*báo Nhân văn đăng mấy bài phê bình thơ Tố Hữu, Tố Hữu tức, Tố Hữu đánh. Nhảm hết. Longue Marche mới là kẻ sáng tác ra Nhân văn - Giai phẩm. Để chạy tội Cải cách ruộng đất. Để tạo ra cái hố rác mà trút mọi tội lỗi của Lũy<sup>[2]</sup> vào đấy. Chính longue Marche chứ không ai khác. Đừng tuoc bản quyền của Lũy, tội nghiệp! Longue Marche còn cho mời mình và Nguyễn Tuân đến gặp. Lũy nói cả tiếng đồng hồ về đảng tính, về trách nhiệm đảng viên. Chiêu hồi mà. Nguyễn Tuân nghe, mặt hất lên, ngáp không cần che miệng. Nguyễn Tuân vẫn thế - bất cần đời. Đôi lúc cũng có hẹn một tí, hẹn có mức độ thôi, trong đại đa số trường hợp là kẻ bất chấp. Mình nói với longue Marche: "Nếu trong vườn hồng có sâu thì ta phải chịu khó mà bắt bằng tay, từng một con Đổ lên cả đồng. Thuốc trừ sâu vào đấy thì chết cả vườn hồng Rồi anh. Sẽ thấy: qua đợt đánh phần này không biết bao giờ nền văn nghệ Việt Nam mới ngọc đầu dậy được!" Lũy nghe, mặt càng càng. Cái cách của Trường Chinh là thế. Lũy gọi mình đến còn có ý này nữa: Lũy muốn mình phải hiểu - tôi đã chịu khó nghe các anh rồi đấy nhá, tôi dân chủ lắm rồi đấy nhá! Chứ còn cái nền văn nghệ của các anh, nó đáng giá mấy xu?.*

### Dư âm của Phong trào

Ngoài những nhân vật liên quan trực tiếp đến Phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm, dư âm của phong trào này kéo dài sang những năm kế tiếp. Tháng Hai năm 1957 Đảng Lao động cho thành lập một tổ chức mới là Hội Văn nghệ để tập hợp văn nghệ sĩ. Văn Cao được bầu làm hội trưởng. Hội đoàn này cho ra tạp chí Văn, Số đầu tiên phát hành Tháng Năm 1957 nhưng được 37 số đến đầu năm 1958 thì lại bị đình bản vì tội tiếp tục "chống đối đảng". Bộ Chính trị ra quyết nghị đưa gần 500 văn nghệ sĩ đi chỉnh huấn và phải "tự kiểm điểm". Hơn 300 người còn phải ký tên quy thuận đường lối của đảng. <sup>[3]</sup>

### Giải thưởng Nhà nước

Vào thời kỳ đổi mới, Nhiều nghệ sĩ từng tham gia Nhân Văn-Giai Phẩm đã được phục hồi danh dự và được phong tặng các giải thưởng quan trọng, nhưng một số đã qua đời:

- Giải thưởng Hồ Chí Minh: Giáo sư Cao Xuân Huy (về khoa học xã hội, 1996); Nhạc sỹ Văn Cao (về âm nhạc, năm 1996); Nhà triết học Trần Đức Thảo (về khoa học xã hội, năm 2000); Giáo sư Đào Duy Anh (về khoa học xã hội, năm 2000); Nhạc sỹ Nguyễn Văn Tý (về âm nhạc, năm 2000)
- [Giải thưởng Nhà nước](#): Tháng 2 năm 2007, 4 nhà văn thuộc Phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm gồm Lê Đạt, Trần Dân, Phùng Quán và Hoàng Cầm được Chủ tịch nước Việt Nam ký quyết định tặng thưởng giải thưởng Nhà nước <sup>[4]</sup>.

Trả lời phỏng vấn đài BBC ngày 22 tháng 02 năm 2007, nhà thơ Hoàng Cầm tỏ ý buồn rằng các bạn cũ như Trần Dân, Phùng Quán, Phùng Cung vv đã không còn sống để thấy giải thưởng hôm nay. Theo ông, thực tế là từ năm 1958 đến nay, tức là gần 50 năm, vụ Nhân Văn-Giai Phẩm mới "được giải tỏa", vì trước đó từ thời Đổi Mới, Mọi thứ được bắt đầu phục hồi nhưng không công khai <sup>[5]</sup>. Cùng ngày, khi trả lời phỏng vấn báo điện tử VietnamNet, Nhà thơ Lê Đạt nói: "Tôi nghĩ chuyện giải thưởng này như một câu của ông Đỗ Chu (thành viên của Hội đồng Giải thưởng chuyên ngành Văn học) đã phát biểu:" Có thể cho đây là lời xin lỗi của anh em đối với các anh ". Giải thưởng này là cử chỉ đẹp, cho dù là muộn, nhưng không muộn hơn còn."

\*\*\*

### Nhân Văn Giai Phẩm Phần I: Tìm hiểu phong trào

Bài đăng ngày 05 tháng mười hai 2009 Cập nhật lần cuối ngày 05/12/2009 13:42 TU



Bìa hai số tạp chí Giai Phẩm có đăng bài viết của các trụ cột trong phong trào Nhân Văn Giai Phẩm

Càng đi sâu vào vấn đề, càng thấy rõ, những gì chúng ta góp nhặt được về những con người như Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt, Trần Dân, Văn Cao, Phan Khôi, Thụy An, Trương Tửu ... qua những văn bản do chính họ viết ra, hoặc vài ba dòng hồi ký của người này người kia, cũng chỉ là phần rất nhỏ của sự thật. Không kể những loại nhật ký, hồi ký đã bị cắt xen hoặc được sửa lại cho đúng đường lối, hoặc những di cáo trá hình, tự viết để Biển Hồ, để đổi lấy bản thông hành đi vào vĩnh cửu.

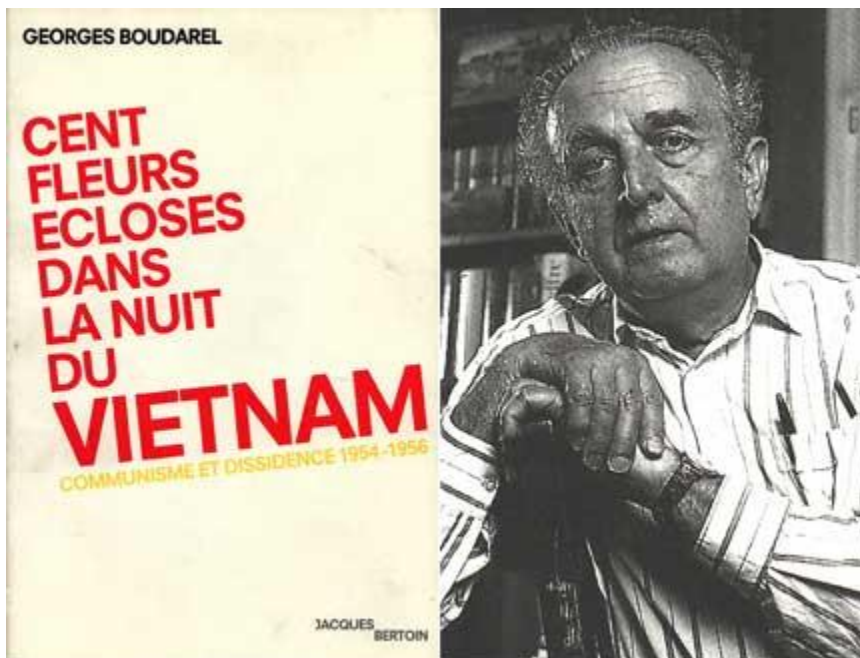
Trong bài

Gửi bài

Bài bình luận

Nhân Văn Giai Phẩm là phong trào tranh đấu cho tự do dân chủ của văn nghệ sĩ và trí thức miền Bắc có tầm vóc lớn lao, khởi xướng đầu năm 1955 và chính thức bị dập tắt tháng 6 năm 1958.

Hai nguồn tư liệu sớm nhất về Nhân Văn Giai Phẩm (NVGP) là *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* (THĐNTĐB) của Hoàng Văn Chí làm Mặt Trận Tự Do Văn Hoá tại ở Sài Gòn năm 1959, và *Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước toà án dư luận* (BNVGPTTADL) do nhà xuất bản Sự Thật Hà Nội trong năm 1959. Ngoài hai tập tư liệu này còn có những tập tư liệu khác, ra đời hơn 30 năm sau.



## *Nhà nghiên cứu Pháp Georges Boudarel và "Trăm Hoa Đưa Không Trong Đêm Việt Nam"*

Trước hết là cuốn "*Cent fleurs écloses dans la nuit du Việt Nam*" (Trăm hoa đưa nở trong đêm Việt Nam) của Georges Boudarel. Georges Boudarel, nay đã qua đời, là nhà giáo, đảng viên cộng sản Pháp, 1947 sang Việt Nam với mục đích tranh đấu chống chính quyền thuộc địa. Sau hai năm dạy học tại Sài Gòn, Boudarel theo Việt Minh, đặc trách nhiệm vụ "cải tạo" tù nhân Pháp ở trại 113. Năm 1966, vì không còn đồng ý với chính quyền Hà Nội, ông trở về Pháp. Trong thời gian ở Việt Nam, ông đã gặp gỡ nhiều nhà văn nhà thơ, trong đó có những thành viên NVGP và Boudarel đã được mang về Pháp những tờ Nhân Văn, Giai Phẩm, và một số báo xuất bản ở Hà Nội trong thời kỳ này.

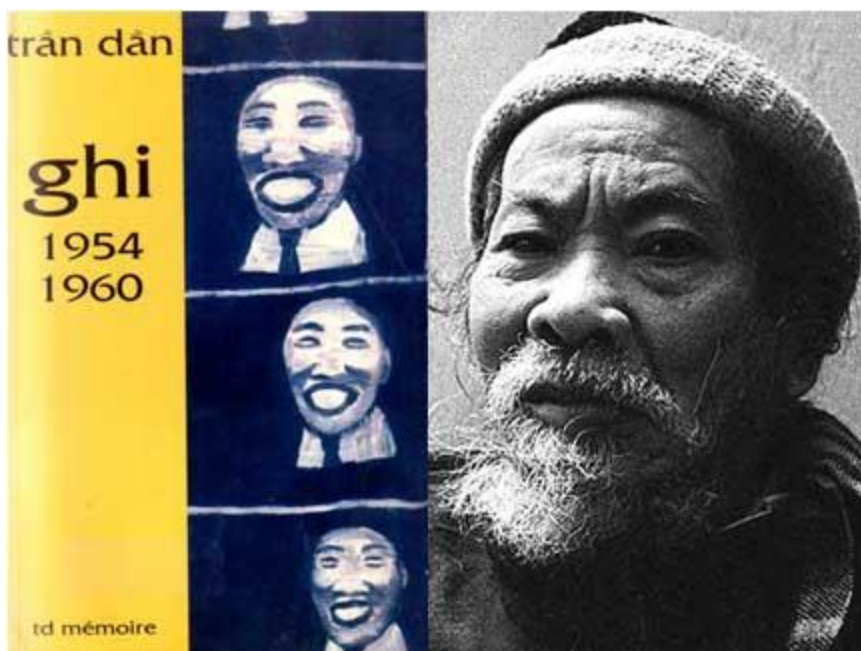
Cuối năm 1987 đầu năm 1988, trong bối cảnh "cởi trói văn nghệ" của Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh, Georges Boudarel đã viết loạt bài tựa đề *Dissidences intellectuelles au Việt-Nam L'affaire Nhân Văn-Giai Phẩm* (Trí thức phản kháng tại Việt Nam, vụ Nhân Văn Giai Phẩm), ở trên hai tập san *Sudestasie* (số 50 tháng 1 / 1988) và *Aujourd'hui en politique Châu Âu* (phụ bản tháng Giêng năm 1989), sau tập hợp và đào sâu thành cuốn "*Cent fleurs écloses dans la nuit du Việt Nam*" (Trăm hoa đưa nở trong đêm Việt Nam) làm Jacques Bertoin trong năm 1991 tại Paris.

Ngoại trừ việc Boudarel (cũng như Hoàng Văn Chí) đều cho rằng phong trào NVGP bắt nguồn từ *Trăm hoa đưa nở* bên Trung Quốc, là sai, và Lê Đạt, Hoàng Cầm đã dính chính trong những buổi trả lời phỏng vấn trên RFI, cuốn sách của Georges Boudarel là tập tư liệu có giá trị bằng tiếng Pháp viết về NVGP, nhờ đó mà bị kịch NVGP đến được với người đọc tiếng Pháp.

Từ những năm 90 trở đi, một loạt những tài liệu mới về NVGP xuất hiện rải rác trong và ngoài nước, dưới dạng tự thuật, bút ký, sáng tác ... của những thành viên đã tham gia phong trào như Phùng Quán, Phùng Cung, Hữu Loan, Hoàng Cầm ...

Trong số đó có hai tài liệu quan trọng là tập hồi ký viết bằng tiếng Pháp *Un Excommunié* (Kẻ bị khai trừ, NXB Quê Mẹ, Paris, 1992) của Nguyễn Mạnh Tường với tiểu tựa: *Hà Nội 1954-1991: Proces d'un intellectuel* (Hà Nội 1954-1991: Kết án một nhà trí thức).

Luật sư Nguyễn Mạnh Tường kể lại những thăng trầm trong cuộc đời ông gắn bó với lịch sử từ 10 giờ sáng ngày 10 Tháng 10 năm 1954 khi quân cách mạng tiến vào Hà Nội đến tháng 5 / 1991, thời điểm ông viết xong tập hồi ký. Sau 9 năm theo kháng chiến, Nguyễn Mạnh Tường từ chiến khu trở về trong số những trí thức được ưu đãi của chính quyền. Phong trào Nhân Văn Giai Phẩm ra đời, ông đã tham gia và chịu sự trừng phạt nặng nề. Nhờ hồi ký Nguyễn Mạnh Tường mà chúng ta có thể hình dung được các giáo sư đại học cùng chí hướng với ông như Đào Duy Anh, Trần Đức Thảo, Trương Tửu, đã phải trải qua những kỷ luật như thế nào, và hiểu được cuộc sống cách ly, đói khát, luôn luôn bị theo dõi của họ trong hơn ba mươi năm sa mạc.

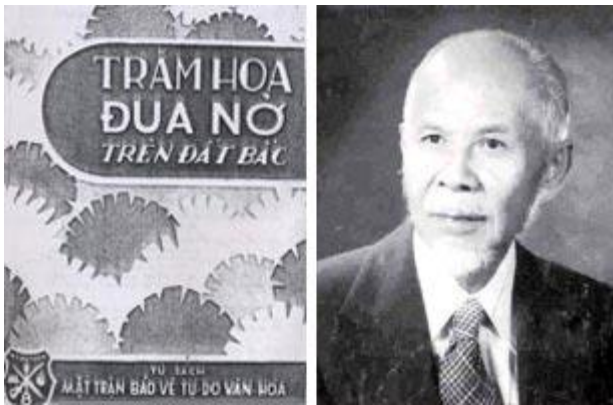


*Nhà thơ Trần Dân và trang bìa tạp nhật ký ông xuất bản năm 2001*

Cuốn nhật ký *Trần Dân ghi* (Văn Nghệ, California, 2001), trích những ghi chép hàng ngày của Trần Dân, đặc biệt trong hai thời kỳ: Cải cách ruộng đất và sau Nhân Văn Giai Phẩm. Nếu hồi ký Nguyễn Mạnh Tường là bản chúc thư (viết năm 1991, ở tuổi 82) gửi Gấm cho thế hệ mai sau về *sự đối đầu của một trí thức trước áp lực cách mạng*, thì nhật ký Trần Dân, ghi lại những suy nghĩ và sinh hoạt hàng ngày của một nhà thơ *đã chịu nhận mọi tội để mong được tha thứ*, Muốn được trở lại sống bình thường như mọi người, nhưng vô hiệu.

### **Hoàng Văn Chí và Trăm hoa đua nở trên đất Bắc**

Hoàng Văn Chí, tức Mạc Định, soạn giả *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* (THĐNTĐB), làm Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hoá xuất bản tại Sài Gòn, năm 1959, cho biết: "*Ở Hà Nội ra đi đầu năm 1955, tôi đã hẹn với các bạn ở lại là ông có dịp sẽ nói lên tiếng nói của họ*", "*Tôi làm việc một mình*", "*Tôi liên lạc được với một ủy viên trong Ủy ban kiểm soát đình chiến Họ đi. Hà Nội như đi chợ Mỗi tuần. họ cấp về Sài Gòn cho tôi tất cả báo chí xuất bản ở Hà Nội*", "*Tôi làm việc trong hai năm 56-58*". "*Bộ Thông tin và nói chung, chính quyền Sài Gòn không hề giúp Lý Trung Dung đến chào Bộ Thông tin, yêu cầu mua cho một số, nhưng chẳng mua một cuốn nào*". "*Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hoá ở Việt Nam là một chi nhánh của một tổ chức quốc tế, tên là Đại hội Văn hóa Tự do, trụ sở trung ương ở 104 đại lộ Haussmann, Paris Bác sĩ. Lý Trung Dung làm chủ tịch. Tội nghiệp, chỉ vì làm chủ tịch Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hoá mà phải đi cải tạo đến nay (1986) chưa được thả*". "*Trước khi đưa in, Lý Trung Dung nghe nói có người gần ông Diệm ngờ rằng tôi soạn cuốn Trăm hoa đua nở là có ý xui dục trí thức miền Nam bắt chước trí thức miền Bắc nổi lên chống lại chế độ. Vì vậy nên Lý Trung Dung bàn với tôi nên để bút hiệu Mạc Định là soạn giả Chỉ ký. tên Hoàng Văn Chí vào bài Tựa*" (Trích *Phỏng vấn cụ Hoàng Văn Chí*, Từ Nguyên thực hiện, bán nguyệt san Tự Do số 50, ngày 16/11/1986, phát hành tại Bỉ).



*Hình bìa tập biên khảo "Trăm hoa đua nở trên đất Bắc" và chân dung tác giả Hoàng Văn Chí (Nguồn: Wikipedia)*

Hoàng Văn Chí đã nói rõ lý do và điều kiện ra đời của tập *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*. Nhưng tại sao ông lại đặc biệt lưu ý đến phong trào NVGP? Ai là những người "ở lại" mà ông đã hứa sẽ nói lên tiếng nói của họ? Nếu tìm sâu hơn về liên hệ gia đình giữa Hoàng Văn Chí và Phan Khôi, có thể chúng ta thấy câu trả lời:

Sở Cuồng Lê Dư có ba người con gái - vì bà Lê Dư là em ruột Phan Khôi, cho nên ba cô này là cháu Phan Khôi - cô đầu gả cho Vũ Ngọc Phan, *cô thứ nhì lấy Hoàng Văn Chí* và cô út là vợ Tướng Nguyễn Sơn. Riêng nữ sĩ Hằng Phương, vợ nhà phê bình Vũ Ngọc Phan, sau này viết bài đả kích thậm tệ Nhân Văn Giai Phẩm. Rất có thể vì thế, mà người em ruột Hằng Phương, tức bà Hoàng Văn Chí, đã là một trong những động cơ thúc đẩy Hoàng Văn Chí thu thập tài liệu và viết về Nhân Văn Giai Phẩm.

Tác phẩm của Hoàng Văn Chí, cho đến nay vẫn là tác phẩm hoàn chỉnh nhất về phong trào NVGP. Trừ ba người: Nguyễn Hữu Đang, Trương Tửu và Lê Đạt bị loại ra (có thể Hoàng Văn Chí không thích hay vì họ không tin Nguyễn Hữu Đang đã từng là người tin cẩn của Hồ Chí Minh, Lê Đạt là bí thư của Trường Chính và Trương Tửu là nhà phê bình lý luận Mác-Xít). Phần lớn những thành viên khác đều có mặt, với *một tiểu sử khá đầy đủ, với những chi tiết đáng quý và những bài viết tiêu biểu của họ trong thời kỳ Nhân Văn Giai Phẩm*, Đặc biệt tiểu sử Phan Khôi và Văn Cao, với những chi tiết hiện nay mà không tìm thấy ở đâu. Một phần vì Hoàng Văn Chí có liên hệ gia đình với Phan Khôi, nên một số dữ kiện chỉ ông biết, mà không tìm thấy ở những tư liệu khác. Những chi tiết ấy có thể một số người biết ở trong nước ra nhưng không dám viết. Sau này, không thiếu những cuốn sách viết về Văn Cao, Phan Khôi, nhưng thường lại tô hồng, tiểu thuyết hoá, hoặc cắt xen vo tròn, khó tìm thấy sự thật. Nhưng tác phẩm của Hoàng Văn Chí cũng có một số Nhược điểm:

- Soạn giả không phải là người trong cuộc, và đã rời miền Bắc từ đầu năm 1955, cho nên khi thuật lại một số sự việc đôi khi có những chi tiết ông nhớ sai, những sai sót này, ngày nay, chúng ta có thể điều chỉnh lại được.
- Hoàng Văn Chí là người chống Cộng và ông để lộ lập trường khá rõ trong tác phẩm có tính cách biên khảo này. Vì vậy, ông chỉ nhắc sơ qua, hoặc không nhắc đến những bài quan trọng của Nguyễn Hữu Đang, Trương Tửu và Lê Đạt (vì những lý do đã nêu trên).
- Ngoài ra, ông cũng *cắt xen những đoạn* mà các tác giả trong NVGP lên án "tội ác Mỹ Diệm", hoặc ca tụng Đảng. Đặc biệt với bài *Nhất định thắng* của Trần Dân, ông đã lược bỏ những câu, những đoạn sất máu, có tính cách khẩu hiệu, tuyên truyền, khiến cho tác phẩm hay hơn, nhân bản hơn, được độc giả miền Nam chấp nhận, nhưng đã làm lệch ý của Trần Dân trong thời điểm 1955-1956. Bản in lại trong tập *Trần Dân thơ* (NXB Đà Nẵng, 2008) cũng là bản Hoàng Văn Chí.

Ngày nay, chúng ta có thể phân tích rõ ràng tư tưởng của mỗi thành viên, qua các văn bản mà họ để lại trên các báo và Nhân Văn Giai Phẩm. Một mặt khác, qua nhân chứng của các thành viên, chúng ta có thể tái tạo lại diễn biến của phong trào: ai làm gì, ai giữ trọng trách gì. Đối chiếu những nhân chứng này với lời buộc tội của những ngòi bút chính thống được chỉ định đánh họ, ở lại trong cuốn *Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước toà án dự luận* (1959) và trong một số bài trên các báo chính thức trong thời kỳ này, mà Lại Nguyên Ân đã sưu tầm và công bố, chúng ta có thể nhìn ra nhiều khía cạnh của sự thật hơn.

### **Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước toà án dự luận**

Tập tài liệu tựa đề *Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước toà án dự luận* do Nxb Sự Thật (nay là Nxb Chính Trị Quốc Gia), trong tháng 6, năm 1959, tại Hà Nội, là tài liệu đầu tiên, tập hợp những bài viết trích dẫn hoặc diễn văn tố cáo, lên án, buộc tội NVGP. Trong phần cuối cuốn sách, có một chương nhỏ, trích "những lời thú tội" của các thành viên NVGP, còn hầu như toàn thể dành cho phía công tố "phát hiện tội", với những lời lẽ vô cùng khiếm nhã, khó thể Mưòng tượng được, từ miệng, hoặc từ ngòi bút của giới được gọi là "trí thức văn nghệ sĩ" đối với các đồng nghiệp và bạn hữu của mình đã tham gia NVGP.

Tập tư liệu dày 370 trang này, chứng tích một thời mà chủ nghĩa đã đạt tới đỉnh cao của sự bồi bút-còn hữu ích về mặt lịch sử và văn học sử, nó mở ra nhiều khía cạnh của vấn đề NVGP: về tầm vóc của phong trào, về không khí đàn áp thời đó, về mức độ khốc liệt của lớp đấu tranh Thái Hà mà nhà thơ Lê Đạt đã mô tả tường tận trong các bài phỏng vấn trên RFI. Đồng thời nó cũng gián tiếp trả lời những lập luận gần đây, cố tình hạ thấp hoặc thu gọn tầm vóc của phong trào NVGP thành một cuộc "đánh đấm nội bộ", tranh Gianh thế lực cá nhân, không liên hệ gì đến vấn đề tự do tư tưởng.

Những bài luận tội có tính cách hạ nhục NVGP của 83 văn nghệ sĩ và các đoàn thể, báo chí, nhân dân cũng như các vị trong ban chấp hành trung ương Đảng, với những tên tuổi như: Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi, Phạm Huy Thông, Trần Hữu tuoc, Đặng Thai Mai, Nguyễn Huy Tường, Hồng Cương, Nguyễn Văn Bổng, Hoài Thanh, Hoàng Trung Thông, Hồ Đắc Di, Vũ Đức Phúc, Quang Đạm, Bàn Sĩ Nguyên, Ngụy Như Kon Tum, Thanh Hằng Phương, Lương Xuân Nhị vv .. phản ảnh rất rõ nhân cách của người tố. Cho nên, có thể nói, qua những "văn bản tố", các tác giả đã để lại nhân cách trí thức của mình trong ký ức dân tộc. Sau cùng nhờ cách sắp xếp thứ tự "những tên đầu sỏ" mà chúng ta biết được thứ tự "tội" nặng, "tội" nhẹ, cùng hoạt động của mỗi người.

### **Những buổi phỏng vấn trên RFI**

Ngày 13/4/1999, trong dịp nhà thơ Lê Đạt sang Pháp lần thứ nhì, chúng tôi đề nghị ghi âm ông, mong ông soi tỏ những chỗ chưa được các tài liệu trước đề cập đến, hoặc viết sai. Buổi nói chuyện - thu thanh với chủ đích *giữ lại làm tài liệu văn học sử* - Tuy mang tính cách cá nhân nhưng có hệ thống về phong trào Nhân Văn Giai Phẩm. Chúng tôi đề nghị nhà thơ nói thẳng, nói thật hết và cam kết là sẽ chỉ công bố tài liệu sau khi ông qua đời, bởi lúc đó được biết, ông không định viết hồi ký.





Ngày 13/4/1999 tại Paris, nhà thơ Lê Đạt đã nói chuyện với RFI về Nhân Văn Giai Phẩm Đầu năm 2004, sau khi thực hiện *chương trình phát thanh kỷ niệm 50 năm trận Điện Biên Phủ (1954-2004)* với nhà văn Hữu Mai trên đài RFI, chúng tôi dự định làm thêm một *chương trình kỷ niệm 50 năm phong trào Nhân Văn Giai Phẩm* (nếu coi 1954 như thời điểm manh nha sự gặp gỡ giữa các văn nghệ sĩ chủ trương phong trào) nên đã cố gắng liên lạc với nhà thơ Lê Đạt qua điện thoại viễn liên Paris-Hà Nội, muốn làm một cuộc phỏng vấn ngắn gọn có tính cách thời sự, phù hợp với đề tài này, nhưng không thể thực hiện được, vì *chỉ nói được vài câu là đường dây bị nhiễu*.

Sau nhiều tháng phân vân, cuối cùng, với sự đồng ý của nhà thơ Lê Đạt, chúng tôi quyết định cho phát sóng trên RFI, toàn bộ buổi nói chuyện với ông đã thu thanh ngày 13/4/1999 tại Paris. Do đó mà *tài liệu văn học sử* này đã đến với thính giả RFI sớm hơn dự tính.

Đây là lần đầu tiên, một *tư liệu trực tiếp* qua lời thuật của một thành viên trụ cột trong Nhân Văn Giai Phẩm được công bố.

Bên cạnh Lê Đạt, còn có tiếng nói của hai nhân vật chủ chốt khác trong phong trào, đó là cuộc phỏng vấn ngắn nhà chính trị và văn hoá Nguyễn Hữu Đang: Nhân dịp kỷ niệm ngày 09 tháng 2 năm 1945, chúng tôi nhờ Lê Đạt liên lạc với Nguyễn Hữu Đang, để hỏi ông về việc tổ chức ngày lễ Độc Lập. Buổi nói chuyện này thu thanh qua điện thoại nhà Lê Đạt ngày 30/8/1995 và được phát thanh trên đài RFI ngày 9 tháng 10 năm 1995. Đây là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng, chúng tôi có thể ghi âm được Nguyễn Hữu Đang. Tất cả những cố gắng về sau đều vô hiệu: *chỉ nói được vài câu là đường dây bị nhiễu*.

Những thính giả của RFI đã từng nghe những chương trình này, đều lưu ý thấy sự trả lời của Nguyễn Hữu Đang, Hoàng Cầm qua điện thoại viễn liên Paris-Hà Nội, không đạt mức độ tự do như các cuộc trò chuyện trực tiếp với Lê Đạt ở Paris. Nhưng cả ba nhân chứng, cũng là *ba người đầu tiên đã xây dựng nên phong trào Nhân Văn Giai Phẩm* cùng đồng quy ở điểm nói thẳng, nói thật. Có những câu hỏi cùng đặt cho Hoàng Cầm và Lê Đạt ở những thời điểm và hoàn cảnh khác nhau, nhưng sự trả lời gần như tương tự.

Sau cùng là nhân chứng của Trần Duy. Hoạ sĩ Trần Duy đã liên lạc với chúng tôi từ nhiều năm qua, ông đã cho biết nghe những chương trình phát thanh trên đài RFI về phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, có những điều ông muốn nói, dưới nhãn quan của ông riêng, nhưng cơ hội chưa thuận tiện. Tháng 6 / 2008, hoạ sĩ Trần Duy quyết định lên tiếng. Chúng tôi đã ghi âm ông qua điện thoại viễn liên Paris-Hà Nội, không bị trở ngại gì. Và như thế, chúng ta thêm có nhân chứng của Trần Duy, cựu thư ký toà soạn báo Nhân Văn.

Nếu trong những bài viết trên báo hoặc các chương trình phát thanh, từ 1988 đến ngày nay, có còn những thiếu sót, đôi khi sai lầm, thì, những nhân chứng quan trọng của Lê Đạt, Hoàng Cầm, Nguyễn Hữu Đang, Trần Duy, đã đính chính và bổ sung. Các ông thay mặt những người đã khuất viết lại lịch sử của phong trào và lần này, không ai có thể ngăn ngừa sự thật.

Tất nhiên, *mỗi người có một sự thực của riêng mình*, Về mỗi dữ kiện, mỗi vấn đề. Thời gian trôi qua, ký ức cũng có đôi chỗ sai biệt, nhưng những sai biệt ấy, nếu có, thường là *những chi tiết*

*không mấy quan trọng. Độc giả sẽ rút ra từ những thực sự có thể khác nhau ấy, phần tổng kết của riêng mình, về phong trào Nhân Văn Giai Phẩm.*

Những buổi phỏng vấn các thành viên chính của phong trào NVGP, phát thanh trên RFI trên, từ năm 1995 đến 2008: Nguyễn Hữu Đang (10/9/1995), Hoàng Cầm (21/2/1998 đến 01 Tháng Mười năm 2004, 4 kỳ), Lê Đạt (từ 24/3/2004 5/6/2004 đến, 7 kỳ) và Trần Duy (26/6/2008 26/7/2008 đến, 4 kỳ), đã cung cấp cho chúng ta những tư liệu trực tiếp về NVGP, làm những người trong cuộc nói ra.

*Phần phát biểu của nhà thơ Lê Đạt (ghi âm tại Paris ngày 13/4/1999, khi ông sang Pháp lần thứ nhì, và phát thanh từ tháng 3 đến tháng 6 / 2004 trên đài RFI), cho đến nay chứng, là tư liệu quan trọng nhất và đầy đủ nhất về lịch sử phong trào NVGP. Lê Đạt mất ngày 21/4/2008 tại Hà Nội. Những năm gần đây trang báo điện tử Talawas làm Phạm Thị Hoài chủ biên, đã cho in lại và lưu trữ trên mạng Internet toàn bộ báo Nhân Văn Giai Phẩm.*

Lại Nguyễn Ân đang sưu tầm những bài viết trên các báo chính thức thập niên 60, liên quan đến phong trào NVGP và đưa dần lên Internet.

Những tư liệu này góp phần làm sáng tỏ thêm về NVGP, giúp các nhà nghiên cứu sau này có thể xây dựng lại toàn diện bối cảnh phong trào tranh đấu cho tự do dân chủ của văn nghệ sĩ trí thức, lớn lao nhất trong lịch sử văn học Việt Nam.

\*\*\*

Từ tháng 4 / 1988, khi chúng tôi viết những dòng đầu về Nhân Văn Giai Phẩm đến nay đã hơn hai mươi năm.

Chuyên luận này tưởng như một hoàn tất chương trình tìm kiếm lâu dài, nhưng thực ra nó lại là khởi điểm cho một cuộc tìm kiếm mới về những gì đã thực sự ra xảy.

Bởi càng đi sâu vào vấn đề, càng thấy rõ những khoảng trống chưa thể lấp được, những câu hỏi chưa được trả lời về biết bao nhiêu sự kiện lịch sử khác nhau, về những con người như Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt, Trần dân, Văn Cao, Phan Khôi, Thụy An, Trương Tửu ... và còn bao nhiêu người khác nữa. Những gì chúng ta góp nhặt được về họ, ngoài những văn bản do chính họ đã viết ra, đôi khi lượm lặt được vài ba dòng nhật ký của người này, hồi ký của người kia, cũng chỉ là một phần rất nhỏ của sự thật. *Không kể những loại hồi ký đã bị cắt xen hoặc được sửa lại cho đúng đường lối, hoặc những di cáo trá hình, viết để tự Biễn Hồ, để đổi lấy bản thông hành đi vào vịnh cửu.*

Cho nên người nghiên cứu phải vô cùng thận trọng khi tìm và lựa thông tin, những gì thật là, là giả trong những tư liệu mà mình có được. Tìm tư liệu không khó trong thời buổi Internet này, nhưng sử dụng tư liệu để dựng lại sự thật là một việc khác hẳn.

Làm sao biết được về hoạt động chính trị của Lê Đạt trước khi theo Việt Minh? Lê Đạt đã từng theo Việt Nam Quốc Dân Đảng?

Theo Văn Cao thì Phạm Duy là người đầu tiên đã dẫn ông liên lạc với Việt Minh, Phạm Duy cũng là người chứng kiến sự ra đời của bài Tiến Quân ca, là người "cướp" micro trước cửa Nhà hát lớn ngày 17 / 8 / 1945 để hát bài Tiến Quân Ca lần đầu tiên trước công chúng. Khi ở lại đoạn hồi ký của Văn Cao về bài Tiến quân ca, người ta đã *cắt bỏ tất cả những chi tiết nói về Phạm Duy*, Có chỗ thay bằng Nguyễn Đình Thi. Một mặt khác, ngay chính bản thân Lê Đạt và Phạm Duy, vì an ninh của bản thân và của gia đình, các ông đã không thể nói tất cả sự thật, càng không thể viết ra trên văn bản.

Chúng ta biết gì về hoạt động của Thụy An? Về "mối tình đầu" của Thụy An với Võ Nguyên Giáp? Về những bí mật giữa Thụy An và Đỗ Đình Đạo, một yếu nhân Quốc Dân Đảng? Tại sao Thụy An quay trở lại Bắc, trong khi gia đình bà di cư vào Nam?

Những bí mật ấy, tuy chỉ là những chi tiết, nhưng ngày nay, những người muốn biết sự thật, *phải có quyền được biết*, Đặc biệt là những nhà nghiên cứu về thời kỳ lịch sử này.

Nếu biết được những chi tiết ấy, chúng ta thấy sẽ tất cả những hoạt động đảng phái thời kháng chiến chống Pháp không đơn giản như hai với hai là bốn: theo bên này là yêu nước, theo bên

kia là bán nước. Mà bất cứ cá nhân nào dù là văn nghệ sĩ, trí thức hay hoạt động chính trị cũng có thể theo hai ba con đường khác nhau, trong suốt hành trình sống của mình.

Vấn đề của người nghiên cứu là phải tìm hiểu những đầu mối đan cài vô cùng phức tạp giữa các khuynh hướng chính trị, văn hoá khác nhau giữa những đảng phái như Việt Minh, Quốc Dân Đảng, Đệ Tứ, *trong mỗi tương giao không xé ra được.*

Những người đã từng tham gia các tổ chức khác nhau ấy, đã *phải* chơi bỏ lẫn nhau hoặc *không dám* nói đến toàn bộ hành trình của họ, khi theo bên này, lúc ở bên kia, trên đường tranh đấu cho độc lập, tự do, dân chủ.

Bi kịch của họ phản ánh bi kịch chung của toàn thể dân tộc.

## Nhân Văn Giai Phẩm phần II: Nguyên nhân xuất phát

Bài đăng ngày 06 tháng 1 2009 Cập nhật lần cuối ngày 05/12/2009 13:56 TU



### Trang bìa báo Nhân Văn số 1 và Giai Phẩm Mùa Xuân

Mặc dù bắt nguồn từ quân đội, nhưng không tìm thấy văn bản nào của lãnh ba tướng Lê Quang Đạo, Trần Độ và Lê Liêm trong tổng cục chính trị lên án phong trào. Trọng vụ Thanh Trung Nhân Văn Giai Phẩm, quân đội đứng ngoài. Quân đội sạch tay sự hơn dân Nhân Văn Giai Phẩm mở đầu cho tinh thần đấu tranh cho tự do tư tưởng, cho công cuộc đổi mới văn học., Tinh thần này không khi chấm DUT phong trào dập tắt bị, chỉ ngủ yên trong ba mươi năm rồi lại bùng lên những năm 1987-1988, với vai trò chủ đạo của Trần Độ.

Với những tư liệu và nhân chứng hiện hành, chúng ta có thể tóm tắt lịch trình hoạt động của phong trào NVGP, theo thứ tự ngày tháng, như sau:

Tháng 3 / 1955: Trong quân đội, Trần Dân, Tử Phác, với sự cộng tác của Hoàng Cầm, Lê Đạt, chủ trương việc phê bình tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu.

Tháng 4 / 1955: Nhóm Trần dân, Tử Phác ký "*Dự thảo đề nghị cho một chính sách văn hoá*", chủ yếu đòi quyền tự do sáng tác. *Bác bỏ chế độ chính trị viên trong văn nghệ quân đội.*

Từ 13/6/55 đến 14/9/55: Trần dân, Tử Phác bị bắt, bị phạt trong trại cấm trại 3 tháng vì lý do kỷ quân phạm, sau đó được đưa đi cải tạo ở Yên Viên (tham gia Cải cách ruộng đất đợt 5).

Tháng 1/1956: *Giai phẩm mùa xuân* ra đời do Lê Đạt, Hoàng Cầm chủ trương (có bàn với Trần Dân) với những bài chính: *Nhất định thắng* của Trần Dân, *Anh có nghe thấy không* của Văn Cao, *Làm thơ và Mối* của Lê Đạt, ...

Tháng 2 / 56 (Tết Nguyên Đán): Lê Đạt bị gọi lên Tuyên huấn để kiểm thảo. Trần dân, Tử Phác bị bắt lần thứ nhì. *Giai phẩm mùa thu* bị tịch thu. Trần dân dựng dao cạo Cửa có. Chiến dịch

đánh Trần Dan bắt đầu với bài của Hoài Thanh "vạch trần tính chất phản động trong bài thơ *Nhất định thắng* của Trần dán "trên báo Văn Nghệ số 110, ra ngày 7/3/56.

Ngày 24/2/1956: Khrouchtchev tường trình tội ác của Staline tại đại hội XX của đảng Cộng sản Liên xô. Ngày 26/5/1956: Mao Trạch Đông phát động phong trào "Trăm hoa đua nở trăm nhà đua tiếng". Ngày 28/6/1956: Ba Lan nổi dậy.

Theo chính sách của Liên Xô và Trung Quốc, đảng Lao Động Nội rộng tự do:

Tháng 8 / 56: Hội Văn Nghệ được chỉ định tổ chức lớp học tập dân chủ 18 ngày.

Ngày 26/8/1956: Nguyễn Hữu Đang đọc tham luận tổng kết lớp học 18 ngày của Hội Văn Nghệ, chỉ trích gắt gao đường lối lãnh đạo văn nghệ của Trung ương đảng. Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi và bộ phận lãnh đạo văn nghệ phải *"thừa nhận những sai lầm nghiêm trọng và hứa hẹn sẽ sửa chữa"*. Hoài Thanh viết bài nhận lỗi đánh Trần Dan.

Ngày 29/8/56: *Giai phẩm mùa thu*, Tập ra đời tôi, với những bài chủ chốt: *Phê bình lãnh đạo văn nghệ* của Phan Khôi, *Chiêm bao tỉnh giấc* của Nguyễn Bính, *Tiếng sáo tiền kiếp* của Trần Duy, ...

Ngày 20 / 9 / 1956: *Nhân văn* 1 số, với bài *Phỏng vấn Nguyễn Mạnh Tường về vấn đề mở rộng tự do và dân chủ*, Bài thơ *Nhân câu chuyện mấy người tự tử* của Lê Đạt, bài *Con người Trần Dan* của Hoàng Cầm và tranh Nguyễn Sáng vẽ Trần Dan với vết sẹo ở cổ, bài *Chống bè phái trong văn nghệ* của Lê Đạt (ký tên Trần Công ),...



Interview de maître Nguyễn Mạnh Tường sur l'élargissement des libertés démocratiques

*Tờ Nhân Văn số 1 và bài phỏng vấn luật sư Nguyễn Mạnh Tường về dân chủ*

Ngày 30/9/1956: *Nhân văn* 2 số, với bài *Phỏng vấn Đào Duy Anh về mở rộng tự do và dân chủ*, Bài *Trả lời Nguyễn Chương và báo Nhân dân* của Nguyễn Hữu Đang (ký tên Hoàng Cầm, Hữu Loan, Trần Duy), bài *Phấn đấu cho trăm hoa đua nở* của Trần Duy ...

Ngày 30/9/56: *Giai phẩm mùa thu*, Tập II, với bài *Bệnh sùng bái cá nhân* của Trương Tửu, *Ông bình vôi* của Phan Khôi, *Những người khổng lồ* của Trần Duy, *Chống tham ô lãng phí* của Phùng Quán, ...

Ngày 10 tháng 8 năm 1956: *Giai phẩm mùa xuân* tái bản.

Ngày 15/10/56: *Nhân văn* 3 số, Kỷ niệm ngày Vũ Trọng Phụng tạ thế 13/10/1939, và các bài *Không lực phát triển tự do dân chủ* của Trần Đức Thảo, *Phỏng vấn bác sĩ Đặng Văn Ngữ về mở rộng tự do và dân chủ*, ...

Ngày 30/10/56: Giáo sư Nguyễn Mạnh Tường đọc bài diễn văn "Qua những sai lầm trong cải cách ruộng đất xây dựng quan điểm lãnh đạo" tại Mặt Trận Tổ Quốc, Hà nội.

Ngày 30/10/1956: *Giai phẩm mùa thu*, Tập III, với bài *Văn nghệ và chính trị* của Trương Tửu, *Muốn phát triển học thuật* của Đào Duy Anh, ...

Ngày 5/11/56: *Nhân văn* 4 số, với bài *Cần phải chính quy hơn nữa* của Nguyễn Hữu Đang, *Sự thật về vụ xúc phạm thi sĩ Nguyễn Bính và báo Trăm Hoa* của Người Quan Sát, *Thành thật đấu*

tranh cho dân chủ của Trần Duy, Con ngựa già của chúa Trịnh của Phùng Cung, Những ngày báo hiệu mùa xuân của Văn Cao, ...

Ngày 10/11/56: Đất mới, Báo sinh viên, với bài *Phê bình lãnh đạo sinh viên* của H. và T. Ngọc Hồng, *Lịch sử một câu chuyện tình* của Bùi Quang đoái, ...

Ngày 20/11/56: Nhân văn 5 số, với bài *Hiến pháp Việt Nam năm 1946 hiến pháp Trung hoa và bảo đảm tự do dân chủ thế nào?* của Nguyễn Hữu Đàng, *Bài học Ba lan và Hung-ga-ri* của Lê Đạt (ký tên Người Quan Sát),...

Tháng 12/56: Giai phẩm mùa đông, Tập I, với bài *Tự do tư tưởng của văn nghệ sĩ và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Bôn-sê-Vich* của Trương Tửu, *Nội dung xã hội và hình thức tự do* của Trần Đức Thảo, ...

Ngày ngày 12 tháng 9 năm 1956: Hồ Chí Minh ký sắc lệnh bãi bỏ quyền tự do báo chí.

Ngày 15/12/56: Nhân văn số 6 đang ở, bị đình chỉ.

Cuối tháng 12/56: Tự Do diễn đàn, Tập một, tạp chí chuyên về Lý luận, Phê bình, Sáng tác, làm Minh Đức phát hành cuối tháng 12, bị cấm.

*Tự do diễn đàn* gồm có các bài: *Qua sai lầm của Cải cách ruộng đất, xây dựng quan điểm lãnh đạo* của Nguyễn Mạnh Tường; truyện ngắn *Chú bé làm văn* của Trần dẫn; *Tại sao quần chúng nhân dân tha thiết đến cuộc đấu tranh văn nghệ?* của Nguyễn Hữu Đàng; *Nhiệm vụ của văn học không phải là giải thích chính sách* của Phan Ngọc; *Động Long Mạch* của Lê Đạt; *Vài ý nghĩ sau khi đọc bài thơ Động Long Mạch* của Hoàng Cầm; *Sinh hoạt văn hoá* của Trương Tửu - Trần Đức Thảo [theo tư liệu của Boudarel, trong bài *Lé tort de Parler trop tot (Sai lầm vì nói quá sớm)* viết về Nguyễn Mạnh Tường, Revue Sud Est Asie, số 52].

Từ 20 đến 28/2/57: Đại hội văn nghệ II họp tại Hà Nội. Trường Chinh kêu gọi đấu tranh "đập nát bọn NVGP".

Cuối năm 57: Mao Trạch Đông hạ lệnh đánh phái hữu. Huy Cận và Hà Xuân Trường được cử đi học tập chính sách của Trung Quốc.

Tháng 2 và 3 / 58: Khi họ trở về, đảng thi hành chính sách "triệt hạ nọc độc Nhân Văn", tổ chức hai lớp đấu tranh ở ấp Thái Hà.

Ngày 4/6/58: "Trận chiến đấu chống bọn phá hoại NVGP" kết thúc bằng Đại hội văn nghệ III, tại Hà nội với bài báo cáo tổng kết của Tố Hữu, Nghị quyết của 800 văn nghệ sĩ lên án "bọn NVGP", và các hội văn nghệ thi hành các Biện pháp kỷ luật.

### **Chôm nở từ đòi hỏi quyền tự do sáng tác**

Nhìn lại lịch trình trên đây, chúng ta thấy ngay sự xác định trước đây của Hoàng Văn Chí trong *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* và của Boudarel trong *Trăm hoa đua nở trong đêm Việt nam* (THĐNTĐVN) về nguyên nhân phát xuất *Nhân văn giai phẩm* từ *Trăm hoa đua nở* ở Trung Quốc là sai, vì phong trào ở Việt nam, *chôm nở* từ việc đòi hỏi *tự do sáng tác* (tháng 4 / 55) trong quân đội, và *chính thức* bắt đầu với *Giai phẩm mùa xuân* (tháng 1 / 56), trong khi đến tháng 5 / 56 Mao Trạch Đông mới phát động phong trào Trăm hoa đua nở.

*Nhưng nhờ Đảng Lao Động học tập chính sách của Mao Trạch Đông và Liên Xô*, Mới có việc Nội tự rộng làm văn nghệ ở Việt nam, mới tổ chức lớp học tập dân chủ 18 ngày, và Nguyễn Hữu Đàng mới có cơ hội trở lại văn trường và chính trường, giữ vai trò lãnh đạo phong trào NVGP.

Tác phẩm của Boudarel đặt trọng tâm vào Trần Dân và bi kịch Trần Dân, theo ông Trần Dân chịu ảnh hưởng tư tưởng phản kháng của Hồ Phong trong chuyến đi Trung Hòa, tháng 7 năm 1954 (để viết ban Dân giải cho phim Điện Biên Phủ ). Thậm chí Boudarel còn cho rằng hai chữ *Nhân Văn* lấy từ một câu của Hồ Phong: *"Hiện thực xã hội theo quan niệm của tôi phải quay về với người con ... về sự giải phóng con người ... về tinh thần nhân văn"* (THĐNTĐVN, Boudarel, trang 59). Trọng nhận xét này, ông đã làm trên một số điểm:

- Tờ Nhân Văn do Nguyễn Hữu Đàng chủ trương, khi ấy Trần Dân đã mệt mỏi, lui vào mặt sau vì chuyện tù tội, vợ con, gia đình.

- Tên Nhân Văn là do Nguyễn Hữu Đang hay Hoàng Cầm đặt ra. Lê Đạt nói: *"Anh Cầm thì nói rằng tên Nhân Văn là do anh ấy nghĩ ra Còn anh Đang cũng nói Nhân Văn do anh ấy nghĩ ra, thực tình tôi cũng không hiểu như thế nào"..* Và Hoàng Cầm, trong lần phỏng vấn năm 2007, nhận rằng ông đã nghĩ ra tên Nhân Văn, nhưng trong lời "thú nhận", năm 1958, Hoàng Cầm viết: *"Một lần nữa, có Nguyễn Bính, Đang, tuoc [bác sĩ Trần Hữu tuoc?], Bàn về tên tờ báo và mời Nguyễn Bính làm thư ký toà soạn, thì tôi nghĩ là" tên báo gì gì cũng được "miễn là có báo ra được"*. (Những lời thú nhận của Hoàng Cầm, Văn Nghệ số 12, tháng 5 / 58)

- Dù Trần Đan "thú nhận" rằng sự chống đối của mình *"có màu sắc tư tưởng Hồ Phong"*, cũng chỉ là một lối nói, bởi những thành viên chính của phong trào NVGP hầu hết đều chịu ảnh hưởng văn hoá Pháp, không mấy người biết Hán văn để đọc Hồ Phong.

Tóm lại về nguyên nhân phát xuất phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, với những hiện hành tư liệu, chúng ta có thể xác định: mọi sự bắt nguồn từ quân đội, những người đầu xướng là Trần Dân, Tử Phác, với sự cộng tác của Hoàng Cầm, Lê Đạt trong hai vụ việc: *Phê bình tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu* và Bản *"Dự thảo đề nghị cho một chính sách văn hoá"*.

### Vụ phê bình tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu

Gần một năm sau hiệp định Genève, ở miền Bắc, trong quân đội, nổi lên phong Trao đổi đổi mới văn học và tranh đấu cho tự do sáng tác làm Trần Dân, Tử Phác chủ trương với sự cộng tác của Hoàng Cầm, Lê Đạt và một số văn nghệ sĩ. Sự phản kháng chia làm hai đợt:

- Tháng 3 / 1955, Trần Dân, Tử Phác cộng tác với Hoàng Cầm, Lê Đạt, tổ chức việc phê bình tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu, với những bài của Hoàng Yến, Hoàng Cầm, Lê Đạt.
- Tháng 4 / 1955 Trần dân, Tử Phác, Hoàng Cầm, Đỗ Nhuận, Hoàng Tích Linh và Trúc Lâm ký bản *"Dự thảo đề nghị cho một chính sách văn hoá"*.

Hai sự kiện này đi đôi và gắn bó với nhau. Trước kháng chiến, Đan đã cùng Trần Đình Hùng, Vũ Hoàng Địch (em Vũ Hoàng Chương) tạp chí ra *Dạ đài* (16/11/1946), với bản tuyên ngôn tượng trưng. Trong kháng chiến, năm 1950 Trần Đan gặp Lê Đạt, cùng chí hướng đổi mới thi ca. Bước đầu của sự đổi mới là phải "chôn đàn anh" (như lời Nguyễn Sa, và hành động của nhóm *Sáng Tạo*, Trong Nam, công kích Nhất Linh và Tự Lực văn đoàn). Trong đám "đàn anh" này, ở ngoài Bắc, Tố Hữu là khuôn mặt tiêu biểu.

Nhân dịp tập thơ *Việt Bắc* vừa phát hành tháng 12/54, đã có bài ca tụng của Xuân Trường trên báo Nhân Dân (24/1/55) và một bài Tràn giang đại hải tung hô hết mình của Xuân Diệu trên hai số Văn Nghệ 64 và 65 ( tháng 2 / 55). [Ở lại trong *"Tư liệu thảo luận 1955 về tập thơ Việt Bắc"*, làm Lại Nguyên Ân sưu tầm biên soạn và, NXB Văn Hoá thông tin, 2005]

Ngày 4/3/55, Trần Dân và Tử Phác ben đứng ra tổ chức một buổi phê bình (kiểu Tọa đàm) thơ Tố Hữu trong khốn khổ văn nghệ quân đội, với sự hiện diện của tướng Nguyễn Chí Thanh, Chủ nhiệm Tổng hợp cục chính trị. Lê Đạt, kể lại không khí hôm ấy như sau:

*"Lúc đến, tôi đã thấy ông Nguyễn Chí Thanh ngồi đấy rồi Hoàng Yến lên. Nói về thơ Tố Hữu và bảo rằng thơ Tố Hữu bây giờ" nhỏ "hơn thơ Tố Hữu thời trước, thì đó cũng là một cách nói thôi. Sau đó, khi anh Thanh lên diễn đàn thì tôi thấy không khí im lặng cả, không ai nói gì nữa Trần Đan đá chân tôi bảo: "Thôi, thế cậu lên đi." Tôi lên nói một bài về thơ Tố Hữu và tôi có nhắc đến sự sùng bái chủ tịch Hồ Chí Minh của Tố Hữu. Cuộc trao đổi ấy rất vui vẻ rồi ông Thanh cũng không nói gì nữa Căn cứ trên. cuộc thảo luận em anh ấy thì thấy là có thể có đủ bài để viết trên tạp chí Văn Nghệ mà lúc đó tôi là thường trực Sau đó. tôi có lên trình bày với anh Tố Hữu về tờ báo Văn Nghệ"*. (phỏng vấn Lê Đạt, RFI).

Buổi Tọa đàm, mới chỉ là nói miệng. Nhưng Lê Đạt muốn đưa lên tạp chí Văn Nghệ (Nguyễn Hữu Đang và Lê Đạt ở trong ban biên tập). Khi Lê Đạt lên gặp Tố Hữu (bàn về nội dung tờ báo), thì tình cờ Tố Hữu lại "gợi ý" Lê Đạt nên viết bài phê bình tập thơ *Việt Bắc* (chắc ông chờ đợi một sự phê bình tâng bốc của đàn em).

Lê Đạt, nhân đã có sẵn bài của Hoàng Yến trong túi, Ben tập hợp thêm một số bài khác, làm số báo đặc biệt về tập *Việt Bắc*. Chắc Tố Hữu không ngờ vụ việc lại xảy ra trái hẳn ý mình, và như lời Lê Đạt: *"ở nước Việt Nam người ta chưa quen chê anh Tố Hữu bao giờ"*.

Việc phê bình rộng ra và chuyển sang các báo khác, kéo dài nhiều tháng (xem tư liệu của Lại Nguyên Ân). Nhưng Tố Hữu cũng không vừa: hội văn nghệ tổ chức thêm hai buổi Tọa đàm khác, có các vị chức sắc tham dự. Trong số những bài ca tụng *Việt Bắc* chủ chốt có bài của Hoài Thanh, Nguyễn Đình Thi và Hoàng Trung Thông.

Phía chê có ba người: Hoàng Yến, Hoàng Cầm và Lê Đạt. Trần Độ Trung Dung: vừa khen, vừa chê.

Hoàng Yến muốn chê thơ Tố Hữu bìa lịch sự nhưng nói rằng Tố Hữu chưa nắm vững thực hiện: "*Ta thấy thơ Tố Hữu ngày nay còn bé hơn thơ Tố Hữu trước kia Bé vì. Tố Hữu chưa thoỉ được vào thơ ngọn lửa hung hức chiến đấu của thời đại để đốt cháy lòng người đọc vì Bé. Chất sống chưa thật sâu sắc nên ý thơ nhiều đoạn còn giả tạo công thức*" (Tư liệu Lại Nguyên Ân, trang 69).

Hoàng Cầm chê thơ Tố Hữu "*thiếu chất sống thực tế, "nhạt nhẽo", "Hội nóng", chỉ "lớn vốn ở bên ngoài chứ không đột phá vào một khía cạnh nào của tâm hồn", "những câu văn đẹp đêm "ru ri một lát rồi thôi", "chỉ thấy những hình ảnh chung chung, gặp bất cứ ở chỗ nào", Khi ca tụng lãnh đạo thì "đao to búa lớn", "bài" Hoan hô chiến sĩ Điện Biên giống như một vài nước đến, tràn đầy, pha loãng một màu sữa. Loãng quá",...*

Lê Đạt, trong bài lý luận, cho rằng Tố Hữu "*cố gắng đi tới công nông*" nhưng trong thơ còn rơi rớt tính chất "*Ngậm ngùi, buồn buồn ... nó là cơ sở điệu tâm hồn của Tố Hữu*"... Lê Đạt tổng kết ý kiến của mình và các bạn trong câu: "*Tính chất tiểu tư sản và xa thực tế là hai khuyết điểm căn bản nó cản trở khả năng hiện thực của Tố Hữu Nó là. Nguyên nhân của cái buồn, cái công thức, cái hội nóng rải rác trong tập thơ*" (Theo tư liệu Lại Nguyên Ân).

Trần Dân không có bài trên báo, nhưng viết trong nhật ký "*Tố Hữu nhìn sự vật nó chính trị quá quá công thức, lười tìm tòi quá. Chỗ nào hay thì lại là lấp lại Nguyễn Du, Tản Đà, ca dao ... Tố Hữu chưa đem tới một cách nhìn mới mẻ gì*" (Trần Dân ghi trang 143). Và trong buổi Tọa đàm ngày 4/3/55, theo Vũ Tú Nam mạch lại, Trần Dân gọi thơ Tố Hữu là "tí ti la Haine, tí ti l'amour" (tí ti căm thù, tí ti tình yêu) (*Sự thực về con người Trần Dân*, Vũ Tú Nam, QĐND tháng 4 / 58). Tất nhiên Tố Hữu không thể nào "bỏ qua" vụ này.

Sang tháng sau, Trần Dân, Tử Phác lại tung ra một vụ mới, đó là bản dự thảo đề nghị một chính sách văn hoá trong quân đội.

### **Bản dự thảo đề nghị cho một chính sách văn hoá**

Tháng 4 / 1955, Trần Dân, Tử Phác, Hoàng Cầm, Đỗ Nhuận, Hoàng Tích Linh và Trúc Lâm ký bản "*Dự thảo đề nghị cho một chính sách văn hoá*", nội dung yêu cầu cải cách chính sách văn nghệ trong quân đội, đòi tự quyền làm sáng tác.

Theo Hoàng Cầm: "*Bản dự thảo sắp được thông qua Một vài. Cán bộ cao cấp trong quân đội tỏ ý tán thành những điểm chính trong bản đề nghị đó, và nhất là hoan nghênh tinh thần xây dựng của bản đề nghị*".

Nhưng: "*Đột nhiên trong không khí hào hứng của gần ba mươi anh em văn nghệ sĩ đang sẵn sàng cởi mở hết để xây dựng một lớn trong những chính sách của Đảng, bỗng có một câu quật lại: "Tinh thần bản đề nghị này chính là một thứ tư tưởng tự do của tư sản. Nó chứng tỏ tư tưởng tư sản đã bắt đầu tấn công vào các đồng chí!*

*Giá câu nói ấy ở mồm một người thường thì cũng sẽ thường thôi. Nhưng lại ở một cán bộ có đủ thẩm quyền xét lại hay bác bỏ những đề nghị của văn nghệ sĩ, thì bắt đầu có một sự động cửa lớn. Những người trước kia tán thành bản dự án thì bắt đầu trở nên hoang mang".* (Trích bài *Con người Trần Dân* của Hoàng Cầm, Nhân Văn số 1).

Hoàng Cầm không nói rõ những người ủng hộ kia là ai, và người "*thẩm quyền bác bỏ*" kia là ai. Nhưng qua bài đánh Trần Dân của Vũ Tú Nam trên Văn Nghệ Quân Đội, chúng ta có thể tóm tắt tình hình như sau: Cuối năm 54, đầu 55, Phòng văn nghệ quân đội tổ chức một cuộc thảo

luận về việc thay đổi chính sách văn nghệ với sự có mặt của tướng Nguyễn Chí Thanh. Trong buổi đó, Trần Dân đã nêu lên ba đòi hỏi chính, Vũ Tú Nam viết:

*"1 - Trả lãnh đạo văn nghệ về tay văn nghệ sĩ.*

*2 - Thành lập trong quân đội một chi hội văn nghệ trực thuộc hội văn nghệ, không qua cục tuyên huấn và tổng cục chính trị.*

*3 - Bỏ mọi "chế độ quân sự hiện hành" trong văn nghệ quân đội ...*

*Nghe xong đồng chí Nguyễn Chí Thanh dặn dò anh em phải coi chừng, đó là quan điểm tư sản, phi Đảng, phi giai cấp, phi chính trị. Hồi đó, anh em chưa vỡ lẽ, còn ầm ức, cho là cấp trên không thông cảm. Trần Dân và vài người khác thì lồng lộn, chửi bới, reo rắc hoài nghi, chán nản, muốn giải ngũ". (Vũ Tú Nam, Sự thực về con người Trần Dân, Văn Nghệ Quân đội, số 4, tháng 4 / 58).*

Tuy vậy, Trần Dân vẫn được giao cho việc tổ chức hội nghị toàn ngành văn quân tháng 4 / 55. Lần này, Trần Dân trình bày bản dự thảo do chính tay mình viết tháng 2 / 55, dài 12 trang đánh máy. Theo vài câu trích dẫn của Vũ Tú Nam (để buộc tội quan điểm "xét lại" của Trần Dân) Trần Dân viết:

*"Biểu hiệu cao nhất trách nhiệm của người viết là thái độ tôn trọng, trung thành với sự thực. Đó là tiêu chuẩn cao nhất đánh giá tác giả và tác phẩm ... tôn trọng, trung thành với sự thực vừa là trách nhiệm, vừa là lập trường, vừa là phương pháp làm việc của người viết"*

*"... Sự thực lớn gấp triệu triệu lần bất cứ chỉ thị, lý luận nào ... Nếu như sự thực ngược lại chính sách chỉ thị, thì phải viết thực sự chứ không phải là bóp gò thực sự vào chính sách"*

Tổng hợp thông tin của Hoàng Cầm và Vũ Tú Nam, chúng ta thấy: tướng Nguyễn Chí Thanh vừa bật đèn xanh cho Trần Dân và các bạn đòi hỏi tự do sáng tác thật (viết sự) vừa dập tắt bản dự thảo đòi tự do sáng tác. Nhưng ngoài Nguyễn Chí Thanh, bản dự thảo còn được những ai ủng hộ, khiến nó sắp được thông qua, như lời Hoàng Cầm?

Theo phân tích của Boudarel, thì bản dự thảo này được sự ủng hộ của ba tướng tá cao cấp trong Tổng cục chính trị: Lê Quang Đạo, Trần Độ, và nhất là Lê Liêm. Ông viết:

*"Ở những buổi thảo luận nội bộ năm 1955 trong quân đội, có những cán bộ cao cấp ủng hộ nhóm văn nghệ sĩ đòi hỏi quyền tự do sáng tác, nhưng không ai chỉ rõ tên họ ra, rất có thể bởi vì muốn tránh cho họ rơi vào hoàn cảnh khó xử trước những đồng nghiệp quyết liệt Duy có hai người., hai tướng chính uỷ Trần Độ và Lê Liêm là dễ nhận ra, nhưng cũng không chỉ có hai người đó.*

*Một văn bản chứng minh rằng vào mùa thu năm 1956, tướng Lê Quang Đạo cũng có thể thiệp khi vụ việc ra xay. Nhưng trong chiều hướng nào? Lúc đó ông là trưởng phòng tuyên huấn"* (trích THĐNTĐVN, trang 101).

Boudarel phác họa chân dung Lê Quang Đạo, Lê Liêm và Trần Độ, ba tướng lãnh trong tổng cục chính trị ủng hộ những nhà văn trẻ, ông phân tích những con khúc mắc trên đường của họ, khi ủng hộ tự do và sáng tác mở rộng dân chủ, lúc phải lùi bước trở lại vị trí chính thống. Điều đặc biệt đáng chú ý là trong suốt thời kỳ NVGP, ông không tìm thấy văn bản nào của các tướng lãnh trong tổng cục chính trị phong trào lên án.





*Trang bìa tập sách phê phán phong trào Nhân Văn Giai Phẩm*

Cuốn *BộN Nhân văn Giai phẩm trước toà án dư luận* tập hợp những bài viết của hơn 80 văn nghệ sĩ và trí thức "dân sự" tuyệt nhiên không có bài viết nào của quân đội, kể cả Nguyễn Chí Thanh, mặc dầu phong trào xuất phát từ quân đội.

Với mức tư liệu hiện có, chúng ta có thể hiểu rằng: Trong vụ Thanh Trung Nhân Văn Giai Phẩm, quân đội đứng ngoài. Quân đội tay sạch hơn dân sự.

Tướng Lê Liêm, một trong những người có công lớn trong trận Điện Biên Phủ, hết sức ủng hộ văn nghệ sĩ, Lê Liêm không viết một dòng nào chống lại những người đòi tự do sáng tạo, một sự im lặng đầy ý nghĩa này. Năm 1958, ông trở thành Thứ trưởng Văn hoá, tuy được thăng chức, nhưng không có quyền, bước đầu của sự thất sủng. Phản đối việc thân Tàu, chống Nga, năm 1965, ông nhận chức Thứ trưởng giáo dục, và trong một bài diễn văn về việc cải tạo giáo dục, năm 1968, ông trở lại quan điểm chính thống. Năm 1974, người ta đồn ông bị khai trừ khỏi đảng với cùng Ưng Văn Khiêm, tướng Nguyễn Văn Vĩnh và Bùi Công Trung, vì tội thân Nga. Lê Liêm là một khuôn mặt cởi mở, chấp nhận đối thoại mà ít người biết đến.

Tướng Lê Quang Đạo, với trách nhiệm trưởng phòng tuyên huấn, chắc chắn đã tác dụng vào những cuộc tranh luận văn học nội bộ trong thời kỳ này. Sau vụ Nhân Văn, ông vẫn tiếp tục con đường cởi mở đến thập niên 80. Năm 1982, ở đại hội V, khuyến khích bảo thủ thắng thế. Đến năm 1987, làm chủ tịch quốc hội, ông tiếp tục cổ động cho công cuộc đổi mới.

Trần Độ kiên trì trong quan điểm dân chủ hoá đất nước. Sau Nhân Văn, ông trở lại chiến trường. Dường như ông chỉ tạm thời lùi bước năm 1956 để tiến mạnh hơn, ba mươi năm sau. Năm 1982, trực diện với sự bảo thủ của Hà Xuân Trường trong đại hội V, Trần Độ thua cuộc, nhưng đến năm 1986, khi làm Trưởng ban văn hoá tư tưởng trung ương, dưới sự cởi mở của Nguyễn Văn Linh, Trần Độ trở lại vai trò chủ đạo cho công cuộc đổi mới văn học. Nói như Boudarel: *"tất cả những vấn đề cơ bản đều quy về những năm 1955 - 1956"*.

Như vậy NVGP, mở đầu cho tinh thần đấu tranh tư tưởng tự do, cho công cuộc đổi mới văn học, tinh thần này không khi chấm DUT phong trào dập tắt bị, chỉ ngủ yên trong ba mươi năm rồi lại bùng lên những năm 1987-1988.

Vai trò của tướng Nguyễn Chí Thanh khá phức tạp. Cầm đầu chính trị quân đội, ông cũng là người đã "dẹp" vụ dự thảo còn ngay trong trứng nước. Nhưng khi Trần Dân bị bắt lần thứ nhì,

dùng dao cạo Cửa có, được đưa vào bệnh viện, Trần Dân viết thư cho Nguyễn Chí Thanh, ông đã can thiệp để "cứu" Trần Dân. Nhưng cũng chính tướng Nguyễn Chí Thanh đã trao cho người bà con Vũ Tú Nam toàn bộ tư liệu về Trần Dân, kể cả 2 lá thư Trần Dân viết để xin ra khỏi đảng năm 55, để họ Vũ có đủ tư liệu viết bài đánh Trần Dân (THĐNTĐVN, Boudarel, trang 100 và 126).

Nhưng cũng không thể liệt Nguyễn Chí Thanh vào loại người xoay chiều, như Đỗ Nhuận, bạn thân của Trần Dân, cùng đi Điện Biên Phủ, cùng đi Trung Quốc, cùng ký bản dự thảo, nhưng sau này quay lại viết bài đánh Trần dân.

### Nhân vật Trần Dân



*Chân dung nhà thơ Trần Dân với vết sẹo trên cổ làm họa sĩ Nguyễn Sáng vẽ năm 1956 và đăng trên Nhân Văn số 1. - Nguồn: Tư liệu G. Boudarel*

Vì hai sự kiện: *phê bình thơ Tố Hữu* và *đề nghị cải cách chính sách văn nghệ quân đội*, Mà Trần Dân và Tử Phác bị kỷ luật, bị giam tù 13/6/55 đến 14/9/55.

Nhưng về mặt chính thức, Trần Dân bị kỷ luật vì lẽ khác: về chuyện tình cảm, yêu một người con gái có đạo (Cô Khuê, vợ Trần Dân sau này) cha mẹ đã đi Nam, không được đảng cho phép cưới, tự ý bỏ trại, về với người yêu ở phố Sinh Từ và không chịu lên trình diện (Tử Phác cũng không chịu lên trình diện). Hoàng Văn Chí thu thập được khá nhiều và tin tức tổng hợp với bài *Con người Trần Dân* của Hoàng Cầm, đã viết khá chi tiết về việc này từ năm 1959. Nhưng sự phân tích của Boudarel có những điểm thỏa đáng hơn:

*"Đối với Trần dân, trận bút chiến trong ba tháng đầu năm 1955 đi đôi với sự tranh đấu không cân bằng trong ủy cục chính quân đội về vấn đề lý thuyết chính trị và nhân sự, cả hai đơn cài khó gỡ Việc bản. dự thảo bị hủy bỏ đối với Trần Dân là một thất bại, nhưng cũng không đau đớn bằng việc bị các bạn đồng hành bỏ rơi chạy sang bên kia phe Vì lý do sức khỏe., Trần Dân xin nghỉ một thời gian để thoát khỏi trại nhà binh. Mãi không thấy cấp trên trả lời, anh tự ý bỏ trại về nhà người bạn gái ở phố Sinh Từ Hải lần. cấp trên gọi về chờ lệnh, anh đều từ chối Bị kiểm*

*thảo vắng mặt., và có lẽ bị phạt trung nữa, bởi vì trong lần gọi thứ ba, anh đòi hủy bỏ những quyết định anh lại chống Những phê. phán Trần Dân phạm quân kỷ đi đôi với việc trát tự trở lại trong văn nghệ quân đội Mãi không thấy gì. mới, đến giữa tháng 5 / 1955, Trần Dân Viet hai lá đơn xin ra khỏi đảng và ra khỏi quân đội (một cho đảng và một cho quân đội) trong đó anh trình bày những lý lẽ của mình với một sự thẳng thắn, nếu không muốn nói ngậy thơ lạ lùng "* (THĐNTĐVN, Boudarel, trang 125-126).

Đây là lần thứ nhất Trần dân, Tử Phác bị giam, thật ra là bị cấm trại, không phải bị tù. Trong thời gian này, Trần Dân viết bài thơ dài *Nhất định thắng* trao bản thảo cho Lê Đạt giữ (Hoàng Cầm, *Con người Trần Dân*). Hết ba tháng cấm trại, Trần Dân và Tử Phác được về nhà, và hơn tháng sau, cả hai được gửi đi tham gia Cải cách ruộng đất tại Yên Viên, Bắc ninh, từ 11 tháng 2 năm 1955 đến tháng 2 / 1956. Trong khi ấy Hoàng Cầm và Lê Đạt chuẩn bị ra tờ *Giai phẩm mùa xuân*.

Tháng Giêng năm 1956, *Giai phẩm mùa xuân* ra đời, đăng bài thơ *Nhất định thắng* của Trần Dân. Bài thơ đã gây tai họa cho Trần Dân và tờ *giai phẩm*. Báo vừa phát hành, Lê Đạt bị gọi lên Tuyên huấn để kiểm thảo. *Giai phẩm mùa xuân* bị tịch thu. Trần Dân và Tử Phác bị bắt. Bị giam, Trần dân dụng dao cạo Cửa có, được đưa vào bệnh viện. Trần dân thủ viết cho tướng Nguyễn Chí Thanh ngày 21/2/56 và được tha ngày 5/5/56 (THĐNTĐVN, Boudarel).

Hoàng Cầm viết: *"Giai phẩm mùa Xuân bị kết tội, bài thơ "Nhất định thắng" bị kết tội. Người ta cho rằng cái bè pháí độc quyền trong giới văn nghệ bị công kích (bắt đầu từ cuộc phê bình thơ Việt Bắc) đã tìm cách trả thù:*

*Trần dân, Tử Phác đều bị tống giam".*

*"Từ những ngày Tết mưa là chã, cái bè pháí độc quyền trong văn nghệ bắt đầu họp đứng họp ngồi để tìm cách đối phó với cái Giai phẩm Một không khí ngất thờ đề nặng lên những anh có em. Bài trong đó tập sách Rồi đến. một đêm, bài thơ "Nhất định thắng" bị đem ra luận tội. " (Con người Trần Dân, Hoàng Cầm, Nhân Văn số 1)*

Hoàng Cầm trong lời "thú nhận", kể rằng ông muốn làm "cho cả cụ Hồ, cả Trung ương cũng phải thương xót cảnh ngộ Trần dân, mà trung trị người nào đã gây ra cảnh ngộ đó". Nhưng sau khi bài báo xuất hiện, Nguyễn Chí Thanh giao cho Lê Quang Đạo Hoàng Cầm mời đến để giải thích, vẫn theo lời "thú nhận" của Hoàng Cầm:

*"Khi đồng chí Lê Quang Đạo có mời tôi vào giải thích rõ trường hợp Trần dân, tôi đã nhút đi, có ý muốn cải chính bài báo, tôi viết bài về cải chính, có nói rõ sự giáo dục của quân đội với Trần dân, sự săn sóc của đồng chí Nguyễn Chí Thanh và của Phòng văn nghệ quân đội đối với Trần dân, nhưng trong ý nghĩ vẫn không chịu nhận rằng mình đã xuyên tạc bóp méo sự thật, không chịu nhận rằng mình bôi đen chế độ , nên vẫn viết thêm một đoạn cuối nói rằng: việc bỏ tù Trần Dân là quá đáng, đến nỗi Trần Dân phải tự tử, và tôi vẫn viết một câu đại ý: Đồng chí Tố Hữu là người phụ trách toàn bộ công tác lãnh đạo văn nghệ, phải chịu trách nhiệm về việc này Thế là. cải chính một nửa, để lại bôi xấu một nửa .- Bài đó (không đăng) chỉ là một hành vi không thành thật " (Những lời thú nhận của Hoàng Cầm, Văn Nghệ số 12.*

Về phía đối diện, đây là lời buộc tội của Tố Hữu:

*"Cuộc tấn công vào chế độ ta và Đảng ta đã bắt đầu trên mặt trận văn nghệ từ đầu năm 1955, ngay khi hòa bình vừa lập lại.*

*Trong khi bọn gián điệp còn giấu mặt chờ đợi thời cơ, và bọn tờ-rót-kit Trương Tửu, Trần Đức Thảo tích cực chuẩn bị lực lượng ở trường Đại học, thì bọn Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt, hai tên phản Đảng ẩn Nấp trong báo Văn Nghệ của Hội Văn Nghệ cùng bọn Trần dân, Tử Phác cũng là tên những phản Đảng trong phòng Văn nghệ quân đội, đã kết thành một bè pháí chống Đảng trong Văn nghệ.*

*Như lời thú nhận của Trần Dân, Lê Đạt, Hoàng Cầm, cuộc phê bình tập thơ Việt Bắc là do cái bè pháí ấy sắp đặt, để đánh vào sự lãnh đạo và đường lối văn nghệ của Đảng, đường lối phục*

vụ chính trị cách mạng, phục vụ công nông binh, và để đề xướng cái "điều tâm hồn" ruộng nát của chủ nghĩa cá nhân tư sản, mở cửa cho lối sống tự do lúc đó.

Đương nhiên cái "điều tâm hồn" ấy của Lê Đạt xướng lên không thể nào hoà được với cái điều lớn của cách mạng, và cũng rất tự nhiên nó chỉ hoà được với "tiếng sáo tiền kiếp" lóc gân của tên mật thám Trần Duy.

Cũng lúc ấy, bọn Trần dân, Tử Phác-những đứa con hư hỏng của Hà nội cũ-nay lại trở về với "cảnh cũ người xưa" bỗng cảm thấy đời sống trong quân đội "nghe thở", chỉ vì thiếu cái tự làm trở lại đời sống truy lạc cũ. Đối với chúng, đời sống trong quân đội cách mạng chỉ còn là "những sợi dây xích trời buộc phải phá mà ra". Được tiêm thêm ít nhiều chất phản động của Hồ Phong, Trần Dân Gióng lên "tiếng trống tương lai" chửi cán bộ chính trị là "người bệnh", "người roi", "người U". Cùng Tử Phác, khiêu khích những anh em khác, hấn tổ chức một cuộc đấu tranh "buộc lãnh đạo thực hiện mọi yêu cầu" của họ.

Họ đòi thực hiện những gì? "Trả quyền lãnh đạo văn nghệ về tay văn nghệ sĩ Thủ tiêu chế độ chính trị viên trong các đoàn văn công quân đội.. Thủ tiêu mọi chế độ quân sự hiện hành trong văn nghệ quân đội Thành lập. Trong quân đội một chi Hội văn nghệ trực thuộc Hội văn nghệ, không qua Cục Tuyên huấn và Tổng cục Chính trị ". Tóm lại là thủ tiêu sự lãnh đạo của Đảng và kỷ luật của quân đội đối với họ "

(Tố Hữu, Nhìn lại 3 năm phá hoại của nhóm "Nhân Văn-Giai Phẩm", BNVGPTTADL, Nxb Sự Thật, Hà nội 1959, trang 22-24).

### **Việc Trần Dân dùng dao cạo cửa có**

Về việc Trần Dân Cửa có, cho đến nay, chỉ có Hoàng Cầm kể lại: Trong bài cải chính (không ở mà Hoàng Cầm nhắc đến ở trên và trong buổi nói chuyện trên RFI, ông thuật lại ít nhiều chi tiết. Đặc biệt trong hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh, đoạn ghi lời kể của Hoàng Cầm về việc này có nhiều chi tiết rõ ràng hơn:

### **Tố Hữu ra lệnh bắt Trần dân:**

Hỏi Hoàng Cầm cho in tập Giai phẩm mùa xuân, có đăng bài của Trần dân, Tử Phác. Tố Hữu triệu tập mấy người đến họp: Hoàng Cầm, Văn Phác (phụ trách tổ chức Bộ Văn Hoá), Chế Lan Viên ... Tố Hữu cầm cuốn Giai phẩm mùa xuân, hỏi mọi người: "Các anh thấy tập sách này thế nào?"

Không ai dám trả lời, vì không đoán được ý Tố Hữu. Chế Lan Viên nhanh trí, đoán trúng ý thủ trưởng. Anh nói: "Cuốn sách đại phản động!"

Tố Hữu hỏi Văn Phác: "Hiện nay chúng nó đang ở đâu?" Văn Phác: "Thưa, các anh ấy đang đi thực tế ở Yên viên"

Tố Hữu lệnh - Hoàng Cầm nhớ đúng sáu tiếng: "Gọi nó về, bắt lấy nó!"

Thế là Văn Phác làm giấy tờ để bắt Trần dân, Tử Phác.

Và đây là lời kể của Trần Dân, Hoàng Cầm thuật lại: Chiều hôm ấy, có một cái xe ô tô nhà binh đến Yên viên. Họ gọi Trần dân, Tử Phác ra và lập tức bịt mắt. Trần Dân kịp thấy trên xe có lính mang súng, lưỡi lê tuốt trần.

Hoàng Cầm nói, Trần Dân là tay thần kinh rất vững. Anh ta bình tĩnh lắng nghe để đoán xem xe đi đâu. Qua một cái cầu dài. Thế là vào Hà nội. Nhưng xe lại chạy tiếp khá lâu. Thế là đi quá Hà nội. Đến một chỗ nào đấy, xe đỗ lại. Người ta dắt Trần dân, Tử Phác, đi xuống một địa điểm ở sâu dưới đất - vì cứ thấy xuống nhiều bậc, mãi xuống. Đến một độ sâu nào đấy, họ dừng lại và đẩy Trần Dân vào một căn hầm, đóng cửa lại. Trần Dân nghĩ bụng, chắc bị thủ tiêu. Thủ tiêu ở đây thì ai biết được? Coi như mất tích. Anh nghĩ phải tìm cách lên được mặt đất.

Sáng ra, thấy đây là một cái hầm đào sâu dưới đất. Ánh sáng rất nhiều xuống từ nóc hầm qua một ô cửa có chấn song, ở trên có thoáng thấy bóng một anh lính gác.

Trần Dân thấy trong hầm có một cái phản gỗ và một bình nước. Anh kéo cái phản ra chỗ ánh sáng từ trên nóc hầm rọi xuống, cởi áo ngoài, để phơi áo sơ mi trắng bên trong ra, lấy một cái mince lame trong túi, phản nằm ngửa lên, dùng lưỡi dao vào cổ của cho máu phun ra ngực áo,

rồi giấy đập tôi, cốt cho anh lính gác nghe thấy. Anh lính gác nhìn xuống thấy thế hoảng quá: Nó tự tử, phải đưa cấp cứu ngay! Một lát sau, mở cửa hầm, người ta đưa Trần Dân đi cấp cứu ở một bệnh viện gần đó. Té ra là bệnh viện Hà đông. Ở đây, Trần Dân có thể vớ được một người quen ben viết mẫu giấy nhờ đưa đến Tổng cục chính trị nơi anh công tác. Nguyễn Chí Thanh lập tức đến bệnh viện và lệnh tha ngay cả Trần Dân và Tử Phác. Hoàng Cầm rất phục Trần Dân. Thằng cha thần kinh rất vững. Hoàng Cầm cũng từng bị bắt giam. (Ông nghe Hoàng Hưng, định đưa tập thơ Về Kinh Bắc sang Pháp tại). Ông nói: "Tôi nhát lắm, mọi tội tôi xin nhận hết" (Hết hạn tù, người ta cho ra, còn xin ở lại viết kiểm thảo Tô Hoài cho tôi biết thế.). Sợ nhất là trong tù cứ thấy tiếng phát ra đều đều biết không từ đâu: Khai thật đi! Khai thật đi! Khai thật rồi về với vợ con!

Chuyện nghe khá sợ. Một hình thức khủng bố tâm lý về. Chẳng biết Hoàng Cầm có thêm thất gì vào sự thật không. Nhưng quả là đáng sợ. Hoàng Cầm cũng thêm hay tưởng tượng theo dệt ra nữa " (trích Hồi Ký Nguyễn Đăng Mạnh, Chưa in).

Giai phẩm mùa xuân bị tịch thu, Trần Dân, Tử Phác bị bắt, Lê Đạt bị kiểm thảo. Sự khủng bố trở nên công khai nhưng cũng mở màn cho một phong trào đấu tranh cho dân chủ rộng lớn hơn, nửa năm sau. Vậy nội dung *Giai phẩm mùa xuân* có những gì? Điều này cần đến một sự phân tích văn bản cặn kẽ.

### **Nhân Văn Giai Phẩm phần III: Giai phẩm mùa xuân**

Trong *Giai phẩm* mùa xuân bài thơ quyết liệt nhất, hỏi tội bọn nin thần, là của Văn Cao. Nhưng không ai dám đánh Văn Cao, tác giả quốc ca.  
[www.rfi.fr/actuvi/ bài / 114/article\\_ 4022.asp](http://www.rfi.fr/actuvi/bai/114/article_4022.asp) -- Cached

### **Nhân Văn Giai Phẩm phần IV: Nguyên nhân đưa đến cuộc cách ...**

Trường Chinh là người soạn thảo bản Đề cương Văn hoá Việt Nam. Đây là văn bản chính thức xác định đường lối văn hoá văn nghệ Mác-xít.  
[www.rfi.fr/actuvi/ bài / 115/article\\_ 4277.asp](http://www.rfi.fr/actuvi/bai/115/article_4277.asp) -- Cached

### **Nhân Văn Giai Phẩm phần VII: Biện pháp Thanh Trừng**

"Sớm mai toà xử gián điệp Thụy An và Nguyễn Hữu Đang phá hoại, cả hai: hiện hành Tôi không có giấy gọi cho dự Người có một. Cái gì vắng vắng..  
[www.rfi.fr/actuvi/ bài / 118/article\\_ 5184.asp](http://www.rfi.fr/actuvi/bai/118/article_5184.asp) -- Cached

### **Nhân Văn Giai Phẩm phần XII: Hoàng Cầm**

Về Kinh Bắc là bản hùng ca bi tráng, vào đêm. Đêm của người thất trận, nhưng gót thoát không. Về Kinh Bắc là về đất mẹ Luy Lâu (Kinh Bắc), kinh đô văn hoá ...  
[www.rfi.fr/actuvi/ bài / 123/article\\_ 7100.asp](http://www.rfi.fr/actuvi/bai/123/article_7100.asp) -- Cached

### **Nhân Văn Giai Phẩm phần X: Lê Đạt**

Đời chữ của Lê Đạt chia hai thời kỳ, dưới hai ngòi bút: Nhà thơ cách tân, theo Mallarmé truyền thống, mở một kỷ nguyên mới cho chữ đường. Nhà thơ thời thế,  
[www.rfi.fr/actuvi/ bài / 120/article\\_ 6144.asp](http://www.rfi.fr/actuvi/bai/120/article_6144.asp) -- 23 giờ trước -- Cached

### **Nhân Văn Giai Phẩm phần XI: Trần Dân**

Về *Nhân Văn Giai Phẩm*, Có những sự việc đã bị chôn sống. Có những sự thực đã bị bóp méo đến độ dị dạng. Người ta đã quen sống với những quái dị Thái đang ...  
[www.rfi.fr/actuvi/ bài / 121/article\\_ 6594.asp](http://www.rfi.fr/actuvi/bai/121/article_6594.asp) -- Cached

### **Nhân Văn Giai Phẩm phần IX: Nguyễn Hữu Đang**

Là người cộng sản, nhưng Nguyễn Hữu Đang luôn luôn tự do trong hành động và tư tưởng của mình. Ông đã đứng lên lãnh đạo phong trào *Nhân Văn Giai Phẩm*, ...  
[www.rfi.fr/actuvi/bai/119/article\\_5814.asp](http://www.rfi.fr/actuvi/bai/119/article_5814.asp) -- Cached

### **Nhân Văn Giai Phẩm phần VIII: Thụy An**

"Mặc bao cuộc hưng tàn phé đổi *Vấn* đậm đậm một đọi, một chờ Mẹ con hoá đá tro tro Mẹ là tin tưởng, tương lai con là. Đó là tâm trạng Tô Thị hoá đá, ...  
[www.rfi.fr/actuvi/bai/119/article\\_5538.asp](http://www.rfi.fr/actuvi/bai/119/article_5538.asp) -- Cached

## **Nhân Văn Giai Phẩm với Lê Đạt Thụy Khuê**

Nhân Văn Giai Phẩm là phong trào đòi hỏi tự do dân chủ của văn nghệ sĩ và trí thức miền Bắc, có tầm vóc lớn lao, khởi xướng đầu năm 1955 và bị chính thức dập tắt vào tháng 6 năm 1958. Từ 1959 cho đến nay, hai nguồn tư liệu tương đối đầy đủ về phong trào Nhân Văn Giai Phẩm (NVGP) vẫn chỉ là: Cuốn Trăm hoa đua nở trên đất Bắc (THĐNTĐB) của Hoàng Văn Chí, do Mặt Trận Tự Do Văn Hoá, in ở Sài Gòn năm 1959 và cuốn Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước toà án dư luận (BNVGPTTADL) của Nxb Sự Thật, in ở Hà Nội, cùng năm 1959. Từ thập niên 90 trở đi, ở ngoài nước, có thêm một số tư liệu mới, rải rác dưới dạng tự thuật, bút ký... của những nhà văn đã tham gia phong trào NVGP như Phùng Quán, Phùng Cung, Hữu Loan, Hoàng Cầm... và hồi ký Trần Dần (Văn Nghệ, Califormie, 2001). Những tư liệu này góp phần làm sáng tỏ thêm về NVGP, giúp các nhà nghiên cứu sau này có thể xây dựng lại bối cảnh toàn diện của phong trào tranh đấu cho tự do sáng tác độc đáo trong lịch sử văn học Việt Nam thế kỷ XX.

Ngày 13/4/1999, trong dịp nhà thơ Lê Đạt sang Pháp lần thứ nhì, chúng tôi đã đề nghị ghi âm ông, mong ông soi rõ những chỗ chưa được các tài liệu trước nói đến, hoặc nói sai. Buổi nói chuyện -được thu thanh với chủ đích giữ lại làm tài liệu văn học sử- vừa mang tính cách cá nhân, vừa có tính cách hệ thống về phong trào NVGP. Chúng tôi đã đồng ý với nhà thơ là sẽ chỉ công bố tài liệu sau khi ông qua đời, bởi lúc đó ông cho biết, ông không có ý định viết hồi ký. Đầu năm 2004, nhân dịp kỷ niệm 50 năm trận Điện Biên Phủ 1954-2004, chúng tôi dự định làm một chương trình đặc biệt kỷ niệm 50 năm phong trào NVGP (nếu coi 1954 như thời điểm manh nha sự gặp gỡ giữa các văn nghệ sĩ chủ trương phong trào), vì vậy đã cố gắng liên lạc với nhà thơ Lê Đạt qua điện thoại viễn liên Paris-Hà Nội, nhưng không thể thực hiện một cuộc phỏng vấn mới, bởi chỉ qua vài lời đối thoại là đường dây bị nhiễu ngay. Sau nhiều tháng phân vân, cuối cùng, với sự đồng ý của nhà thơ Lê Đạt, chúng tôi quyết định phát thanh trên RFI, toàn bộ buổi nói chuyện thu thanh ngày 13/4/1999 tại Paris, do đó mà tập tài liệu văn học sử này đến với người nghe và người đọc sớm hơn dự tính.

Đây là lần đầu tiên, một tư liệu trực tiếp qua lời thuật của một thành viên cột trụ trong NVGP được công bố. Bên cạnh nhân chứng của Lê Đạt, còn có nhân chứng của hai nhân vật chủ chốt khác trong phong trào, đó là buổi phỏng vấn ngắn nhà chính trị và văn hoá Nguyễn Hữu Đang, ghi âm qua điện thoại viễn liên Paris-Hà Nội tháng 8/1995, nhân dịp chúng tôi hỏi ông về việc ông tổ chức ngày lễ Độc Lập 2/9/1945. Đây là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng có thể ghi âm được ông Nguyễn Hữu Đang. Tất cả những cố gắng về sau đều vô hiệu: bởi chỉ nói vài câu là đường dây điện thoại bị nhiễu ngay. Những buổi nói chuyện với nhà thơ Hoàng Cầm được ghi âm tản mạn trong khoảng thời gian từ 1995 đến 2000, và truyền thanh trên RFI, trong những dịp khác nhau. Các bạn sẽ lưu ý thấy sự trả lời của Nguyễn Hữu Đang, Hoàng Cầm qua điện thoại viễn liên Paris-Hà Nội, không đạt mức độ tự do triệt để như trường hợp trò chuyện

trực tiếp với Lê Đạt ở Paris. Nhưng tựu trung cả ba chứng nhân cùng đồng quy ở điểm nói thẳng, nói thật cho nên có những câu hỏi cùng đặt ra cho Hoàng Cầm và Lê Đạt ở những thời điểm và hoàn cảnh khác nhau nhưng những câu trả lời gần giống nhau. Phần phát biểu của nhà thơ Lê Đạt, cho đến nay, là chứng từ quan trọng và đầy đủ nhất về lịch sử NVGP.

\*

Hoàng Văn Chí, tức Mạc Định, soạn giả Trăm hoa đua nở trên đất Bắc (Mặt Trận Tự Do Văn Hoá xuất bản tại Sài Gòn) cho biết: "*Ở Hà Nội ra đi đầu năm 1955, tôi đã hẹn với các bạn ở lại là hễ có dịp sẽ nói lên tiếng nói của họ*", "*Tôi làm việc một mình*", "*Tôi liên lạc được với một ủy viên trong Ủy ban kiểm soát đình chiến. Họ đi Hà Nội như đi chợ. Mỗi tuần họ cấp về Sài Gòn cho tôi tất cả báo chí xuất bản ở Hà Nội*", "*Tôi làm việc trong hai năm 56-58*". "*Bộ Thông tin và nói chung, chính quyền Sài Gòn không hề giúp. Lý Trung Dung đến chào Bộ Thông tin, yêu cầu mua cho một số, nhưng chẳng mua một cuốn nào*". "*Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hoá ở Việt Nam là một chi nhánh của một tổ chức quốc tế, tên là Congress for Cultural Freedom, trụ sở trung ương ở 104 boulevard Haussmann, Paris. Bác sĩ Lý Trung Dung làm chủ tịch. Tội nghiệp, chỉ vì làm chủ tịch Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hoá mà phải đi cải tạo đến nay (1986) chưa được thả*". "*Trước khi đưa in, Lý Trung Dung nghe nói có người gần ông Diệm ngờ rằng tôi soạn cuốn Trăm Hoa Đua Nở là có ý xúi dục trí thức miền Nam bắt chước trí thức miền Bắc nổi lên chống lại chế độ. Vì vậy nên Lý Trung Dung bàn với tôi nên để bút hiệu Mạc Định là soạn giả. Chỉ ký tên Hoàng Văn Chí vào bài Tựa*" (Phỏng vấn cụ Hoàng Văn Chí, Từ Nguyên thực hiện, bán nguyệt san Tự Do số 50, ngày 16/11/1986, phát hành tại Bỉ).

Hoàng Văn Chí đã nói rõ lý do và điều kiện ra đời của tập THĐNTĐB. Nhưng tại sao Hoàng Văn Chí lại đặc biệt lưu ý đến phong trào NVGP? Ai là những người "ở lại" mà Hoàng Văn Chí đã hứa sẽ nói lên tiếng nói của họ? Nếu tìm sâu hơn về liên hệ gia đình giữa Hoàng Văn Chí và Phan Khôi, có thể chúng ta thấy câu trả lời: Sở Cuồng Lê Dư có ba người con gái - và vì bà Lê Dư là em ruột Phan Khôi- cho nên ba cô này là cháu ruột Phan Khôi. Cô đầu gả cho Vũ Ngọc Phan, cô thứ nhì lấy Hoàng Văn Chí và cô út là vợ Trương Nguyễn Sơn. Riêng nữ sĩ Hằng Phương, vợ nhà phê bình Vũ Ngọc Phan, đã viết bài đả kích thậm tệ NVGP. Và rất có thể, người em ruột Hằng Phương, tức bà Hoàng Văn Chí, là một trong những động cơ thúc đẩy Hoàng Văn Chí thu thập tài liệu và viết về NVGP.

Tác phẩm của Hoàng Văn Chí, cho đến nay vẫn là tác phẩm hoàn chỉnh nhất về phong trào. Phần lớn những tác nhân chính đều có mặt, với một tiểu sử khá chính xác và những bài viết tiêu biểu của họ trong thời kỳ NVGP. Nhược điểm duy nhất: vì không phải là người trong cuộc, và ông đã rời miền Bắc từ đầu năm 1955, khi phong trào mới manh nha, cho nên có những điểm sai mà ngày nay qua chứng nhân của những người trong cuộc, chúng ta có thể đính chính lại được.

Tập tài liệu tựa đề Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước toà án dư luận do Nxb Sự Thật (nay là Nxb Chính Trị Quốc Gia), in tháng 6, năm 1959, tại Hà Nội, là cuốn sách tập hợp những bài viết hoặc diễn văn tố cáo, lên án, buộc tội NVGP. Cuốn sách có một chương nhỏ, in lại "*những lời thú tội*" của các thành viên NVGP, còn toàn thể dành cho phía công tố "phát hiện tội", với những lời lẽ vô cùng khiếm nhã, khó thể mường tượng được, từ miệng, hoặc từ ngòi bút của giới được gọi là "*trí thức văn nghệ sĩ*" đối với các đồng nghiệp và bạn hữu của mình đã tham gia NVGP. Nó ghi lại một thời kỳ mà nhân cách con người đã đạt tới đáy sâu của sự tha hoá. Tập tài liệu dày 370 trang này còn hữu ích về mặt lịch sử và văn học sử, nó mở ra nhiều khía cạnh của vấn đề NVGP: về tầm vóc của phong trào, về không khí đàn áp thời đó, về mức độ khốc liệt của lớp đấu tranh Thái Hà mà sau này, nhà thơ Lê Đạt sẽ mô tả một cách tường tận. Những bài luận tội có tính cách hạ nhục NVGP của 83 văn nghệ sĩ, và các đoàn thể, báo chí, nhân dân cũng như các vị trong ban chấp hành trung ương Đảng, với những tên tuổi như: Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi, Phạm Huy Thông, Trần Hữu Tước, Đặng Thai Mai, Nguyễn Huy Tưởng, Hồng Cưng, Nguyễn Văn Bổng, Hoài Thanh, Hoàng Trung Thông, Hồ Đắc Di, Vũ Đức Phúc, Quang Đạm, Bằng Sĩ Nguyên, Ngụy Như Kontum, Hằng Phương, Lương Xuân Nhị v.v...

phản ảnh rất rõ nhân cách của người tố. Ví dụ cách viết của Nguyễn Huy Tường, Đặng Thai Mai, không giống cách viết của Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi, Phạm Huy Thông... Cho nên, có thể nói, chính với những "văn bản tố", các tác giả đã để lại nhân cách trí thức của mình trong ký ức dân tộc. Sau cùng nhờ cách sắp xếp thứ tự "những tên đầu sỏ" trong cuốn sách mà chúng ta biết được thứ tự "tội" nặng, "tội" nhẹ, cùng hoạt động của mỗi người.

### Hành trình Nhân Văn Giai Phẩm

Với những tư liệu và nhân chứng hiện hành, ngày nay chúng ta có thể tóm tắt lịch trình hoạt động của phong trào NVGP như sau:

Tháng 3/1955, trong quân đội, nổi lên một phong trào tranh đấu do Trần Dần, Tử Phác chủ trương (với sự cộng tác của Lê Đạt, Hoàng Cầm và các văn nghệ sĩ khác...): Một mặt, lên tiếng phê bình tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu. Một mặt, đưa ra đề nghị cải cách chính sách văn nghệ trong quân đội, chủ yếu đòi trả quyền lãnh đạo văn nghệ về tay văn nghệ sĩ.

Tố Hữu viết:

"Cuộc tấn công vào chế độ ta và Đảng ta đã bắt đầu trên mặt trận văn nghệ từ đầu năm 1955, ngay khi hoà bình vừa lập lại.

Trong khi bọn gián điệp còn giấu mặt chờ đợi thời cơ, và bọn tò-rót-kít Trương Tửu, Trần Đức Thảo tích cực chuẩn bị lực lượng ở trường Đại học, thì bọn Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt, hai tên phản Đảng ẩn nấp trong báo Văn Nghệ của Hội Văn Nghệ cùng bọn Trần Dần, Tử Phác cũng là những tên phản Đảng trong phòng Văn nghệ quân đội, đã kết thành một bè phái chống Đảng trong Văn nghệ.

Như lời thú nhận của Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm, cuộc phê bình tập thơ Việt Bắc là do cái bè phái ấy sắp đặt, để đánh vào sự lãnh đạo và đường lối văn nghệ của Đảng, đường lối phục vụ chính trị cách mạng, phục vụ công nông binh, và để đề xướng cái "điều tâm hồn" ruồng nát của chủ nghĩa cá nhân tư sản, mở cửa cho lối sống tự do sa đọa.

Đương nhiên cái "điều tâm hồn" ấy của Lê Đạt xướng lên không thể nào hoà được với cái điều lớn của cách mạng, và cũng rất tự nhiên nó chỉ hoà được với "tiếng sáo tiền kiếp" lóc gân của tên mặt thám Trần Duy.

Cũng lúc ấy, bọn Trần Dần, Tử Phác -những đứa con hư hỏng của Hà nội cũ- nay lại trở về với "cảnh cũ người xưa" bỗng cảm thấy đời sống trong quân đội "ngheet thờ", chỉ vì thiếu cái tự do trở lại đời sống truy lạc cũ. Đối với chúng, đời sống trong quân đội cách mạng chỉ còn là "những sợi dây xích trời buộc phải phá mà ra". Được thêm thêm ít nhiều chất phản động của Hồ Phong, Trần Dần gióng lên "tiếng trống tương lai" chửi cán bộ chính trị là "người bệnh", "người ròi", "người ự". Cùng Tử Phác, khiêu khích những anh em khác, hấn tổ chức một cuộc đấu tranh "buộc lãnh đạo thực hiện mọi yêu cầu" của họ.

Họ đòi thực hiện những gì? "Trả quyền lãnh đạo văn nghệ về tay văn nghệ sĩ. Thủ tiêu chế độ chính trị viên trong các đoàn văn công quân đội. Thủ tiêu mọi chế độ quân sự hiện hành trong văn nghệ quân đội. Thành lập trong quân đội một chi Hội văn nghệ trực thuộc Hội văn nghệ, không qua Cục Tuyên Huấn và Tổng Cục Chính Trị". Tóm lại là thủ tiêu sự lãnh đạo của Đảng và kỷ luật của quân đội đối với họ" (Tố Hữu, Nhìn lại 3

năm phá hoại của nhóm "Nhân Văn-Giai Phẩm", BNVGPTTADL, trang 22-24). Vì vụ việc này, Trần Dần bị giam trong trại tù 13/6 đến 14/9 để kiểm thảo. Trong thời gian bị giam, Trần Dần viết trường ca Nhất định thắng mà Hoàng Cầm và Lê Đạt đều có bản thảo.

Cùng thời điểm đó, báo Nói Thật của Hoàng Công Khanh trích đăng bài "Sự chia tay giữa văn nghệ và chính trị" của Lỗ Tấn.

Nhưng phải đến tháng 2 năm 1956, phong trào mới chính thức công khai, với sự xuất hiện của Giai phẩm mùa xuân, do Hoàng Cầm và Lê Đạt chủ trương, đăng các tác phẩm



Nguyen Sang



của Trần Dần, Văn Cao, Sĩ Ngọc, Tử Phác, Phùng Quán, Nguyễn Sáng, Tô Vũ... Giai phẩm mùa xuân, ngoài bài Nhất định thắng của Trần Dần xem như cái sườn chính, còn có bài thơ Ông bình vôi của Lê Đạt, và Cái chổi quét rác rưởi của Phùng Quán. Lúc đó, Trần Dần và Tử Phác, đang tham gia cải cách ruộng đất tại Bắc Ninh, và theo Hoàng Cầm thì Trần Dần không hề biết việc đăng bài thơ Nhất định thắng. Bài thơ của Trần Dần đã gây tai họa cho nhà thơ và tờ giai phẩm. Báo vừa phát hành, Lê Đạt bị gọi ngay lên Tuyên huấn để kiểm thảo. Giai phẩm mùa xuân bị tịch thu. Trần Dần và Tử Phác bị bắt. Bị giam ba tháng tại Hoả lò Hà Nội, Trần Dần cửa cổ tự vận, nhưng không chết.

Hồng Cương viết: "*Nhân cơ hội đó, tất cả các lực lượng đối lập với chủ nghĩa xã hội đều ngóc đầu dậy chống lại sự lãnh đạo của Đảng và chính phủ. Bọn phản động trong Công Giáo hành động phá rối trật tự ở Nghệ An, Nam Định v.v...*" (sđd, trang 17).

Tuy vậy, nhà cầm quyền miền Bắc vẫn chưa có thái độ dứt khoát với những người làm Giai phẩm mùa xuân.

Ngày 26/5/1956, Mao Trạch Đông phát động phong trào "*Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng*".

Ngày 28/6/1956, Ba Lan nổi dậy. Theo chính sách của Tàu, Đảng Lao động (tiền thân của đảng Cộng sản) cũng nới rộng chính sách văn hóa chính trị: Tháng 8/1956, Hội Văn Nghệ đứng ra tổ chức lớp 18 ngày, học tập dân chủ trong văn nghệ, học tập chống tệ sùng bái cá nhân (Staline) của Liên Xô. Trong lớp học này, sự phê phán chính sách văn nghệ của nhà nước khá mạnh mẽ, đặc biệt Nguyễn Hữu Đang đứng ra đọc bài tham luận "*nảy lửa*" chỉ trích đường lối văn nghệ của Đảng.

Ngày 29/8/1956, Giai Phẩm Mùa Thu (tập I) ra đời, có bài Phê bình lãnh đạo văn nghệ của Phan Khôi, Bệnh sùng bái cá nhân trong lãnh đạo văn nghệ của Trương Tửu...

Ngày 15/9/1956, báo nguyệt san Nhân Văn số 1, do Hoàng Cầm, Lê Đạt, Nguyễn Hữu Đang, Trần Duy, chủ trương, với Phan Khôi chủ nhiệm và Trần Duy thư ký toà soạn, ra đời với những bài chủ chốt: Con người Trần Dần của Hoàng Cầm, bài thơ Nhân câu chuyện mấy người tự tử của Lê Đạt, và bức tranh Nguyễn Sáng vẽ Trần Dần với vết sẹo trên cổ...

30/9/1956 Nhân Văn số 2.

8/10/1956 tái bản Giai Phẩm Mùa Xuân.

15/10/1956 Nhân Văn số 3, đăng bài Nỗ lực phát triển dân chủ của Trần Đức Thảo...

Cuối tháng 10/1956, Giai phẩm mùa thu (tập II) ra đời, có những bài Những người khổng lồ của Trần Duy, Chống tham ô lãng phí của Phùng Quán, "*Cũng những thằng nịnh hót*" của Hữu Loan...

Đồng thời ở đại học, các giáo sư Trương Tửu, Trần Đức Thảo... huy động sinh viên cho ra tờ Đất Mới số 1, với Phùng Quán, Bùi Quang Đoài... Đất Mới ra được một số thì bị đình bản.

Hồng Cương viết: "*Sự chống đối của chúng không còn tính chất văn nghệ nữa mà đã trở thành một cuộc chống đối về chính trị công khai. Nhóm Giai Phẩm chống Đảng về văn nghệ đã biến thành nhóm phá hoại chính trị trắng trợn "Nhân Văn-Giai Phẩm". (...) Từ Nhân Văn số 4 trở đi (...) thì chúng đã chuyển hẳn sang chống đối về chính trị, kích động quần chúng biểu tình chống lại Đảng và chính phủ ta nhân lúc Quốc Hội ta đang họp.*" (sđd, trang 18-19).

05/11/1956 Nhân Văn số 4, đăng bài Thành thật đấu tranh cho tự do dân chủ của Trần Duy, Con ngựa già của chúa Trịnh của Phùng Cung...

10/11/1956 Hungary nổi dậy.

20/11/1956 Nhân Văn số 5, đăng bài Bài học về Ba-lan và Hun-ga-ri của Lê Đạt, ký tên Người quan sát, bên cạnh bài xã luận Hiến pháp Việt nam 1946 và Hiến pháp Trung hoa của Nguyễn Hữu Đang. Thi sĩ máy của Như Mai...

Tháng 11/1956 Giai phẩm mùa thu tập III đăng bài Văn nghệ và chính trị của Trương Tửu, Muốn phát triển học thuật của Đào Duy Anh...

Tháng 12/1956 Giai phẩm mùa đông, đăng bài Nội dung xã hội và hình thức tự do của Trần Đức Thảo; đăng tiếp Văn nghệ và chính trị của Trương Tửu...

09/12/1956, Hồ Chí Minh ký sắc lệnh bãi bỏ quyền tự do báo chí.

15/12/1956, Lệnh đóng cửa Nhân Văn, số 6 đang in, bị chặn lại.

Từ 20 đến 28/2/1957, Đại hội văn nghệ lần thứ hai họp tại Hà Nội với gần 500 đại biểu, Trường Chinh kêu gọi đấu tranh "đập nát" phong trào NVGP.

Tuy vậy, Đảng Lao Động vẫn giữ thái độ tương đối hòa hoãn với văn nghệ sĩ, bởi vì bên Trung Quốc vẫn còn đang tiếp tục phong trào "trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng", cho nên đến đầu tháng 4/1957 Hội Nhà Văn chính thức được thành lập (trước đây là Hội Văn nghệ), Tô Hoài làm Tổng thư ký, kiêm giám đốc nhà xuất bản Hội Nhà Văn và một số thành viên cũ của Nhân Văn như Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh vẫn được bầu vào ban chấp hành. Ngày 10/5/1957, hội cho ra tuần báo Văn, với Nguyễn Công Hoan (chủ bút), Nguyễn Tuân (phó chủ bút), Nguyễn Hồng (tổng thư ký). Ban đầu báo Văn cũng đi theo đường lối chính thống. Nhưng khi trên báo Học Tập (của đảng) Thế Toản lên tiếng chê báo Văn "nghèo nàn", "xa rời thực tế cách mạng", Nguyễn Hồng trả lời trên báo Văn số 15 (16/8/1957), phê bình Thế Toản là "quan liêu", "trịch thượng", Văn dần dần thay đổi thái độ, chẳng bao lâu một số cây bút cũ trong NVGP lại thấy xuất hiện trên báo Văn. Văn số 21(27/9/1957) đăng bài thơ Lời mẹ dặn của Phùng Quán, số 24, đăng kịch thơ Tiếng hát của Hoàng Cầm, số 28 (15/11/1957), đăng bài Hãy đi mãi của Trần Dần. Số 30 (29/11/1957) in hý hoạ của Trần Duy chế giễu chế độ văn nghệ của Đảng. Cuối năm 1957, Mao Trạch Đông hạ lệnh đánh phái hữu. Theo Hoàng Cầm: Huy Cận và một người nữa được cử đi học tập ở Trung Quốc trở về: Đảng liền thay đổi đường lối, chủ trương đàn áp mạnh hơn. Tờ Văn bị đóng cửa vì số 36(10/1/1958), có đăng bài Ông Năm Chuột của Phan Khôi.

Để "trừ khử nạn độc Nhân Văn", Đảng tổ chức hai lớp học tập đấu tranh chống "bọn NVGP" ở Thái Hà Ấp, mà tài liệu chính thức gọi là hai cuộc "hội nghị":

"Đầu năm 1958, có hai cuộc hội nghị của anh chị em công tác văn nghệ, nghiên cứu nghị quyết của Bộ Chính Trị Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam, kết hợp với hai bản Tuyên Ngôn và Tuyên Bố của hội nghị các Đảng Cộng Sản và các Đảng Công Nhân họp ở Mạc Tư Khoa cuối năm 1957. Hội nghị đầu, tháng 2 năm 1958, gồm 172 người dự. Hội nghị sau, tháng 3 năm 1958, gồm 304 người dự.

Qua hai cuộc hội nghị ấy, tất cả những "nhân vật" bị ỉn đã được phát hiện (...) Cái ổ chuột "Nhân Văn- Giai Phẩm" bị vạch trần trước ánh sáng của dư luận.

Qua sự phát hiện của hai cuộc hội nghị nói trên, chúng ta được biết nhóm phá hoại "Nhân Văn Giai Phẩm" bao gồm những tên đầu sỏ, những "cây bút" đã viết "hoặc nhiều hoặc ít" cho "Nhân Văn Giai Phẩm" như:

Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiểu Bảo, Trương Tửu, Trần Đức Thảo, Phan Khôi, Trần Duy, Trần Dần, Lê Đạt, Tử Phác, Đặng Đình Hưng, Hoàng Cầm, Sĩ Ngọc, Chu Ngọc, Văn Cao, Nguyễn Văn Tý, Phùng Quán, Hoàng Tích Linh, Trần Công, Trần Thịnh, Phan Vũ, Hoàng Huê, Huy Phương, Vĩnh Mai, Như Mai tức Châm Văn Biếm, Hữu Thung, Nguyễn Khắc Dực, Hoàng Tố Nguyên, Hoàng Yến, Thanh Bình, Yến Lan, Nguyễn Thành Long, Trần Lê Văn, Lê Đại Thanh v.v... Nhưng đó không phải là tất cả (còn những tên

chưa ra mặt). Và cũng không phải tất cả những "cây bút" trên đây đều có những hành động phá hoại giống nhau, hoặc phá hoại với những mức độ giống nhau. Có bọn đầu sỏ, có bọn phụ hoạ..." (sđd, trang 309-310).

Những tên tuổi trên đây có lẽ đã không xếp đặt một cách tình cờ mà theo một trật tự "tội" nặng, nhẹ, đã được thẩm định từ trước.

Theo Lê Đạt, thực chất hội nghị đầu là dành cho 172 đảng viên, đi để học tập cách "phát hiện" và tố giác, để chuẩn bị cho hội nghị sau (gồm 304 người, cả đảng viên lẫn quần chúng và những người ngoài đảng tham gia NVGP), dốc toàn lực đấu tranh chống NVGP.



Phùng Quán

"*Trận chiến đấu chống bọn phá hoại NVGP*" đã kết thúc bằng hội nghị của ban chấp hành hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam, họp lần thứ ba tại Hà Nội ngày 4/6/1958 với bài báo cáo tổng kết của Tố Hữu, và Nghị quyết của của ban chấp hành hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam lên án "bọn" NVGP. Ngày 5/6/1958, tại Hà Nội, hơn 800 văn nghệ sĩ thảo luận nghị quyết gọi là "*Nghị quyết của 800 văn nghệ sĩ*" phụ họa với nghị quyết của Hội Liên hiệp. Sau đó trong tuần lễ từ 21/6 đến 3/7/1958, các ban chấp hành Hội Nhạc sĩ, Hội Mỹ thuật, Hội Nhà văn, lần lượt thi hành các biện pháp kỷ luật đối với các thành viên của Hội đã tham gia NVGP:

Hội Nhà văn khai trừ Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh ra khỏi ban chấp hành.

Hội Mỹ Thuật, cảnh cáo Sĩ Ngọc, "*chấp nhận cho Sĩ Ngọc và Nguyễn Sáng rút khỏi ban chấp hành*".

Hội Nhạc Sĩ "*chấp nhận cho Văn Cao, Nguyễn Văn Tý rút khỏi ban chấp hành*".

Cả ba hội quyết định:

- *Khai trừ Phan Khôi, Trương Tửu, Thụy An ra khỏi Hội Nhà Văn, Trần Duy ra khỏi Hội Mỹ Thuật.*

- *Khai trừ trong thời hạn một năm Hoàng Cầm và Phùng Quán ra khỏi hội nhà văn. Khai trừ ba năm Trần Dần, Lê Đạt ra khỏi Hội Nhà văn, ba năm Tử Phác và Đặng Đình Hưng ra khỏi Hội Nhạc sĩ. Và cảnh cáo một số hội viên khác đã tích cực hoạt động trong nhóm NVGP.*

Đó mới chỉ là biện pháp kỷ luật của các hội văn nghệ đối với các thành viên của hội. Ngoài ra, người ta cũng chỉ biết sơ lược một số dữ kiện khác, như Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Trần Duy, Phùng Cung (bị bắt tháng 5/61)... bị kết án từ 12 đến 15 năm tù. Các giáo sư đại học như Trương Tửu, Trần Đức Thảo, Nguyễn Mạnh Tường, Đào Duy Anh... bị cách chức và bị quản thúc. Còn các biện pháp trừng phạt đối với toàn bộ văn nghệ sĩ, trí thức, sinh viên và quần chúng đã ít nhiều tham gia, đọc, hoặc ủng hộ phong trào NVGP, thì hiện nay chưa có một ước lượng nào gần với sự thật.

### **Mục đích hoạt động của phong trào**

Theo lời buộc tội của Tố Hữu, công tác được "phân phối" như sau:

- Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm hoạt động ở Hội Nhà Văn.

- Trần Duy, Sĩ Ngọc, Nguyễn Sáng ở Hội Mỹ Thuật.

- Chu Ngọc, Hoàng Tích Linh ở Hội Nghệ Sĩ Sân Khấu

- Tử Phác, Văn Cao, Nguyễn Văn Tý, Đặng Đình Hưng ở hội Âm Nhạc.

Tố Hữu cho rằng: Phan Khôi, Trương Tửu, Trần Đức Thảo, là những "*nhà tư tưởng của phong trào*". Thụy An, Nguyễn Hữu Đang liên lạc, huy động và khuyến khích anh em. Trần Thiếu Bảo (chủ nhà in Minh Đức) in các Giai Phẩm, giúp đỡ tiền bạc và phương tiện để phát hành báo Nhân Văn. Nhà in Minh Đức còn là trụ sở của các cuộc họp báo Nhân Văn và Đất Mới.

### **Theo lời buộc tội của Nguyễn Đình Thi, thì chủ trương của NVGP dựa trên 6 điểm:**

1. Cho chủ nghĩa Cộng Sản là không nhân văn, là chà đạp con người. Coi những người cộng sản là chà đạp con người. Coi những người cộng sản là những người khổng lồ không tim (Trần Duy). Văn học xã hội chủ nghĩa là công thức, giả tạo, đẻ ra những thi sĩ máy (Như Mai). Đòi quyền tự do cá nhân, tự do sống đời sống tình cảm riêng tư của mỗi con người: "*Đem bọc công an máy móc đặt giữa tim người. Bất tình cảm ngược xuôi theo luật đi đường nhà nước*" (Lê Đạt).

2. Phản đối chuyên chính, đòi dân chủ, tự do trên mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá. Đả kích mậu dịch, quản lý hộ khẩu, các bộ máy nhà nước. Đòi tự do đối lập.

3. Chống sùng bái cá nhân. Cho sự lãnh đạo của Đảng là Đảng trị, là độc đoán, mâu thuẫn với quyền lợi căn bản của con người. Bài Ông bình vôi của Lê Đạt có những câu:

*"Những kiếp người sống lâu trăm tuổi*

*Y như một cái bình vôi  
Càng sống càng tồi  
Càng sống càng bé lại."*

4. Đề cao chủ nghĩa quốc gia, tư sản, đả kích Liên xô, cho sự giáo dục con người ở Liên xô là rập khuôn, văn học nghệ thuật Liên xô là công thức.

5. Chống chính sách cải cách ruộng đất.

*(Xin mở ngoặc: Ngày 30/10/1956, trước Mặt Trận Tổ Quốc Hà Nội, luật sư Nguyễn Mạnh Tường đọc bài diễn văn quan trọng tựa đề "Qua những sai lầm trong cải cách ruộng đất, xây dựng quan điểm lãnh đạo", nội dung phân tích những sai lầm của chế độ, đi từ sai lầm cải cách ruộng đất ở thôn quê, sang sai lầm trong chế độ mậu dịch ở thị thành, đến chính sách kinh tế mang tính cách bóc lột. Ông truy nguyên nguồn gốc những sai lầm và trình bày những nguyên tắc mới để sửa sang lại guồng máy luật pháp, chính trị, văn học, kinh tế).*

6. Về văn nghệ, chủ trương phát triển "trăm hoa đua nở trăm nhà đua tiếng". Chối bỏ sự lãnh đạo của Đảng, nêu cao khẩu hiệu "trả lại văn nghệ cho văn nghệ sĩ".

*(6 điểm kê khai theo bài tố cáo của Nguyễn Đình Thi, sđd, trang 114)*

Những nguy cơ sụp đổ chế độ cũng được bàn đến, Hồng Cương viết:

"Hạ được tập thơ Việt Bắc và hạ được Tố Hữu xuống là hạ được cả giá trị văn nghệ kháng chiến xuống và hạ được sự lãnh đạo văn nghệ của Đảng và Chính phủ xuống. (...) Chúng vu khống chế độ ta là cộng sản thời trung cổ (communisme du moyen âge), là cộng sản phong kiến (communisme féodal), chế độ ta là cộng sản suy đồi (dégénérescence du communisme), chúng xuyên tạc và nguyên rủa chính huân của ta là đồi trụy tinh thần (avilissement de l'esprit), là nô dịch hoá tư tưởng (esclavage de la pensée). Chúng chế giễu chính sách đả ngộ của ta là "bồng lộc" vua ban, huân chương của ta là "mề đay" của đế quốc. Không khác gì Phan Khôi đã ví chế độ ta với một triều đại phong kiến nào đó." (Hồng Cương, sđd, trang 128, 129).

Chính Hữu trong bài tố cáo Lê Đạt, nói đến cái họa Nhân Văn số 5: "... Lê Đạt đã viết "Bài học về Ba-lan và Hung-ga -ri" trong Nhân Văn số 5, ký tên "Người quan sát" đăng ngay bên cạnh bài xã luận kích động quần chúng của Nguyễn Hữu Đang "Hiến Pháp Việt Nam 1946 và Hiến pháp Trung Hoa", trong đó có những đoạn nói đến quyền công dân được tổ chức biểu tình tuần hành thị uy. Bài của Lê Đạt đưa ra những nhận định nguy hiểm cho tình hình nước ta lúc đó: "... Nhưng tốc độ và mức độ sửa chữa không kịp với đòi hỏi của tình thế và yêu cầu của quần chúng nên càng thúc đẩy sự công phần và phong trào đấu tranh tự phát của quần chúng..." Hai bài báo đó là những lời kêu gọi làm loạn. Đạt và nhóm Nhân Văn đã hỗn xược buộc Đảng và chính quyền ta phải chọn lấy một trong hai con đường: hoặc "lập tức" mở rộng tự do dân chủ, để cho chúng và bọn thù địch khác phá hoại, và cải thiện "ngay" sinh hoạt cho nhân dân, nếu không quần chúng sẽ biểu tình." (Chính Hữu, sđd, trang 130, 131).

### **Những người xây dựng nên phong trào**

Nhiều người đã khuất, thế hệ trẻ ngày nay ít ai biết rõ về con người, về những hoạt động của họ. Những nhà văn mà Hoàng Văn Chí ghi lại tiểu sử và tác phẩm trong cuốn THĐNTĐB, được nhiều người biết đến hơn. Qua những bài buộc tội trong tập tài liệu BNVGPTTADL, chúng ta cũng có thể biết thêm được về tư tưởng và hành động của mỗi cá nhân và "tội trạng" nặng nề của mỗi người.

**Thụy An** là người phụ nữ duy nhất - ở trong hay ở ngoài phong trào - bị kết án là "gián điệp". Bà là một trường hợp đặc biệt, theo Lê Đạt và Nguyễn Hữu Đang, bà không ở trong NVGP, vậy mà tên bà được nêu lên hàng đầu trong "hàng ngũ phản động" với nhãn hiệu "*Con phù thủy xảo quyệt*" và những lời lẽ độc địa nhất dành cho bà: "*Như vắt người thấy máu, Thụy An như rắn bò tới các câu lạc bộ Hội Nhà văn phun nọc độc mạt sát chế độ ta bản cùng hoá nhân dân*" (Bàng Sĩ Nguyên, sđd, trang 120).

**Vụ án Thụy An có phải là một vụ án chính trị? Hay là một sự quy kết oan uổng? Lê Đạt sẽ soi tỏ một số nghi vấn chung quanh sự kiện này.**

Trước hết Thụy An là ai? Thụy An tên thật là Lưu Thị Yến. Cho đến nay chúng ta chỉ biết sơ về bà qua những gì Vũ Ngọc Phan đề cập đến trong Nhà văn hiện đại : Là một nhà thơ, nhưng bà là người đi tiên phong trong địa hạt tiểu thuyết với cuốn Một linh hồn (1943). Nhà phê bình họ Vũ nhận định: "*Một linh hồn đáng kể là cuốn tiểu thuyết xuất sắc nhất của phụ nữ Việt Nam từ trước đến nay, tác giả đã giàu tưởng tượng, truyện lại xây dựng một cách vững vàng, chắc chắn*". Bà đã từng làm chủ nhiệm những tờ Đàn Bà Mới (Sài Gòn), Phụ Nữ Tân Văn (Sài Gòn), và Đàn Bà (Hà Nội). Là phóng viên chiến tranh, bà đã tham dự nhiều cuộc nhảy dù ra mặt trận để cung cấp tài liệu cho báo chí. Bà đã nắm chức quyền giám đốc Việt Tấn Xã.

Mới đây chúng tôi liên lạc với nhà văn kiêm nhà báo Bùi Thụy Băng, con trai thứ nhì của Thụy An, hiện làm chủ nhiệm kiêm chủ bút nguyệt san Atlanta Việt báo, ông vừa hoàn tất tập tài liệu "*Thụy An, 1945, 1954, 1975*". Qua Bùi Thụy Băng, chúng tôi được biết thêm những chi tiết sau đây: Lưu Thị Yến sinh năm 1916 tại Hà Nội, là con ông bà Lưu Tiến Ích và Phùng Thị Tôn, quê gốc làng Hoà Xá, quận Văn Đình, tỉnh Hà Đông. Thửa nhỏ học trường Hàng Cốt, Hà Nội. Năm 1929, 13 tuổi, Yến đã được đăng thơ trên tờ Nam Phong. 16 tuổi được giải thưởng văn chương của Triều đình Huế. Vào khoảng 1930-32, cô Yến được cha mẹ cho học tư thêm với một ông thầy người Quảng Bình. (Trong điện thư ngày 15/9/2004, ông Bùi Thụy Băng cho biết: "*Người thầy giáo đề cập ở đây là Tướng Võ nguyên Giáp. Năm 1930, ông ngoại của tôi đã mượn người thầy giáo sử địa Võ Nguyên Giáp về nhà kèm má tôi học. Năm 1933, má tôi theo thầy vô Nam - có thể đề đi sang Pháp. Nhưng má tôi lại gặp ba tôi ở Sài Gòn và hai người lấy nhau*"). Và trong bài tiểu sử Thụy An, Bùi Thụy Băng viết:

"Ông thầy giáo trẻ ấy đã bị trò Yến cùng các bạn trêu chọc là "Anh đồ Nghệ". Hơn thế, Yến còn làm thơ nhạo báng di dôm:

*...Khéo ghét anh đồ xứ Nghệ  
Hơn mình mấy tí tuổi đầu  
(trích "Sao lại mùa thu" của Thụy An)  
(...)*

Hơn thế nữa, chính người thầy giáo trẻ ấy lại là một chiến sĩ hoạt động trong bóng tối. Chúng ta hãy lắng nghe lời thơ giới thiệu của Thụy An về người anh hùng đó:

*... Hung hãn vọng vào tiếng bể  
Hờn căm rít ngọn gió Lào  
Anh mang trùng dương giận dữ  
Anh mang hoang dại khô khan.  
và như:  
Mắt anh hùng trí bốn phương  
Tay run nắm hồn dân tộc  
Tóc xòa vương hận núi sông  
Môi bậm tay tai nghe rên xiết  
Áo cơm dọ dươi cùm gông!...*

Thật sự, Thụy An đã hấp thụ tư tưởng cách mạng qua Thầy đồ Nghệ

*... Rồi anh bắt đầu dẫn dắt  
Dạy em khui lửa bất bình  
Oán hận réo sôi lòng đất  
Công lý tù đầy uất uất  
Miếng cơm nghẹn họng nhân sinh...*

(*Sao lại mùa thu*).  
(*Trích tiểu sử Thụy An, do Thụy Băng viết*).

Người chồng của Thụy An là giáo sư Bùi Nhung, em ruột ông Bùi Kỳ và bà Trần Trọng Kim. Bùi Nhung có bút hiệu là Băng Dương. Thụy An sinh được 6 người con: An Dương (1934), Thụy Băng (1937), Thu Linh (38), Dương Chi (39), Ngọc Trinh (43) và Châu Công (45). Ông Bùi Nhung hai lần làm giám đốc đài phát thanh Hà Nội từ 48-49, và 51-52; rồi giám đốc đài phát thanh Hải Phòng năm 1954. Thời gian này, Thụy An - Băng Dương đã ly hôn, và người ta nói đến người chồng thứ nhì của bà là ông Đỗ Đình Đạo, theo Việt Nam Quốc Dân Đảng cùng cái chết có nhiều nghi vấn của ông Đỗ Đình Đạo.

Trong thời kỳ NVGP, Phan Khôi nhận Thụy An là con nuôi. Theo cả hai bên nhân chứng, buộc tội cũng như bên vực, thì bà thường xuyên ra vào các hội văn nghệ, bà đã có ảnh hưởng không nhỏ đối với một số văn nghệ sĩ tham gia NVGP. Bà liên lạc, nâng đỡ tinh thần, tích cực giúp đỡ anh em Nhân Văn, đặc biệt gia đình Lê Đạt. Theo Lê Đạt và Nguyễn Hữu Đang thì Thụy An không viết gì cho báo Nhân Văn. Nhưng có thể Thụy An viết cho vài báo khác, vì Vũ Đức Phúc trong bài tố cáo, có nói đến "những nhân vật như một anh nghiện hút, ăn cắp (trong "*Ông Năm Chuột*" của Phan Khôi), một con đĩ, một tên ăn cướp (trong "*Bích-xu-ra*" của Thụy An), một tên viết gian cao cấp, một tên sĩ quan trong quân đội địch trung thành với đế quốc (trong "*Trường hợp tông quân của thiếu úy Lâm*" cũng của Thụy An), lại trở thành những người đáng thương, đáng yêu, những người yêu nước đáng học tập" (BNVGPTTADL, trang 118). Thụy An bị bắt giam tại Hỏa Lò Hà Nội. Bà đã tự chọc mù một mắt. Con người đã viết những câu thơ "*Tay run nắm hồn dân tộc, tóc xòa vương hận núi sông*" lại một lần nữa ký tên dưới hành động của mình: lần này dưới hai chữ tự do cho dân tộc đã có quyền tự chủ.

Thụy An được thả cùng với Nguyễn Hữu Đang, trong diện "*Đại xá chính trị phạm trong hiệp định Paris*", năm 1973. Vào Nam, năm 1987, bà quy y ở Chùa Quảng Hương Gia Lam và mất năm 1989, tại nhà riêng ở đường Lê Văn Sỹ, Sài Gòn.

Trong "*sổ đoạn trường*", **Nguyễn Hữu Đang**, đứng thứ nhì sau Thụy An. Ông sinh ở Thái Bình, sớm tham gia các phong trào ái quốc. Trước 1942, ông hoạt động trong phong trào Truyền Bá Quốc Ngữ. Năm 1942, khi ảnh hưởng Việt Minh lên cao, ông tham gia Văn Hóa Cứu Quốc. Từ 1954, Nguyễn Hữu Đang liên lạc mật thiết với Trần Thiếu Bảo (sau này là chủ Nxb Minh Đức). Trong thời kỳ toàn quốc kháng chiến, ông đứng ra tổ chức Thanh Niên Xung Phong và sau đó làm Thanh tra Bình dân học vụ. Năm 1947, Nguyễn Hữu Đang chính thức vào Đảng. Nhưng vài năm sau, ông bắt đầu chán nản, tự ý bỏ cơ quan. Năm 1951, ông ly khai Đảng, và từ đó, khi ở Cầu Bó, khi ở Hậu Hiền, ông lên tiếng đả kích đảng, chống đối cách mạng. Vai trò của Nguyễn Hữu Đang trong tờ Nhân Văn sẽ được xác nhận rõ ràng qua lời tường thuật của Lê Đạt. Theo lời buộc tội của Mạnh Phú Tư thì "*Nguyễn Hữu Đang là linh hồn của tờ Nhân Văn, Đang tìm kiếm, kiếm giấy, thu xếp việc ấn loát và viết bài, nhưng lại ký tên người khác, che lấp những nguồn tài chính, những người cung cấp phương tiện bằng hình thức nêu danh những người góp tiền in báo có một nhân lên gấp mười*". (Mạnh Phú Tư, sđd, trang 50). Lê Đạt sẽ trở lại những thông tin này, với cái nhìn của người trong cuộc. Trong bản tự kiểm thảo, Trần Dần cũng đã xác định: "*Nếu không có Đang, không ai có thể tập hợp anh em được. Sẽ không có tham luận với những đề nghị: gặp Trung ương, ra báo... mà cũng sẽ không có tờ Nhân Văn*".

Theo Lê Đạt, Nguyễn Hữu Đang bị bắt trong lúc đang xảy ra lớp đấu tranh Thái Hà, trên đường tìm cách vào Nam.

**Hoàng Cầm, Trần Dần, Lê Đạt**, ba nhà thơ cùng nhạc sĩ Tử Phác, là những người dấy lên phong trào. Tuy vậy Hoàng Cầm dường như vẫn được nhà cầm quyền xử nường nhẹ hơn; vì Hoàng Cầm nổi tiếng từ trước kháng chiến? vì Hoàng Cầm là tác giả những bài thơ hào hùng trong kháng chiến? hay vì Hoàng Cầm có thái độ cam chịu hơn? Do đó Trần Dần, Lê Đạt trở thành hai khuôn mặt nhà thơ "*phản động nhất nước*".

**Hoàng Cầm** sinh năm 1921 tại làng Lạc Thổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Hải Dương. Trước kháng chiến ông đã nổi tiếng với ba vở kịch thơ Viễn khách, Kiều Loan và Lên đường. Trong kháng chiến, thơ Hoàng Cầm càng nổi bật với các bài Đêm Liên Hoan, Tâm sự Đêm Giao Thừa, và trường ca Bên Kia Sông Đuống. Thời kỳ NVGP, Hoàng Cầm là người đầu tiên xin ra khỏi quân đội, cùng với Lê Đạt xây dựng nên các tờ Giai Phẩm và Nhân Văn. Hoàng Cầm giữ vai trò liên lạc và cổ động các văn nghệ sĩ, thúc giục Văn Cao làm thơ cho Giai Phẩm, ông đem bài thơ Nhất định thắng của Trần Dần ra in v.v... Những sáng tác của ông trong thời kỳ này không nhiều, được ghi lại có bài thơ "Em bé lên 6 tuổi" viết về hoàn cảnh đau thương của một em bé con địa chủ, bố bị đấu tố, mẹ bỏ đi Nam:

*"Chị Đội bỗng lùi lại  
nhìn đứa bé mồ côi,  
có tìm vết thù địch,  
chỉ thấy một con người".*

Và vở kịch thơ Tiếng Hát, mượn hình ảnh tiếng hát để nói về nghệ thuật và tự do, để xác định "không thể cưỡng bức được nghệ thuật". Bài viết có tính cách tiêu biểu của Hoàng Cầm trong giai đoạn này là bài "Con người Trần Dần", in trong Nhân Văn số 1, biện hộ cho Trần Dần. Nhưng tác phẩm chủ yếu của ông là Về Kinh Bắc, viết sau Nhân Văn, trong thời gian 57-58, phản ánh ý chí quật cường của nhà thơ trước cơn bão tố dập vùi.

Trần Dần là một trường hợp đặc biệt bất phục tùng và đã chịu sự trù dập nặng nề. Hăng say tham gia kháng chiến, thời kỳ Điện Biên Phủ, ông viết "Người người lớp lớp". Yêu người con gái ở phố Sinh Từ, gia đình đã di cư vào Nam, bất chấp sự ngăn cấm của đảng, Trần Dần vẫn kết hôn với người yêu. Những câu thơ "Tôi bước đi không thấy phố, không thấy nhà, chỉ thấy mưa sa, trên màu cờ đỏ" đã trở thành biểu tượng của một thời.

Bị bắt. Cúsa cổ. Trần Dần biểu dương bị kịch NVGP. Mấy tháng sau, Đảng phát động "trăm hoa đua nở": trên Giai phẩm mùa thu tập I, Phan Khôi viết bài Phê bình lãnh đạo Văn nghệ, bênh vực Trần Dần, và bài Ông bình vôi bênh vực Lê Đạt. Trên Nhân Văn số 1, Hoàng Cầm viết bài Con người Trần Dần, và Nguyễn Sáng vẽ chân dung Trần Dần với vết sẹo trên cổ. Đảng phải xét lại trường hợp Trần Dần: Trần Dần được thả và ngày 2/10/56 Hội Văn Nghệ phải viết bài tự kiểm thảo đăng trên các báo. Đến cuối năm 1957, báo Văn in bài Hãy đi mãi của Trần Dần, tính cách tranh đấu vẫn còn quyết liệt:

*"Tôi có thể mặc thây ngàn tiếng chửi tục tằn  
Trừ tiếng chửi sống không sáng tạo".*

Trong bài tự kiểm thảo, Trần Dần viết: "Những sáng tác của tôi đều là cái loại đã kích vào các chính sách của Đảng cả. Nếu đọc cả một đồng như thế, người ta sẽ cảm thấy sự lãnh đạo của Đảng là một sự ngọt ngào không thể nào sống nổi". "Người sáng tác phải có quyền và có gan như người viết sử thời xưa, vua chém đi 6 người, đến người thứ 7 vẫn chép sử đúng như sự thật, vua đành chịu vậy", (trích Những lời "thú tội" của Trần Dần, sđd, trang 312).

Lê Đạt là người duy nhất, từ trong nội bộ của đảng đứng lên đòi hỏi tự do dân chủ. Là một cán bộ hoạt động ở ngành Tuyên huấn, Lê Đạt được xếp vào loại "đầu sỏ", "nguy hiểm".

Theo lời tố của Xuân Diệu: "Đã rõ rệt như ban ngày, tập Giai phẩm mùa xuân 1956 phát lá cờ đầu tiên chống Đảng, chống chế độ, và Lê Đạt là nhà lý luận trong đó. Lê Đạt mở đầu Giai phẩm với cái tuyên ngôn: "Trích thơ gửi người yêu" (...) và bài thơ tuyên ngôn thứ hai "Mới" đăng trong Giai phẩm (...) Lê Đạt đưa ra cái tà thuyết rạch đôi các sự vật làm hai: hễ cái gì mới là cách mạng, hễ cái gì cũ là đeo kính vào viện hàn lâm, là mặt mũi, lối mòn, vết già nua, lề đường han rỉ... (...) Lê Đạt là một người chủ chốt của báo Nhân Văn, tham mưu cho cả tờ báo, tự tay sửa chữa nhiều bài đã kích chế độ ta rất cay độc (...) Đứng lên lập nhóm Giai phẩm mùa

xuân. Cùng với Nguyễn Hữu Đang làm bộ óc của báo Nhân Văn, đứng làm "nhà lý luận" của bọn chống Chế độ (...) Sau khi báo Nhân Văn bị cấm, Lê Đạt liên lạc cấu kết với Thụy An, Lê Đạt đóng vai trò quan trọng trong việc lũng đoạn Hội Nhà Văn, Lê Đạt tích cực dùng ngòi bút viết lối văn hai mặt; Lê Đạt luôn luôn giữ một cương vị đứng chủ trương phái; mãi đến trong lớp học văn nghệ lần thứ hai (tháng 3 và 4/1958) vẫn còn tìm cách quay quắt. Cho nên, xét Lê Đạt, ta phải nhìn thấy cho hết, rằng Lê Đạt chống đối ta, phá hoại ta từ trong bản chất giai cấp thù địch" (trích bài Những biến hoá của chủ nghĩa cá nhân trong thơ Lê Đạt, trong tập Dao có mài mới sắc của Xuân Diệu, 1963, các trang 86, 87, 89 và 95).

Chính Lê Đạt cũng xác nhận vai trò của mình trong bài tự kiểm thảo: "Tôi tham gia Nhân Văn với ý thức là người lãnh đạo lý luận của tờ báo vì tôi cho tôi xứng vàng hơn Nguyễn Hữu Đang. Ban biên tập lúc đó gồm có 4 người: Nguyễn Hữu Đang, Trần Duy, Hoàng Cầm và tôi. Để tấn công quan điểm vô sản chuyên chính của Đảng, tôi vận động Thanh Châu viết bài Mậu Dịch, tôi góp ý, vẽ tranh một người đẽo chân cho vừa giày mậu dịch. (...) Nhân Văn bị đóng cửa nhưng tư tưởng Nhân Văn, tư tưởng chống đối vẫn chưa hết. Sau một thời gian các báo ngót đánh, tình hình trở lại bình thường, chúng tôi lại vẫn gặp nhau để kích Đảng, cho là độc đoán". (trích Những lời "tự thú" của Lê Đạt, sđd, trang 318, 319).

Thơ Lê Đạt trong thời kỳ NVGP, có những câu đã in sâu vào ký ức dân tộc:

*Đem bực công an đặt giữa trái tim người  
Bắt tình cảm ngược xuôi theo luật đi đường nhà nước  
Có những lời lẽ tiên tri:  
Lịch sử muôn đời duyệt lại  
Không ai lừa được cuộc đời*

**Trần Thiểu Bảo**, chủ trương Nxb Minh Đức, trách nhiệm ấn loát và phát hành những tờ Nhân Văn, Giai Phẩm, Đất Mới, quê quán ở Thái Bình. Ông mở hiệu sách Minh Đức (sau trở thành nhà xuất bản) ở Thái Bình, đến 1954, rời về phố Phan Bội Châu, Hà Nội. Trần Thiểu Bảo không theo cách mạng ngay từ đầu và có tiếng là Mạnh Thường Quân đối với văn nghệ sĩ. Cùng với Nguyễn Hữu Đang, Trương Tửu, tổ chức lễ kỷ niệm Vũ Trọng Phụng (thời ấy, Vũ Trọng Phụng còn bị liệt vào thành phần phản động). Theo lời buộc tội, Nxb Minh Đức đã "*lợi dụng chuyên khai thác vốn cổ*" để tái bản những sách "*có hại*" của Tự Lực Văn Đoàn như Tiêu sơn tráng sĩ v.v... Nxb Minh Đức cũng là trụ sở các cuộc họp báo Nhân Văn.

**Trương Tửu - Nguyễn Bách Khoa**, là nhà phê bình, nhà văn, giáo sư đại học và lý thuyết gia. Ông bước vào làng văn với loạt bài phê bình những tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn trên báo Loa, Hà Nội, năm 1935. Là nhà phê bình đầu tiên sử dụng phương pháp phê bình Mác xít một cách có hệ thống và có tính sáng tạo, đặc biệt trong những tác phẩm như: Nguyễn Du và truyện Kiều (Hàn Thuyên, 1942), Tâm lý và tư tưởng Nguyễn Công Trứ (Hàn Thuyên 1944), Kinh thi Việt Nam, (Hàn Thuyên 1950)... Ông còn là tác giả những tập tiểu thuyết tranh đấu và xã hội. Khi Mặt trận Dân Chủ của Việt Minh bắt đầu hoạt động, Trương Tửu viết bài đả kích Mặt Trận Dân Chủ trên các báo Quốc Gia và Thời Thế. Trương Tửu tuyên bố: "*Văn nghệ không làm chính trị để giữ sự độc lập của trí thức*". Cùng với Nguyễn Đức Quỳnh, ông thành lập nhóm Hàn Thuyên theo khuynh hướng Cộng Sản Đệ Tử, in sách của Lương Đức Thiệp, Thái Văn Tam, Nguyễn Tế Mỹ, Nguyễn Hải Âu, Hồ Hữu Tường và Nguyễn Bách Khoa (tức Trương Tửu). Năm 1945, Hồ Hữu Tường ra Bắc gặp Trương Tửu, thành lập Ủy Ban Văn Hoá Bắc Bộ. Ngày 10/9/1945, Trương Tửu cho xuất bản cuốn Tương lai văn nghệ Việt Nam, trong đó ông đã nhắc đến "*cái hôm nay đen tối và chật hẹp*", và mượn lời André Gide, khuyên các văn nghệ sĩ, hãy "*reo rắc vào tâm trí mọi người chất men bất phục tùng và phản kháng*". Tuy vậy khi toàn quốc kháng chiến, ông cũng theo cách mạng trong 9 năm. Sau 54, ông dạy học.

Trong thời kỳ NVGP, Trương Tửu viết hai bài quan trọng "Bệnh sùng bái cá nhân trong giới lãnh đạo văn nghệ" và bài "Văn nghệ và chính trị". Hoài Thanh tố cáo: "*Trong ba tập Giai phẩm*



liên tiếp nó đã kích thậ tậ vào toàn bộ cán bộ Đảng phụ trách công tác văn nghệ, phủ nhận tính chất mác xít, tính chất vô sản của Đảng. Vẫn một lối huênh hoang và bịp bợm cũ, nó làm như chỉ có nó mới là triết đễ cách mạng. Một mặt nó bóp méo, bịa đặt sự việc đễ vu khống... Một mặt khác nó xuyên tạc lời nói của các lãnh tụ. Nó trích dẫn lời Má c đễ kích chính quyền phản độn cũ đễ gián tiếp đễ kích chính quyền ta". (Hoài Thanh, Thực chất của tư tưởng Trương Tửu, BNVGPTTADL, trang 66).

Nguyễn Vĩnh tố cáo: "Trong bài "Bệnh sùng bái cá nhân trong giới lãnh đạo văn nghệ" (Giai phẩm mùa thu, tập I), Trương Tửu giả vờ công nhận "Đảng lãnh đạo văn nghệ là một tất yếu lịch sử" đễ rồi đòi trả lại "quyền điều khiển chuyên môn cho những người chuyên môn". Trong bài "Văn nghệ và chính trị", Trương Tửu tiến lên một bước, xuyên tạc bài "Tổ chức Đảng và văn học có đảng tính" của Lê nin (...) Làm như vậy, Trương Tửu có thâm ý tách rời văn nghệ ra khỏi chính trị, xúi dục văn nghệ sĩ thoát ly đường lối văn nghệ của Đảng, thoát ly sự lãnh đạo của Đảng" (Nguyễn Vĩnh, sđd, trang 115, 116).

Bàng Sĩ Nguyên phát hiện: "Tửu đã nói gì khi giảng dạy? Tửu đã vu khống Đảng là hiện tượng tha hoá. Trường đại học có Đảng trị. Có Đảng cụ thể và Đảng trừu tượng, cụ thể bao giờ cũng có sai lầm, vậy mỗi giai đoạn cần có một Đảng mới". (...) Con người mới là con người ở nông thôn chống thu mua, ở thành thị chống mậu dịch, trí thức chống chính sách báo chí. Tửu gây ý thức thoát ly sự lãnh đạo của Đảng. Cụ thể là tấn công vào cán bộ lãnh đạo của Đảng trong đại học. Tửu đề cao quá đáng Vũ Trọng Phụng (...) đễ nói rằng "không có Đảng lãnh đạo nhà văn vẫn viết đợc những tác phẩm có giá trị và văn nghệ sĩ còn sáng suốt hơn Đảng, cố vấn cho Đảng, phát hiện vấn đề cho Đảng biết." (Bàng Sĩ Nguyên, sđd, trang 119-120).

**Trần Đức Thảo**, triết gia, giáo sư đại học. Đổ vào trường Normale Supérieure rue d'Ulm ở Pháp năm 1936, thủ khoa ban văn chương. Đậ tạc sĩ (agrégé) triết học. Thời kỳ ở Pháp, ông cộng tác với J.P. Sartre, tham gia nhóm Les Temps Modernes. Sau này ông kiện Sartre về một cuốn sách viết chung mà Sartre không muốn xuất bản. Những năm 44-45, ông hoạt độn cho Hội Việt kiều. Phạm Huy Thông, giáo sư tạc sĩ, bạn học cùng thời với Trần Đức Thảo ở Pháp, đợc cử viết bài đánh Trần Đức Thảo. Phạm Huy Thông cho biết: Khi phái đoàn Việt Minh Đồng Chí Hội sang Pháp năm 1946, Trần Đức Thảo đễ kích phái đoàn, cho chính sách ngoại giao của Việt Minh là đầu hàng và phản bội, và đảng Cộng Sản Pháp có đầu óc đễ quốc thực dân. Trần Đức Thảo chống lại hiệp địn sớ bộ 6/3/1946. Năm 1949, tại Đại Hội Hoà Bình Thế Giới ở Paris, Trần Đức Thảo lên tiếng cảnh cáo đại biểu Liên Xô và đại biểu Pháp là phản bội các dân tộc thuộc đạ.

Phạm Huy Thông viết: "Ngay từ năm 1945, Thảo công kích những người đem tư tưởng Má c xít truyền bá cho kiều bào, công nhân, cho rằng công nhân không có văn hoá, không tiếp thu đợc, hay tiếp thu "máy móc" thì "nguy hiểm" (!). Còn đối với đảng Cộng Sản Pháp, thì Thảo có một lập luận phản độn rằng: đảng Pháp, tuy có uy tín đấ y, nhưng trình độ lý luận Má c xít khó lòng cao, vì hầu hết những cương vị cao trong đảng đều do công nhân nắm (!)" (Phạm Huy Thông, sđd, trang 69). Năm 1951, Trần Đức Thảo trở về nước, làm giáo sư đại học. Năm 1956, ông tham gia phong trào NVGP. Phạm Huy Thông viết về người bạn cũ của mình: "Thật ra "thành tích" học thuật cũng như "thành tích" chính trị của Thảo ở Pháp trước đấ y, nhìn lại toàn là những "thành tích" bất hảo (...). Trong thư gửi hội nghị học tập của trường đại học, Hoàng Cầm có viết: "Tôi nhớ rất rõ: trước Nhân Văn số 4, trong một buổi họp ở nhà Trần Duy, 55 đường Trần Quốc Toản, lần đầu tiên Trần Đức Thảo đén họp. Vấn đề hôm ấy do Trần Duy nêu ra là: Ta nên chuẩn bị cái hướng số 4 như thế nào? Một số như Trần Dân và tôi phát biểu là: "Thêm một bài về tự do dân chủ thôi!" Trần Đức Thảo nói: "Tôi thấy cần phải bớt vấn đề văn nghệ đi, nếu cần thì rút bớt cả sáng tác, đễ bàn nhiều về chính trị, vì tình hình trong nước và thế giới có nhiều tài liệu khác nữa".

Ta thấy đường lối chính trị của nhóm Nhân Văn là do Trần Đức Thảo trực tiếp và chủ yếu vạch ra. (Về vai trò của Trần Đức Thảo trong tờ Nhân Văn, Lê Đậ sẽ xác địn lại.)

Mượn có "phát huy tự do dân chủ" Thảo đã bày vẽ cho chân tay của mình trong sinh viên đã kích sự lãnh đạo của Đảng ở nhà trường (...), giáo sư Nguyễn Lâm, phụ trách môn giáo dục học, trường đại học sư phạm đã phát biểu: "Tôi còn rùng mình khi nghĩ đến hoạt động của bạn Trần Đức Thảo. Nếu bạn chúng thực hiện được ý muốn thì không những giáo sư đảng viên, mà đầu của những người lương thiện trung thành với chế độ như tôi cũng đều treo lên ngọn cây." (Phạm Huy Thông, sđd, trang 74 và 134).

Sau khi Nhân Văn bị cấm, Trần Đức Thảo vẫn tiếp tục hoạt động, che chở và giúp đỡ các sinh viên. Ông mở diễn đàn tự do ở đại học để truyền bá tinh thần tự do dân chủ. Hai bài viết quan trọng của ông trong thời kỳ NVGP là bài Nội dung xã hội và hình thức tự do đăng trong Giai phẩm mùa đông tập I, lên án những sai lầm trong cải cách ruộng đất và bài Nỗ lực phát triển tự do dân chủ đăng trên Nhân Văn số 3, tháng 10/1956, được coi như bản đề cương tranh đấu cho tự do dân chủ của nhóm NVGP. Trần Đức Thảo viết:

"Cái tự do mà họ tức là những người lao động trí thức và chân tay muốn phát triển là tự do của toàn dân phê bình lãnh đạo. Cái tự do đó là quyền của người công dân đã được hoàn toàn công nhận và bảo đảm trong chế độ ta. Tự do không phải là cái gì có thể ban ơn. Người trí thức hoạt động văn hóa cần tự do như khí trời để thở, có tự do thì mới đầy mạnh được sáng tác văn nghệ, nghiên cứu khoa học, cải tiến kỹ thuật. Phát triển tự do là nhu cầu thiết thân, đồng thời là nhiệm vụ số một của người trí thức cũng như của toàn dân. Hình thức tự do là tự do cá nhân, cá nhân phục tùng tập thể nhưng tập thể cũng phải có cá nhân xây dựng. Xét đến tình hình thế giới mới đây, lý tưởng tự do cá nhân lại là lý tưởng của những ngày tiến tới, lý tưởng của chủ nghĩa Cộng Sản bây giờ, đã bắt đầu trở thành một thực tế lịch sử ở Liên Xô", ký tên Trần Đức Thảo.

Học giả **Đào Duy Anh** đóng góp tiếng nói của mình trong Giai Phẩm Mùa Thu tập III, với bài Muốn phát triển học thuật, nội dung phân tích những sai lầm trong nguyên tắc dùng chính trị để lãnh đạo học thuật. Ông viết: "Sự xâm phạm của những cán bộ chính trị vào địa hạt chuyên môn, cố nhiên là rất trở ngại cho công tác chuyên môn, nhất là công tác nghiên cứu khoa học. Cái điều kiện không thể thiếu được để cho học thuật phát triển là tự do tư tưởng, tự do thảo luận. Tôi chỉ muốn nhấn mạnh hai hình thức hạn chế tự do tư tưởng tác hại nặng nhất đối với học thuật là bệnh giáo điều và biến chứng của nó là bệnh sùng bái cá nhân. Ở nước ta thì các bệnh giáo điều và sùng bái cá nhân lại còn trầm trọng hơn khiến người ta, vô luận bàn về vấn đề gì, cũng đều phải bắt đầu dẫn những đề án của Marx, Engel và Lénine, hoặc những ý kiến của Staline hay các lãnh tụ khác. Bệnh giáo điều và bệnh sùng bái cá nhân lại dẫn thẳng đến cái tệ tư tưởng độc tôn, hễ thấy ai có ý kiến gì vượt ra ngoài những công thức cũ, những khuôn khổ sẵn thì người ta chụp ngay cho những cái mũ để sợ như danh hiệu "cải biến chủ nghĩa" chẳng hạn, để bịt mồm, bịt miệng người khác. Tư tưởng không tự do thì không thể tự do thảo luận được. Mặc dầu không ai cấm tranh luận, các nhà lãnh đạo vẫn thường nói nên mở rộng tranh luận, nhưng trong thực tế thì sự tranh luận đã bị thủ tiêu từ gốc rồi. Nghiên cứu hay nghị luận một vấn đề gì, người người chỉ nơm nớp lo sợ, không khéo thì trật ra ngoài đường lối tư tưởng chính thống độc tôn. Đối với những người ấy công tác học thuật trở thành trò xiếc leo dây. Con đường học thuật phải là con đường cái thên thang cho mọi người tự do đi lại chứ không phải là sợi dây căng cho mọi người làm xiếc. Phải trừ bỏ những bệnh giáo điều và sùng bái cá nhân để trả lại tự do cho học thuật".



Phan Khôi

**Phan Khôi**, chủ nhiệm báo Nhân Văn. Nhà văn và nhà cách mạng lão thành Phan Khôi như một vị tiên bối đứng ra che chở cho các anh em văn nghệ trẻ. Cùng thời với Bùi Kỷ, Trần Trọng Kim, Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh... Phan Khôi sinh năm 1887 tại làng Bảo An, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, là con trai Tri phủ Phan Trân, và là cháu ngoại Tổng đốc Hoàng

Diệu. Năm 1907, Phan Khôi ra Hà Nội tham gia phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, ít lâu sau, phong trào bị đàn áp, ông trở lại Quảng Nam, hoạt động trong phong trào Văn Thân cùng với Huỳnh Thúc Kháng. Bị Pháp bắt, Phan Khôi học tiếng Pháp trong tù. Ra tù, ông bắt đầu cuộc đời viết văn làm báo.

Trong nửa thế kỷ, từ Nam ra Bắc, ngòi bút sắc bén của Phan Khôi tung hoành trên các báo: Nam Phong, Lục Tỉnh Tân Văn, Đông Pháp Thời Báo, Thần Chung, Phụ Nữ Tân Văn, Trung Lập, Thực Nghiệp Dân Báo, Hữu Thanh, Phụ Nữ Thời Đàm, Tráng An, Sông Hương... Từ 1920 đến 1925, ông dịch Kinh Thánh cho Hội Tin Lành. Tác phẩm đầu tiên của Phan Khôi là tập Nam Âm Thi Thoại, ký bút hiệu Chương Dân, in năm 1920 ở Hà Nội (năm 1936, tái bản tại Huế, đổi tên là Chương Dân Thi Thoại). Bài thơ Tình già của Phan Khôi đăng lần đầu tiên trên báo Phụ Nữ Tân Văn, tháng 3/1932, được coi như bài thơ mở đường cho phong trào thơ mới.

Bởi địa vị văn học, địa vị cách mạng và thái độ đối lập của Phan Khôi, cho nên ông có một vị trí riêng và đồng thời ông cũng đã phải chịu những sự phỉ báng nặng nề thô bỉ.

Về hoạt động chính trị, Phan Khôi luôn luôn là một khuôn mặt đối lập với Việt Minh. Tháng 6/1946, phái đoàn Trung ương của Việt Minh về Quảng Nam, mở cuộc mít tinh để giải thích Hiệp định sơ bộ 6/3/1946, Phan Khôi lên diễn đàn, công kích hiệp định sơ bộ. Tham gia Việt Nam Quốc Dân Đảng, Phan Khôi được bầu làm chủ nhiệm chi bộ Nam Ngãi. Nguyễn Công Hoan viết: "*Đêm 12/7, trong khi hấn (chỉ Phan Khôi) đang họp bàn với bọn đầu sỏ Quốc Dân Đảng ở 80 đường Quan Thánh, thì xảy ra việc Công an ta đến khám toà báo Việt Nam của đảng ấy tại trụ sở ấy. Bọn phản động ở trong nhà nổ súng ra để chống cự. Tức thì Công an buộc lòng phải bắt bớ người. Trong số những người bị bắt có Phan Khôi. Song, Phan Khôi lại một lần nữa được Chính phủ tha cho về để suy nghĩ tội lỗi mà hối cải.*" (Nguyễn Công Hoan, Hành động và tư tưởng phản động của Phan Khôi cho đến thời kỳ toàn quốc kháng chiến, báo Văn Nghệ số đặc biệt thứ hai chống NVGP, số 12, tháng 5/1958, trang 14).

Về thái độ của Phan Khôi đối với Cách mạng tháng Tám, Nguyễn Công Hoan viết: "Cách mạng tháng Tám cải tử hoàn sinh cho hai mươi năm triệu nhân dân Việt Nam, trong đó có Phan Khôi. Nhưng cái tên già này rất vô ơn với Cách mạng tháng Tám.

Cho đến năm hoà bình, 1954, chưa bao giờ hấn viết, hoặc nói mà dùng danh từ "*Cách mạng tháng Tám*". Chính hấn đã khoe điều ấy bằng cả sự hằn học với người tâm phúc của hấn. Hấn nói rằng trước kia hấn dùng ba tiếng "*cướp chính quyền*", mà cũng ngượng mồm. Hấn nói rằng lúc đó, Pháp đổ rồi, Nhật hàng rồi, chính phủ Trần Trọng Kim tê liệt rồi, chính quyền bỏ rơi, thì ta "*lượm*" được, chứ "*cướp*" ở tay ai?" (bài đã dẫn, Văn Nghệ, trang 12)

Về thái độ của Phan Khôi đối với Hồ Chí Minh, Nguyễn Công Hoan viết: "*Hôm họp Hội nghị văn hoá, Hồ chủ tịch có đến. Khi nói về tiểu thuyết, Người có một nhận xét để khuyên nhủ anh em cầm bút là "tiểu thuyết của ta có vạch được tội ác của chế độ phong kiến và đế quốc, nhưng chưa đề ra phương pháp cải tạo. Như vậy là kém phần xây dựng". Trong khi mọi người rất phục Hồ chủ tịch sáng suốt cả về lĩnh vực văn nghệ, thì tên Quốc Dân Đảng già, vốn bản chất là đối kháng, dè bĩu Hồ chủ tịch, cho là Người chỉ giỏi chính trị, chứ không biết về văn nghệ. Hấn bàn tán với bạn hữu rằng Hồ chủ tịch nói sai. "Văn nghệ chỉ có nhiệm vụ trình bày, còn xây dựng là nhiệm vụ của chính trị, của nhà cầm quyền"* (bài đã dẫn, Văn nghệ, trang 15).

Phan Khôi không tự ý đi theo kháng chiến mà "*bị mời*" đi kháng chiến, Đào Vũ viết: "Kháng chiến bùng nổ. Phan Khôi đi theo kháng chiến. Nói cho đúng hơn, chúng ta đưa Phan Khôi đi theo kháng chiến từ đầu chí cuối", "tôi biết rằng cơ quan đối với y bao giờ cũng dành những ưu tiên lớn", theo Nguyễn Công Hoan, "*Phan Khôi đi với kháng chiến, không lúc nào hấn không ngót chữ bới kháng chiến*", Đào Vũ viết: "*Phan Khôi bấy nay không ưa gì Đảng của chúng ta. Vốn là hay xô xiên vặt, y gọi Đảng ta là "cái Đảng" thế này thế khác. Có người vặn lại: sao lại gọi là "cái Đảng", tiếng "cái" ấy có cần thiết gì đâu? Phan Khôi sẽ thủng thỉnh trả lời: tiếng "cái" ấy cũng như "le, la, les" của tiếng Pháp mà thôi.*" (Đào Vũ, Tính cách vô lại và bộ mặt chính trị nhơ nhớp của Phan Khôi ngày nay, Văn Nghệ số 12, tháng 5/1958).

Là nhà Hán học, nhưng lý luận khúc triết và đanh thép theo phương pháp luận phương Tây, những bài bút chiến của Phan Khôi với Trần Trọng Kim, Phạm Quỳnh... đã gây không khí sôi

nổi trên văn đàn những năm 30. Tài năng, nhân cách và kiến thức đã đưa Phan Khôi lên địa vị "Ngự sử văn đàn" của thời ấy.

Khi toàn quốc kháng chiến. Miễn cưỡng lên Việt Bắc, Phan Khôi dịch sách chữ Hán, chữ Pháp, sang tiếng Việt.

Thời kỳ NVGP, Phan Khôi đứng ra nhận chức Chủ nhiệm kiêm chủ bút tờ Nhân Văn để bao che cho các cây bút trẻ. Trong bài Phê bình lãnh đạo Văn Nghệ, in trên Giai Phẩm Mùa Thu, tập I, với tác phong Ngự sử văn đàn, Phan Khôi nghiêm khắc lên án chế độ quản lý tư tưởng: Ông chỉ trích Trường Chinh ăn nói bừa bãi, chất vấn gắt gao Tố Hữu, Hoài Thanh, Nguyễn Đình Thi, những người chủ chốt trong việc kết tội Trần Dần. Sau khi tách bạch hai giai cấp: *Lãnh đạo văn nghệ và Quần chúng văn nghệ*, Phan Khôi phê bình triệt để ba vấn đề thực tiễn:

**1. Vấn đề tự do của văn nghệ sĩ:** Sau khi đưa ra những dẫn chứng cụ thể về việc lãnh đạo nghiệt ngã bắt bẻ người viết phải theo đúng đường lối, Phan Khôi hỏi lãnh đạo: chính trị muốn đạt đến cái mục đích của nó thì cứ dùng khẩu hiệu, biểu ngữ, thông tri, chỉ thị không được hay sao mà phải cần dùng đến văn nghệ sĩ, rồi ông cảnh cáo: "Lãnh đạo đã xâm phạm mỗi ngày một hơn vào quyền riêng nghệ thuật của văn nghệ sĩ."

Những lời khẳng khái nổi tiếng của Phan Khôi: "*Nhược bằng bắt hết mọi người viết, phải viết theo lối với mình thì rồi đến một ngày kia, hàng trăm thứ hoa cúc đều phải nở ra cúc vạn thọ hết*". Hoặc phê Đảng: "*Đảng giáo dục Xuân Diệu làm cách mạng chứ có giáo dục Xuân Diệu làm thơ đâu!*"

**2. Về vụ Giai Phẩm Mùa Xuân**, Phan Khôi chất vấn ban chủ toạ hội Văn nghệ: "*Hỏi độc tội một Trần Dần thôi là cái ngón chính trị tài tình lắm đấy, để cô lập Trần Dần và phân hóa những người trong Giai Phẩm, cái ngón ấy đã thành công*".

"Tôi còn nhớ có vị bắt lỗi trong bài thơ Trần Dần có chữ Người viết hoa, lấy lẽ rằng chữ Người viết hoa chỉ để xưng Hồ chủ tịch, thế mà Trần Dần lại viết hoa chữ Người không phải để xưng Hồ chủ tịch. Tôi ngồi nghe mà tưởng như ở trong chiêm bao, chiêm bao thấy mình đứng ở một sân rồng nọ, ông Lê mỗ tố cáo ông Nguyễn mỗ trước ngài vàng: "*Trong phép viết chỉ có chữ nào thuộc về Hoàng thượng mới phải đại, thế mà tên Nguyễn mỗ viết thư cho bạn dám xài những chữ không phải thuộc về Hoàng thượng. Nhân may cho tôi, tôi tỉnh ngay ra là mình đang ngồi ở trong phòng họp hội Văn nghệ*".

**3. Về vụ giải thưởng văn học năm 54-55**, ba tác phẩm Mưa sao của Xuân Diệu, Truyện anh Lục của Nguyễn Huy Tưởng và Nam Bộ mến yêu của Hoài Thanh đều chiếm giải. Phan Khôi phê bình: "*Cả ba ông Xuân Diệu, Nguyễn Huy Tưởng, Hoài Thanh đều có tác phẩm dự thi mà đều ở trong ban trung khảo. Nếu ở trong ban trung khảo mà thôi còn khá, thử điều tra lại hồ sơ, thì ba ông còn ở ban sơ khảo nữa, sao lại có thể như thế? Trường thi phong kiến xưa, tuy có ám muội gì bên trong, chứ bên ngoài họ vẫn sạch tiếng. Một người nào có con em đi thi thì người ấy có được cất cử cũng phải hỏi ty, không được chắm trường. Bây giờ đến cả chính mình đi thi mà cũng không hỏi ty, một lẽ là ở thời đại Hồ Chí Minh, con người đã đổi mới, đã liêm chính cả rồi, một lẽ trắng trợn vì thấy mọi cái miệng đã bị vú lấp.*"

Trong Giai Phẩm Mùa Thu tập I, Phan Khôi viết truyện Ông bình vôi, ngẫu hứng từ bài thơ Ông bình vôi của Lê Đạt, chủ đích bênh vực Lê Đạt, đồng thời nhạo báng lãnh tụ, gọi lãnh tụ là Ông Cọp, Ông Trường, Ông Đầu Rau, Ông Tre, Ông Bình Vôi... như những bài vị mà người dân thường phải để chân dung trong nhà. Trong bài Ông Năm Chuột, Phan Khôi đòi hỏi phải trả văn nghệ lại cho văn nghệ, chuyên môn cho chuyên môn qua lời người thợ bạc: "*người ta cái gì biết ít thì nên nghe chứ không nên nói, tôi không nói chuyện văn chương chữ nghĩa với ông, cũng như ông không dạy nghề làm thợ bạc cho tôi.*"

Theo bài viết của Đoàn Giỏi đăng trên báo Văn Nghệ số ra ngày 15/8/1958 thì tháng 12 năm 1957, Phan Khôi còn đưa đến nhà xuất bản Hội Nhà Văn một tập bản thảo dày, tên là Nắng chiều gồm nhiều bài bút ký, tạp văn, viết từ đầu kháng chiến Việt Bắc đến năm 1957. Đoàn Giỏi

trích một số đoạn để đả kích, nhờ vậy mà độc giả biết được đại cương nội dung những tác phẩm đó. Theo Đoàn Giỏi, ngay trong hai bài đầu, tựa đề Cầm vịt và Tiếng chim, Phan Khôi đã khẳng định "Xã hội không có đấu tranh giai cấp, của ai người nấy ăn. Vấn đề đấu tranh giai cấp chỉ là kiểu rình phần ăn của kẻ khác". Về bài viết Cây cộng sản, Đoàn Giỏi tự hỏi: Tại sao Phan Khôi lại đem cây cứt lợn, cũng gọi là cây chó đẻ, và cây bọ xít, toàn là những tên không nhả tý nào hết, để gọi nó là Cây cộng sản và cỏ cụ Hồ? Đến bài giới thiệu Nguyễn Trường Tộ, Phan Khôi viết: "*Vua thì như thế, còn đám quan liêu từ triều đình đến các tỉnh phần nhiều là hủ nho, đám sĩ phu ở dân gian càng đông hơn, cũng đều hủ nho. Dưới vua, hai hạng người này nắm quyền lợi một nước trong tay họ, họ cấu kết với nhau để giữ lấy quyền lợi thì còn ai mà làm gì được*". Đoàn Giỏi bị kiểm thảo về tội vờ đả kích Phan Khôi để công bố những nét đại cương của một tác phẩm bị cấm. Bản thảo tập Nắng Chiều hiện nay còn hay mất? Đó là một nghi vấn vẫn hộc chưa được soi tỏ.

## Phòng Vấn Lê Đạt

Dự định tìm lại dấu vết phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, đã đến với chúng tôi từ cuối năm 1984, khi trở lại lần đầu, sau 30 năm xa Hà Nội. 1984, lúc ấy tôi chưa hề cầm bút, và 1954, khi rời Hà Nội, tôi mới lên mười. Như phần lớn học sinh miền Nam, tôi đã thuộc lòng, không chỉ những câu thơ nổi tiếng của Trần Dần:

*Tôi bước đi không thấy phố không thấy nhà  
chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ  
Mà còn cả những câu thơ ít nổi tiếng hơn, nhưng không kém phần đau xót:  
Trời vẫn quật muôn vạn tầng gió.  
Bắc Nam ơi! Đứt ruột chia đôi.  
Tôi cúi xuống quỳ xin mưa bão.  
Chớ đổ thêm lên đầu họ, khổ nhiều rồi!*

Những tiếng thơ của một thời, thời còn yêu thương, thời vết thương chia cách hai miền chưa đổ máu, chỉ có nhớ thương và thương nhớ, bay bổng như Giấc mơ hồi hương của Vũ Thành:  
*"Lià xa thành đô yêu dấu, một sớm heo may về, lệ sầu tràn mi...  
... nghẹn ngào thương nhớ em, Hà Nội ơi!"*

Đó cũng là thời lạc quan, thời hy vọng đất nước sẽ thống nhất trong hoà bình, Phạm Đình Chương viết Hội Trưng Dương, Phạm Duy viết Tình Ca, Tình Hoài Hương... thiết tha gửi cho một quê hương toàn vẹn, trong giao tình Nam Trung Bắc. Và trên đôi bờ vĩ tuyến, hồi ấy chưa manh nha mầm mống hận thù, chết chóc.

Nhưng rồi yêu thương nhạt dần, nhường chỗ cho tuyên truyền, cho hò hét, chiến tranh, cho "lý tưởng thống nhất", "giải phóng dân tộc", cho một mất một còn, cho ngày mai chiến thắng, bằng mọi giá, bất kể ngàn tấn thịt, vạn tấn xương, và cũng chẳng nề hà sự lệ thuộc gần như tuyệt đối vào các cường quốc.

Phong trào NVGP xuất hiện. Miền Bắc đàn áp Nhân Văn, quy kết Nhân Văn như một thứ mầm mống "nổi loạn", "phản bội", "theo địch". Miền Nam khai thác phong trào, để chứng minh điều kiện cần và đủ cho một cuộc "Bắc tiến". Đó là một trong những lý do, khiến cho học trò miền Nam thuộc lòng thơ Trần Dần. Nhưng phải công bằng mà xét, nếu không có hậu ý tuyên truyền này, thì ảnh hưởng của NVGP, đã không bao trùm lên toàn thể hai miền Nam Bắc, như một cao trào đấu tranh cho dân chủ, lớn nhất thế kỷ XX, trong văn học Việt Nam.

Năm 1984, khi trở về Hà Nội, tôi muốn tìm lại, dù chỉ một dấu vết nhỏ, chứng minh sự hiện diện của NVGP trong lòng người dân miền Bắc. Nhưng vô ích. Tất cả đều đã bị xóa sổ. Kín đáo dò hỏi những người thân trong gia đình sống ở Hà Nội, thuộc thế hệ "phải biết" Nhân Văn là gì? Xem có ai còn nhớ gì không? Nhưng không. Chẳng ai "nghe nói" đến những cái tên như thế

bao giờ: linh hồn Nhân Văn cũng đã bị xoá trong ký ức quần chúng, và như vậy, "nọc độc" Nhân Văn, đã hoàn toàn bị tẩy sạch.

Đó là lý do chính, khiến vài năm sau, khi thực sự bước vào nghề cầm bút, tôi đã coi NVGP là một trong những nghi vấn văn học hàng đầu, cần phải tìm hiểu. Bài viết đầu tiên của tôi về phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, đăng trên nguyệt san Văn Học, Cali, số 27, tháng 4 năm 1988, tiếp theo sau là những buổi phát thanh trên đài RFI, trong nhiều chương trình từ 1994 đến 2004. Nếu trong những chương trình ấy còn có những thiếu sót, đôi khi sai lầm, thì hôm nay, nhờ những chứng nhân quan trọng của Lê Đạt, Hoàng Cầm và Nguyễn Hữu Đang lần đầu tiên được công bố trên mặt báo, sẽ bổ sung và đính chính.

Các anh thay mặt những người đã khuất viết lại lịch sử của phong trào và lần này, không ai có thể ngăn ngừa sự thật.

## I. Sự hình thành Giai Phẩm Mùa Xuân

Hầu như tất cả các tài liệu đều thống nhất ở một điểm: Phong trào Nhân Văn Giai Phẩm bắt đầu hiện diện trên công luận với sự ra đời của tờ Giai Phẩm Mùa Xuân, nhưng trong "nội bộ" những người chủ trương tờ báo này, mọi diễn biến đã xảy ra như thế nào, tại sao lại có Giai Phẩm Mùa Xuân? Đó là những câu hỏi mà nhà thơ Lê Đạt sẽ trả lời sau đây.

**Thụy Khuê:** *Thưa anh Lê Đạt, nguyên do nào đã khiến anh trở thành một trong những người chủ chốt của phong trào Nhân Văn Giai Phẩm?*

**Lê Đạt:** Tôi là một học sinh yêu nước cho nên khi Cách Mạng thành công thì tôi tham gia Cách Mạng ngay. Từ khi tham gia Cách Mạng, hầu như tôi đều hoạt động ở ngành Tuyên huấn, rồi sau này tôi lên hoạt động ở Tuyên huấn trung ương (ngày nay là Ủy ban văn hoá tư tưởng trung ương) trực tiếp theo dõi phong trào văn nghệ, văn hóa và giáo dục. Vì thế, tôi có nhiều điều kiện tiếp xúc với tất cả các anh em văn nghệ, từ lãnh đạo đến những anh em bình thường. Tôi cũng suy nghĩ rất nhiều về phong trào văn nghệ vì xưa nay tôi vẫn là người thích làm thơ. Năm 50, khi ở chiến dịch Lào Cai, tôi có gặp một nhà thơ mà tôi chưa biết mặt, nhưng biết tên từ lâu, đó là anh Trần Dần. Trần Dần, tuy thơ thì chưa làm nhiều, nhưng là một người nổi tiếng vì những ý kiến độc đáo và kỳ cục của anh ta về thơ. Cho nên, khi gặp Trần Dần ở Lào Cai, chúng tôi đã bàn rất nhiều về thơ ca Việt Nam, và đi đến một nhất trí như thế này: anh Tố Hữu là một nhà thơ cách mạng, nhưng thi pháp của anh ấy, căn bản vẫn chưa ra khỏi thi pháp thời kỳ thơ mới năm 1930, và tôi với Trần Dần nghĩ rằng: chính mình phải làm một cái gì để đổi mới nền thi ca Việt Nam. Đó là từ năm 1950. Chị nên nhớ lúc bấy giờ là đang kháng chiến mà người ta kháng chiến thì người ta bận tâm nhiều về chuyện đánh nhau, ít người nghĩ đến thơ như lũ hăm này, phải nói như thế! Tôi với Dần thì nói nhiều về Rimbaud, về Baudelaire, về Mallarmé... nhiều thứ lắm, nhưng hai người tập trung nhiều nhất nói về Maiakovski, tại vì Maiakovski lúc bấy giờ đang là ngôi sao sáng trên nền trời văn học cách mạng. Song nói rồi cũng để đấy thôi, rồi mỗi người lại đi theo công việc của mình. Đến năm 54, khi hòa bình trở lại, chúng tôi gặp nhau ở Hà Nội, lại bàn tiếp giấc mộng thơ mới đó. Lúc đó, Trần Dần đã viết xong Người người lớp lớp và đang gặp khó khăn trong quân đội, về vấn đề các văn nghệ sĩ trong quân đội đấu tranh đòi có một kỷ luật sống, cho thích hợp với thời kỳ hòa bình. Lúc đó, Trần Dần cũng bị o ép rất ghê, anh Dần có bàn với tôi rằng: "Có lẽ ta nên tổ chức một buổi phê bình thơ Việt Bắc". Tôi hoan nghênh lắm. Vì vậy, Trần Dần tổ chức một cuộc phê bình thơ Tố Hữu ở trong quân đội.

**T.K.:** *Thưa anh, như vậy có thể nói là tất cả đều bắt đầu từ việc phê bình thơ Tố Hữu trong quân đội. Nhưng lúc đó anh không ở trong quân đội, phải không ạ?*

**L.Đ.:** Lúc đó tôi đang học lớp tiếp quản để về tiếp quản khu 300 ngày ở Quảng Ninh. Trần Dần có nói với tôi rằng: thôi cậu đến "viện trợ" cho mình một tí, vì trong quân đội nó trật tự lắm. Hôm nay có các ông quan to thì chắc là mọi người không dám phát biểu. Trần Dần cũng biết tính tôi là khi tôi nói thì tôi cũng không sợ gì ai cả. Hôm đến, tôi đã thấy ông Nguyễn Chí Thanh ngồi đấy rồi. Hoàng Yến lên nói về thơ Tố Hữu và bảo rằng thơ Tố Hữu bây giờ "nhỏ" hơn thơ Tố

Hữu thời trước, thì đó cũng là một cách nói thôi. Sau đó, khi anh Thanh lên diễn đàn thì tôi thấy không khí im lặng cả, không ai nói gì nữa. Trần Dần đá chân tôi bảo: "Thôi, thế cậu lên đi." Tôi lên nói một bài về thơ Tố Hữu và tôi có nhắc đến sự sùng bái chủ tịch Hồ Chí Minh của Tố Hữu. Cuộc trao đổi ấy rất vui vẻ rồi ông Thanh cũng không nói gì nữa. Căn cứ trên cuộc thảo luận ấy thì anh em thấy là có thể có đủ bài để viết trên tạp chí Văn Nghệ mà lúc đó tôi là thường trực. Sau đó tôi có lên trình bày với anh Tố Hữu về tờ báo Văn Nghệ.

Đã lâu lắm rồi anh em không gặp nhau. Phải nói rằng, tôi quan hệ với anh Tố Hữu từ thời kháng chiến, quan hệ rất tốt, nhưng mà từ hòa bình thì có hơi xa nhau. Lần này, sau khi nói chuyện với anh Tố Hữu một lúc, anh Tố Hữu có nói với tôi: "Ông vốn là người nhạy cảm mà tôi thấy có tập Việt Bắc mà ông không cho phê bình thì như thế là độ này Lê Đạt nhạy cảm hơi kém rồi." Lúc ấy, trong túi tôi đã có bài Hoàng Yên phê bình Việt Bắc, tôi chỉ cười, không nói gì cả và tôi nghĩ bụng: vâng, chắc anh sẽ xem được một loạt những bài phê bình Việt Bắc nhưng có lẽ ngoài ý muốn của anh. Sau đó tôi về tôi in bài của Hoàng Yên và tiếp sau đó là một loạt những bài phê bình Việt Bắc, thì tôi chắc là cái đó gây cho anh Tố Hữu nhiều bực tức lắm, tại vì các lời phê bình ấy thường thường là chê, mà ở nước Việt Nam thì người ta chưa quen chê anh Tố Hữu bao giờ cả. Tôi làm Việt Bắc thì tôi được sự ủng hộ của anh Nguyễn Hữu Đang vì Đang lúc ấy đang ở trong tòa soạn báo Văn Nghệ với tôi. Vụ Việt Bắc ấy kéo dài độ hơn một tháng, sau mọi người thấy là nên thôi, tại vì ông Lành (tên thật của Tố Hữu) cũng không chịu thua mà chúng tôi cũng không thắng, nhưng chắc là thơ ông Lành bắt đầu bị đặt vấn đề. Từ đó quan hệ của tôi với anh Lành hình như hơi khó khăn hơn.

**T.K.:** *Từ vụ phê bình thơ Việt Bắc của Tố Hữu đến việc thành lập Giai Phẩm Mùa Xuân, mọi chuyện diễn tiến ra như thế nào, thưa anh ?*

**L.Đ.:** Sau vụ Việt Bắc rồi thì Trần Dần, do lúc ấy có quan hệ với chị Khuê là vợ anh ấy bây giờ; chị Khuê là một người công giáo, cho nên người ta nghĩ rằng đó là một người công giáo cài lại làm gián điệp để tranh thủ anh Dần. Vì Trần Dần lúc đó còn ở trong quân đội nên Dần bị kỷ luật và người ta cấm trại không cho ra nữa. Đó là lần anh Dần bị giữ lần thứ nhất, không bị giam. Trần Dần, sau đó, cũng được ra và rồi hai người, như trong truyện cổ tích, cũng lấy được nhau. Trần Dần ra rồi, chúng tôi mới nghĩ đến chuyện này: bây giờ làm sao mà in được một tập thơ, trái với nguyên tắc lúc bấy giờ - nguyên tắc bấy giờ là tất cả các bài đều bị kiểm duyệt cả. Tôi chủ trương tập này phải là một tập tự do sáng tác hoàn toàn, tức là mỗi cá nhân đều chịu trách nhiệm về bài của mình và không có kiểm duyệt gì cả. Tôi có bàn với Dần, với Cầm, với Văn Cao, Tử Phác và mấy anh hội họa nữa là Sỹ Ngọc và Nguyễn Sáng. Lúc đó thì chưa tìm được chữ gì hay lắm. Tôi cũng không thích chữ Giai Phẩm tại chữ Giai Phẩm có vẻ Tự Lực Văn Đoàn, nghe chữ ấy nó sang trọng quá tôi cũng không thích. Nhưng lúc đó vì ý kiến anh Minh Đức là nhà xuất bản tập thơ ấy và anh Đang cũng thích chữ ấy. Trước tôi định cái tí là "Thơ năm người", nhưng người ta bảo thế là "gây sự" quá, thì sau cũng đành lấy chữ Giai Phẩm. Ngay lúc đó xảy ra vấn đề Phùng Quán: Phùng Quán thì không dính dáng gì đến lớp chúng tôi cả. Phùng Quán lúc ấy - theo lối nói Việt Nam - mới chỉ là "đàn em" thôi, thế nhưng Phùng Quán lúc đó rất nổi tiếng vì quyển Vượt Côn Đảo, chứng tỏ Phùng Quán có óc tưởng tượng rất phong phú. Một hôm Phùng Quán đến tôi chơi, tôi thấy một anh bộ đội trẻ, xưng với tôi : Em là Phùng Quán. Sau đó anh em ngồi chơi, nói chuyện với nhau, thì Phùng Quán có đọc cho tôi nghe mấy bài thơ trong đó có bài Quân nhân hốt rác, nghe, tôi cũng thấy vui lắm, tôi bảo: "Chúng anh sắp ra một quyển Giai Phẩm Mùa Xuân, thế Quán có muốn tham gia không?" Tôi không ngờ lời nói đùa ấy đã rẽ Quán sang một bước ngoặt của đời Quán. Quán nói rằng: "Em thích lắm, tất cả các anh em đều quý cả, để em tham gia với." Tôi lấy bài của Quán, nhưng khi đến bàn với anh em thì tôi gặp sự phản đối, nhất là anh Văn Cao. Anh Văn Cao nói rằng: "Quán nó không thể ngồi cùng chiếu với mình được!". Tôi cười, tôi nói với anh Văn Cao rằng: "Đây là chỗ anh em với nhau chứ không phải chiếu tiên chỉ, thứ chỉ gì mà chúng ta đối với nhau trật tự quá như thế". Tôi không ngờ câu nói đùa đó sau sẽ cứ ám ảnh anh Văn Cao suốt một cuộc đời. Và từ đó người ta đều gọi anh Văn Cao là tiên chỉ. Ý kiến của tôi dĩ nhiên được mọi người đều

ủng hộ cả, thì anh Văn Cao phải thua thôi. Vì thế trong Giai Phẩm Mùa Xuân lại có một người rất trẻ là Phùng Quán.

**T.K.:** *Thưa anh, trước khi tiếp tục câu chuyện, xin anh xác định lại một lần nữa: Phong trào của các anh là tự phát chứ không dính dáng gì đến Liên Xô và Trung Quốc cả.*

**L.Đ.:** Hoàn toàn không có dính dáng gì đến Liên Xô và Trung Quốc cả. Tại vì, như tôi đã nói, lúc đó thì anh em bàn với nhau là làm một tập tự do sáng tác cơ mà. Giai Phẩm Mùa Xuân ra - nếu tôi nhớ không lầm - tháng giêng năm 1956, mà đến tháng 5/1956 mới có phong trào Trăm Hoa Đua Nở ở Trung Quốc. Vậy không có lý do gì một phong trào có sau lại ảnh hưởng đến phong trào có trước cả. Và lúc đó phải nói thật là chúng tôi cũng chưa nghĩ gì sâu xa lắm đâu, lúc đó tôi còn quá trẻ, chị Thụy Khuê ạ, tôi mới 26, 27 tuổi, tôi chỉ nghĩ rằng: anh em bây giờ ở trong điều kiện hòa bình thì phải chống lại vấn đề kiểm duyệt, nó khe khắt quá và hai là chống lại thứ văn nghệ độc tôn, thực hiện tự do sáng tác, tôi thấy vấn đề rất đơn giản: mỗi anh sáng tác một bài và chịu trách nhiệm bài viết của mình. Chúng tôi cũng chưa nghĩ là mình làm cái việc tày trời như thế, chuyện ấy nó sẽ đến sau, cho nên tôi cũng chẳng bận tâm gì đến Trần Hoa Đua Nở, tôi cũng chẳng bận tâm gì đến ông Hồ Phong, nhưng mà nếu nói đến một cái ảnh hưởng gì đó của Nga, thì đó không phải là ảnh hưởng của phong trào nào của Nga mà là ảnh hưởng một nhà thơ Nga mà tôi rất yêu mến, đó là Maiakovski. Như thế không thể gọi là ảnh hưởng phong trào này kia được. Hai là anh Cầm thì cũng không ảnh hưởng gì Maia cả, chỉ có tôi với Dân là ảnh hưởng Maia thôi, nhất là Văn Cao cũng chẳng ảnh hưởng gì của Maia cả, lại có cả anh Nguyễn Sáng và Sỹ Ngọc là những người của hội họa. Mà anh Sáng viết bài thơ thì xin lỗi, rất trung bình. Cho nên anh em là vui với nhau để chứng tỏ rằng những người nghệ sĩ, những người sáng tác có quyền sáng tác một cách tự do.

**T.K.:** *Sau khi Giai Phẩm Mùa Xuân ra đời, tác dụng của nó đối với người đọc như thế nào, thưa anh ?*

**L.Đ.:** In ra được một tuần thì thấy ảnh hưởng của nó ghê gớm quá, tôi và anh Cầm cũng không ngờ. Đi đâu lúc bấy giờ cũng thấy người ta nói đến câu thơ của Trần Dân:

*Tôi bước đi không thấy phố  
không thấy nhà*

*chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ*

và câu thơ của tôi mà sau này cụ Phan Khôi đã bình luận. Sau này tôi sẽ nói về chuyện đó. Nhưng mà đồng thời giông bão cũng đã bắt đầu thấy xuất hiện ở trên vòm trời rồi.

Hôm tôi đến hội, tôi gặp cụ Phan Khôi. Cụ Phan Khôi bảo: "Này, gay go đấy nhé!" Tôi bảo: "Cái gì mà gay go hở cụ?"

- Hôm nọ Tố Hữu đến đây phê phán Giai Phẩm Mùa Xuân nặng lắm và nói rằng: "Lũ này là lũ phản động", thì tôi có nói rằng: "Phản động hay không phản động chưa biết, cứ biết rằng người ta nói mình không bằng lòng thì mình viết, rồi để cho người ta trả lời", thì Tố Hữu nói ngay rằng: "Thừa giấy cho chúng nó viết à?" Phan Khôi không nói gì nữa.

Phan Khôi bảo tôi: "Cẩn thận!" Rồi chúng tôi chia tay nhau.

Lúc đó đi đâu cũng thấy người ta nói đến Giai Phẩm Mùa Xuân. Bấy giờ là gần Tết rồi và hôm ấy, vào khoảng độ 28 Tết, trên đường đi tôi gặp một người liên lạc của tôi, đang chạy xe đạp đi các phố để tìm tôi, bảo rằng: "Anh Tố Hữu có điện đi tìm anh và nói rằng mời anh lên Tuyên Huấn để kiểm thảo". Phản ứng đầu tiên là tôi rất bức mình. Tôi cũng là một người như mọi người khác, thì phải để cho tôi ăn Tết chứ? Tôi bảo với cậu liên lạc là: "Bây giờ em về, em cứ nói với cơ quan là không tìm thấy anh, rồi sau Tết anh sẽ lên".

Tôi nghỉ ăn Tết xong, mừng 5 Tết tôi lên gặp Tố Hữu. Lên, thì lúc ấy Tố Hữu ở trên gác, một anh chánh văn phòng xuống gặp tôi, nói rằng: "Anh đợi một lúc, anh Tố Hữu sẽ xuống!" Tôi phải nhắc lại với chị một lần nữa: Tôi là người trong suốt thời kháng chiến ở Tuyên huấn, cho nên tôi về Tuyên huấn như là tôi về nhà tôi vậy. Nhưng mà tôi thấy sao hôm nay về nhà mình, ngạc nhiên lắm, thấy cái nhà không phải là nhà mình nữa, trông nó lạnh lùng mà nó khác hẳn rồi. Ngồi ghé đợi, thì tôi thấy quyển Giai Phẩm Mùa Xuân để trên bàn, bài Nhất định thắng của Trần Dân với rất nhiều câu hỏi của anh Lành đánh bằng bút bi đỏ, ở chung quanh, nói ghê lắm,



và còn bài Ông bình vôi của tôi, thì bên cạnh câu: Bay cho cao, bay cho xa, anh Tố Hữu có đề câu hỏi: Bay đi đâu? Có phải bay vào miền Nam không? Tôi thấy tình hình gay go rồi: Mình làm chuyện sáng tác nhưng tự nhiên các ông ấy lại gắn vào cái chính trị, ngoài ý muốn của mình. Nhưng lúc ấy tôi chưa sợ. Tôi không có lý do gì mà sợ cả. Tôi vẫn tin ở sự trong sáng của mình và lúc ấy tôi vẫn tin vào sự trong sáng của Đảng.

Giai Phẩm Mùa Xuân ra vào tháng giêng, tháng hai, thì như thế là vào khoảng cuối tháng hai tôi đã bị gọi lên Tuyên huấn, chị thấy là tác động nó rất nhanh. Lúc đó tôi thấy anh Tố Hữu đi trên gác xuống, lần này anh Tố Hữu gặp tôi khác lắm, không chào hỏi gì cả. Và anh rút bao thuốc lá Trung Quốc trong túi ra anh ấy hút mà anh ấy không mời tôi.

Câu đầu tiên anh nói với tôi rất lạnh lùng: "Các anh muốn gì?" thì tôi hơi bực mình, tôi trả lời: "Chúng tôi chẳng muốn gì cả, chúng tôi chỉ muốn làm văn nghệ. Anh Tố Hữu này, chúng ta vẫn còn là đồng chí với nhau, cho nên anh không thể xử sự với tôi như người ngoài được. Có gì anh cứ nói một cách bình tĩnh." Lúc ấy anh Tố Hữu nghĩ thế nào mới rút một điếu thuốc lá mời tôi và chúng tôi bắt đầu nói chuyện. Câu đầu tiên mà anh Tố Hữu nói là: "Tôi rất lo cho tương lai chính trị của anh. Anh thì còn là người ở trong nội bộ, còn Trần Dần là hồng rồi. Chúng tôi đã có tài liệu rằng Trần Dần là có bàn tay của địch dúng vào. Vì anh còn là người của nội bộ cho nên chúng tôi mời anh đến đây kiểm điểm. Anh phải ở lại đây 15 ngày để kiểm điểm và để thấy rõ bộ mặt phản động của Trần Dần."

Thế là tôi ở lại đấy ăn cái Tết kiểm thảo 15 hôm. Tôi không phải làm việc gì cả, tức là theo cái cách ở Việt Nam người ta làm, anh cứ ngồi đấy "suy nghĩ" về những lỗi lầm của anh. Anh viết về những sai sót của anh. Lẽ dĩ nhiên, lúc đó anh Lành cũng không gây áp lực gì nhiều lắm đối với tôi. Tôi có nói với anh Lành thế này: "Tôi không thể căn cứ vào tác phẩm của anh Dần mà đi đến kết luận là anh ấy là phản động được. Dù anh có kéo dài nửa tháng hay một tháng cũng thế thôi: Không thể căn cứ vào tác phẩm của ai mà kết tội người ta là phản động được. Phản động là thuộc phạm vi của công an". Sau đó 15 ngày thì có một cuộc hội nghị rất lớn, hầu hết các nhân vật sừng sỏ nhất của Tuyên huấn, nào là anh Kính này, Kính là trung ương ủy viên và là phó ban Tuyên huấn, Nguyễn Trương này, Nguyễn Trương cũng là một tay kỳ cựu mà sau này có lỗi thôi với Nguyễn Hữu Đang trong vấn đề Nhân Văn. Cả thiếu tướng Lê Trường, ...nhiều, nhiều lắm. Cuộc họp rất to, mà ở bên này chỉ có tôi thôi (cười). Một người thì không thể nào cãi lại được tất cả mọi người. Nhưng tôi cãi được một điểm duy nhất mà tôi có thể cãi lại, và tôi cho là đúng, đó là: "Tôi không thể nào căn cứ vào một văn bản mà kết luận một người là phản động được". Lúc đó anh Tố Hữu nói: "Thôi được rồi, để anh suy nghĩ thêm, nhưng tổ chức đã có tài liệu." Thì tôi nói: "Tổ chức đã có tài liệu thì tôi còn phải kiểm điểm gì nữa." Tóm lại, cuộc đấu tranh rất căng thẳng. Sau đó, tôi được thả về vì đến đấy coi như đã xong và anh Dần cũng đã bị bắt rồi. Tức là cùng lúc tôi bị gọi lên kiểm điểm ở Tuyên huấn thì anh Dần bị bắt ở chỗ Cải cách ruộng đất. Trần Dần bị bắt cùng với Tử Phác, trong khi hai người đang đi thực tế học tập về chính sách Cải cách ruộng đất. Ba hôm sau, anh Dần cửa cổ tự tử, người ta buộc phải giải quyết vấn đề tức là cho anh Dần ra bệnh viện để chạy chữa và khuyên anh ấy không nên làm như thế. Vì vậy trong hình của Trần Dần trên báo Nhân Văn, Nguyễn Sáng có vẽ một vết sẹo ở cổ, chính là cái vết tự tử bằng mince lame trong cuộc bị bắt ấy. Rồi Giai Phẩm Mùa Xuân bị tịch thu và tự nhiên người ta gọi chúng tôi là nhóm Giai Phẩm Mùa Xuân.

## **II. Sự thành lập Nhân Văn và vai trò của Phan Khôi, Nguyễn Hữu Đang và Thụy An trong tờ Nhân Văn.**

Nếu Giai Phẩm Mùa Xuân dựa vào một nhóm văn nghệ sĩ thuần túy, thì tờ Nhân Văn có những khuôn mặt chính trị. Sự buộc tội nặng nề nhất của nhà cầm quyền hướng về "những tên đầu sỏ" Phan Khôi, Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo, Lê Đạt... Nhưng sự thật ra sao? Ai là "đầu sỏ"? Phan Khôi, Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo.. làm gì trong tờ Nhân Văn? Lần đầu tiên Lê Đạt trả lời công khai về những sự kiện này.

**Thụy Khuê:** *Thưa anh, có thể nói giai đoạn thứ nhì của phong trào Nhân Văn Giai Phẩm bắt đầu từ sự ra đời của tờ Nhân Văn, vậy thưa anh, báo Nhân Văn đã ra đời trong hoàn cảnh nào, ở thời điểm nào và do ai chủ xướng?*

**Lê Đạt:** Tháng 5 năm 1956, bắt đầu ở Trung Quốc có phong trào Trăm Hoa Đua Nở thì ở Việt Nam cũng bắt đầu có cuộc học tập văn nghệ về vấn đề dân chủ. Trong cuộc học tập này, anh em phê phán văn nghệ rất nhiều, trong đó nổi bật lên vai trò của anh Nguyễn Hữu Đang. Và tôi phải nói về anh Đang như thế này: Anh Đang là người hoạt động lâu năm ở trong Đảng, nhưng đã từ lâu - hình như có cái gì không bằng lòng mà trong danh từ của chúng tôi người ta thường gọi là "bất mãn" - anh không hoạt động nữa. Lúc bấy giờ Nguyễn Huy Tưởng có đón anh ấy ra để làm báo Văn Nghệ, cùng với tôi. Trong buổi học tập văn nghệ đó, anh Đang có đọc một bài tham luận rất hùng hồn về những sai lầm của lãnh đạo văn nghệ. Lúc đó Đang có nói một câu với Nguyễn Đình Thi - Nguyễn Đình Thi lúc ấy là một trong những người chịu trách nhiệm tờ Văn Nghệ - Đang nói rằng: "Thế nào tao cũng ra một tờ báo, tờ báo chưa biết tên là gì, tao thì không làm được nhưng để cho bọn Giai Phẩm Mùa Xuân nó làm". Đó là lời nói của Đang như thế. Trong tất cả các anh em Giai Phẩm Mùa Xuân chỉ có tôi là biết Đang thôi, nhưng do việc họp văn nghệ như thế thì Đang cũng dần dần biết anh em chúng tôi nhiều hơn, tiếp xúc với nhóm Giai Phẩm Mùa Xuân nhiều hơn, nhưng Đang cũng chỉ thân với tôi thôi. Thế còn Trần Dần, Văn Cao, và các anh em... cũng không thân gì với Đang lắm.

Đang nói với tôi: "Thế nào cũng phải ra báo và ra báo thì chắc là tụi mày phải làm thôi." Vì tình hình Trung Quốc họ làm như thế, cho nên ở Việt Nam cũng có cởi mở hơn về vấn đề dân chủ, tháng 9 năm 1956, cho tái bản Giai Phẩm Mùa Xuân. Như thế bước đầu, có thể gọi là một thắng lợi. Và trong tình hình sôi sục như thế Đang có đề nghị ra một tờ báo, tờ báo này chính là tờ Nhân Văn.

Tờ Nhân Văn thì không do tôi đặt ra, điều đó chắc là rõ ràng rồi. Và khi Giai Phẩm Mùa Xuân được tái bản thì lập tức nó đẻ ra một loạt những giai phẩm khác: Giai Phẩm Mùa Thu, Giai Phẩm Mùa Đông và bên phía sinh viên, là tờ Đất Mới. Tức là lúc đó tự nó hình thành một phong trào rộng lớn của trí thức miền Bắc: Giai Phẩm Mùa Thu, Giai Phẩm Mùa Đông, Đất Mới... Vì người ta tôn trọng Giai Phẩm Mùa Xuân mà thực tế cũng là thế, nên người ta vẫn cho rằng, chính cái gốc của tất cả những giai phẩm này cũng như của Đất Mới là Giai Phẩm Mùa Xuân. Lúc đó, anh Minh Đức có nói với tôi rằng: "Hay là bây giờ anh chịu trách nhiệm Tổng biên tập tất cả các giai phẩm này", thì tôi nói: "Tôi bận quá, tôi không thể làm được". Sau đó các anh ấy làm với nhau thôi, chắc là một phần là anh Đang, một phần là các anh ấy làm, tôi không làm.

**T.K.:** *Thưa anh, tất cả các Giai Phẩm Mùa Xuân, Mùa Thu, Đất Mới,... này ra đời, là một hiện tượng bột phát hay là có sự bàn bạc chung giữa các anh chị em tham gia phong trào Nhân Văn Giai Phẩm?*

**L.Đ.:** Cái đó không phải là bàn bạc gì với nhau, nhưng mà tự nhiên nó hình thành một phong trào đòi hỏi dân chủ và cách tân văn hóa ở miền Bắc, tập trung chung quanh Giai Phẩm Mùa Xuân và nhóm Đại Học do anh Đào Duy Anh, anh Trương Tửu, anh Thảo... và tôi thấy tình hình lúc ấy bắt đầu khó khăn. Tại vì lúc nó chỉ là một tập Giai Phẩm Mùa Xuân thì được, nhưng đến khi nó trở thành phong trào rộng lớn như thế này thì chắc là phải suy nghĩ một cách kỹ lưỡng hơn. Và chúng tôi lúc đó đều mệt mỏi lắm rồi. Làm xong Giai Phẩm Mùa Xuân cũng mệt lắm, vì cũng chỉ định làm một việc ngắn hơi thôi, phải nói thật là tôi không nghĩ đến việc dài hơi, để thành ghê gớm như thế này, tôi cũng không nghĩ như thế! Nhưng đời nó vẫn thế, mình làm là một chuyện, rồi cuộc đời nó đẩy đưa mình đi. Những Giai Phẩm Mùa Thu, Mùa Đông cũng vẫn tiếp tục việc của Giai Phẩm Mùa Xuân, với những bài này, bài khác rồi chị sẽ đọc sau, trong các tài liệu... Điểm chính là phong trào đã phát triển và cái này thì đúng là có ảnh hưởng Trăm Hoa Đua Nở của Trung Quốc: Tại vì phong trào Trăm Hoa Đua Nở của Trung Quốc nó làm cho Việt Nam phải suy nghĩ về chính sách văn học nghệ thuật của mình; chắc chắn đó là có ảnh hưởng, mình không nên phủ nhận cái ảnh hưởng của người ta. Nhưng ảnh hưởng sinh ra Giai Phẩm thì không có, tôi muốn nhấn mạnh ở chỗ ấy.

**T.K.:** *Thưa anh, tóm lại Giai Phẩm Mùa Xuân ra đời vào tháng giêng năm 1956, sau đó bị tịch thu; nhờ có phong trào Trăm Hoa Đua Nở ở Trung Quốc mà tháng 9/1956, Giai Phẩm Mùa Xuân được tái bản, đồng thời có thêm Giai Phẩm Mùa Thu, Giai Phẩm Mùa Đông, Đất Mới và tờ Nhân Văn. Xin anh nói về sự thành lập tờ Nhân Văn như thế nào và ban biên tập có những ai?*

**L.Đ.:** Xong Giai Phẩm Mùa Xuân thì tình trạng anh em, phải nói như thế này: Bây giờ anh Dần mới sinh cháu thứ nhất tức là cháu Kha bây giờ và tôi cũng bắt đầu lập gia đình thành ra chúng tôi đều có những lo lắng mới cả. Mà trong anh em thì cũng có nhận định như thế này: Vai trò của mình như thế cũng là xong, mình làm xong Giai Phẩm Mùa Xuân rồi thì cũng có thể nghỉ được.

Đến lúc ra báo Nhân Văn, cũng lại có nhiều khó khăn lắm: Anh Dần muốn trực tiếp lo chuyện gia đình vì anh ấy gặp nhiều khó khăn quá: bị bắt rồi lại phải lo cho con cái. Còn tôi lúc đó, tôi cũng muốn nghỉ. Anh Đăng lại không thuộc nhóm Giai Phẩm Mùa Xuân, anh Đăng là một cán bộ chính trị cũ thì anh chỉ biết tôi thôi, thế còn quan hệ với các anh ở Giai Phẩm Mùa Xuân thì anh Đăng lại không có. Mà các anh ở Giai Phẩm Mùa Xuân thì cũng không thích anh Đăng. Rồi anh em mới quyết định thế này: Anh Cầm anh ấy đang rỗi rãi thì giao cho anh Cầm, tách anh Cầm ra để làm việc cùng với anh Đăng.

Về số 1 Nhân Văn, nguồn gốc cái tên Nhân Văn, bây giờ kể lại, nó có hơi phức tạp, vì tôi không hiểu là ai nói đúng. Tôi chắc rằng các anh ấy cũng chẳng phải nói dối đâu nhưng mà chắc là trí nhớ của các anh không phục vụ các anh ấy một cách trung thành: Anh Cầm thì nói rằng tên Nhân Văn là do anh ấy nghĩ ra. Còn anh Đăng cũng nói Nhân Văn do anh ấy nghĩ ra, thì tôi cũng không hiểu như thế nào, nhưng có một điều khẳng định là tôi không nghĩ ra cái tên tờ Nhân Văn ấy. Cái ấy thì rõ. Còn việc ấy cứ để các anh tĩnh trí nghĩ lại. Mà tôi thấy việc ấy cũng chẳng đáng gì (cười). Nhưng sau, thấy tờ Nhân Văn lung tung quá, nhiều người đến, những nhà xuất bản ở nhiều nơi cũng đến ủng hộ tiền nong, mọi thứ, nhiều quá. Tự nhiên trở thành một phong trào rất to. Lúc ấy, các anh Giai Phẩm mới nói: "Thế này thì chắc là Lê Đạt phải vào rồi", tại vì các anh vẫn nghĩ rằng tôi là người có cái nhìn quán xuyến, còn Cầm thì chắc là không làm xuể. Anh em nói thế, thì tôi cũng đành vào thôi. Vào một cái, thì anh Đăng đặt luôn vấn đề: "Cậu phụ trách nhé!" Tôi nói rằng: "Cậu là đảng viên mà cậu đã thôi sinh hoạt, cậu còn chẳng phụ trách, mình là đảng viên đang sinh hoạt thì mình phụ trách thế nào được? Mình tham gia với cậu thế cũng là quá rồi còn gì, cậu đã biết kỷ luật của Đảng như thế, thì làm sao tham gia được?" Sau hai anh em bàn với nhau - thì sáng kiến này là của Đăng - Đăng bảo: "Hay là mời cụ Phan Khôi?" Mà cụ Phan Khôi cũng lại không thân gì với Đăng lắm. Thế là anh Hoàng Cầm đến mời cụ Phan Khôi. Thì Phan Khôi khẳng khái nhận lời ngay. Sau đó vì cụ Phan Khôi với tôi vốn có những quan hệ đặc biệt và cụ vốn biết tôi là người phụ trách chính trong tờ báo, thì tôi phải đến gặp cụ ấy. Tôi có nói với cụ Phan Khôi rằng: "Tôi phải nói thật với bác, tổ chức của báo thì nó không như một tờ báo chính thống đâu, nó lung tung lắm, cho nên tôi không thể nào đem tất cả các bài đến để cho bác duyệt được, với tư cách bác là chủ nhiệm tờ báo." Thế là ông Phan Khôi trợn mắt lên, nhìn tôi và nói rằng: "Ông buồn cười thật! Tôi đứng ra là tôi chịu trách nhiệm chứ, thế còn tôi tin nhiệm các ông, các ông làm, chứ tôi, làm sao tôi làm được!" Riêng việc ấy tôi rất phục ông. Tôi rất trọng thái độ của Phan Khôi. Mặc dầu ông Phan Khôi không có lãnh đạo trực tiếp gì tờ Nhân Văn cả nhưng trong thâm tâm tôi, bao giờ tôi cũng coi ông là người lãnh đạo tờ Nhân Văn. Do thái độ tự trọng của ông ấy. Một thái độ tốt của ông như thế. Chứ còn báo chí cứ nói rằng ông Phan Khôi lãnh đạo Nhân Văn thì quả thật ông Phan Khôi không làm gì trong tờ Nhân Văn cả, cái đó là rõ ràng. Nhưng mà nguyên cái việc một người dám đứng lên chịu trách nhiệm một việc tày đình như thế, thì việc ấy đáng phải đề cao mới được. Nhưng mà cái gì phải rõ ràng: Ông Phan Khôi không dính gì đến công việc hàng ngày của báo Nhân Văn cả. Chỉ lúc nào có việc gì lớn lắm tôi mới nói với ông ấy thôi, còn công việc là do chúng tôi làm cả.

**T.K.:** *Nhưng thưa anh, tờ Nhân Văn số 1 có đăng bài Phê bình lãnh đạo văn nghệ của Phan Khôi, thì bài này cũng mạnh lắm chứ ạ? (thật ra bài Phê bình lãnh đạo văn nghệ của Phan Khôi đăng ở Giai Phẩm Mùa Thu tập I)*

**L.Đ.:** Vâng, ông Phan Khôi, đó là ông ấy chịu trách nhiệm về bài viết của ông ấy thôi. Ông Phan Khôi từ xưa đến nay vốn là người viết văn thì ai cũng biết là ông ấy nói rất mạnh mà ông nói thì không bao giờ ông ấy rụt tay rồi. Nhưng mà, tôi nói thế này: ở trong tờ Nhân Văn số 1, có một bài của ông Phan Khôi, một bài của Hoàng Cầm nói về Trần Dần và một bài thơ Tự tử của tôi đăng như bài xã luận. Đó là ba bài sau này gây nhiều tiếng vang nhất ở Hà Nội đó. Nhất là cái bài Những người tự tử. Tôi nói thế không phải để hạ thấp vai trò của ông Phan Khôi mà tôi nói thế là tôi đề cao vai trò của ông Phan Khôi rất ghê, nhưng mà đồng thời mình cũng phải rõ ràng, không nên có những lẫn lộn trong những người làm việc, chắc là chị hiểu ý tôi chứ?

**T.K.:** *Dạ, thưa anh còn một người nữa mà trong cuốn sách Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước tòa án dư luận của Nxb Sự Thật in năm 1959, thì họ coi đó là một trong những thủ phạm rất nguy hiểm, đó là chị Thụy An. Theo anh vai trò của chị Thụy An trong phong trào Nhân Văn Giai Phẩm là như thế nào? Bởi vì cho đến nay thì mỗi người nói một cách khác nhau, thí dụ như anh Nguyễn Hữu Đang thì anh bảo: bà ấy không thuộc phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, vậy theo anh, chị Thụy An đã làm gì trong phong trào Nhân Văn Giai Phẩm?*

**L.Đ.:** Tôi phải đính chính một điểm mà mọi người đều hiểu lầm: Chị Thụy An chưa bao giờ ở trong Nhân Văn Giai Phẩm cả, đó là dứt khoát. Tại vì khi tôi thay mặt anh em làm Nhân Văn Giai Phẩm, thì tôi có đề ra mấy nguyên tắc mà tôi cho là rất nghiêm khắc: Một là, tất cả những người viết cho Nhân Văn Giai Phẩm phải đều là những người kháng chiến trở về. Lẽ dĩ nhiên là không phải mình phân biệt đối xử gì giữa anh em kháng chiến với anh em trong thành đầu, nhưng vấn đề Nhân Văn nó là vấn đề nguy hiểm, nếu có anh em trong thành viết, người ta sẽ dễ gây những lẫn lộn lắm. Hai là, không được nhận bất cứ số tiền nào của tất cả các nhà xuất bản. Tại vì lúc đó các nhà xuất bản đến ủng hộ tiền rất nhiều. Lẽ dĩ nhiên chị Thụy An là bạn của tôi mà tôi rất kính trọng nhưng chị Thụy An là người ở trong thành.

**T.K.:** *Thưa anh, anh vừa nói là các anh không lấy tiền của bất cứ nhà xuất bản nào muốn giúp đỡ Nhân Văn, như vậy anh Trần Thiếu Bảo, chủ nhà xuất bản Minh Đức phải là một người nhiều tiền lắm thì mới có thể bỏ ra để in Nhân Văn, Giai Phẩm và các tờ báo khác?*

**L.Đ.:** Đó là một sự lầm lẫn. Anh Trần Thiếu Bảo cũng không có nhiều tiền gì cả. Anh ta cũng là người tháo vát thôi. Mà anh ta từ kháng chiến về, Trần Thiếu Bảo chỉ có cái vỏ thôi, chứ Trần Thiếu Bảo làm gì có tiền! (cười). Nếu anh ấy có tiền thì anh ấy đã bị đi tù nhiều rồi. Anh ấy có một xu nào đâu! (cười). Nhưng mà anh này giỏi lắm, anh ấy đi mua giấy, mua chịu, việc nhà in anh ấy rất giỏi. Hơn nữa anh Trần Thiếu Bảo là một nhà in ở kháng chiến về. Việc quản trị tờ Nhân Văn là do anh Đang lo, tôi không có thì giờ lo việc ấy lắm nhưng mà thế này: nói chung là chúng tôi đều mua chịu giấy báo và sau đó thì hoặc là anh em vay nợ để mua giấy báo và in chịu và bán xong thì lại giả nợ. Đó là mình không lấy tiền nhưng mình lấy sự ủng hộ. Và cái việc ấy phải nói đến vai trò của anh Đang. Anh Đang là trước anh ấy hoạt động ở giới văn hóa trong nội thành, cho nên anh ấy quen rất nhiều những người làm văn hóa và những cơ sở in ấn ở nội thành. Đó là nguyên tắc đề ra thế, còn có vi phạm hay không thì cái đó tôi cũng chưa được kiểm tra một cách rõ rệt lắm.

**T.K.:** *Thưa anh bây giờ trở lại câu chuyện chị Thụy An một chút. Thưa anh người ta buộc chị Thụy An vào những tội gì?*

**L.Đ.:** Tôi nhắc lại một lần nữa là chị Thụy An chưa bao giờ ở trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm cả. Nhưng chị Thụy An rất thân với anh em trong Nhân Văn Giai Phẩm và đặc biệt là thân với tôi. Người ta buộc tội chị Thụy An, người ta cứ buộc tội mập mờ thế thôi, nhưng tội chính của chị Thụy An là thế này: Là gián điệp cài lại để lũng đoạn nhóm Nhân Văn Giai Phẩm. Nhưng cho đến khi tôi biết thì tôi cũng chẳng thấy chị ấy viết bài nào cho Nhân Văn Giai Phẩm cả. Thế mà chị ấy đối với tôi thì lại rất quý, chị ấy luôn luôn mua đồ đạc cho tôi, cho vợ con tôi, và tôi cũng chẳng thấy chị ấy bàn với tôi về việc viết một bài nào cho Nhân Văn Giai Phẩm cả. Thế cho nên việc ấy tôi cho cũng là một cái oan rất lớn.

**T.K.:** *Người ta buộc tội chị ấy là gián điệp, nhưng theo anh, anh rất thân với chị ấy thì anh thấy chị ấy có là gián điệp không?*

**L.Đ.:** Tôi có thể bảo đảm 100% chị ấy không phải là gián điệp. Tại vì thế này: Nếu là gián điệp thì phải có chứng cứ chứ! Chị nhận tiền của ai? Nhận tiền ở đâu? Liên lạc với ai? Cho đến bây giờ tôi vẫn thấy đó là một câu hỏi mà nhà nước chưa trả lời tôi được. Chưa có chứng cứ thì làm sao có thể kết luận người ta là gián điệp được. Thì cứ cho tôi là người mù mờ đi, tôi bị chị mua chuộc đi. Tôi nhớ lại tất cả cuộc đời của tôi, thì chị ấy chưa mua chuộc tôi lần nào cả. Và chị ấy chỉ giúp đỡ tôi rất nhiều. Cho nên đến bây giờ tôi thấy là: Riêng về trường hợp chị Thụy An, tôi vẫn rất ân hận. Tại vì chúng tôi đã được phục hồi nhưng chị Thụy An chưa được phục hồi gì cả. Mà một trong những tội lớn nhất của chị ấy là mua chuộc tôi. Thì như các bạn đã biết, tôi chưa từng cảm thấy bị mua chuộc mà chắc cũng chưa ai mua chuộc được tôi. Cho nên tôi thấy riêng tôi bây giờ nói những dòng này, tôi vẫn khao khát và thiết tha có một dịp nào đó, người ta phục hồi chị Thụy An một cách chính thức. Không có thì riêng tôi, tôi đối với chị Thụy An, tôi vẫn cho là món nợ. Còn về chị Thụy An, tôi phải nói thế này: Chị Thụy An là một người rất giỏi. Chị ấy là một trong những cây bút nữ đầu tiên của Việt Nam. Mà theo tôi, chị Thụy An nói kín hờ cho tôi biết, thì chị ấy đã từng tham gia kháng chiến! Việc liên lạc với kháng chiến trong thời ấy thì mình mất mối là chuyện bình thường, mà mất mối thì mình không thể chứng minh được. Bây giờ cũng đã lâu rồi, đã gần 50 năm rồi. Tôi thấy chúng ta có thể mở những kho tài liệu ra để buộc tội hoặc minh oan cho một người cho rõ ràng và khi mình đặt rõ ràng về phạm vi rồi thì mình phải trả lại danh dự cho người ta. Và lúc đó chúng ta hãy bàn đến vấn đề chị Thụy An đóng góp gì trong cái phong trào thời ấy. Lúc đó chúng ta có đủ bình tĩnh hơn để bàn về vấn đề này. Riêng tôi thì không bao giờ tôi quên công của chị Thụy An đối với tôi cả.

### **III. Nội dung báo Nhân Văn và sự đình bản tờ Nhân Văn**

Ba "điểm nóng" trong tờ Nhân Văn số 1: Bức tranh Nguyễn Sáng vẽ Trần Dần với vết sẹo cửa cổ, bài "Con người Trần Dần" của Hoàng Cầm và bài thơ dài "Nhân câu chuyện mấy người tự tử" của Lê Đạt đăng trọn một trang báo lớn. Đó là ba yếu tố sau này trở thành biểu tượng của tờ Nhân Văn số 1. Một mặt khác, Nhân Văn còn có những bài xã luận chính trị, đòi hỏi tự do dân chủ, ký tên Người Quan Sát. Vậy Người Quan Sát là ai? Nguyễn Hữu Đang và Lê Đạt là hai thành viên của Nhân Văn bị buộc tội nặng nhất, trong một bản cáo trạng, người ta xác định Lê Đạt như sau: "Là một người chủ chốt của báo Nhân Văn, tham mưu cho cả tờ báo, tự tay sửa chữa nhiều bài, đã kích chế độ ta rất là cay độc". Hôm nay, nhà thơ Lê Đạt sẽ nói rõ vai trò của ông và Nguyễn Hữu Đang trong tờ Nhân Văn và lý do nào đã khiến Nhân Văn bị đóng cửa.

**Thụy Khuê:** *Thưa anh, khi báo Nhân Văn số 1 ra đời thì dư luận công chúng đã đón nhận nó như thế nào?*

Lê Đạt: Đòi tôi thì chưa bao giờ tôi thấy một tờ báo mà được hoan nghênh như thế. Tức là khi số 1 Nhân Văn, từ nhà in Xuân Thu ra đến Nhà Hát Lớn, vào khoảng độ gần 2 cây số, thì có khi người bán báo phải đi đi về về đến 10 lần để lấy báo, tại vì hết ngay và người ta chen ra đường người ta mua, thậm chí người ta đưa tiền ra mà không ai lấy tiền trả lại cả! Lúc đó tôi đứng đấy tôi nhìn thì tôi mới thấy đúng là "ngày hội của quần chúng", không biết ngày hội ấy có kéo dài nhiều không nhưng đúng là ngày hội của quần chúng thật, tức là: không thể đi được! Bản thân tôi, tôi cũng không đi được. Cứ ra thì người ta lấy hết báo, lại vào, lại cứ liên tục như thế mà chẳng phải quảng cáo gì cả. Số 1 báo Nhân Văn ấy, sau khi nó ra rồi, đi đâu tôi cũng thấy người ta nhắc lại hai câu thơ của tôi:

*Đem bọc công an đặt giữa trái tim người*

*Bất tình cảm ngục xuôi theo đúng luật đi đường nhà nước*

Nhất là sinh viên ủng hộ rất nhiều. Tờ báo Nhân Văn số 1 lập tức là phải in lại sau đâu có một hai ngày gì đó. Hình như báo nhà nước lúc đó cũng chưa có chuẩn bị đối phó trước một hiện

tượng đột ngột như thế, sau này, sự đối phó đến sau, thì lúc đó tất cả các báo, nhất là báo Nhân Dân, thường xuyên phản pháo. Ở trên báo Nhân Dân đã đành, còn các đoàn thể đều học tập vấn đề Nhân Văn cả. Nhưng vì lúc đó tình hình bên Trung Quốc vẫn chưa có gì xảy ra cả, người ta vẫn trầm hoa đua nở, người ta vẫn trầm nhà đua tiếng thành ra ở Việt Nam vẫn vừa nghe ngóng mà cũng thấy rằng bên Trung Quốc chưa động tĩnh gì cho nên vẫn tiếp tục để cho tờ Nhân Văn ra đời.

**T.K.:** *Thưa anh, anh và anh Đang bị kết tội khá nặng nề về tờ Nhân Văn, người ta coi anh là một cột trụ. Vậy xin anh cho biết thật rõ anh đã làm gì trong tờ Nhân Văn, về vai trò của anh và anh Nguyễn Hữu Đang.*

**L.Đ.:** Đến số sau thì tình hình càng ngày càng phức tạp, lúc đó không thể nào dừng lại ở vấn đề văn nghệ được nữa; tại vì tình hình đấu tranh ở Đông Âu đang nổi lên, thì Nhân Văn phải có ý kiến. Thế là chúng tôi phải ra hẳn một số về Ba Lan - Hung Ga Ri và ra hẳn một số về Ba Lan. Những số đó tôi phải làm hết sức vất vả. Bây giờ tôi phải nói cái việc tôi làm trong báo Nhân Văn: tại vì tôi phải chịu trách nhiệm với anh em Giai Phẩm, là phải lo về phần chính trị của báo Nhân Văn. Mà ở trong cái chính trị ấy thì phải chú ý đến nhất bài xã luận của anh Nguyễn Hữu Đang. Tôi không hiểu anh Đang nghĩ gì, nhưng anh Đang có cách làm việc rất đặc biệt và tôi thấy chưa ai làm việc như thế cả, tức là anh ấy viết bài xã luận thì anh ấy viết rất lâu, mà mỗi lần anh đưa đến nhà báo cho tôi thì anh ấy chỉ đưa một đoạn thôi, đến giờ chót in báo thì anh ấy mới đưa đoạn cuối cùng. Tôi không biết anh ấy nghĩ gì, nhưng anh ấy nói rằng: "Moa viết vội lắm, moa viết khó lắm." Vì thế đêm nào in báo tôi cũng phải thức để đợi xem câu chót của bài xã luận anh ấy như thế nào, thành ra rất vất vả. Mà anh em cãi nhau ở nhà in rất nhiều, và không thể làm thế nào được tại vì cách làm việc của anh ấy như thế thì tôi cũng phải chịu thôi. Thế đến số Ba lan - Hung ga ri thì Đảng và nhà nước đã khó chịu lắm rồi. Cái bài nói về bài học Ba lan Hung ga ri tuy ký tên là Người Quan Sát nhưng chính là tôi viết. Tại vì tôi với Đang đều ký tên là Người Quan Sát cả, nhưng về hai bài ấy, anh Đang có nói: "Toa viết thì toa phải nhận", vậy tôi xin chính thức nhận ở đây! (cười).

**T.K.:** *Trong hai bài đó anh đã viết những gì?*

**L.Đ.:** Lúc bấy giờ quan niệm của Đảng cũng như của phe Cộng Sản là như thế này: Bọn Mỹ và bọn phản động nó kích động thì mới xảy ra cái vụ Ba lan - Hung ga ri, thì tôi có nói đại ý rằng: "Cái đó không phải, tức là xuất phát tự ta, ta bậy quá cho nên tại kia nó mới nhúng vào được, chứ nếu ta tử tế thì không việc gì nó nhúng vào được cả. Cho nên, việc thứ nhất ta không nên sợ vì chúng nó can thiệp mà ta không chính đốn việc của ta". Đó là việc mà mọi người trong các báo chính thức rất khó chịu và họ vẫn cho tôi là lẫn lộn ta địch. Nhất là bấy giờ đại sứ Ba lan cũng viết thư phản đối tôi, nói là: "Ông lẫn lộn giữa Ba lan và Hung ga ri. Hung ga ri khác, Ba lan khác." Cho nên tình hình lúc đó phức tạp lắm chứ không phải là đơn giản. Nhưng đến bây giờ tôi cũng không thay đổi ý kiến: "Nếu mình không làm bậy thì đế quốc và những thế lực thù địch cũng không làm gì được cả. Bậy là chính tự ta". Đây tôi xin trả lời chị tóm tắt bài tôi viết như thế, tức là đi ngược lại với nhận định của Đảng lúc bấy giờ.

**T.K.:** *Thưa anh, báo Nhân Văn số 6 là số đưa đến sự đóng cửa của tờ Nhân Văn, vậy bài gì trong số 6 đã đưa đến cơ sự này? (thật ra là số 5).*

**L.Đ.:** Số 6 thì thế này. Số 6 thì anh Đang cũng như thường lệ, anh ấy vẫn đưa cho tôi từng mẫu một. Tôi có xem đến các chỗ, kể cả biểu tình, nhất là cái quyền được biểu tình thì tôi có xem kỹ lại. Về vấn đề biểu tình ấy tôi thấy là cái quyền biểu tình cũng đơn giản thôi: vì trong các nước xã hội Cộng Hòa thì bao giờ cũng có biểu tình, quyền biểu tình là bình thường. Tôi xem kỹ lại và tôi hỏi Đang: "Ông viết thế này, ông đã nghĩ kỹ chưa?" Thì Đang đưa cho tôi xem bản hiến pháp Trung Quốc, tôi cũng thấy là đúng có những chữ ấy thật, mà lúc đó cũng vội quá, tôi không kịp nghĩ đến một ẩn ý gì của anh Đang, và tôi cũng không biết anh ấy có ẩn ý hay không. Cái đó chỉ có anh Đang biết thôi, mình làm báo thì mình chỉ xem nếu không có lỗi gì thì mình phải cho thông qua. Và tôi cũng đồng ý cho thông qua bài xã luận ấy. Thế nhưng cái bài xã luận ấy khi đang in sous presse thì bị ách lại. Và ở trên nói rằng Nguyễn Hữu Đang hô hào biểu tình. Lúc đó, riêng tôi, tôi phản đối ý kiến đó, đấy là mình đang nói về hiến pháp Trung Quốc cơ mà,

chứ có phải mình nói đến vấn đề chung chung đâu. Mà bây giờ, không nói về ý định tác giả, cái ý định của tác giả thì biết thế nào được; nhưng trên giấy trắng mực đen, tôi chưa thấy có gì chứng tỏ Nguyễn Hữu Đang hô hào biểu tình cả.

Và tờ báo ấy, chính bị ngừng lại là vì câu của Nguyễn Hữu Đang viết trong bài xã luận.

**T.K.:** *Anh còn nhớ câu anh Đang viết trong bài xã luận ấy là câu gì không?*

**L.Đ.:** Tôi không nhớ, nhưng mà thế này này: Chu Ân Lai có nói rằng: Hiến pháp Trung Quốc công nhận quyền tự do, dân chủ rộng rãi của nhân dân, kể cả quyền biểu tình. Thì tôi xem lại hiến pháp Trung Quốc cũng có thật, mà Chu Ân Lai cũng có nói thật, nhưng mà không biết cái ẩn ý như thế nào. Lúc đó, một là, tôi vội quá, tại vì bao giờ tôi cũng cập rập. Hai là, có khi anh Đang anh ấy vô tình cũng nên. Mình không nên đổ tội cho người ta một cách không có bằng cứ gì cả. Thế thì sau đó là bị ách lại ngay. Và tôi thấy tất cả các nơi đã bắt đầu nói rằng: Tờ Nhân Văn công khai hô hào nhân dân biểu tình. Lúc ấy tôi cũng phản đối rất ghê. Như thế là tờ báo ra được 5 số, tức là đời sống của nó cũng chỉ có độ ba, bốn tháng thôi nhưng nó đã để lại một ấn tượng rất lớn trong đời sống văn hóa của nhân dân Việt Nam.

**T.K.:** *Thưa anh, tóm lại tờ Nhân Văn bị đóng cửa chỉ vì bài viết của anh Nguyễn Hữu Đang hay là còn có những lý do gì khác nữa?*

**L.Đ.:** Theo tôi bài của anh Nguyễn Hữu Đang chỉ là cái có thôi, chứ còn người ta định đóng tờ Nhân Văn từ lâu rồi. Nhưng nếu anh Đang không có chủ ý gì, thì riêng việc đó, theo tôi, viết báo như thế cũng là một sơ hở. Bao giờ người ta cũng căn cứ vào cái sơ hở người ta đánh thôi, chứ còn người ta đã định từ lâu rồi. Sau tờ báo, cũng chả có ai biểu tình gì cả; vì thế tôi cũng cho là cái có thôi. Người ta đã định đoạt số phận của tờ này từ lâu lắm rồi. Tôi thấy tất cả các công đoàn, tất cả các cơ quan đều học tập về báo Nhân Văn từ trước khi người ta đóng cửa cơ mà, và mọi người đều nói tờ báo đó là phản động.

**T.K.:** *Thưa anh như vậy là trong lúc anh làm tờ Nhân Văn anh còn làm cả tờ Văn Nghệ nữa?*

**L.Đ.:** Vâng, tôi vẫn làm tờ Văn Nghệ. Và cái điểm này tôi muốn nói với chị một chuyện hơi buồn cười mà nó cũng không ra gì. Tức là khi đưa tờ Nhân Văn ra quảng cáo ở ngoài đường - Đang thì bao giờ cũng thích quảng cáo - tôi có nói rằng: "Không thể quảng cáo tên tôi được". Mà họ quảng cáo tên tôi âm lên ở ngoài đường. Tôi bảo Đang: "Tại sao cậu lại không tuân thủ ... " Thì Đang nói: "Thế thì tao xóa đi vậy". Nó xóa nham nhờ (cười). Vẫn còn tên tôi ở ngoài đường (cười). Thế là hôm ấy tôi đến, có cả Chế Lan Viên, có Nguyễn Công Hoan, có Bùi Hiền... đứng ở 51 Trần Hưng Đạo, trụ sở hội Văn Nghệ đó, tôi đi vào, Chế Lan Viên gọi: "Lê Đạt vào đây." Tôi vừa vào, Chế Lan Viên bảo: "Mày đứng đằng sau mày lãnh đạo tờ Nhân Văn phải không?" Tôi bảo: "Không, nó xóa tên tao rồi." Chế Lan Viên bảo: "Nó xóa tên mày mà nó đăng bài thơ của mày cả một trang báo à?" Chế Lan Viên vốn là người thô lỗ, chửi luôn: "Tiên sư thằng nào lãnh đạo mà giấu mặt" (cười). Đấy, chị thấy không khí rất căng thẳng. Căng thẳng lắm. Nhưng mà tôi vẫn bình thường, công việc tôi, tôi vẫn làm. Nhưng anh em khó chịu với tôi lắm, ở cái hội nghị Đảng nào, người ta cũng nêu tên tôi, tôi trở thành một phần tử indésirable. Nhưng người ta cũng chưa có gì cụ thể đối với tôi cả. Đến khi Nhân Văn bị cấm rồi, thì ở bên Trung Quốc người ta vẫn tiếp tục phong trào dân chủ, lúc ấy, Đảng và nhà nước thấy rằng: Cho là cái Nhân Văn Giai Phẩm nó quá đáng đi, thì đóng cửa lại, nhưng bây giờ cũng phải thu xếp sao cho nó ổn thỏa. Và như thế là tôi không làm báo Văn Nghệ nữa, về Hội Nhà Văn làm đối ngoại. Trần Dần cũng đã ra khỏi quân đội rồi, về Hội Nhà Văn làm ban sáng tác. Mà nó lại buồn cười thế này: Khi thành lập Hội Nhà Văn ấy, vào tháng 4 năm 1957, thì khi bầu ban chấp hành - lẽ dĩ nhiên là ban chấp hành cũng không có quyền gì - lại có cả Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh mà ai cũng biết là có tham gia Nhân Văn, như thế để biết là, lúc ấy, ở trên cũng chưa có một chủ trương nào dứt khoát cả, vì họ còn mở rộng để cho Hoàng Cầm và Hoàng Tích Linh vào ban chấp hành cơ mà. Thì đủ biết rằng lúc ấy chưa có chủ trương đánh đấm gì dứt khoát cả, hình như họ vẫn muốn là: thôi, bây giờ đoàn kết nhau lại để làm được một cái gì đó tốt đẹp hơn, thì cái Hội Nhà Văn này sẽ ra đời tờ báo Văn đó.

**T.K.:** *Có phải vì Đảng bắt đóng cửa tờ Nhân Văn cho nên Đảng cho ra tờ báo Văn để thay thế tờ Nhân Văn, có phải như vậy không thưa anh?*

**L.Đ.:** Không, không, cái đó không phải chị ạ. Để tôi nói rõ ràng, cái đó không phải đâu. Đảng - chị nghĩ hơi phức tạp quá và hơi tế nhị quá - chắc là Đảng không có những bận tâm phức tạp và tế nhị như thế. Tức là sau đó thì tờ Nhân Văn bị cấm. Nhưng chị nhớ là lúc đó ở bên Trung Quốc vẫn tiếp tục phong trào Trăm Hoa Đua Nở, Trăm Nhà Đua Tiếng. Thì tháng 4 năm 1957 có hội nghị thành lập Hội Nhà Văn, lẽ dĩ nhiên là tờ Nhân Văn bị cấm nhưng những anh em Nhân Văn thì vẫn chưa bị gì lắm. Như tôi chẳng hạn, tôi đang chịu trách nhiệm tờ Văn Nghệ thì người ta chuyển tôi sang làm ban đối ngoại của Hội Nhà Văn thôi, tức là lúc bấy giờ tôi không được dính gì đến báo chí nữa thôi chứ không có một lời phê phán nghiêm khắc gì. Thành lập Hội Nhà Văn thì Hội Nhà Văn cho ra tờ báo Văn, mặc dầu, lúc đó tôi ở Hội Nhà Văn, nhưng tôi cũng không tham gia gì vào cái tờ này cả. Tại vì thế này: Tôi thì rất không thích ông Nguyễn Hồng và Nguyễn Hồng cũng không thích tôi. Lúc ấy Nguyễn Hồng là thư ký tòa soạn của tờ báo Văn và Tô Hoài là Tổng thư ký Hội Nhà Văn, đồng thời làm giám đốc nhà xuất bản. Thì lẽ dĩ nhiên là họ cũng chẳng cần gì đến tôi.

**T.K.:** *Thưa anh, trong tờ Văn còn có cả Nguyễn Công Hoan và Nguyễn Tuân nữa và hình như Nguyễn Tuân có viết bài gì nên tờ Văn sau đó cũng bị lôi thôi? (Thực ra thì báo Văn số 36, bị đình bản vì bài Ông Năm Chuột của Phan Khôi)*

**L.Đ.:** Về Nguyễn Tuân và Nguyễn Công Hoan thì phải nói như thế này: Nguyễn Công Hoan và Nguyễn Tuân thì hầu với Tô Hoài. Mà ông Tuân thì tính ông ấy khó tính, thỉnh thoảng ông ấy hay bực sặc, thế thôi. Thế thì, khi báo Văn ra, có một chuyện gì đó, thì cãi nhau với báo Học tập, báo Học Tập là báo của Đảng. Cãi nhau thì tôi cũng cho là bình thường thôi, Nguyễn Tuân có viết một bài trả lời trên báo Văn. Nhưng lúc đó, tình hình nó xảy ra như thế này:

### **Tháng 5 năm 1957 ra báo Văn.**

Cuối năm 1957 Trung Quốc đánh phái hữu, nếu tôi nhớ không lầm thì như thế. Lúc đó Đảng mới có một thái độ dứt khoát: Người ta nói rằng báo Văn như thế là hậu thân của báo Nhân Văn và như thế phải có một cuộc học tập đấu tranh để làm tuyệt hết tất cả. Tức là ở Hội Nhà Văn, tuy Nhân Văn đã chết nhưng nọc độc của Nhân Văn vẫn còn. Và rằm tháng giêng năm 1958 thì có lớp Thái Hà đấu tranh chống Nhân Văn Giai Phẩm. Tôi phải nói với chị rằng Nhân Văn Giai Phẩm đã chết từ tháng 12 năm 1956 tức là người ta đánh như thế - nói theo kiểu pháp luật - là sai, đã hồi tố, không ai đánh một việc đã xong rồi. Tức là như thế này: Tháng giêng năm 1958 tổ chức lớp Thái Hà để đấu tranh chống Nhân Văn mà số 6 Nhân Văn thì đã chết từ tháng 12 năm 1956 rồi.

**T.K.:** *Từ khi Nhân Văn bị đóng cửa đến lúc anh bị đưa ra lớp Thái Hà, trong suốt thời gian đó anh làm gì?*

**L.Đ.:** Khi thành lập Hội Nhà Văn thì báo Nhân Văn đã đóng cửa rồi, và thành lập Hội Nhà Văn ấy trên khẩu hiệu đoàn kết mọi người, trong đó một số anh em Nhân Văn cũ cũng tham gia, như anh Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh, và họ ra tờ báo Văn, thì báo Văn họ làm với nhau, chứ tôi không dính gì đến báo Văn cả, mà anh em Nhân Văn thì đã tan nát mỗi người một nơi. Và tôi phải nói với chị điều này nữa: Tháng 5-1957, khi ra tờ báo Văn thì tôi vẫn có chân trong Đảng. Đến tháng 7-1957 tôi viết một bài thơ dài tên là Cửa hàng Lê Đạt, trong lúc ấy, là giữa cao trào cải tạo tư sản miền Bắc. Bài Cửa hàng Lê Đạt chưa in thì đã có nhiều người nói lắm rồi, đi đâu người ta cũng xì xào: "Lê Đạt nó sắp sửa nổ một trái bom". Lúc ấy, in ở nhà Xuân Thu, đang in, tôi thấy Việt Dung - là một cán bộ của sở Văn Hóa - Việt Dung bảo tôi:

- Sao lúc nào cậu cũng lôi thôi thế!

- Cái gì mà lôi thôi?

- Nó cấm rồi?

- Cấm cái gì?

- Thế cậu không biết à? Nó biểu tình rồi. Nó ngừng không in quyển của cậu nữa.

Tôi chạy xuống thì thấy bản thảo người ta cũng lấy rồi, gỡ hết cả chữ rồi, không còn gì nữa.

Tức là khi đang in sous presse, thì người ta vận động công nhân -chả biết có vận động không-



tự nhiên thấy công nhân đứng lên phản đối, ngừng, không in nữa, và nói rằng: "Tác phẩm này đi ngược với quyền lợi của công nhân!"

Sau cái Cửa hàng Lê Đạt ấy, người ta vu tôi là gì? Là giữa cao trào cải tạo tư sản mà Lê Đạt viết bài Cửa hàng Lê Đạt là tiếp tay với bọn tư sản. Lập tức người ta triệu tập tôi đến hội nghị chi bộ. Lúc này tôi chính thức bị khai trừ khỏi Đảng Cộng Sản Việt nam, tức là vào khoảng tháng 7 năm 1957.

Sở dĩ tôi phải nói chỗ đó cho rõ vì thế này: Lớp đấu tranh Thái Hà có hai lớp. Theo thói thường của Đảng, bao giờ họ cũng tổ chức hai lớp: Một lớp vào tháng hai, năm 1958, để chuẩn bị cho các đảng viên. Và lớp thứ hai, tháng ba, năm 1958 cho tất cả mọi người. Thái Hà là chỗ gần làng ông Hoàng Cao Khải, đó là trường công đoàn và ở đó người ta tổ chức một lớp đấu tranh ghê gớm nhất đối với Nhân Văn Giai Phẩm. Sau này mọi người đều nhắc đến nó và gọi là lớp Thái Hà.

#### **IV. Lớp đấu tranh Thái Hà và quyết định kỷ luật đối với Nhân Văn Giai Phẩm**

Trong các tài liệu chính thức, lớp đấu tranh Thái Hà được gọi là hội nghị: "Đầu năm 1958, có hai cuộc hội nghị của anh chị em công tác văn nghệ, nghiên cứu nghị quyết của Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương đảng Cộng Sản Việt nam, kết hợp với hai bản tuyên ngôn và tuyên bố của hội nghị các đảng Cộng Sản và các đảng công nhân họp ở Mạc Tư Khoa, cuối năm 1957. Hội nghị đầu, tháng 2 năm 1958, gồm có 172 người dự. Hội nghị sau, tháng 3 năm 1958, gồm có 304 người dự. Qua hai cuộc hội nghị ấy, tất cả những nhân vật bĩ ối đã được phát hiện" (trích "Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước tòa án dư luận", nxb Sự Thật, Hà nội, 1959, trang 309). Nhưng trong thực tế, nội dung những "hội nghị" này là gì? Lê Đạt, chứng nhân không thể loại trừ, sẽ thuật lại quang cảnh những gì đã xảy ra.

**TKê:** *Thưa anh, về mặt thực tế thì có thể nói là sau khi Trung Quốc đánh phá hữu, bên Việt Nam mới bắt đầu tổ chức lớp Thái Hà?*

Lê Đạt: Cuối năm 1957, như Thụy Khuê đã biết, Trung Quốc bắt đầu đánh phá hữu thì tháng 2 năm 1958 bắt đầu tổ chức cái lớp mà người ta gọi là lớp đấu tranh Thái Hà để chống phong trào Nhân Văn Giai Phẩm. Lúc ấy Nhân Văn đã đóng cửa được gần hai năm rồi, tức là đánh là đánh lại đấy thôi. Lớp đầu tiên tổ chức cho các đảng viên, tôi không là đảng viên nữa thì dĩ nhiên là tôi không được đi học. Lớp đó có Văn Cao, Đặng Đình Hưng... tức là người ta vận động các đảng viên khác phát hiện tất cả những tội của những đảng viên tham gia Nhân Văn Giai Phẩm đã đành rồi, nhưng còn để phát hiện cả những tội của những người chưa tham gia Nhân Văn, của quần chúng, vì vậy người ta phải làm trong buổi trước.

Tôi thấy lớp đó đã gay go lắm rồi, vì tôi gặp Đặng Đình Hưng mà Đặng Đình Hưng không dám nói gì cả, chỉ bảo: Gay lắm! Gay lắm! Văn Cao cũng không nói gì cả, thì tôi biết là gió đã thổi mạnh lắm rồi. Hôm đó là ngày mừng 2 (tức là trước Tết Âm lịch), tôi đến Hội Nhà Văn thì tôi thấy không khí đã khác lắm. Gặp Tô Hoài thì Tô Hoài bảo: "Tí nữa tao ra tao nói chuyện với mày". Tôi hẹn Tô Hoài ở hàng cà phê mà hai người vẫn gặp nhau, nhưng tôi đến thì Tô Hoài cũng không đến nữa, tôi biết là tình hình căng lắm rồi. Căng lắm rồi. Đến tháng ba (tức là sau Tết), năm 1958, họ tổ chức một cuộc họp rộng rãi cho tất cả những anh em Nhân Văn Giai Phẩm. Tôi phải nhắc lại với chị thế này: Không phải là chị Thụy An, anh Duy và ông Phan Khôi không chịu đi học, ở đấy người ta chia ra: Những người nào hoạt động chính trị mà người ta cho là có tính chất phản động, là những phần tử xấu thì người ta không cho đi học lớp ấy, Phan Khôi, Thụy An, Trần Duy không được học. Chỉ có những văn nghệ sĩ mà người ta cho là những người vì quan điểm lầm lạc, được Đảng chiếu cố cải tạo giúp đỡ, thì mới được đi học lớp ấy thôi. Cho nên đi học lớp ấy gay go thế cũng là một ưu tiên.

**T.K.:** *Thưa anh, trong lớp học ấy mọi người phải làm những gì?*

**L.Đ.:** Khi tôi đến, anh Tố Hữu có nói thế này: "Các anh làm thì sai rất nhiều, nhưng mà Đảng thấy các anh còn trẻ và đều là những người kháng chiến cả cho nên Đảng vẫn tin rằng các anh còn ở lại được hàng ngũ của kháng chiến. Nhưng ở lại hay không ở lại là tùy các anh. Đảng lúc

nào cũng sẵn sàng, nhưng các anh có muốn ở lại hay không mà thôi". Tôi chưa thấy một cuộc họp nào gay gắt như thế. Đây không phải là một cuộc học tập mà là một cuộc đấu tranh, nó khác hẳn các cuộc học tập khác. Người ta bắt đầu, trong những ngày đầu, vạch tất cả những tội của những người trong Nhân Văn Giai Phẩm, những ai nhớ được gì thì nói ra..., nó như là một cái tội... tố cáo (cười)! Tôi kể với chị, ví dụ một chuyện: Trong một bữa ăn uống ở cuối Tết, tính Tử Phác nó vẫn hay gây gỗ với người này người khác, thì tôi có nói một câu rằng là: "Thôi, năm mới, mẹo mới." Thế là người ta cũng mang ra cái hội nghị ấy người ta nói: "Năm mới, mẹo mới là cái gì? Mẹo mới chỉ là mẹo chống Đảng chứ gì, thì phải nói ra!" (cười). Cho nên mọi việc phức tạp vô cùng, nó gây một không khí rất căng thẳng. Nó không còn là một cuộc học tập nữa cho nên phải gọi là cuộc đấu tranh. Trong khi "học" như thế thì công an đi ra đi vào rất nhiều, mà đi một cách rõ ràng cho mình trông thấy chứ không phải người ta kín đáo gì.

Sau khi tất cả mọi người phát hiện các tội của Nhân Văn xong rồi, thì mới đến lượt Nhân Văn, từng người một, nhận tội. Lúc đó người ta cũng nói một cách lịch sự là tự kiểm điểm thôi. Tôi nói như thế này là để chị thấy tình hình căng như thế nào. Tức là một hôm Sỹ Ngọc đi với Nguyễn Huy Tưởng, Sỹ Ngọc nói rằng: "Như thế này tức là mình lỗi lầm nhiều quá, chắc là mình cũng không trở lại hoạt động văn nghệ được nữa đâu!" Thì Nguyễn Huy Tưởng - vốn là người tốt mà - anh ấy nói: "Không! Đấu tranh có gì sai thì ta sửa, còn anh em vẫn là anh em, nghệ thuật vẫn là nghệ thuật chứ!" Thì Nguyễn Khải đứng lên, Nguyễn Khải phản đối, Nguyễn Khải nói: "Tôi thấy quan điểm của đồng chí Nguyễn Huy Tưởng rất mơ hồ, đây không phải là cuộc đấu tranh giữa anh em nội bộ, đây là cuộc đấu tranh giữa ta và địch". Hay là một buổi khác, vừa lên lớp một cái thì anh Võ Hồng Cương là một người trong học ủy, lên nói rằng: "Tôi phải báo cho các đồng chí biết một tin rất mừng là hôm qua đồng chí Tám Danh - đồng chí Tám Danh là một đồng chí nghệ nhân ở miền Nam-, trước thái độ ngoan cố của Lê Đạt, tức quá, đã vác búa đi tìm để đánh. Nhưng may mà học ủy phát hiện kịp thời nên đã ngăn chặn kịp thời cái hành động đó". Cái không khí luôn luôn bị hun nóng như thế. Nhưng chúng tôi, ở đó, thì... mình nghĩ mãi cũng chẳng thấy thêm được cái tội gì cả (cười)! Bi kịch của chúng tôi lúc bấy giờ là như thế này: Không phải sợ - sợ chưa chắc đã sợ, lẽ dĩ nhiên là trong chúng tôi cũng có anh sợ, ví dụ như anh Hoàng Cầm chẳng hạn, anh ấy rất sợ, nhưng tôi, tôi chưa nghĩ đến chuyện sợ - tôi nghĩ bây giờ họ "đòi hỏi" nhiều quá mình chưa nghĩ ra cái tội nào to để cho họ có thể bằng lòng được. Mà nếu họ không bằng lòng thì không biết họ kéo mình đến bao giờ, chỗ đó là cái lo nhất của tôi. Vì kiểm điểm lại thì tôi thấy mình không có tội gì ghê gớm quá, nó có tính chất ...hấp dẫn (cười) để họ không thể nào tha thứ cho mình được cả.

Không khí rất căng thẳng, tôi nói thế này để chị biết nó căng thẳng như thế nào: Văn Cao đã đi lớp trước rồi, lớp cho đảng viên hồi tháng 2, thì sau đó, họ cũng kéo tất cả lại để đánh tiếp: Tức là họ học tập đảng viên phát hiện quần chúng, để họ đánh, trong lớp trước, nhưng, bây giờ quần chúng lại phát hiện trở lại, để nếu có gì của đảng viên, họ lôi lại đánh tiếp luôn, chị có rõ ý tôi không? Thế thì, tôi thấy Văn Cao -hôm ấy trời nóng- Văn Cao mặc áo sơ mi to phồng thế mà sau khi nó tố những khuyết điểm của Văn Cao, tôi thấy cái áo sơ mi cứ dính dần, dính dần, dính dần... nó toát hết cả mồ hôi, nó dính như một cái áo lót cơ mà... Đấy, chị thấy không khí nó căng thẳng như thế nào.

**T.K.:** Thưa anh, rút cục anh đã nhận những tội gì để cho họ bằng lòng?

**L.Đ.:** Bây giờ anh làm trong tổ, tổ thông qua bài khai của anh. Bài của anh lại phải đưa ra hội trường, hội trường thông qua thì anh mới được xong. Nếu không thì anh cứ việc tiếp tục lại. Coi như xong, nhưng chưa thành khẩn, thì lại phải viết tiếp. Mình cứ phải viết tiếp, viết tiếp... mãi, mà mình chỉ có từng ấy ý thì làm sao viết thêm được mãi! Sau đó, chắc là Dân nó cũng đồng ý với tôi -lúc ấy, anh em không trao đổi được, nó theo dõi ghê lắm- là mình cứ nhận phát cái tội "cướp cờ của ông Tố Hữu" cho nó, chắc là nó, cũng thông qua thôi. Khi tôi nói đến chỗ ấy thì mọi người bảo: Lê Đạt thì còn ngoan cố nhiều nhưng cũng được tương đối "thành khẩn" (cười). Thế là họ cho tôi nghỉ!

Trong lúc kiểm thảo như thế, thì người ta loan tin, người ta nói rằng: "Công an đã bắt Nguyễn Hữu Đang!" Cái anh Đang này, ông ấy cũng là người hoạt động mà sao đại dột thế! Ông lại nhờ

người mang một lá thư về Hải Phòng để bố trí cho ông ấy vào Nam. Cái thằng đại dột quá! Thế là nó bắt được cái thư ấy. Vì chính người đưa thư ấy là người của công an. Thế là họ đồn ầm lên: "Sự liên hệ giữa Nhân Văn và bọn Mỹ Diêm là đã rõ ràng rồi. Nguyễn Hữu Đang trong lúc không còn đường thoát nữa, liên lạc với trong ấy và chúng ta đã bắt được Nguyễn Hữu Đang rồi, bắt vào ngày bao nhiêu, bao nhiêu" ...Tất cả mọi người vỗ tay hoan hô, hoan hô... Tức là một sức ép rất ghê gớm, chị ạ.

Những tuần trước thì tuần nào cũng được về nhà, nhưng đến tuần cuối cùng thì không được về nhà nữa, tức là làm liên tục, ai làm xong mới được về nhà. Tôi và Dần rồi cũng làm xong cả. Trên đường ra về, anh Tố Hữu có đợi tôi ở cửa, lúc bấy giờ đã lạnh lùng lắm rồi. Anh Tố Hữu có nói với tôi thế này: "Tội của anh cũng nặng như tội Nguyễn Hữu Đang. Lẽ ra anh cũng bị đi tù. Nhưng mà Đảng vì nghĩ đến anh, chiếu cố đến anh còn trẻ, có khả năng và còn có thể giúp ích được cho đời nữa nên Đảng khoan hồng với anh thôi chứ anh- đừng- nên- nghĩ- rằng- anh- tội- nhẹ!" Đó là lời dận dò của Tố Hữu với tôi trước khi tôi về.

**T.K.:** *Thưa anh, tóm lại cuộc đấu tranh như vậy kéo dài trong bao lâu?*

**L.Đ.:** Một tháng.

**T.K.:** *Và trong suốt một tháng ấy là cứ ngày nào, ngày nào cũng...*

**L.Đ.:** ... lên phát hiện tội. Cứ phát hiện tội, tức là mình có gì thì mình báo cáo còn người ta, người ta phát hiện tội của mình. Nó là một thứ đấu tranh đay mà. Đấu tranh rất gay gắt. Và lẽ dĩ nhiên, nói là cả lớp, nhưng người ta chỉ tập trung vào một vài người thôi, trong số đó có tôi, cho nên vất vả lắm.

**T.K.:** *Thưa anh, cái cách "phát hiện" ấy như thế nào? Tất cả mọi người đều viết ra giấy hay là ...có nói miệng nữa?*

**L.Đ.:** Không! Không! Tất cả mọi người đều đứng lên phát hiện chứ. Phát hiện thì có thư ký ghi hết và bản thân mình cũng phải ghi. Rồi sau căn cứ trên cái phát hiện của người ta, mình về tổ, mình phát hiện cái khuyết điểm của mình, cái tội của mình và sau đó mình phải làm bài kiểm điểm rất dài về toàn bộ thời gian mà mình tham gia Nhân Văn. Người ta phát hiện, thế còn mình không được nói nữa. Đông Tây người ta phát hiện ầm ầm, ầm ầm, làm sao mà mình có quyền, nhất là không được cãi gì. Tôi nói một ví dụ, xin lỗi chị, ví dụ như là có một anh -bây giờ tôi không muốn nói tên- lên phát hiện tôi: "Lê Đạt là một tên rất phản động, buổi sáng nào anh ta cũng đến cơ quan, rồi anh ta xé báo Nhân Dân anh ta đi vệ sinh" (cười). Tôi không thể nói rằng: "Bấy giờ tôi không có giấy -thời ấy chưa có giấy toa-lét- thì tôi phải..." (cười). Thế là mọi người "Đả đảo! Đả đảo!" Nó cũng kỳ. Mà chị còn lạ gì tôi nữa, tôi vốn là người, không phải là người can đảm gì nhưng trong tôi vốn là người hài hước (cười) vì tôi hay cười, và vì cái cười của tôi cho nên người ta hay ghét lắm. Người ta vẫn cho tôi là người ngoan cố, cho nên người ta bảo người đi đánh là vì thế (cười).

**T.K.:** *Thưa anh, trong không khí đấu tranh gay gắt như thế có ai bệnh anh không?*

**L.Đ.:** Tôi vẫn quý trọng Nguyễn Huy Tưởng. Tôi nhắc lại, tháng ba (tức là sau Tết) năm 58 thì có lớp đấu tranh Thái Hà, thì mừng ba Tết năm ấy, tôi có hẹn lên ăn cơm ở nhà Tô Hoài, trên Bưởi. Lên thì lúc đó thì đã gay go lắm, tôi có gặp Nguyễn Huy Tưởng, Kim Lân, Bồng. Bồng lúc đó mặt đã lạnh lùng. Bồng nó tham gia ban lãnh đạo rồi. Mà ăn uống với nhau thì lúc đó đã làng tàng lắm rồi, chị bảo không khí lúc đó thì còn ăn uống gì nữa, mặc dầu Tô Hoài cũng làm cho ra về. Thì Tưởng có nói một câu mà tôi rất cảm động. Tức là, trên đường về, Tưởng nói rằng: "Tôi thấy các ông lý luận buồn cười. Các ông lý luận thế nào chứ moa không thể tin thằng Lê Đạt nó phản động được. Nó ở với moa bao nhiêu lâu, moa còn lạ gì nó nữa, bây giờ các ông có lý luận thế nào moa cũng không thể tin là thằng Lê Đạt nó phản động được!" Thì tôi thấy, riêng về Tưởng: một là tư tưởng Tưởng rất tốt. Hai là Tưởng sau trận Nhân Văn Giai Phẩm, người nó tỉnh ngộ ra nhiều lắm. "Một thằng như thế mà anh làm sao bảo nó phản động được!" Tưởng nói như thế ngay mặt Nguyễn Văn Bồng. Và Nguyễn Văn Bồng là người trong ban lãnh đạo của cái lớp học tập ấy. Mà nói lúc bấy giờ rất nguy hiểm. Đó là con người Nguyễn Huy Tưởng mà tôi rất quý.

**T.K.:** *Thưa anh, sau lớp đấu tranh Thái Hà, thì tâm trạng của anh như thế nào? Nếu phải làm lại thì anh có dám làm Nhân Văn Giai Phẩm nữa không?*

**L.Đ.:** Xong, tức là người ta xác định được như thế là chúng tôi đều là những người có tội cả. Và như thế nghĩa là ở trên báo Nhân Dân, đăng tải trên một tirage rất rộng khắp nước, ở đâu người ta cũng nói đến Trần Dần - Lê Đạt là hai tên thợ phản động nhất nước. Thì như thế tự nhiên nó gây một áp lực rất ghê đối với gia đình tôi, đối với bản thân tôi. Tôi phải nói, những lúc ấy, thì ngay như là ông già tôi cũng khuyên: "Con không nên về nhà nữa". Còn vợ tôi thì rất lo. Trong những buổi đấu tranh cuối cùng ấy, lúc nào thấy tôi không về, luôn luôn sợ là bị bắt rồi. Chị không thể tưởng tượng được là không khí căng thẳng như thế nào. Nhưng lúc đó, nói tôi sợ thì cũng không đúng, mà nói tôi không sợ thì cũng không đúng. Vì tôi nghĩ trong thâm tâm mình cũng chẳng làm gì có tội cả. Và lúc đó tôi chưa nghĩ được và chưa nghiên cứu được tất cả những vụ xử án ghê gớm của Đảng như sau này tôi nghiên cứu. Cho nên lắm lúc tôi cứ tự hỏi rằng: "Nếu mà mình nghiên cứu trước, thì không biết mình có dám làm Nhân Văn không?" Chắc là tôi cũng vẫn sẽ làm, nhưng chắc là mình làm cẩn thận hơn. Chắc là có. Tại vì lúc ấy tôi nghĩ rằng mình chẳng làm gì bậy cả. Nếu không có gì bậy, mà một cái đảng là đảng tử tế, mà lại bắt những người không làm bậy, thì không bao giờ tôi nghĩ lại có chuyện xảy ra như thế cả. Mãi sau này, tôi mới có thời gian, tôi nghiên cứu tất cả những vụ án xử ở bên Liên Xô và cả mọi thứ, khi tôi có kinh nghiệm, thì lúc đó đã xong rồi, tôi đã làm rồi. Nhưng mà tôi chắc là nếu lúc đầu tôi biết chuyện sẽ xảy ra như thế, thì tôi cũng sợ nhiều hơn và chắc tôi sẽ làm một cách cẩn thận hơn.

**T.K.:** *Thưa anh, sau đó các anh bị kỷ luật như thế nào ạ?*

**L.Đ.:** Sau đó là mọi người đã về cả, và lẽ dĩ nhiên là anh Tố Hữu trong bản tổng kết nói là: "Chúng ta đã thắng lợi. Hơn 100 anh em đi thì được 100 anh em về. Đảng như thế vẫn bao dung cho tất cả".

Sau đó, theo quyết định của Hội Nhà Văn thì tôi bị khai trừ ba năm. Nặng nhất có tôi, anh Trần Dần, anh Đặng Đình Hưng, anh Tử Phác. Anh Cẩm thì bị hai năm, anh Phùng Quán một năm. Lúc đó mình cũng rất ngây thơ, phải nói như thế. Mình tin là sau ba năm thì mình sẽ trở về với văn nghệ, và tôi tin là với khả năng của mình, mình có thể đuổi lại được thời kỳ đã mất, cũng chẳng đáng bao lâu. Tôi, với Trần Dần, Tử Phác về trại Chí Linh của đồng bào khu V ra ngoài này tập kết, khai hoang ở Chí Linh, anh tổ trưởng là bố của Ý Nhi, anh Hoàng Châu Ký. Đầu tiên, họ không nhận, họ nói rằng: "Chúng tôi ra ngoài này là để đấu tranh cho thống nhất chứ có phải đi giữ tù đâu!" Thế là ở trên tổ chức lại phải cử người về nói rằng: "Không! Đây cũng là những đồng chí mình, do lập trường không vững thành ra Đảng vẫn muốn cải tạo, thấy đây tổ chức tốt thì về". Và tôi về thì tôi bị - nói như thời ấy là tôi được - được lao động một cách vất vả ngay, tức là đi chăn bò, đi khai hoang, làm tất cả mọi thứ lao động mình chưa quen, chưa quen tí nào cả. Thời ấy tôi còn trẻ lắm, tôi mới 26, 27 tuổi thôi, thành ra tôi cũng không sợ gì những thứ lao động vất vả ấy cả. Tôi chăn bò rất khá. Hình như là nông trường thấy tôi có "năng khiếu" cho nên họ cứ để tôi chăn bò mãi. Tôi có thể chăn được 30 con bò cơ mà.

Nhưng lúc đó thì tất cả đất nước đối với tôi đã khác rồi. Tôi không còn là người công dân bình thường của đất nước Việt Nam nữa vì đi đâu người ta cũng nói đến Trần Dần - Lê Đạt như hai người phản động. Mà vợ tôi thì rất khổ. Theo vợ tôi nói, sáng nào dậy cũng chỉ muốn chui xuống đất thôi. Tại vì bắt đầu dậy là bắt đầu học tập về Trần Dần - Lê Đạt rồi. Vợ tôi làm việc ở cơ quan, ở tập thể, lúc nào người ta cũng nói đến Trần Dần - Lê Đạt, ý của cơ quan là muốn vợ tôi phải bỏ tôi. Tôi phải nói với chị thế này: Vợ tôi là diễn viên xuất sắc nhất của Đoàn kịch nói cách mạng của Trung ương. Vợ tôi là Nguyễn Thị Thúy, mà người ta vẫn gọi một cách văn chương là Thúy Thúy. Thế Lữ này, Nguyễn Huy Tưởng này, tất cả những đạo diễn xuất sắc đều khen vợ tôi ghê lắm. Tưởng thì bốc ghê lắm, Tưởng nói là: "Cô ấy đúng là một tài năng". Cho nên vợ tôi rất khổ. Ngày nào cũng phải kiểm điểm và thỉnh thoảng họ đến lục ba-lô xem có giấy tờ gì của Lê Đạt còn giấu ở đấy không. Mà vợ tôi nó còn trẻ, lúc ấy mới 18, 19 tuổi ấy mà. Anh của cô ấy là một thiếu tá, mà lần nào đến thăm em cũng cho liên lạc đến chứ không lần nào dám bước chân vào nhà tôi cả! Tức là nó ở trong một sự cô đơn hoàn toàn, mà chắc là tôi

thì còn chịu đựng được chứ vợ tôi -tôi chắc bây giờ hỏi nó về Nhân Văn Giai Phẩm thì nó cũng chẳng biết là cái gì- cái tai vạ ụp xuống đầu nó nặng quá, lúc ấy nó chưa đến 20 tuổi đầu và đang bắt đầu vào cái nghiệp sân khấu. Như thế là riêng tôi, tôi đã làm hỏng sự nghiệp sân khấu của vợ tôi.

## V. Kỷ luật

**Thụy Khuê:** *Thưa anh, sau khi bị kỷ luật, anh đã đi lao động với một tâm trạng như thế nào?*

**Lê Đạt:** Lúc đầu thì mình đi, mình cũng lao động, mình cũng hăm hở. Mình hăm hở chắc là hai năm thì xong. Thế nhưng mà hai năm rồi cũng không thấy ai nói gì về vấn đề đó cả và lại tiếp tục hai năm nữa rồi dần dần nó phai nhạt đi không ai nhắc đến chuyện đó nữa. Thì thời gian disponibilité - thời gian mà phải đi, lúc nào người ta gọi đi lao động cũng được - thời gian đó kéo dài 10 năm. Lẽ dĩ nhiên là trong 10 năm ấy, không phải là lúc nào cũng đi. Người ta gọi đi, rồi người ta lại cho mình về; về rồi, họ lại kéo mình đi, nghĩa là cái thời gian 10 năm là thời gian mình phải dành cho việc đi lao động cải tạo. Thế còn sau này hết 10 năm thì ở nhà. Nhưng mà ở nhà thì... Tôi không ngờ thời gian nó kéo dài đến như thế. Như thế là nó kéo dài, cả thời kỳ đi lao động lẫn thời kỳ "cắm" là gần 40 năm chị ạ. Mình thấy nó đằng đẵng như thế mà mình coi nó như là cái số mệnh thôi.

Lúc bấy giờ tôi mới càng ngày càng thấy đó là một sự ghê gớm. Tôi có viết trong bài bút ký "Vào 21" ấy, là mình chẳng biết mình là người nào nữa. Mỗi người phải có cái vị trí trong xã hội, hoặc là anh là địch thì địch hẳn đi, hoặc là anh là ta thì ta hẳn đi. Nhưng tôi là tí ta, tí địch, tí cán bộ, tí tù, nó chẳng ra cái gì rõ ràng cả, mà tôi thấy nó gây nhiều ám ảnh ghê lắm chị ạ. Thí dụ một cái này để chị thấy: Khi nhà tôi về "biểu diễn", biểu diễn thì lúc ấy nó không cho biểu diễn nữa rồi thế nhưng mà cũng phải đi, mà mang theo hai đứa con nhỏ, một đứa đã lớn, một đứa mới đẻ. Đi thì, tôi có về Hải Phòng tôi thăm, mang chứng minh thư về, nhất định nó không cho vào khách sạn, nó bảo là: "Ông phải có giấy đi công tác thì mới được vào khách sạn". Mình là cái thằng "phản động" thì còn "công tác" gì nữa? Mà, như thế là hai người phải ngồi ghế đá ở công viên giữa đêm khuya, lúc ấy tôi có làm một câu thơ:

*Hai vợ chồng ghé đá trắng sông*

*cảng cắm còi tàu u ú*

*gió oà*

*đất nước mẹ mình hay mẹ ghẻ?*

Tôi không hiểu cái đất nước ấy, nó đối với tôi như thế nào? Mẹ ghẻ mình hay mẹ đẻ? Mẹ đẻ thì không đối với con cái như thế! Sau đó tôi lại đi về. Thì thấy rằng nó dằng dai mà nó hành hạ mình suốt cuộc đời như thế nào. Hoặc ví dụ, trong tôi, cũng thành cái người như lên bệnh thần kinh ấy. Tức là, đi đâu, vào một cái cơ quan nó cũng hỏi giấy. Thì công việc đầu tiên của cái anh Nhân Văn đó là phải chuẩn bị giấy tờ cho cẩn thận. Một hôm có ông đầu gia tôi, ông mời đi ăn cưới. Tôi đã đi tới nửa đường, tôi thấy mình quên không mang cái giấy cưới mình lại quay về nhà lấy cái giấy cưới để nhớ người ta có hỏi giấy tờ thì mình đưa cho nó... cho nó... đúng (cười) "thủ tục". Như thế cái đó nó ảnh hưởng đến con người rất ghê gớm. Và làm cho mình hèn hạ đi rất nhiều. Tôi không biết rằng là những người cầm quyền ở đất nước Việt Nam có nghĩ đến việc ấy không? Có lẽ họ chỉ nghĩ mình không tù đầy, mình để cho họ tự do như thế, thì chắc là mình không xử sự tệ hại quá đối với họ. Nhưng mà họ không biết như thế là một sự rất tệ hại, họ làm hỏng một con người. Lúc bấy giờ, nếu tôi không có một sự cưỡng lại thì tôi là một người vứt đi, thành một cái rế rách. Tôi cho cái việc rế rách hóa con người đó, chính quyền phải chịu trách nhiệm.

**T.K.:** *Thưa anh, trong thời gian anh đi lao động như vậy, ở nhà chị và các cháu sống như thế nào?*

**L.Đ.:** Lẽ dĩ nhiên là người ta phải sống thôi, nếu người ta không muốn chết. Trong những thời gian như thế, vợ tôi vẫn đi làm, vẫn có một số tiền để nuôi con, hai là nhà nước vẫn trợ cấp cho tôi một số tiền tối thiểu để tôi có thể sống được, tức là sống một cách rất vất vả. Nhà tôi vẫn là công nhân viên nhà nước thì nó không có thể đuổi ra được. Nhưng mà nó không giao cho việc

gì, tức là nó bắt chạy đạo cụ này, rồi lo những phục trang... mà những việc ấy, thời xưa vợ tôi không bao giờ phải làm cả. Thế còn vai nó không giao cho nữa, còn luôn luôn bị kiểm thảo lên, kiểm thảo xuống. Mà vợ tôi không quen, bây giờ vợ tôi bị suy nhược thần kinh rất nặng. Chắc lúc nào có thì giờ tôi sẽ gửi chị một bài thơ mà tôi chưa muốn chị xem bây giờ, bài "Vợ Nhân Văn", để chị biết cảnh sống lúc đó như thế nào. Lẽ dĩ nhiên là lúc ấy ở miền Bắc ai sống cũng khổ cả chứ không phải riêng tôi, nhưng mà, phải nói thế này, nó khổ quá, đến nỗi một hôm, có nhà thơ là một anh bộ đội, thấy tôi khổ quá, anh ấy mới bảo: "Tiền thì em không thể góp cho anh được, vậy em chạy cho anh một cái thẻ thương binh". Có thẻ thương binh thời đó thì mua gì, anh được ưu tiên trước. Mà tôi mua cái thẻ thương binh ấy cũng chẳng để mua cái gì cả, tức là, lúc bấy giờ ở gần bờ sông, cách nhà tôi vào khoảng độ hai cây số, có một cơ sở công nhân, thường thường khi họ giết tất cả những con lợn, con liếc... lòng họ ăn hết rồi, còn cái nước lòng họ bán ra; bán ra thì xếp hàng đông ghê lắm. Thế thì mình mua cái nước lòng ấy, mình về cho rau cỏ vào thì con cái nó ăn được. Sau cùng, tôi nghĩ rằng tôi cũng không dùng lâu cái thẻ thương binh ấy tại vì chính tôi cũng là một thương binh, tôi là thứ thương binh mà ta bán thôi. Anh em thì họ cũng thương tôi, nhưng họ cũng nghèo lắm, thì họ chỉ có cách như thế này, tức là họ tìm những tài liệu cho mình dịch, dịch đủ các thứ tài liệu, tôi dịch cả về vật lý, về triết học, về cả tự động học nữa, vừa học, vừa dịch. Như thế là một năm dịch sáu tháng thì có thể sống được, tức là sống một cách vất vả.

**T.K.:** *Thưa anh, còn xã hội chung quanh thì mọi người đối với anh như thế nào?*

**L.Đ.:** Xã hội thì nói chung là chẳng biết trong thâm tâm họ như thế nào. Tôi thấy anh Vũ Hoàng Chương, anh ấy nói là:

*Lũ chúng ta lạc loài dăm bảy đứa*

*Bị quê hương ruồng bỏ, giống nòi khinh*

thì chắc là anh cũng chỉ nói văn chương thế thôi, chứ anh ấy chưa biết thực tế nó như thế nào là sự ruồng bỏ của xã hội. Mà trong một xã hội toàn trị, ai người ta cũng sợ liên quan với mình. Nói theo kiểu Việt Nam, người ta sợ lây hủi cả. Thế nên nhiều bạn bè tôi, tôi đi ở vỉa hè bên này, họ trông thấy xa, họ đổi sang vỉa hè bên kia. Thế thì tôi có nói rằng: Tôi cũng đổi vỉa hè và phần đầu làm người mất tích.

Lúc đầu, thì tôi cũng chưa xác định được là tôi đúng hay tôi sai, tôi phải nói thật với chị như thế. Mình nghĩ không biết có phải do cái sai lầm của mình, mình ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh thống nhất của đất nước không? Mà những người miền Nam - tập kết ra Bắc đó - họ đối với mình, họ ghét như thế? Hai là, mình là một người yêu nước và là một người đi theo Cách Mạng thì mình làm thế là đúng hay sai? Những cái đó nó dằn vặt rất ghê. Mà bao quanh một áp lực rất ghê gớm: là không có nơi nào người ta nhận mình cả. Nghĩa là mình hình như là không có đất đứng ở một xã hội mà chính xã hội đã đề ra mình. Bây giờ tôi nói với chị cái này nhé: Anh vào một cơ quan, vào cơ quan thì nhất định là có cái thường trực ở đấy. Thường trực hỏi chị: Anh vào có công tác gì? Lần trước tôi đã nói với chị đó: tôi mơ một giấc mơ đáng sợ, mà khu phố cả ngôi nhà tôi ở, biển ghi đầy chữ đỏ: Không phận sự miễn vào. Tôi cho cái đó là ghê gớm nhất mà tôi phải trải qua trong thời gian ấy. Nếu mình không cứng rắn thì tôi cũng là người điên hoặc tự tử mà chết rồi. Chị có hỏi tôi nhiều lần là trong thời kỳ ấy, tôi có căm thù ai không? Thì cái sự căm thù trong tôi cũng không nhiều lắm nhưng sự khinh bỉ trong tôi rất nhiều. Mà tôi cho sự khinh bỉ ấy đã giúp tôi trải qua những năm tháng cay đắng nhất của đời tôi. Tại vì tôi thấy rằng mình chẳng làm gì sai cả mà sao xã hội đối với mình một cách tàn nhẫn thế! Như thế nhất định là hai bên phải có một bên sai, mà tôi cho rằng người đáng khinh bỉ không phải là tôi, thì tôi thấy mình phải làm gì chứ không thể không làm gì được, thế nên tôi cố sống như một người tử tế, học hành, tôi vẫn học hành một cách chăm chỉ, viết lách, làm tất cả mọi việc, mình không thể buông tuồng được. Mà tôi có một câu nói khá nổi tiếng, được nhiều người biết đến: Nếu xã hội không dùng mình thì, nhất là, mình phải dùng mình. Không việc gì mình phải lệ thuộc vào xã hội cả. Và tôi nhắc lại, tức là lúc đó cả nước đều khổ: Ví dụ một năm thì mới được một cái may-ô, và người ta đã có một câu rất mỉa mai: "Cho may-ô mới được phần may-ô" đó,

ai cũng khổ cả, cho nên cái khổ vật chất ấy không đáng gì, mình vẫn xoay xở được, nhưng cái khổ về tinh thần thì cực kỳ. Cực kỳ.

**T.K.:** *Thưa anh, trong hoàn cảnh như vậy thì có thể nói là còn bạn nữa hay không?*

**L.Đ.:** À bạn, lúc đó mình phải xét lại nhiều thứ lắm chị ạ. Mình phải xét lại nhiều thứ lắm. Có những người bạn ngày trước, bây giờ người ta không gặp mình nữa. Như tôi đã nói với chị, ngay trong anh em nữa, tình bạn cũng thay đổi rất nhiều rồi. Tại vì chị còn lạ gì nữa, trong một nhóm người làm việc chung với nhau, thì khi người ta kỷ luật, người ta cũng phân hóa ra người kỷ luật nhiều, người kỷ luật ít, và tự nó, nó đẻ ra những cách xử đối khác nhau. Vì thế cho nên tôi không muốn nói chi tiết, nhưng tôi có thể nói với chị rằng ngay một người rất thân với tôi ngày xưa là anh Văn Cao, tôi cũng không biết rằng anh Văn Cao, trong thời gian sau này có còn là bạn của tôi nữa không. Đây là cái người gần tôi nhất.

**T.K.:** *Tại sao lại đến nỗi như thế? Anh có thể nói rõ hơn một chút không?*

**L.Đ.:** Anh Văn Cao thì anh ấy, một là, anh ấy không cùng lứa với chúng tôi, mặc dầu là bạn rất thân, nhưng anh ấy là lớp trước, và hai là, anh ấy lại là người có nhiều bài hát cách mạng và là tác giả Tiến quân ca, cho nên ý kiến của trên là vẫn giữ anh ấy lại. Cho nên anh Văn Cao vẫn ở trong Đảng chứ có bị khai trừ đâu. Anh Văn Cao chưa bao giờ bị khai trừ cả. Thế, và cũng là đi lao động, anh Văn Cao đi lao động thì cũng đi với anh Tuấn, anh Tiếc, anh Tường, anh Tiếc, đi với những người sang trọng cả, lên vùng Điện Biên Phủ; nhưng vì anh ấy bị chảy máu dạ dày, anh ấy về. Như thế là, ở trong người anh Văn Cao, anh ấy thấy mình được đối xử một cách đặc biệt và như thế trong anh em, nó có một sự phân hóa. Thì tôi không biết rằng anh Văn Cao có... nói không, hay là anh có khuyến khích cái việc nói không, nhưng mà trong một thời gian sau Nhân Văn đó, thì có những dư luận nói là ông Văn Cao là không thân gì với ông Lê Đạt, ông Trần Dần cả; hai ông Trần Dần và Lê Đạt là bạ vào cái Tiến quân ca của ông ấy thôi, thì cái đó làm tôi rất giận, tôi không muốn nói cái chuyện giữa cá nhân như thế nào, nhưng để chị thấy là cái không khí lúc bấy giờ nó không còn như ngày xưa nữa. Và chắc là sự chia tay là một sự rất lâu dài.

**T.K.:** *Thưa anh, thế còn anh Xuân Diệu thì vì lý do gì mà anh Xuân Diệu lại viết bài đánh anh một cách tàn tệ như thế?*

**L.Đ.:** À vâng, anh Xuân Diệu thì chuyện như thế này. Anh Xuân Diệu là người bao giờ cũng có ý làm trường môn một môn phái. Thế nhưng, anh ấy thấy rằng từ Cách Mạng trở ra thì anh ấy yếu lắm vì thơ anh rất kém. Những bài Ngọn cờ tổ quốc với cái gì non sông ấy, thơ tồi quá. Mà trong những người chê anh ấy thì có tôi với Nguyễn Đình Thi và anh ấy ghét tôi với Thi lắm. Anh ấy đã nói trong cái hội nghị ấy là: "Tôi cho việc không chơi với Lê Đạt là một nguyên tắc". Thế cho nên anh Diệu đối với tôi, anh ấy rất ghét. Nhưng mà anh ấy không thể ghét tôi được tại vì lúc ấy anh ấy là đảng viên mới, mà tôi lại là người chịu trách nhiệm về văn hóa văn nghệ, cho nên anh ấy đối với tôi, anh ấy để trong bụng đó thôi. Tôi nói cho chị một chuyện này: Người ta bố trí cho anh Xuân Diệu ngay cạnh giường của tôi, nằm ngủ cùng với tôi để anh ấy "giúp đỡ xây dựng" tôi. Thì trong một buổi họp, anh Xuân Diệu đã nói như thế này cơ mà, để chị biết là nó tàn tệ như thế nào, anh ấy nói rằng: "Bây giờ tôi phải nói với các đồng chí rằng tội của tôi cũng không đáng bao nhiêu mà đêm nào tôi cũng trần trọc không ngủ được. Nhưng tội Lê Đạt nó tày đình như thế mà tôi cứ thấy nó nằm xuống giường là nó ngủ ngay!" (cười). Tôi thấy nhiều người phải quay mặt đi, chắc là hơi xấu hổ (cười). Đây, cái tình hình nó ghê gớm thế. Xuân Diệu, tại vì Xuân Diệu thấy ở tôi và Trần Dần là hai người cạnh tranh nhất trong vấn đề thơ, cho nên là đặc biệt Xuân Diệu ghét Trần Dần và tôi, và đặc biệt là ghét tôi nhất tại vì tính tôi là người hay nói mà tôi lại thân với Thi. Cho nên thái độ anh Xuân Diệu đối với tôi quá đáng, chắc cũng vì thế thôi.

Và tôi phải nói với chị thế này, tức là sau khi Nhân Văn bị đánh rồi thì tất cả những người làm thơ năm 1930 tức là anh Huy Cận này, anh Xuân Diệu này và anh Chế Lan Viên là tập trung xung quanh anh Tố Hữu và lúc bấy giờ rõ ràng là nền thơ Việt Nam bắc một nhịp cầu và nó lại trở lại cái vai trò chế ngự của thơ mới năm 1930 mà chính anh Tố Hữu chủ xướng.

**T.K.:** *Anh vừa mới bảo là anh và anh Nguyễn Đình Thi thân nhau vậy mà sao anh Thi cũng đánh anh tàn bạo không kém gì Tố Hữu?*

**L.Đ.:** Thi là một người thân với tôi từ trước. Trong kháng chiến thì Thi không phải là người được trọng vọng gì. Tất cả mọi việc trong thời kháng chiến là quyền trong tay Nguyễn Huy Tưởng, Thi chỉ đi hết chiến dịch này đến chiến dịch khác, Thi có quyền gì đâu! Thi một lần đã nói với tôi rằng: "Có lẽ sau này nó phải tìm những bản thảo của mình ở trong sọt rác để nó in". Anh Tố Hữu cứ đưa anh Thi đi hết chiến dịch này đến chiến dịch khác, coi như là cái tạo đó. Thế thì sau cái tổ khổ trong quân đội, Thi có viết một quyển gọi là Mẹ con đồng chiến tranh, một tập thơ lục bát do Nguyễn Đình Thi làm, về cái khổ sở của người nông dân. Hôm ấy, tôi còn ở Tuyên huấn, nhà anh Tố Hữu ở trên đồi cao, nhà tôi ở dưới. Tôi thấy Tố Hữu có vẻ vui vẻ lắm, cầm một quyển sách nhỏ mà có nhiều khuyên tròn lắm, gặp tôi anh ấy nói: "Này, Lê Đạt này, thằng Thi giờ nó tiến bộ lắm." Tôi trông cái quyển ấy tôi biết ngay rồi, tại vì chữ Thi nó nhỏ như chữ đàn bà ấy mà, khuyên tròn nhiều lắm. "Nó viết Mẹ con đồng chiến tranh tiến bộ lắm, ông xem xem, có gì ông chữa rồi ông đưa in." Tôi lật qua xem, tôi thấy lục bát rất kém (cười). Tôi vẫn biết là Thi nó làm sao làm được lục bát. Từ thơ không vần chuyển sang lục bát khó khăn lắm. Mà tôi rất buồn. Tôi có nói lại với anh Tố Hữu: "Không, anh đã xem rồi tôi cứ đem đi in thôi." Thế là từ đó Thi mới được ông Tố Hữu chú ý tới và sau đó Tố Hữu mới kéo Thi về đi với Karmel để quay phim, quay phim Việt Nam thắng lợi đó, quay phim Liên Xô. Sau đó thì Thi mới được đi sang Liên Xô, đi cùng với Karmel. Khi Thi đang ở Liên Xô thì ở nhà xảy ra vụ Nhân Văn Giai Phẩm. Vì anh Hoài Thanh anh ấy đánh kém quá, lúc bấy giờ Tố Hữu mới gọi Nguyễn Đình Thi về.

Thi lúc đó còn tử tế, gọi tôi đến. Buổi tối hôm đó, tôi còn nhớ, gọi đến Quán Sứ thì Thi nói rằng: "Tao với mày từ xưa vẫn là anh em mà bây giờ tao có nhiệm vụ là phải viết về mày. Tao thấy rằng lời nói đọ máu, tao thấy nó khó khăn quá thì tao định hỏi mày xem vấn đề thế nào?" Tôi trả lời Thi: "Không, vấn đề bây giờ nó đã đến thế này rồi, cậu muốn viết thế nào thì cậu viết. Mình cũng không có ý kiến gì cả!" Thế là mấy hôm sau tôi thấy bài của Nguyễn Đình Thi, tôi thấy nó cũng chẳng viết gì hơn những người khác, mà nó chữ mình quá chớ (cười). Tôi thất vọng về cái anh này lắm. Cho đến bây giờ, cũng như phần lớn tất cả những người văn nghệ có lương tâm ở Việt Nam, đều nói rằng: Thi đã bước lên lưng Nhân Văn Giai Phẩm mà làm Tổng thư ký lâu năm của Hội Nhà Văn Việt Nam. Và tôi - cũng - nghĩ - như - thế.

**T.K.:** *Theo anh ước lượng thì nạn nhân của vụ Nhân Văn Giai Phẩm vào khoảng độ bao nhiêu người?*

**L.Đ.:** Lần trước chị có hỏi tôi rằng như thế Nhân Văn có nhiều người bị ra tòa không. Lúc ấy tôi trả lời như thế là đúng. Tại vì không có nhiều người bị ra tòa, bị lên án. Bị kết án chính thức thì không nhiều, chỉ khoảng độ một chục người. Nhưng ở đất nước Việt Nam, những người đau khổ vì Nhân Văn chắc rất nhiều, không thể đếm xuể được. Những người ủng hộ, những sinh viên... đều là những phần tử ưu tú của đất nước cả hay là những cán bộ người ta cũng khao khát một tí dân chủ; thì tất cả những ai, chỉ cần có một tờ Nhân Văn, đọc một tờ Nhân Văn hay là gửi tiền đến Nhân Văn, thì sau đó, khi Nhân Văn bị đánh rồi thì người đó coi như bị vào sổ đen hết. Có thể là anh phải chuyển công tác, có thể anh phải đi lao động, tôi đã gặp rất nhiều sinh viên, những cô sinh viên trẻ phải đi lao động rất lâu năm vì đã đọc Nhân Văn, thì cái số người ấy tôi không đếm xuể được. Nếu mà chị có chương trình lại thì chị phải tìm cách bổ sung số người ấy. Thế còn những người mà tôi nói, chỉ là những người chính thức thôi, còn những người vô danh ấy, cái đau khổ vô danh cũng là đau khổ chứ, có phải chỉ cái đau khổ của những người có tên tuổi mới là đau khổ đâu? Tôi thì lẽ dĩ nhiên tại vì tôi có tên tuổi, chắc là tôi cũng không thể đau khổ bằng họ được. Chính bây giờ tôi cũng tự hỏi đấy: "Không biết là mình đối với họ mình có tội gì không?" Lẽ dĩ nhiên là trong một cuộc đấu tranh cho cái mới thì chúng ta mỗi người phải chịu một ít. Nhưng họ, đúng là họ không có ý thức gì cả, họ chỉ ham muốn, ham muốn tự do, thì không có gì sai lầm cả; đọc một tờ báo, gửi một cái viện trợ... mà sau này nó kéo, nó kéo có khi cả một đời họ... Cho nên đến bây giờ tôi vẫn không biết là công mình nhiều hay tội mình nhiều và lúc nào tôi cũng nghĩ đến họ. Nếu chị có nói thì chị phải nói rất nhiều đến



những người ấy mà tôi cho là đông lắm, không thể đếm xuể được. Mà ở Việt Nam thì không có gì rõ ràng cả. Cái chữ nó rất neutre mà lại rất gay go, người ta gọi là liên quan. Liên quan là dính líu đấy thôi. Nhưng mà anh đã liên quan là anh... gay go lắm. Liên quan với Nhân Văn, liên quan với địa chủ, liên quan với tư sản... thì tất cả những người này cũng là một thứ liên quan mới; liên quan với Nhân Văn là khổ lắm, nhất là lớp sinh viên trẻ, đi lao động, đi cải tạo... mà có phải chỉ Hà Nội đâu, ở những các nơi, các tỉnh đều có người ủng hộ cả. Thì những người đó mình không bao giờ biết thân phận họ ra sao.

## **VI. Thân phận Hoàng Cầm, Nguyễn Tuân, Nguyễn Bính, Trần Đức Thảo, Đào Duy Anh**

Khi tìm hiểu về phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, chúng ta không thể không tìm lại một số những khuôn mặt nhà văn, nhà trí thức, đã tham gia phong trào như Hoàng Cầm, Trần Đức Thảo, Đào Duy Anh... mà còn cả những khuôn mặt văn cùng thời đã xa gần liên hệ với họ như Nguyễn Tuân, Nguyễn Công Hoan... Những nhà văn nhà trí thức này đã có một thái độ sống như thế nào? Với lối nói thẳng, nói thật, nhà thơ Lê Đạt sẽ phác họa vài nét sống động về một số nhà thơ, nhà văn, một thời hệ lụy với Nhân Văn, với văn chương và tư tưởng.

**Thụy Khuê:** *Thưa anh, người đầu tiên xin được hỏi anh là một người bạn rất thân của anh, đó là anh Hoàng Cầm. Xin anh nói về anh Hoàng Cầm.*

**Lê Đạt:** Anh Hoàng Cầm thì cũng có một cái oan nghiệt, tức là trong tất cả anh em Nhân Văn và một số người chung quanh anh Hoàng Cầm đều cho rằng: trong những lúc đấu tranh thì thông thường là anh ấy nhất sọ. Theo tôi thì cũng không nên đòi hỏi một nhà thơ can đảm làm gì. Cốt nhất là đòi hỏi nhà thơ cái can-đảm-chữ là quan trọng. Riêng tôi, tôi cho rằng anh Hoàng Cầm, về chữ là một người can đảm. Tại vì anh ấy cứ bình tĩnh đi con đường của anh ấy. Chị phải biết cái ảnh hưởng của anh Dần và anh Hưng là ghê gớm lắm. Anh Hưng và anh Dần chê thơ anh Hoàng Cầm rất ghê: Thơ anh Cầm là bình dân này, thơ không bác học này... tất cả mọi thứ. Nhưng tôi thấy anh Cầm anh ấy có cái tốt là anh ấy không nói gì cả. Anh Cầm thì không có lý luận, nhưng anh ấy bình tĩnh đi con đường của anh ấy. Tôi thấy điểm ấy cũng là điểm đáng trọng lắm. Thường thường ở trong nước người ta vẫn cho tôi là bệnh anh Hoàng Cầm, nhưng tôi nói chuyện này để tùy chị kết luận xem tôi có bệnh hay không là tùy chị: Thời ấy, anh Cầm vừa bị bắt sau vụ Kinh Bắc. Bị giam cũng đâu 6 tháng, một năm... gì đó. Từ khi anh ấy trở về thì tôi thấy anh Cầm, phải nói xin lỗi, đúng là một cái rẻ rách. Tôi gặp anh ấy trong một cái nhà, thì đó là một cái nhà sâu và rất tối mà nó lại ẩm thấp. Tôi vào, tôi thấy bóng một người ngồi - mà Việt Nam ta gọi là ngồi đầu gối quá tai đó - trông rất buồn, ngồi hút thuốc lào. Như thói thường, gặp một người bạn nào thì bao giờ tôi cũng rất cẩn thận, vì tôi cũng chưa biết anh ấy như thế nào, tôi nói rằng: "Thôi, bây giờ chuyện đã xong rồi, cái gì mình thấy là sai lầm thì mình nhận là sai lầm, cái gì mình đúng thì mình cứ giữ lấy chẳng việc gì mình phải thay đổi cả." Thì Cầm nói với tôi một cách rất thành khẩn: "Không những mình sai lầm mà mình còn có tội nữa." Tôi rất buồn và lúc đó tôi nghĩ chắc là Cầm không bao giờ còn có thể viết được nữa. Tôi mất một người bạn. Thế rồi Phùng Quán đến, Phùng Quán nó viết những câu thơ "Có con sông Đuống tiễn đưa anh" gì đó... Thơ Phùng Quán bao giờ nó cũng hùng hồn. Tôi nói với Quán: "Bây giờ những lời hùng hồn ấy đều vô ích cả, hăng để cho anh ấy có thì giờ suy nghĩ." Thịnh thoảng chúng tôi có lại thăm. Và vẫn ám ảnh bởi cái bóng tối và bóng của anh Hoàng Cầm ấy, tôi lại nhớ đến bài thơ Cha tôi mà tôi viết ngày trước, "bóng và người như nhau", thì tôi không tin rằng Cầm có thể viết được nữa.

Vào khoảng độ 5, 6 tháng sau, tôi đến, thì Cầm có đưa cho tôi một bài thơ, thơ còn chuệch choạc nhưng tôi thấy những câu chữ cũng được lắm và một năm sau tôi thấy anh ấy lại làm thơ bình thường và tôi cho một người làm thơ can đảm như thế là đủ. Can đảm để giữ cái bản chất của mình. Anh Cầm anh ấy vẫn cho là thế này: Anh em thì nó học nhiều hơn mình, nó mô-đéc hơn mình, mình thì hơi cổ. Nhưng cái tự ti ấy không đủ để anh ấy thay đổi thi pháp của anh ấy. Tôi cho đó là một cái lòng can đảm. Đến khi một người rũ xuồng như một cái rẻ rách ấy, tôi tin anh không có thể viết được nữa, mà sau một thời gian cũng chỉ gần một năm giờ anh lại trở lại

làm thơ và có những bài thơ rất hay thì tôi cho một người làm thơ chỉ cần can-đảm-chữ là đủ. Tại vì anh có phải là đặc công hay là anh có phải đánh cọp đánh kiểc đi bắt cướp bắt kiểc gì đâu mà cần một người can đảm. Tôi thấy người làm thơ chỉ cần can-đảm-chữ mà thôi.

**T.K.:** *Thưa anh, trong phong trào Nhân Văn Giai Phẩm của các anh thì có thể nói là anh, anh Trần Dần, anh Đặng Đình Hưng đều đi con đường tìm tòi cái mới. Chỉ riêng có anh Hoàng Cầm là không triệt để đi tìm cái mới. Vậy anh nghĩ gì về thơ của anh Hoàng Cầm?*

**L.Đ.:** Về điểm này tôi với Trần Dần và Đặng Đình Hưng tranh luận rất nhiều. Riêng tôi thì tôi nghĩ rằng anh Hoàng Cầm là một nhà thơ bình dân mà ở trong Kinh Bắc nhiều chỗ anh ấy cũng đạt tới chỗ bác học. Có những câu thơ rất hay mà nó băng khuâng lấm. Đơn giản nhưng băng khuâng. Tôi kể lại một câu chuyện mà tôi đã kể khi viết về 75 năm Hoàng Cầm, tức là hôm ấy tôi có gặp Nguyễn Bính. Nguyễn Bính thì mọi người đều cho Nguyễn Bính là người khinh bạc cả. Nguyễn Bính là người khinh bạc lắm. Nhưng Nguyễn Bính đối với tôi lại rất tốt, tôi không biết tại sao thế. Độ ấy Nguyễn Bính còn làm Trăm Hoa thì Nguyễn Bính cứ buổi chiều thứ bảy là đi các đại lý báo để thu tiền báo. Lúc nào mà được tiền thì Nguyễn Bính cũng rủ tôi đến Mã Mây ăn thịt chó. Lúc ấy tôi đang khó khăn lắm, thời kỳ Nhân Văn mà. Một hôm uống rượu xong, tôi có hỏi Nguyễn Bính: "Sau cậu là ai? Cái trường phái thơ bình dân ấy, sau cậu là ai?" thì Nguyễn Bính nói ngay không nghĩ ngợi gì cả: "Sau tao là thằng Cầm." Tôi cũng mỉm cười thôi, không nói gì cả. Sau đó, uống rượu một lúc thì Nguyễn Bính lúc đó đã say rượu lắm rồi, mặt đỏ, đặt chén rượu xuống chỉ vào mặt tôi: "Thằng này là thằng khốn nạn. Tí nữa tao mắc lừa mày. Thằng Cầm cũng bằng tao!" (cười) Thì để thấy rằng những người anh em mà người ta tưởng là khác xa nhau, người ta tưởng là mâu thuẫn với nhau, nhưng mà nó liên tài với nhau lắm. Lẽ dĩ nhiên Nguyễn Bính là một thế giới, và Nguyễn Bính nổi tiếng, nhưng Hoàng Cầm cũng nổi tiếng không thua gì Nguyễn Bính cả. Nhưng qua đó thì thấy gì? Thấy rằng những nhà thơ lớn thường thường họ liên tài và những sự mâu thuẫn của họ chỉ là những mâu thuẫn lật vật thôi. Chỉ có những nhà thơ xoàng mới ghen ghét nhau thôi.

**T.K.:** *Thưa anh còn một người nữa cũng có những nét rất đặc biệt trên văn đàn đó là Nguyễn Tuân nhưng chưa có dịp nào để hỏi anh về Nguyễn Tuân, vậy thì hôm nay anh nghĩ sao về Nguyễn Tuân?*

**L.Đ.:** Nguyễn Tuân thì tôi nghĩ như thế này: Anh Tuân là một người mà tôi rất kính trọng, tôi rất kính trọng cái thời mà anh ấy viết trước Cách Mạng, tức là thời kỳ những Vang bóng một thời và những bút ký của anh Tuân tôi thích lắm. Tôi sợ rằng khi người ta đánh giá về anh Tuân, người ta đánh giá nhiều lúc cũng không đúng, mà bản thân anh Tuân nhiều lúc cũng không đúng lắm. Ví dụ như tôi xem một nhà văn nói rằng những cái ký sự của anh Tuân sau này, anh đã đem lại cho nó một cái chứng chỉ của một sự sang trọng. Tôi không thấy nó sang trọng gì cả. Tôi thấy những bài ký sự của Tuân sau này yếu. Những bài đánh Mỹ của anh ấy tôi thấy không có gì là sang trọng cả. Nhưng mà về anh Tuân thì tôi thấy thế này: Anh Tuân vì được mọi người quý trọng quá, cho nên anh Tuân là một người ích kỷ và chính cái ích kỷ ấy hạn chế khả năng của anh ấy. Tôi kể lại đây một chuyện của Nguyễn Sáng để biết rằng Nguyễn Sáng cũng là một người tinh tế lắm. Tức là có một mâu thuẫn gì đó tôi không tiện kể ở đây, giữa Nguyễn Sáng và Nguyễn Tuân, vì hai người rất thân với nhau, sau đó thì Nguyễn Tuân có nhắc một người đến nói với Nguyễn Sáng rằng: "Trong cái sai lầm ấy thì toa cũng có khuyết điểm chứ!" Nói với lại Nguyễn Sáng thế. Thì Nguyễn Sáng nói thế này này: "Nguyễn Tuân là người không viết được tiểu thuyết, không xây dựng được nhân vật cho nên không hiểu thế thái nhân tình. Không chơi với Nguyễn Tuân." Để biết như thế là những người nghệ sĩ họ hiểu nhau lắm. Hai là, tôi nói thế này không biết có phải là vô lễ với anh ấy không, nhưng mà tôi cứ nói: tôi thấy anh ấy hơi điệu bộ quá. Và hình như là anh Tuân đã mất quá nhiều thời giờ để sắm cái vai Nguyễn Tuân trong cuộc đời mình. Giá thời gian ấy mà anh ấy dùng để viết hoặc để suy nghĩ thì chắc là anh ấy có thể làm được cho đời nhiều thứ hơn. Nói như thế không phải là tôi đánh giá thấp anh Tuân đâu, Nguyễn Tuân là một trong những người tôi quý nhất ở nền văn học Việt Nam. Nhưng mà quý không có nghĩa là xuê xoa tất cả về những cái gì mình không bằng lòng về anh ta. Tôi thấy anh Tuân đúng là anh ấy diễn nhiều quá. Và tôi sợ không phải chỉ có mình

anh Tuấn. Tôi không muốn nhắc tên những người bạn của tôi, nhưng nhiều người bạn của tôi cũng bận rộn quá. Hình như là khi mà cái vinh quang nó khoác cho mình thành một nhân vật, thì mình để rất nhiều thời giờ để mình sắm cái nhân vật ấy, hơn là mình sống với bản chất nghệ sĩ của mình. Tôi cho đó là cái bi kịch của anh Tuấn.

**T.K.:** *Trường hợp Nguyễn Công Hoan hơi khác. Trong thời kỳ Nhân Văn Giai Phẩm anh Nguyễn Công Hoan cũng có một thái độ không được hay lắm. Nhưng ở ngoài cuộc sống thì Nguyễn Công Hoan là người thế nào?*

**L.Đ.:** Anh Nguyễn Công Hoan mà chơi với anh ấy thì rất dễ chịu. Anh ấy tính vui vẻ mà chúng tôi vẫn gọi là bon papa. Nhưng anh Hoan là người rất đơn giản. Anh đã từng khuyên các nhà văn trẻ là: "Moa viết văn hay như thế moa có cần đọc gì đâu!" (cười). Cho nên đối với anh Hoan, mình cũng kính trọng như là một bon papa ấy thôi, chứ anh Hoan thì không có suy tư gì sâu xa về văn học cả. Tôi đã nghe anh ấy nói: "Moa có đọc gì đâu!" Anh Hoan là một người sống đơn giản lắm, rất đơn giản. Mà tôi cũng không hiểu tại sao anh ấy viết được những truyện như thế. Theo tôi thì ngoài một số nói năng của anh ấy trong thời kỳ Nhân Văn Giai Phẩm nó không được lịch sự lắm, thì đó cũng là một người mà tôi kính trọng. Tại vì đến khi anh ấy nhận thức ra, thì anh ấy cũng dám nói chứ không phải anh ấy không dám nói, chứ anh cũng không phải là người mũ ni che tai đâu. Thường thường Nguyễn Công Hoan gặp tôi thì bao giờ cũng tỏ thái độ thông cảm hơn là người khác.

**T.K.:** *Thưa anh, có thể nói là trong phong trào Nhân Văn Giai Phẩm có hai nhóm, một nhóm như anh, anh Hoàng Cầm và anh Trần Dần là thuộc về nhóm những nhà văn, nhà thơ, tranh đấu bên phía Hội Nhà Văn. Còn một nhóm nữa gồm những nhà trí thức, sinh viên, tranh đấu bên đại học, với những tên tuổi như Trần Đức Thảo, Đào Duy Anh, Nguyễn Mạnh Tường v.v... Vậy sự liên hệ giữa hai nhóm này như thế nào và vai trò một người như Trần Đức Thảo trong tờ Nhân Văn là thế nào?*

**L.Đ.:** Hai bên thì cũng không liên hệ với nhau nhiều và thường thường liên hệ với nhau là qua anh Đăng đó thôi. Còn liên hệ trực tiếp với tôi thì ít nhưng mà thế này: Anh Thảo thì hầu như không tham gia gì vào vấn đề Nhân Văn cả nhưng anh có viết bài cho Nhân Văn và anh ấy có đến dự họp báo Nhân Văn. Thì Thảo gây một ấn tượng rất lớn với anh em Nhân Văn. Tại vì đằng sau anh Thảo, những cái tiếng từ ngày xưa, người ta đã đồn như ông này ngày trước cãi nhau với Sartre, anh này là một nhà triết học đồ thủ khoa ở nước Pháp v.v... cho nên, anh mang đằng sau anh một cái bóng rất to. Tôi thấy anh em đều tôn trọng anh Thảo cả. Mà anh Thảo có một cách nói rất khiến người ta lưu ý: anh ấy nói một cách rất trừu tượng. Mà hình như anh không ở trong cái vấn đề, anh nói nó như cái vấn đề ở đâu đấy. Tôi còn nhớ buổi hôm ấy họp vấn đề quan trọng lắm: đã đến số 5 rồi, còn tiếp tục nữa hay không? Bởi vì chung quanh, các công nhân rồi tất cả người ta đánh ầm ầm, ầm ầm... Bọn tôi đều nói: "Bây giờ nó học tập ghê lắm rồi, sắp sửa đánh to lắm". Thì anh Thảo có đến, anh hình như không bận tâm gì, đến anh nói rằng: "Toa rất buồn cười, họ đã đánh đầu mà ta lại rút lui. Đợi khi nào họ đánh hấy hay, chứ họ đã đánh đầu mà lại rút lui, có khi họ đánh vờ thì sao?" Những cái ý của anh Thảo - người rất bình tĩnh - hình như là anh ở ngoài tất cả những vùng đánh đấm bon chen ấy. Thì anh Thảo gây một ấn tượng rất mạnh trong buổi họp hôm ấy. Sau này tôi còn tiếp xúc với anh Thảo nhiều lần, tại vì anh em vẫn tiếp tục chơi với nhau, nhưng tôi có cảm giác là anh Thảo luôn luôn bị hantise de persécution. Anh Thảo là người có lập luận rất chặt chẽ và chính cái chặt chẽ đó là một ưu điểm và là nhược điểm của anh ấy. Hình như anh ấy không chú ý gì đến cuộc đời mà anh chú ý đến lập luận của anh nhiều hơn. Tôi có nhớ một hôm đang trên đường đi, thì anh Thảo rủ tôi về nhà. Anh bảo: "Lê Đạt về đây mình cho xem cái tài liệu hay ghê lắm". Thế là tôi về nhà anh ấy, một căn nhà bẩn thỉu, lộn xộn, không có ai chăm sóc gì cả. Bên cạnh ông bố già đang ngâm thơ (cười). Thảo đưa tôi một tài liệu hơn 20 trang, nói rằng: "Đây toa xem xem thế nào. Moa chứng minh rằng Tố Hữu là một tay DB cài lại"-thằng DB tức là thằng mật thám Pháp cài lại - Thì tôi thấy anh chứng minh một cách rất chặt chẽ, anh nói rằng thời xưa, khi Tố Hữu ở trong tù ở Thừa Thiên, đã liên lạc với bố của Trần Duy, lúc đó là phủ thừa ở Thừa Thiên như thế nào; thế rồi tại sao khi Tố Hữu đi lên Điện Biên Phủ đi theo với thằng Pháp

mà không có ai cả. Anh ấy chứng minh một lúc thì xem ra Tố Hữu hoàn toàn là thằng DB. Tôi xem xong trả lại anh Thảo, tôi nói rằng: "Minh không thích cái này lắm!" (cười). Thảo có ý không bằng lòng. Đó là một chuyện của anh Thảo. Anh ấy luôn luôn có những lập luận như thế và luôn luôn bị ám ảnh là có người theo dõi. Từ độ ấy thỉnh thoảng chúng tôi cùng ra thư viện dịch để kiếm tiền. Lúc đó Mỹ đã ném bom đến Hà Nội rồi, tất cả các cơ quan đều sơ tán hết. Thư viện cũng sơ tán, còn ít anh em thôi, thì thường thường khi gặp nhau thì Thảo thường rủ tôi ra đằng sau thư viện để nói chuyện cho kín, Thảo nói rằng: "Toa với moa ra ngoài này nói chuyện cho kín không có công an. Nhiều công an lắm!" Tôi nói chuyện xong hai ba lần, sau tôi mới bảo Thảo: "Ông có biết cái cơ quan mà chúng ta nói chuyện trước cửa là của ai không? Nó là công an. Sở công an dọn về đấy rồi!" (cười).

Tôi có cảm giác là sau này óc anh ấy không được bình tĩnh như hồi tôi gặp đâu. Cho nên những việc anh ấy làm sau này thì tôi thấy là đáng tiếc nhưng cũng có thể hiểu được. Một người luôn luôn suy nghĩ, dần vật... Anh ấy sống rất cô đơn. Và tôi phải nói với chị như thế này: Anh Thảo về nước với một ý định rất rõ rệt chứ không phải là anh ấy không có ý định rõ rệt đâu, anh về nước với ý định là trở thành nhà lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam, vì thế cho nên sau này thỉnh thoảng anh ấy đi bênh vực Lê-nin Lê-niéc cũng là nằm ở trong ý định ban đầu thôi. Nhưng anh ấy không biết là người Việt Nam bao giờ coi một nhà triết học là một nhà lý luận cả. Chỉ có lãnh tụ với nhà chính trị mới là nhà lý luận mác-xít, anh Thảo không thể là nhà lý luận được. Tôi cho đó cũng là một cái vỡ mộng của anh ấy.

**T.K.:** *Thưa anh, còn hai nhà trí thức nổi tiếng trong phong trào nữa là Nguyễn Mạnh Tường và Đào Duy Anh, anh có gần gũi họ không, xin anh cho vài nét về họ.*

**L.Đ.:** Về anh Nguyễn Mạnh Tường thì tôi cũng không gần lắm. Tôi biết một chuyện này: anh Tường là một người rất tốt. Tại vì sau khi mọi việc xong xuôi rồi thì anh Tường là người dạy cháu Vũ về Pháp văn rất chu đáo, mà sở dĩ Vũ sau này nó sang Pháp một cách thuận lợi như thế, một phần công lớn là do anh Tường, mà anh Tường dạy cũng không lấy tiền, tại vì Trần Dần làm gì đủ tiền mà cho Vũ học anh Tường, cho nên anh Tường đối với những người ngày xưa, anh ấy cũng có ý rất tốt.

Thế còn anh Đào Duy Anh thì, anh Đào Duy Anh là một người như thế này: Anh Đào Duy Anh là một người cẩn thận, cẩn thận, giữ gìn, trong danh từ Việt Nam người ta nói đơn giản là hơi nhát (cười). Anh Đào Duy Anh sau khi Nhân Văn xong thì anh ấy làm việc sử, rồi cũng không có gì liên lạc với nhau nữa. Thời trước thì vẫn gặp nhau, thỉnh thoảng gặp nhau, nhưng vì anh Đào Duy Anh là một người lớn tuổi, tôi chỉ đáng tuổi con anh ấy thôi mà đằng sau anh ấy là cả chồng tự vị cao lớn như thế, mà chắc là sức tôi cũng không đủ vác những tự vị của anh ấy. Nhưng tôi vẫn nhớ một chuyện về anh Đào Duy Anh mà tôi muốn kể với chị, về cái tình cảm của những người Nhân Văn như thế nào. Tức là đã lâu lắm, mấy chục năm tôi không gặp anh Đào Duy Anh nữa, tại vì nhà anh ấy ở rất xa, mà anh ấy lại ở thể hệ khác, mình chẳng có cái gì mà bàn với anh ấy cả. Và hai là, anh ấy không muốn tiếp xúc với những người Nhân Văn cũ, anh rất ngại. Sau này, vì tình hình nó mở ra, thì hôm ấy Mặt trận Tổ quốc tổ chức ngày sinh nhật thật trọng thể 80 năm của anh Đào Duy Anh. Chị còn lạ gì tôi, tôi không thích đến những cuộc đông đảo như vậy bao giờ cả, tính tôi là người như thế. Tôi đã đắn đo lắm, thì anh Đào Duy Anh có nói với em anh ấy là Đào Phan, Đào Phan là bạn tôi, bảo rằng: "Thế nào cũng bảo Lê Đạt tới". Khi anh ấy nói như thế thì nhất định là tôi phải tới rồi. Đào Phan có dẫn tôi đến chỗ ông Đào Duy Anh, đông lắm, mọi người những học trò rồi là những người lâu lắm mới lại gặp, ông Đào Duy Anh xuất hiện thì mọi người quý lắm, tôi có đến chào anh Đào Duy Anh thì anh Đào Duy Anh quay lại ngay. Tôi nói: "Chào bác, thế nào bác còn nhớ tôi không?" Thì anh Đào Duy Anh có nói một câu mà tôi rất cảm động: "Làm sao mà quên được, bực công an chứ gì!" Thì tôi mới biết là trong mấy chục năm nay ông ấy không bao giờ quên mình cả! Đây là cái quan hệ giữ tôi và anh Đào Duy Anh. Như thế những người ở trong Nhân Văn ấy, mặc dù không gần gũi nhau như trước nữa nhưng trong thâm tâm người ta vẫn dành một chỗ nào nhất định để đối xử với nhau. Đó là một tình bạn rất hiếm ở một nước như nước Việt Nam.

## VII. Sự tìm tòi một con đường mới cho thơ ca Lê Đạt

Hậu bán thế kỷ XX, trong 4 nhà thơ lớn có công cách tân thi ca Việt Nam: miền Bắc là Trần Dần, Đặng Đình Hưng, Lê Đạt, miền Nam là Thanh Tâm Tuyền, thì có ba người thuộc phong trào Nhân Văn Giai Phẩm. Tại sao như vậy? Đó là câu hỏi mà thế hệ mai sau còn nhiều dịp để tìm lời giải đáp. Ở đây, nhà thơ Lê Đạt sẽ nói về hành trình cách tân thơ của ông bên cạnh hai người bạn: Trần Dần và Đặng Đình Hưng.

**T.K.:** *Thưa anh Lê Đạt, có thể nói sự thay đổi thi pháp của anh là kết quả của một hành trình dài, bắt đầu từ việc đọc sách ở thư viện thập niên 70. Vậy trước tiên xin anh kể lại việc đọc sách này.*

**L.Đ.:** Đọc ở thư viện khó lắm chị ạ, thư viện khoa học xã hội nhiều sách hay nhưng chỉ dành riêng cho những người làm việc nhà nước thôi, cán bộ nghiên cứu thôi. Tôi thì lúc ấy đã về hẳn rồi, tuy vẫn còn kỷ luật nhưng không phải cái mười năm lưu lạc giang hồ nữa rồi. Tôi phải nói khéo với cơ quan cho tôi xin một cái giấy vào đây tôi đọc, tại vì lâu lắm rồi tôi không được đọc sách. Lúc đó cũng may rằng anh em Việt kiều ở Paris vừa biểu Việt Nam một loạt sách về hoạt động những năm 50 của Pháp, tức là những năm sôi nổi nhất về hoạt động trí tuệ Pháp, nào là phái cấu trúc, nào là phái phê bình mới, Roland Barthes... thì tôi phải cố gắng xin một giấy phép. Xin cũng khó lắm chị ạ. Đọc sách ở nước Việt Nam cũng khó lắm chứ có phải dễ đâu. Đáng nhẽ mọi người vào, là cứ xin giấy rồi vào thôi. Còn giấy tôi xin thì cũng phải độ bảy hôm người ta mới trả lời là ông đọc được. Thì tôi đã được đọc sách và tôi cho đó là những ngày hạnh phúc nhất của đời tôi. Tôi đọc mười giờ một ngày, tức là buổi sáng tôi ăn sớm rồi tôi đọc đến trưa, trưa xong tôi lại tiếp tục đọc đến chiều, về nhà tôi phải ăn cơm nguội cơ mà. Cho nên lúc đó ở Hà Nội nó đã đồn là ông Lê Đạt giàu lắm vì lúc đó không ai ra thư viện đọc sách để học cả, mà người ta ra thư viện đọc sách để dịch. Một người mà suốt ngày ở thư viện tức là dịch được nhiều tiền lắm!

Tôi đọc lại những sách mà thuở nhỏ tôi đã đọc và tôi lại đọc những sách lúc bấy giờ đang sôi nổi ví dụ như là về structuralisme này, về linguistique này, về nouvelle poésie française v.v... Tôi cho đó là những năm tốt đẹp nhất của đời tôi; lâu lắm tôi mới được đọc thế. Sau đó thì thư viện họ quen tôi và họ đối với tôi rất tử tế. Lúc ấy anh Thảo cũng ra, anh Trần Dần thì đầu người ta thuê anh ấy dịch Althusser, anh ấy cũng ra thư viện đó để dịch, thế là ba anh em lại gặp nhau và lúc đó ở Hà Nội người ta đã sơ tán cả rồi. Một hôm tôi đến mượn sách thì chị thủ thư rất buồn, bảo: "Bây giờ ban giám đốc vừa ra một cái lệnh bác không được đọc sách nước ngoài nữa, chỉ đọc sách tiếng Việt thôi". Sau tôi mới hỏi ra thì là thế này: Cái ông phụ trách thư viện là một ông thiếu tá vừa chuyển ngành, ông ấy nghĩ bụng là bây giờ mọi người đều đi sơ tán thì còn ai học hành gì nữa, chỉ thấy mấy anh Nhân Văn Giai Phẩm trong này, chắc nó bàn chuyện bậy bạ gì cho nên, việc thứ nhất là: thôi, không nên cho chúng nó đọc nữa. Nhưng Thảo thì được cái giấy ở trên, đang nghiên cứu về hiện tượng học đó, thì anh ấy được đọc. Còn tôi không có giấy đặc biệt gì cả thì họ không cho tôi đọc tiếng Pháp nữa. Tôi phải rời cái thư viện ấy, sau khi tôi đã đọc coi như gần hết thư viện đó rồi, thì để chị biết là ở Việt Nam đọc sách cũng khó khăn lắm.

**T.K.:** *Như vậy có thể nói rằng chính sự đọc sách ở thư viện đã dẫn anh đến chỗ quyết định phải thay đổi thi pháp của mình, thưa anh có phải như vậy không?*

**L.Đ.:** Không, quyết định ấy có từ lâu rồi. Quyết định từ lâu rồi. Tức là sau Nhân Văn, tôi không được làm thơ nữa, không được in thơ nữa cho nên tôi phải nghĩ rất nhiều về thơ của mình, tôi phải tìm một cách khác. Dần dần tôi đã đi xa, càng ngày càng xa Maiakovski: Tại vì tôi thấy chính Maiakovski là người đã đóng góp rất nhiều vào cái sai lầm của chủ nghĩa Cộng Sản, cho nên càng ngày tôi càng tách xa Maiakovski nhưng chưa tìm được cách nào để tôi đi cả. Lúc bấy giờ thì những anh em cũ như Trần Dần, Đặng Đình Hưng... Đặng Đình Hưng, sau năm 60, do sự giúp đỡ của anh Trần Dần, thì Đặng Đình Hưng đã có một số những thành tựu nhất định. Anh Dần, anh Hưng, các anh ấy đình ninh đã tìm thấy đường rồi, còn tôi thì vẫn chưa tìm

thấy đường gì cả. Tôi nhớ có một hôm, năm ấy vào khoảng năm 65, ba người uống rượu với nhau, Hưng không biết là tỉnh hay say, hay là giả say thì không biết, mới nói rằng: "Cậu không bao giờ có thể làm thơ hay được cả tại vì cậu tỉnh quá". Thì tôi đứng dậy nói: "Cũng có thể mình không thể làm thơ hay được nữa, nhưng mà mình không muốn mất cái sự tỉnh táo". Và tôi chia tay với họ. Sự chia tay ấy chắc mọi người không biết được, tại vì chỉ chia tay trong ba người thôi. Nhưng lúc ấy tôi rất buồn, tại vì chỉ còn có ba người thôi mà không trụ được với nhau, lại phải chia tay. Mà tôi nhất định không thể ở lại được nữa. Tại vì ở lại thì hoặc là tôi theo họ, mà tôi không thích. Lúc bấy giờ tôi buồn lắm. Trong bốn, năm năm trời tôi không làm bài thơ nào cả. Tôi làm những cái người ta gọi là tập, exercices, con con nhưng không làm bài thơ nào cả.

Thường thường là cứ đến ngày Noel, anh em hay gặp nhau; gặp nhau thì làm một bữa rượu, ngồi uống rượu. Những buổi đó bao giờ cũng có đủ: tôi, anh Dần, anh Hưng và anh Hoàng Cầm. Uống rượu được một lúc thì anh Hoàng Cầm thường đọc bài đề từ của Chu Mạnh Trinh mà Hoài Nam Tử dịch trong đó có một câu rất nổi tiếng là Cánh hoa rụng chọn gì đất sạch đó. Anh Cầm ngâm bài ấy cực hay và rất buồn. Sau đó thì các ông ấy uống rượu, uống rượu rồi bàn hết khôn rồi ra đại. Thường những lúc ấy tôi hay đứng dậy, lặng lẽ một mình tôi bỏ về. Bỏ về như vậy làm anh em khó chịu nhưng tôi thấy không thể tiếp tục mãi như thế được. Trong đám ấy, lúc bấy giờ tôi lại trở nên một kẻ bị bỏ rơi, mà tôi cũng chưa biết là mình sẽ đi đến đâu cả, con đường trước mắt chưa biết thế nào, nhưng chắc chắn là tôi không đi con đường của hai anh ấy.

**T.K.:** *Xin anh nói về con đường đi của hai anh Trần Dần và Đặng Đình Hưng.*

**L.Đ.:** Tôi thấy anh Dần từ xưa đến nay vẫn là người mê chữ từ lâu rồi, cho nên anh Dần vẫn tiếp tục con đường của anh ấy. Còn anh Hưng thì vì anh ấy ở âm nhạc sang cho nên anh ấy có một lợi thế rất nhiều là không bị ám ảnh bởi văn phạm ngôn ngữ như tôi. Anh ấy gặp anh Dần thì hai anh sẵn sàng đi con đường, tức là con đường sau này chị thấy trong thơ anh Đặng Đình Hưng đó; nhưng lúc đầu thì anh Đặng Đình Hưng chưa làm thơ văn xuôi, sau này mới dần dần đi về văn xuôi, do anh ấy không bị, người ta gọi là hạn chế gì, bởi cái văn phạm của những người làm thơ lâu như tôi cả. Vì từ nhạc sang cho nên anh ấy rất dễ dãi và anh ấy thanh thoát lắm. Anh Dần thì có nhiều khó khăn, tại vì anh Dần là một người tìm tòi. Tôi vẫn cho anh Dần là một người có nhiều ưu điểm và nhược điểm của một anh trường môn. Anh ấy hay đề ra lý luận trước để anh ấy theo sau, thí dụ anh ấy đề ra lý luận của cái Mùa sạch ấy là anh ấy theo một lý luận như thế rồi anh ấy cứ làm như thế. Cái đó là ưu điểm của anh ấy, tức là anh gây được một ấn tượng mạnh, nhưng nhiều lúc, nếu chị đọc cẩn thận, nhiều lúc chị cũng thấy là nó hơi khiên cưỡng. Thế nhưng anh Dần cứ tiếp tục đi. Anh ấy với anh Hưng là làm cả thơ vẽ, thơ viết... anh ấy làm rất nhiều thơ lắm. Mà tôi thấy rằng cái đó không hợp với tôi.

**T.K.:** *Thưa anh, có thể nói rằng giữa hai anh Đặng Đình Hưng và Trần Dần cũng có sự khác nhau: sự tìm kiếm của anh Đặng Đình Hưng đã được thể hiện khá rõ ràng qua hai tập Ô mai và Bến lạ, còn anh Trần Dần, qua những gì đã in, người ta chưa thấy rõ được những tìm kiếm của anh Trần Dần. Tập Cổng tỉnh cho thấy sự giàu có trong ngôn ngữ thơ Trần Dần, nhưng vẫn còn có một cấu trúc thơ tương đối cổ điển. Còn tập Mùa sạch, mới chỉ là một thứ thử nghiệm, exercice, chưa thể nói là xong, là một tập thơ hoàn chỉnh. Vậy theo anh, cần phải làm thế nào để giới thiệu toàn diện sự tìm tòi thơ của Trần Dần?*

**L.Đ.:** Cái này thì tôi có hứa với Trần Dần một điều mà tôi chưa làm được, tức là tôi sẽ đọc lại tất cả thơ Trần Dần, tại vì, như chị biết là, sau này, tôi đi tìm con đường của tôi thì tôi cũng không gần anh Dần như ngày xưa nữa, thế và khi tôi đề nghị với anh Dần như thế này thì anh ấy cũng không đồng ý: "Bây giờ thì cậu cũng yếu rồi, cậu yếu rồi thì để mình chọn cho cậu toàn tập, với tất cả những tìm tòi của cậu để người ta có một cái nhìn chung về tất cả những tìm tòi của Trần Dần". Nhưng anh Dần muốn in tập Cổng tỉnh thì tôi cũng phải chiều anh ấy thôi. Nhưng chắc là thế nào cũng có một lần tôi phải prendre en main chuyện này và tôi sẽ đọc lại

hết thơ của anh Trần Dần và tôi sẽ cố gắng làm sao mà xuất bản một tuyển tập của anh ấy, tức là chọn trong cái toàn tập của anh ấy để mọi người có thể thấy được cái tìm tòi của anh ấy như thế nào. Về anh Dần thì rất khó chị ạ, vì mọi người nghe tiếng anh ấy rất nhiều, mà tiếng anh ấy rất to. Tôi rất sợ những tiếng to. Tôi đã nói với Dương Tường đấy, với một người như Dần thì không nên dùng những chữ to quá, như những kim tự tháp, hay... gì, nghe nó mệt quá. Với những người ấy càng cần phải dùng những gì gần gũi hơn, thì tôi rất tiếc. Tôi có nói với cháu Vũ, tức là con anh Trần Dần: "Có lẽ hôm nào hai bác cháu mình phải làm cái việc ấy, tức là chọn lại tất cả các tác phẩm của bố cháu, và trình bày trong tất cả quá trình nó đi như thế nào, để mọi người biết là bố cháu đã tìm tòi như thế nào". Tôi phải nói, anh Dần cũng có cái này không thuận lợi là từ năm bảy mươi mấy anh ấy đã bị nhũ não rồi. Lúc mới nhũ não tức là lúc ấy anh còn làm được, nhức nhức được nhưng mà bệnh ấy cứ dần dần lan ra cho nên cái độ nhạy bén của anh ấy nó cũng sút đi, thành ra bây giờ tôi coi đấy là cái nợ mà tôi phải trả đối với anh Trần Dần. Lúc nào, khi tôi đã xem hết, thì có lẽ tôi sẽ trả lời chị một cách thỏa đáng hơn.

**T.K.:** *Thưa anh, bây giờ xin anh kể về công việc tìm tòi thi pháp mới của anh. Anh đã đi theo con đường tư tưởng như thế nào?*

**L.Đ.:** Thi tôi cứ đọc, đọc lung tung hết, nhất là tôi đọc lại Freud, đọc lại ... rất nhiều mà tôi chú ý nhất đến cái vô thức. Tôi cho là thơ của thế kỷ XVIII nặng về trí tuệ, đến thế kỷ XIX nó trả lại cho con người một dimension nữa, là dimension về tình cảm. Nhưng thế kỷ XIX chỉ đứng ở đấy thôi và đến thế kỷ XX nó mới trả lại cho con người một dimension nữa, tôi cho cái dimension ấy là vô thức, thì tôi đọc lại Freud rất nhiều. Tuy rằng Freud tôi đã đọc từ khi đi học nhưng cũng chỉ đọc một cách vội vã thôi, bây giờ mình đọc lại, sau tôi cũng rất thích Lacan, rồi đọc những Barthes thì ông ấy đều nói tức là phải có một cái gì nó Autre, một cái vô thức, mà lúc ấy thì tôi cũng chưa biết vô thức là như thế nào cả. Lúc ấy tôi thấy các ông structuraliste nói về ngôn ngữ học, kiến thức của mình về ngôn ngữ học kém quá, tôi lại phải lên thư viện trên gác là thư viện khoa học tự nhiên, tôi đọc ngôn ngữ học, tôi đọc Saussure như thế nào, vất vả lắm. Nhất là khi người ta nói về những tự động học thì mình đều phải đọc học lại cả. Ở thư viện trên gác ấy, những gì mình không hiểu thì hỏi những người quen trên ấy, như thế là trong thời gian ấy mình học được rất nhiều, rồi khi nào nó thành hình, tôi cũng không hiểu. Chị là người duy nhất mà nói về thơ tôi rõ ràng hơn tôi. Tôi nói thật đấy, vì khi làm, tôi cũng mù mờ cả thế thôi, tôi chỉ nghe, chỉ dựa vào một câu của Lacan nói, tức là: "L'inconscient est structuré comme un langage." Tóm lại, tôi tìm học ngôn ngữ rất nhiều, nhưng càng ngày càng đi, tôi càng thấy: đúng, không phải, chính làm thơ tức là chống lại ngôn ngữ (ngôn ngữ mà tôi nói ở đây là linguistique chứ không phải la langue). Nếu mà làm thơ theo ngôn ngữ thì vứt đi. Nhưng mà mình phải biết nó thì mình mới chống lại nó được.

Chính tôi làm lúc đầu cũng run tay lắm, tại vì mình thấy tự nhiên mình nói một cái ngôn ngữ gì, nó không phải là ngôn ngữ của mọi người. Ở Dần ở Diéc tôi còn thấy cái ngôn ngữ là ngôn ngữ của mọi người. Một điểm đầu tiên là tôi không đưa thơ cho Dần và Hưng xem như ngày xưa nữa, tại vì tôi nghĩ: đưa cho họ cũng chẳng có tích sự gì, họ lại góp ý, có khi mình lại phải theo ý kiến của họ mà mình chưa tin thì làm sao mình theo họ được. Sau này, khi tôi in mấy bài rồi (khi đã phục hồi rồi), thì Dần có lên gặp tôi, nói rằng: "Được, nhưng mà hơi kỹ quá". Tôi cũng không hiểu là anh ấy có ý gì, tôi cũng không hỏi nữa, mà lúc ấy tôi đã thành hình rồi, tôi chắc không ai thay đổi tôi được nữa.

Tóm lại là tôi thấy cần phải có vô thức thôi, mà tôi đi tìm nó. Tôi không có cái đỉnh ninh của người trường môn, cho nên lúc nào tôi cũng lo lắng, hỏi hớp, chắc chị biết đó. Cho nên đến khi tôi đọc bài Tạo sinh của chị thì tôi mới lại tiếp tục nghiên cứu lại những bài mà tôi được đọc để cho nó sáng tỏ ra (cười). Không, tôi nói thật đó (cười) chứ còn khi tôi viết thì đúng là tôi cũng không có nghĩ gì, lẽ dĩ nhiên tôi là một người nặng về lý luận, cũng như anh em đều cho tôi là một người lý luận rồi, nhưng mà nói một cách rõ ràng, formuler một cách rõ ràng như thế thì đúng là lúc đó tôi cũng chưa formuler được. Tôi đã đọc Saint-John Perse, tôi đọc René Char, tôi đọc Francis Ponge, nhất là Ponge, tôi đọc rất nhiều. Tôi thấy công lao của Ponge về vấn đề

ngôn ngữ nhiều lắm. Nhưng mà theo tôi, thì mình phải đi xa hơn họ. Trong lúc đó tôi đọc cả Nouvelle poésie française, tôi cũng đọc lại thơ Đường rất nhiều và trong thơ Đường nhiều cái rất hay mà tôi thấy nhiều lúc nó rất hiện đại cho nên trong thâm tâm tôi, tôi vẫn muốn làm thế nào mà có thể kết hợp được thơ Á Đông với thơ Tây phương. Đó là một chủ trương, nhưng tôi không biết chủ trương ấy phải thực hiện như thế nào thôi. Tại vì tôi không thích những người thời xưa, cái gì mình cũng ca ngợi Tây phương hết lời, đến khi người Tây phương ca ngợi Á Đông thì mình lại cho Tây phương là vớ đĩ, chỉ có Á Đông mới là sang trọng. Tôi cho rằng Á Đông cũng sang trọng mà Tây phương cũng sang trọng, nghĩa là mình biết như thế nào thôi. Cho nên điều mong muốn nhất của đời tôi - không biết có thực hiện được không - là làm sao tôi có thể làm được những câu thơ mang tất cả những tìm tòi của Tây phương kết hợp với những tìm tòi của Đông phương, thì đó là con đường đi thơ của tôi. Đến đâu thì chưa biết.

**T.K.:** *Thưa anh, thơ anh còn một đặc điểm khác hẳn thơ của những người khác, đó là anh dùng ít chữ lắm và thơ anh không rõ nghĩa như thơ những người khác. Cho nên đọc thơ anh không phải là dễ. Vậy xin anh giải thích thêm một chút về vấn đề này.*

**L.Đ.:** Tôi đã nói với chị cái đạt được ấy nhiều khi nó cũng vô thức lắm. Tôi rất thèm muốn được có cái hữu thức sáng suốt như anh Trần Dần, vốn tôi lại không có. Nhưng trong khi tôi nghĩ, tôi đi tìm cái vô thức ấy, thì tôi đọc rất nhiều, không những tôi đọc thơ Đường, đọc nouvelle poésie Pháp, mà tôi còn đọc rất nhiều ca dao, và đặc biệt là những bài hát trẻ con. Tôi thấy là cái chữ nghĩa ấy mà hình như là người ta tách nó ra khỏi cái nguồn gốc sinh thành của nó quá; vì thế cho nên chị xem trong thơ tôi có rất nhiều nguyên âm, hình như là cái chữ nó nấn ná lắm, chưa muốn ra khỏi cái nôi của mẹ nó. Tôi vẫn cho rạch ròi là bệnh xấu của thơ. Tôi thấy hình như chữ nó gần gũi với nhau lắm và nó không muốn chia tay nhau ở trên một trang giấy, thành ra, chị xem, thơ tôi hay lẫn lộn và hay có nhiều nguyên âm. Tôi vẫn cho rằng, mỗi câu thơ ấy, thường những chữ nó đều ở ngã ba, ngã tư chữ cả. Khi đọc những ngôn ngữ cổ, tôi thấy ngôn ngữ cổ rất ít tiếng, đôi khi một tiếng có hai nghĩa trái ngược hẳn nhau, tôi rất thích cái ngôn ngữ như thế tại vì hình như ngôn ngữ càng ngày càng muốn rạch ròi quá. Riêng tôi, tôi vẫn nghĩ hình như cái chữ khi nó ra khỏi im lặng, nó vẫn tiếp tục sự im lặng đó. Không biết chị đọc thơ tôi chị có thấy thế không, nhưng mà thơ tôi, những cái chữ nó ra, hình như nó đều bắt đấm dĩ cả và nó nối tiếp cái im lặng mà ở trong đó nó thoát thai ra. Vì thế đọc thơ tôi nhiều người nói câu này, không biết chị có đồng ý không: "Thơ như một người nói nhịu ấy". Mà nếu nói nhịu như thế thì hay tại vì, chắc là như chị cũng biết Freud phát hiện được cái vô thức là do nghiên cứu cái nói nhịu ấy thôi. Thì tôi cho rằng qua cái nói nhịu ấy, may ra mọi người phát hiện được cái vô thức của mình thì cũng rất tốt.

**T.K.:** *Thưa anh, câu chuyện đã dài, xin anh một lời kết thúc cho toàn bộ câu chuyện dài về Nhân văn Giai Phẩm của chúng ta.*

**L.Đ.:** Tôi muốn nói mấy điểm thế này chị ạ, chị thấy cái thời gian sống của Nhân Văn nó không lâu, chỉ có mấy tháng gởi thôi, mà cũng chỉ có mấy số báo thôi, nhưng làm sao nó để lại một ảnh hưởng sâu đậm như thế? Làm sao chỉ có mấy người (lúc bắt đầu Giai Phẩm Mùa Xuân chỉ có mấy người) mà mấy người cũng rất trẻ, sau đó phong trào Nhân Văn trở thành một phong trào rộng lớn, một bên là phong trào sinh viên rất đông, hai là một số giáo sư đại học, tất cả thành hình như là một giới trí thức nói chung. Mà chẳng có bộ máy gì cả, chẳng có quyền lợi gì cả, không hứa hẹn gì cả, chẳng có văn chương cho ai cả, chỉ có một đám người như thế đứng lên, thì cái đó là điều làm cho mình phải suy nghĩ lắm. Như thế mới thấy là cái khao khát của những người trí thức muốn đóng góp cho đất nước rất sâu sắc. Lúc bấy giờ mọi người đều đóng góp, có được tiền nong gì đâu, mà đóng góp lúc ấy rất nguy hiểm. Thì tôi thấy những người lãnh đạo nước Việt Nam phải lưu ý: Tại làm sao, thời ấy, một nhóm người rất nhỏ có thể huy động được nhiều trí thức như thế? Làm sao một bộ máy lớn như bộ máy nhà nước mà không huy động được trí thức trong vấn đề xây dựng đất nước, bây giờ? Nếu những người lãnh đạo đất nước bỏ tất cả những bực dọc, bỏ tất cả những định kiến đi, mà suy nghĩ về vấn



đề Nhân Văn Giai Phẩm, tôi chắc họ cũng học được rất nhiều, nhất là bây giờ người ta đang nói nhiều đến chất xám. Chất xám trở thành một cái vốn rất lớn, nhưng sự huy động chất xám chưa được bao nhiêu cả. Thế mà làm sao thời kỳ Nhân Văn chỉ có một nhóm người mà huy động được một cái chất xám lớn lao như thế? Mà chỉ trong một thời gian ngắn đã trở thành một lực lượng thực sự. Nếu những người có thẩm quyền của nước Việt Nam bây giờ thực sự suy nghĩ về thời kỳ Nhân Văn Giai Phẩm, để làm sao có thể huy động được giới trí thức lớn lao như vậy thì đất nước sẽ khá hơn nhiều.

Tại sao bây giờ tất cả những người ở trong nước lại tránh nói đến vấn đề Nhân Văn Giai Phẩm? Nó là vấn đề lịch sử đã qua rồi. Chúng ta có thể rút kinh nghiệm cho những ngày tới. Tôi thấy việc ấy nên làm lắm. Không ai có thể tịch thu được lịch sử cả tại vì lịch sử sống dài hơn một con người, lịch sử sống dài hơn một chế độ. Thà mình biết trước, mình làm cho nó thỏa đáng, nó lịch sự bao nhiêu không. Bây giờ mình cứ để cho đến lúc mà... thường thường bao giờ người ta rút kinh nghiệm lịch sử thì bao giờ cũng quá muộn.

**T.K.:** *Xin cảm ơn nhà thơ Lê Đạt.*